

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

Manh Tử

LINH HỒN CỦA NHÀ NHO

PHÙNG QUÝ SƠN dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1995



TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

*Phạm
Sơn 30*

Manh Tử

LINH HỒN CỦA NHÀ NHO

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1995

**MẠNH TỬ -
LINH HỒN CỦA NHÀ NHO**

ƯT NIAM
ONH ANH A NHU



Lời giới thiệu

Mạnh Tử tên là Kha, tự là Tử Dư. Người nước Trâu (nay là huyện Trâu tỉnh Sơn Đông), sống vào thời Chiến quốc. Mạnh Tử là nhà tư tưởng và nhà giáo dục. Ông thọ nghiệp của đấng Khổng Tử trở thành nhà tư tưởng tiêu biểu cho học thuyết Nho gia.

Thời trai trẻ Mạnh Tử thừa kế học thuyết Nho giáo của Khổng Tử đi truyền bá đến các nước chư hầu, học giả các nước cho rằng học thuyết của ông "cổ hủ xa vời", nên không được người tin dùng. Sau đó, ông trở về nhà mở lớp dạy học và cùng với đệ tử viết sách. "Mạnh Tử" là một trong trước tác Nho học kinh điển của ông. Ông nêu ra thuyết "Dân quý Quân khinh", nghĩa là quý dân khinh vua. Ông chủ trương "Pháp tiên Vương", nghĩa là luật pháp phải đứng trên vua. "Hành nhân chánh", nghĩa là phải thực hiện nền chính trị "nhân từ". Ông đề ra "Nhân giả vô địch", nghĩa là người phải có "nhân từ" là vô địch. "Đắc đạo đa trợ", nghĩa là được Đạo thì cần phải giúp đỡ nhiều người hơn. Ông còn chủ trương giảm hình phạt, nhẹ thuế liêm, để dân không bị đói. Nhưng ông lại cho rằng : "... kẻ lao tâm trị người, kẻ lao lực bị người trị. Trị người thì được người nuôi, bị người trị thì phải nuôi người, ấy là nghĩa thường tình trong thiên hạ vậy". Đây rõ ràng là thứ tư tưởng có lợi cho giai cấp thống trị đương thời. Nhưng nổi bật hơn hết vẫn là tư tưởng triết học Nho giáo là "Tính thiện luận", nghĩa là luận bàn về "tính thiện" trong thiên hạ. Ông cho rằng người sinh ra vốn được trời ban cho cái "Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí" với thiên chức "Lương tri" và "Lương năng", (đấy cũng là một thứ triết học duy tâm thời cổ đại). Tuy rằng ông rất coi trọng sự ảnh hưởng của môi trường, hoàn cảnh và giáo dục của xã hội, gia đình đối với con người, nhưng kỳ thực, tư tưởng chủ thể của ông vẫn là cường điệu tác dụng của cái chủ

quan tinh thần, cho rằng đường “khiết nhiên chi khí”, nghĩa là đường khí tinh khiết trong tự nhiên, phải thông qua “nội cầu”, nghĩa là thông qua yêu cầu của nội tại, thì mới có thể nhận thức được ngay tất cả. Như vậy có thể đạt tới “vạn vật giai bị y ngã ai”, nghĩa là vạn vật đều có cái “tôi” trong đó. Bởi lẽ Mạnh Tử lấy cái “nhân” của học thuyết Khổng Tử làm hạt nhân cho học thuyết Nho giáo của mình, vận dụng vào đời sống chính trị đương thời, nhằm phát triển sâu rộng đạo lý của Khổng Tử. Cho nên người đời sau tôn ông là “Á Thánh” (xếp hạng thứ Thánh nhân).

Tập MẠNH TỬ — linh hồn của Nho gia, người biên soạn đã cố thu tóm toàn bộ tư tưởng triết học của MẠNH TỬ từ nguyên bản cổ văn thành lời văn bạch thoại, hết sức súc tích, cô đọng. Do Phùng Quý Sơn cử nhân Trung văn, cử nhân văn chương, cán bộ giảng dạy Trung văn của trung tâm ngoại ngữ Đại học sư phạm TP.HCM dịch từ bản tiếng Hán bạch thoại. Trần Kiệt Hùng là cán bộ nghiên cứu và giảng dạy văn học Trung Quốc, phó chủ nhiệm khoa Trung văn trường Đại học sư phạm TP.HCM hiệu đính và giới thiệu.

Người dịch và người hiệu đính mặc dù đã bỏ nhiều công sức, cố gắng đảm bảo chính xác, nhưng chắc chắn không tránh khỏi những sai sót nhất định, bởi lẽ lời văn, điển tích, chữ cổ quá nhiều, tra cứu gặp không ít khó khăn.

Rất mong nhận được sự góp ý của các nhà nghiên cứu và độc giả.

TM. Nhóm dịch và hiệu đính

Trần Kiệt Hùng

Mục Lục

Chương I : THỜI NIÊN THIẾU.

- 1/ Nhà quý tộc sa sút.9
- 2/ Đi theo giáo phái nhà Nho 15
- 3/ Thời đại bất yên. 20

Chương II : DÒNG HỌ HY VONG.

- 1/ Xuất kiến Lương Huệ Vương 31
- 2/ Người nhân đức vô địch. 38
- 3/ Bậc trượng phu chân chính. 47

Chương III : NƯỚC TỀ — TRẠM THỨ HAI CỦA CUỘC HÀNH TRÌNH.

- 1/ Cuộc đối thoại giữa Vương đạo và Bá đạo. 56
- 2/ Kiên trì chủ nghĩa nhân đạo 66
- 3/ Sự mạnh mẽ của tư tưởng dân chủ. 77

Chương IV : LỜI KHÁNG NGHỊ.

- 1/ Khí Hạo Nhiên. 87
- 2/ Có thể cách mạng được không ? 95
- 3/ Những suy nghĩ hiếu thảo sâu sắc. 101

Chương V : CHỦ NGHĨA LÝ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC.

- 1/ Người nước Tề đánh chiếm nước Yên. 110
- 2/ Kẻ gây chiến phản bội. 118
- 3/ Kẻ sĩ và kẻ thù. 122

4/ Ngoài ta còn ai ?	129
Chương VI : BẢN TÍNH CON NGƯỜI.	
1/ Lương tri bị lãng quên	138
2/ Con người vốn tính thiện ?	142
3/ Tìm về cái Tâm vốn có đã lạc hướng.	152
Chương VII : TAM ĐỘ THƯỢNG LỘ.	
1/ Hình tượng mới của kẻ sĩ	162
2/ Ý thức lo âu	169
3/ Nam du Tống quốc.	173
4/ Trở về quê hương.	182
Chương VIII : NGƯỜI GÌN GIỮ CÁI ĐẠO CỦA BẠC THÁNH HIỀN.	
1/ Trước hoàn cảnh khó khăn hiện thực.	191
2/ Ta há chỉ ưa tranh luận ?	198
3/ Quảng đời phiêu bạt.	207
Chương IX : TRỞ VỀ VỚI ĐỜI THƯỜNG.	
1/ Đón nhận bó đuốc.	214
2/ Tưởng nhớ gương bậc Thánh hiền.	219
3/ Cường sĩ và phường đạo đức giả.	226
Chương X : NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI VUI VỚI ĐẠO	
1/ Sự thành thực và lão luyện của triết học	234
2/ Tùy cơ lập giáo.	239
3/ Dấu vết của trí tuệ.	246

Chương I

THỜI NIÊN THIẾU

*Đại nhân giả, bất thất kỳ xích tử chi tâm già dã
(Người quân tử phải giữ được cái Tâm của
chính mình như khi mới sinh ra)
Mạnh Tử*

1. Nhà quý tộc sa sút.

Hoàng hôn.

Mạnh Kha, chàng thanh niên khê xóc lại áo, vào nhà chào mẹ rồi bước ra khỏi cổng. Việc đó trở thành thói quen mỗi khi chàng đi dạo.

Ngôi nhà họ Mạnh tuy cũ kỹ và rách nát nhưng so với xung quanh vẫn còn khá khang trang. Phải chăng đó chỉ là những dấu ấn vinh quang từ thuở xa xưa..

Chàng tha thân đi qua cạnh một ngôi trường, có thể thấy rõ từng ô cửa sổ và dãy hàng hiên, dưới những cây cổ thụ cao vút, mấy cụ già đang ngồi nghỉ.

Rẽ theo hướng bên phải con đường ước chừng mấy phút đồng hồ là có thể nhìn thấy dãy phố dài với những mái nhà san sát kề nhau. Buổi sáng nơi đây là một cái chợ

khá ồn ào, nhưng chiều đến lại là nơi thật yên tĩnh. Mạnh Kha thanh thần bước tới cổng thành. Từng toán binh lính nghiêm trang trong hàng ngũ như trước giờ chuẩn bị xuất quân chiến đấu.

Tình thế thời cuộc lại thay đổi. Gần đây chỗ nào người ta cũng sôi nổi bàn tán với nhau về việc quốc gia đại sự. Nghe nói nước Tần, nước Ngụy đang đánh nhau to ở đất Nguyên. Quân Ngụy ra sức chống đỡ nhưng cuối cùng vẫn thất bại thảm hại, dùng một cái cả vùng Sa Lương rộng lớn đều bị chiếm sạch.

Mạnh Kha gật đầu chào một viên chỉ huy trẻ quen biết, theo những bậc đá chàng bước lên bức tường thành. Chàng rất thích đến chỗ này, tuy thành không cao nhưng đủ để cho chàng phóng tầm mắt thả hồn theo con đường từ cổng thành vươn tới những xóm làng, những vùng cây cối mờ nhạt mênh mông xa tít... Và cuối cùng mắt chàng dừng lại một gò tha ma ở phía Tây đang nhuộm đầy ánh nắng vàng nhạt buổi hoàng hôn. Nơi đó in đậm dấu ấn những năm tháng tuổi thơ của chàng.



Khoảng những năm 370 trước Công nguyên, năm đầu Chu Liệt Vương, cách nay hơn hai nghìn ba trăm sáu mươi năm, Mạnh Tử ra đời tại vùng ấp Trâu tỉnh Sơn Đông. Cha mẹ đặt tên cậu là Kha.

Nhà Mạnh là đời sau của dòng họ Mạnh Tôn, quý tộc nước Lỗ. Mạnh Tôn là con của Lỗ Hoàn Công, một trong

Tam hoàn nắm quyền lớn trong triều. Hậu thế sau này chỉ phái nhà Mạnh Tử kẻ đã sa sút nên mới chuyển về ở vùng ấp Trâu. Mạnh Tử sinh ra ở vùng ấp Trâu trở thành người nước Trâu (tên nước Chu trước đây).

Mẹ Mạnh Tử là người phụ nữ hiểu biết lễ nghĩa, hiền từ và nhân ái. Bà thấu hiểu sự sa sút của nhà họ Mạnh nên hết lòng hết sức chăm sóc, hy vọng ở Mạnh Kha. Ngay từ lúc mang thai bà đã rất chú ý đến việc “thai giáo”. Đi, đứng, nói năng, mọi cử chỉ hành động đều vô cùng cẩn thận, kỹ càng. Thai giáo (giáo dục đứa trẻ ngay từ lúc còn trong thai mẹ), cách nói đó từ ngàn xưa truyền lại, bà tin lắm.

Buổi đầu, nhà Mạnh ở một làng thuộc vùng ngoại ô, bên cạnh có một gò tha ma, hàng ngày thường thấy những đám tang đi qua trước cổng và người đến đây chôn cất. Thuở nhỏ, Mạnh Kha thông minh, hoạt bát và thường hay bắt chước. Thế là cậu cùng lũ trẻ xóm giềng diễn lại trò chơi đưa ma chôn cất. Thấy Mạnh Kha chơi vậy, bà Mạnh nghĩ bụng : Hoàn cảnh là vô cùng quan trọng đối với nhân cách của một đứa trẻ, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, không thể xem nhẹ điều này. Cứ thế này mãi, Kha sẽ trở thành đứa trẻ hỗn láo, thô lỗ mất thôi. Chuyển nhà vào trong thành may ra tốt hơn được.

Thế là nhà Mạnh chuyển vào trong thành. Nhưng trong thành lại có hoàn cảnh riêng của nó. Đối với cậu thiếu niên Mạnh Kha, cuộc sống luôn chứa đựng đầy điều mới lạ thích thú. Cách nơi ở không xa là một cái chợ. Buổi sáng

người đến tụ họp rất đông, ồn ào náo nhiệt, nhưng đối với Mạnh Kha và lũ trẻ hàng xóm đó là nơi tha hồ đùa nghịch.

Một hôm, thấy Mạnh Kha và lũ trẻ hàng xóm chơi trò buôn bán, bắt chước khẩu khí của những nhà buôn : miệng rao bán hàng, tính toán giá cả, vẻ mặt khôn khéo lanh lợi. Thấy vậy bà Mạnh nghĩ : Ở gần chợ cũng chẳng tốt gì ! Kẻ buôn bán thường hay hám lợi, người đời vẫn xem thường. Nếu cứ ở đây lâu, con mình sẽ nhiễm nhiều cái xấu, làm sao có thể bồi dưỡng được một nhân cách-thẳng thắn, thanh cao ?

Suy nghĩ, lựa chọn kỹ càng, cuối cùng bà Mạnh lại chuyển nhà đến bên một trường học. Một ngôi trường với lối kiến trúc cổ, yên tĩnh, trang nghiêm. Hàng ngày có thể nghe rõ tiếng đọc bài ngân nga của học sinh, nhìn thấy cảnh thầy trò cùng nhau rèn luyện học hành lễ nghĩa. Mùa thu, mùa xuân còn thấy những buổi họp trường đông đảo và tổ chức long trọng, đến tham dự là những người có thành tích ưu tú, có tiến bộ trong học tập. Tất cả những cảnh đó để lại trong tâm hồn non trẻ cậu Mạnh Kha nhiều ý nghĩa sâu sắc. Cậu học được lễ nghĩa khiêm nhường của bậc hiền lương trường giả, bắt chước theo giọng ngân nga đọc bài của nhóm học sinh. Bà Mạnh thấy vậy rất yên lòng và quyết định ở luôn bên cạnh nhà trường.

Đó chính là câu chuyện mà đời sau hết lời ca ngợi : Mẹ Mạnh Tử ba lần chuyển nhà ở (**Mạnh mẫu tam thiên**)

Ngày trước tám tuổi mới vào lớp một. Khi Mạnh Kha đến tuổi đi học là được đưa đến trường ngay.

Qua một thời gian, sự nhiệt tình học tập của cậu Kha ngày càng sút giảm. Ngồi trong lớp mà trí cậu cứ mơ tưởng đến bầu trời trong xanh tự do bên ngoài, nghĩ tới những con đường ồn ào bên ngoài và những làng quê xum xuê cây lá ở ngoại ô. Việc học hành xem ra chẳng có hy vọng gì. Thấy vậy bà Mạnh buồn lắm. Bà nghĩ : mình hết lòng hết sức, hy vọng rất nhiều ở con, nay nó học hành chẳng ra gì, thật đau lòng biết bao nhiêu. Bà chẳng nói chẳng rằng, giặt phất tẩm vải còn dẹt dờ trên khung cửi và lấy kéo cắt đứt làm đôi. Thấy vậy Mạnh Kha rất ngỡ ngàng, bèn hỏi mẹ vì sao làm vậy ? Bà nói : “Con đi học chẳng yên, giữa đường bỏ dở, giống như mẹ vừa cắt đứt tẩm vải, cuối cùng trở thành đồ vứt đi. Nếu như con chăm chỉ học hành, mong con có được tài cao đức tốt trở thành người chính nhân quân tử, đó là mong muốn lớn nhất của mẹ”.

Sau lần dạy bảo đó, Mạnh Kha bắt đầu phấn đấu học tập, không dám bỏ bê như trước, xây dựng được nền móng tốt đẹp sau này trở thành nhà bác học nổi tiếng. Đó là câu chuyện nối tiếp : **Mạnh mẩu đoạn cơ**, (Bà mẹ Mạnh Tử cắt đứt tẩm vải trên khung cửi).

Bà Mạnh không chỉ chú ý đến hoàn cảnh để giáo dục thói thực chí hướng học tập cho con cái, mà từng cử chỉ hành động hằng ngày của mình đều nêu gương tốt cho con cái học tập.

Có một lần, cậu Mạnh Kha thơ đại thấy nhà hàng xóm giết lợn liền hăm hở chạy về nhà hỏi mẹ :

— Nhà hàng xóm giết lợn để làm gì hả mẹ ?

Đang mải bận công việc, thuận miệng bà Mạnh trả lời : Mời con sang ăn đây. Xong câu nói, bà giật mình hồi hận. Ngay từ lúc hoài thai đứa trẻ, bà đã chú ý đến việc giáo dục thai nhi, muốn dốc hết lòng giáo dục bồi dưỡng đứa trẻ. Nay con đã bắt đầu khôn lớn lẽ nào làm mẹ lại nói lời không thực đối với con. Đó chẳng phải giáo dục cho con cái không nên tin lời cha mẹ sao ? Nghĩ vậy bà Mạnh đích thân sang tận nhà hàng xóm mua thịt về nấu cho con ăn.

Những mẫu chuyện trên đều là chuyện quá khứ của một thời thơ ấu. Chàng thanh niên Mạnh Kha đứng trên bức tường thành mắt dõi về phía xa xăm, thả hồn hồi tưởng lại quá khứ và nghĩ tới những sự kiện mới đây.

Màn đêm dần buông, Mạnh Kha theo lối cũ trở về nhà...

Cách đây không lâu, Mạnh Kha lấy vợ. Rồi một hôm, chàng từ bên ngoài vội vàng trở về, nhìn thấy vợ một mình bó gối khoan chân ngồi giữa nhà. Thấy vậy Mạnh Kha lấy làm không vui, bèn nói với mẹ : Vợ con chẳng hiểu lẽ nghĩa, con muốn bỏ cô ta.

— Cớ sao vậy ? Bà Mạnh ngỡ ngàng hỏi lại Mạnh Kha

Mạnh Kha bèn kể hết một lượt sự việc cho mẹ nghe. Nghe xong bà Mạnh hỏi con :

— Thế trước lúc vào phòng con có gõ cửa hoặc lên tiếng trước không ?

— Không ạ !

— Thế là con chẳng hiểu lẽ nghĩa, sao lại trách vợ con

nhì ? Sách nói về lễ chãng đã dạy rằng : Khi đến cửa phải hỏi có người hay không ? Khi từ nhà dưới lên nhà trên phải đánh tiếng lớn, lúc vào phòng phải quan sát kỹ, phải tôn trọng việc riêng của người khác, đừng để người ta không kịp trở tay, càng không được lấy đó mà trách móc người ta. Vừa rồi trước lúc vào phòng, con không gõ cửa trước, lại cũng không đánh tiếng hỏi, đó chãng phải là lỗi của con sao ?

Mạnh Kha nghe xong, biết mình không đúng, bèn nhận lỗi, bỏ ngay cơn tức giận.

Câu chuyện tuổi trẻ của Mạnh Kha và sự giáo dục của bà Mạnh có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Từ những việc nhỏ suy ra việc lớn, sau này Mạnh Kha trở thành Thánh hiền của muôn dân (được chúng dân tôn xưng là Á Thánh Mạnh Tử) có phần đóng góp rất lớn từ sự dạy dỗ hàng ngày của bà Mạnh.

2. Đi theo học phái nhà Nho.

Thời Mạnh Tử phong trào du học đang phát triển rất thịnh. Lúc đó một thanh niên có chí khí, có hoài bão không thể không hướng tới sự vinh quang chói lọi : “Bổ y khanh tướng”. Muốn đạt được điều này đòi hỏi phải có tri thức phong phú, suy nghĩ sâu rộng và khả năng diễn đạt tốt. Rất nhiều thanh niên từ già quê hương đến những mảnh đất xa xôi tìm tòi tri thức, để được tiếp cận với các nhà tư tưởng mà mình tôn kính. Trong không khí của thời đại như vậy, chàng thanh niên Mạnh Kha luôn ngưỡng vọng, ấp ủ, mong

muốn được đến nước Lỗ tự mình tìm hiểu nền văn hóa nho gia ở đây.

Những ngày ở quê hương tuy được tiếp thụ sự giáo dục của nhà nho, quen thuộc với sách vở ngôn luận của Khổng Tử nhưng chàng vẫn cảm thấy chưa đủ. Nơi cội nguồn của nền văn hóa nho gia chính là ở nước Lỗ, hơn thế ở đó còn lưu giữ những di sản của Khổng Tử. Điều quan trọng hơn cả, ở đó còn có những người dạy học theo giáo phái Khổng Tử mà Mạnh Kha có thể tiếp xúc cùng họ được.

Năm 479 trước Công nguyên, ước chừng trước một thế kỷ Mạnh Tử ra đời thì Khổng Tử mất. Trước thời Khổng Tử đã hình thành đội quân dạy học rất mạnh, đặc biệt là sau thời kỳ Khổng Tử chu du các nước trở về, có rất nhiều người từ các nước khác mộ danh mà tìm đến tập hợp lại thành đội ngũ những người dạy học. Mộ Khổng Tử được táng tại "Tứ Thủy Biên" bắc thành nước Lỗ. Cảm kích công dạy dỗ của người thầy vĩ đại, Tử Cống đề nghị tất cả môn đệ đề tang Khổng Tử trong ba năm. Đề nghị này được mọi người chấp nhận. Tử Cống dựng một gian nhà nhỏ bên cạnh mộ Khổng Tử, dần dần rất nhiều môn đệ khác cũng dọn đến ở xung quanh mộ Khổng Tử. Tất cả có hơn trăm nhà, hình thành một làng gọi là : thôn Khổng.

Thời gian ba năm trôi đi rất nhanh, trong số đệ tử người thì ở lại kẻ thì ra đi. Kẻ ra đi tìm đến các nước chư hầu tìm kiếm thực hiện lý tưởng, có kẻ trở thành thầy dạy các bậc khanh tướng chư hầu, nổi tiếng nhất là Tử Hạ và Tử Cống. Cũng có người trở thành thuộc hạ thân cận của

các bậc sĩ phu.

Số đông còn lại âm thầm theo nghề dạy học truyền đạo. Cứ như thế tư tưởng của Khổng Tử được truyền bá đi khắp mọi nơi.

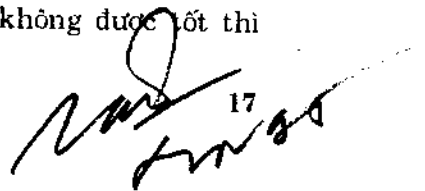
Khổng Tử từng nói : Tử Cống có tài năng kinh doanh không muốn làm quan chịu sự câu thúc gò bó, muốn tự mình kinh doanh buôn bán, mỗi khi dự tính tình hình thương trường quả mười không sai một. Tử Cống dựa vào tài năng của mình kinh doanh phát đạt. Trong các chư hầu thường lui tới có rất nhiều chư hầu là bạn cũ của ông ta. Có thời ông ta từng làm khanh tướng nước Vệ. Đó chính là điều đặc ý và danh tiếng lớn của ông ta.

Khác hẳn hoàn toàn với Tử Cống là Nguyên Hiến. Sau khi Khổng Tử mất, Nguyên Hiến ẩn dật tại một vùng quê hẻo lánh, ở trong một căn nhà lá tồi tàn chật hẹp, nhưng ông ta chẳng hề để ý đến điều đó, chỉ chú ý vào việc tu đức. Một hôm chàng Tử Cống đại phú quý nghĩ đến người bạn cũ này, liền đánh một cỗ xe ngựa lộng lẫy cùng với đám kẻ hầu người hạ, ăn mặc sang trọng, rầm rộ kéo đến nơi Nguyên Hiến ẩn dật. Con đường nhỏ chật chội, cỗ xe ngựa không vào lọt được. Tử Cống đành phải xuống xe đi bộ. Lúc này Nguyên Hiến mặt mày xanh xao, dáng vẻ tiêu tụy áo quần rách nát đứng ở ngay lối cổng đón tiếp. Thấy vậy Tử Cống hỏi :

“Ngài đang bị bệnh sao ?”

Nguyên Hiến trả lời :

“Ta nghe nói : cuộc sống vật chất không được tốt thì

17

gọi là “bần”. Đọc sách học đạo mà không có chỗ thực thi mới gọi là “bệnh”. Giống như ta chỉ là “bần” sao gọi là “bệnh” được ?

Tử Cống nghe câu nói có điều cảm thấy không vui, do đó ông chỉ hần huyên qua loa một lúc rồi ra về.

Đương thời, người truyền giáo chân chính của đạo Khổng Tử đầu tiên phải kể đến Tử Hạ. Tử Hạ kém Khổng Tử 44 tuổi. Khổng Tử hy vọng rất nhiều ở Tử Hạ, ông từng nói : “Người phải trở thành nhà nho quân tử, không thể trở thành kẻ nho tiểu nhân được”.

Sau khi Khổng Tử mất, Tử Hạ trở về Tây Hà dạy học truyền đạo, danh tiếng nổi cả một vùng.

Lúc đó Ngụy Văn Hầu muốn nước giàu quân mạnh, đứng lên chiêu mộ hiền tài, đã từng được Tử Hạ giảng giải về “Ngũ kinh lục nghệ”, và nhận Tử Hạ làm thầy, đồng thời vô cùng kính trọng Tử Hạ. Học vấn của Tử Hạ rất sâu, đặc biệt là Kinh Thi, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu, Kinh Lễ mà học phái Khổng Tử chú trọng. Việc đẩy mạnh truyền thụ học thuyết nhà nho, Tử Hạ cũng đóng góp một phần rất lớn, quan trọng hơn cả là việc truyền bá tư tưởng của Khổng Tử vào nước Ngụy. Tử Hạ được ca ngợi là nhà nho “Truyền Kinh”.

Còn một học trò quan trọng khác của Khổng Tử là Tăng Tử. Sau khi Khổng Tử mất, Tăng Tử vẫn ở lại nước Lỗ tiếp tục sự nghiệp dạy học của Khổng Tử. Tăng Tử đặc biệt nhấn mạnh đạo hiếu. Lúc bệnh tình nguy kịch ông gọi đệ tử đến bên giường và nói :

“Hãy mở chân lên xem chân, tay ta đây ! Kinh Thư có nói : phải thật cẩn thận nhé ! Ví như đang đứng bên vực thẳm, đừng trên đầm lầy. Từ nay về sau ta biết không còn phải cẩn thận, kỹ càng được nữa rồi”.

“Thân thể là của cha mẹ sinh ra đều phải yêu quý trân trọng, là người được tu dưỡng lễ nào lại làm một việc bôi nhọ danh dự của cha mẹ được ?” Tăng Tử truyền lại tất cả học vấn, tư tưởng của mình cho con Khổng Tử — Tử Tư. Tương truyền “Trung dung” — một trong tứ thư là của Tử Tư viết.

Năm đó lúc chàng thanh niên Mạnh Tử đến nước Lỗ du học thì Tử Tư đã mất, do vậy Mạnh Tử chỉ được học với môn sinh của Tử Tư. Chính vì vậy Mạnh Tử luôn ôm ấp lòng nhiệt thành và mong muốn ở lại quê hương của Khổng Tử — nơi tràn ngập hơi thở văn hóa ấm áp rực rỡ, tiến bộ về mặt học vấn và đạo đức.

Khi ở đất Trâu, Mạnh Tử đã đọc khá nhiều sách vở của học phái Khổng Tử, tiếp thụ ít nhiều được những tinh hoa rực rỡ của tư tưởng nhà nho đương thời, nhưng vẫn còn có khoảng cách nhất định. Phải khi đến tận nước Lỗ, nhìn thấy tận mắt những ghi chép có liên quan đến cuộc đời Khổng Tử và ngay cả các thư cáo viết tay của Khổng Tử ông đều được tiếp xúc. Nơi ngày trước Khổng Tử dạy học cũng được bảo tồn, trong đó trưng bày nhiều di vật của ông : áo mũ, xe cộ, đồ lễ, sách vở, v.v...

Trông cảnh nhớ người, chàng thanh niên Mạnh Tử đem học thuyết của Khổng Tử đã nghiên cứu trước đây kết

hợp với hoàn cảnh thực tiễn hôm nay, làm cho những điều mà trước đây chàng chưa hiểu được nay đều đã rõ ràng, trước còn hoài nghi, nay đều thông suốt.

Ngày lễ tết Xuân, Thu, những nho sinh của phái nho học này tổ chức những buổi tế lễ rất long trọng tại lễ đường Khổng Tử biểu hiện rõ một nét đẹp văn hóa. Ở đây Mạnh Tử tìm được dịp học tập tốt nhất, chàng vô cùng xúc động nói :

“Tuy ta không được trực tiếp làm môn sinh của Khổng Tử, nhưng những điều người truyền lại cho đời ta đều biết. Thế là ta cũng là học trò của người rồi, và người là thầy của ta rồi”

Ông lại nói :

“Thánh nhân quả thật làm thầy của trăm họ. Tuy là người sinh trước hàng trăm năm, nhưng người đời trăm năm về sau vẫn chịu ảnh hưởng. Ta không thể không nỗ lực phấn đấu noi gương sáng của bậc Thánh nhân”.

Như cỏ cây được tưới tắm nước trời, Mạnh Tử ca ngợi rằng :

“Từ khi có loài người đến nay chưa có ai vĩ đại bằng Khổng Tử” ! Lúc này Mạnh Tử thực sự hiểu được con đường mà chàng cần đi, con người mà chàng theo đuổi.

3. Thời đại bất an.

Trong thâm tâm Mạnh Tử đã chịu sự cảm hóa thôi thúc rất lớn bởi nhân cách của Khổng Tử, ông quyết định

đi theo Khổng Tử, tiếp tục sự nghiệp, chí hướng, lý tưởng của Khổng Tử. Do vậy ngoài việc nghiên cứu kinh điển, học tập kỹ càng lễ nghĩa của nhà nho, ông còn suy nghĩ tìm tòi cách thức giải quyết sự đau khổ và tội ác trong hoàn cảnh khó khăn chung của thời đại.

Thời đại của Mạnh Tử được gọi là “thời đại Chiến Quốc”. Theo cách nói “Tư trị thông giám” Chu Uy Liệt Vương 23 tuổi (năm 403 trước Công nguyên) Nhà Chu mới phong Tấn đại phu Ngụy Tư, Triệu Tịch, Hàn Kiêu làm chư hầu, sử gọi là “Tam gia phân Tấn” chính là bắt đầu của thời đại Chiến Quốc.

Lúc này sự trỗi buộc của chế độ phong kiến dần dần mất đi, nền chính trị chuyên chế đại thống nhất chưa hình thành, sự cạnh tranh của Chiến Quốc thất hùng vô cùng ác liệt, những hoạt động dựa vào trí tuệ tài năng của con người được sử dụng và cổ vũ. Đó là thời đại rất tự do, rất phóng khoáng rộng mở, sức sống của các dân tộc phát triển chưa từng thấy. Trong thời đại mở rộng mà chưa định đường ra này, xã hội phong kiến và quan niệm trạng thái tĩnh dần dần bị dòng chảy của thời đại cuốn đi, xuất hiện những quan niệm mới và cục diện mới chưa từng thấy từ trước tới nay.

Thời đại này có mấy đặc trưng sau :

1) Sự thảm khốc của các cuộc chiến tranh.

Kể từ thời Xuân Thu, quy mô các cuộc chiến tranh dần dần được mở rộng, số lần chiến tranh ngày càng gia tăng. Theo ghi chép của sử sách để lại cuộc chiến giữa Tần

và Tấn là 18 lần, Tấn — Sở đại chiến 3 lần, Ngô — Sở đánh lẫn nhau 23 lần, Ngô — Việt 8 lần, Tề — Lỗ 34 lần, Tống — Trịnh giao binh có tới 39 lần, số lượng các cuộc chiến tranh này quả thật khủng khiếp.

Năm 13 Chu Định Vương, Sở trang công thống lĩnh đại binh tấn công nước Tống, chiến sự kéo dài, tiêu hao không biết bao nhiêu sức người sức của, lương thực quân Sở chỉ còn lại 7 thiên. Tình hình quân Tống còn tồi tệ hơn, đến mức : “dị tử nhi thực, chiết hài nhi xuy” (lấy thịt con mình mà ăn để sống, lấy xương để mà làm củi nấu). Thử nghĩ cuộc chiến khiến người ta vì để tồn tại phải tự tay giết chết con mình để ăn chống đói, lấy xương cốt người chết mà làm củi nấu. Thật là cảnh địa ngục ở trần gian !

Lịch sử cũng còn ghi : Thời đại Xuân Thu có 36 vụ bề tôi giết chết vua chúa, 52 vụ bán rẻ đất nước, cảnh chư hầu trốn sang nước khác không sao kể xiết.... Đương nhiên trung tâm quyền hành lúc đó là vua nhà Chu, nhưng thực chất đã dần dần mất đi uy tín thống trị. Tình trạng giữa các chư hầu với nhau cũng chẳng khá hơn : mạnh lấn yếu, lớn hiếp nhỏ, tự xưng hùng xưng bá, đánh chiếm tiêu diệt lẫn nhau... Tình hình đó đến thời Mạnh Tử lại càng nghiêm trọng hơn.

Câu chuyện đấu pháp giữa Bàng Quyên, Tôn Tấn mà đến nay mọi người còn lấy làm thích thú cũng xảy ra trong thời Chiến Quốc này. Vốn câu chuyện rất lòng vòng, thực ra đây là cuộc chiến tranh nước Ngụy đánh nước Hàn, nước Tề cầu Hàn phá Ngụy, những cuộc chiến tranh như vậy, lúc đó

thường thấy rất nhiều.

Sự thác loạn, tàn khốc, vô lý, đau thương của loài người tất cả đều có trong các cuộc chiến tranh. Nghĩ về chiến tranh, lòng Mạnh Tử trào dâng một tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Do vậy, với dũng khí và đạo đức cao, ông đứng lên chỉ trích bọn người dã tâm luôn tìm cách mượn gió bẻ măng, bọn chúng chỉ toan tính những lợi ích cá nhân hẹp hòi, tìm cách mở rộng lãnh thổ, gây thanh thế, gây nên các cuộc chiến tranh nòi da nấu thịt dân lành, khiến người chết bởi chiến tranh chất đầy đồng nội, bến bờ. Đó là kẻ dẫn đất nước vào cảnh người ăn thịt người, tội của chúng không thể dung thứ, chúng phải chịu hình phạt nặng nhất của muôn dân. Bọn mưu sĩ xúi giục chiến tranh tội có thể nhẹ hơn một chút, những người khuyên can nhà vua không nên gây chiến thì tội được xem nhẹ nhất.

Lời kêu gọi của Mạnh Tử đau buồn như thế, bởi vì chính người từng trải qua thời kỳ chiến tranh ác liệt. Vì sao Mạnh Tử lại kiên trì tư tưởng chính trị chính thống nhà nho?... sống lẻ loi ít hợp với ai, không được các chư hầu đương thời trọng dụng... Điều trước tiên ta phải hiểu được thời đại chiến tranh mà Mạnh Tử sống.

2) Sự phát triển mạnh mẽ của nền công thương nghiệp.

Sự phát triển của nền công nghiệp và thương nghiệp có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, việc chế tạo công cụ khí giới chuyển từ vũ khí bằng đồng sang vũ khí bằng sắt. Đây là bước tiến bộ lớn của

lịch sử công nghiệp. Kỹ thuật luyện thép đương thời từ việc chỉ biết rèn, đập chuyển sang cách thức nung chảy thể rắn thành thể lỏng đổ theo khuôn đúc. Cuộc cách mạng kỹ thuật này làm cho mọi người kinh ngạc, ảnh hưởng rất lớn đến hình thái công nghiệp, thương nghiệp, chính trị lúc đó.

Sự tiến bộ của kỹ thuật luyện thép làm cho việc ứng dụng các công cụ canh nông bắt đầu mở rộng. Điều đó nâng cao được năng lực sản xuất, đẩy mạnh sự phát triển của nền thương nghiệp. Nền thương nghiệp thời cuối Xuân Thu đã phát triển rất mạnh.

Thời đó các chủ xí nghiệp ngoài Tử Hạ — học trò của Khổng Tử còn có Phạm Lãi giúp Câu Tiễn phục quốc, sau khi giúp Việt Vương phục thù thành công, Phạm Lãi vội vã rút lui, phiêu bạt giang hồ, cải tên đổi họ, cuối cùng đến nước Tề và dừng chân trên mảnh đất Dao này, mọi người lúc đó gọi ông là Chu Công. Chu Công cho rằng vị trí địa lý của đất Dao rất tốt, thông thương với bốn phía thích hợp cho việc buôn bán. Thế là ông đầu tư vào việc kinh doanh, cuối cùng trở thành thương gia giàu có,

Tại Hàm Đan — thủ đô nước Triệu (nay thuộc Hà Bắc — Trung Quốc) có Quách Tung — chủ xí nghiệp làm nghề luyện thép, tiền bạc của ông nhiều lắm, có thể so với tất cả các chư hầu. Địa vị của người kinh doanh giàu có trong xã hội rất được coi trọng đã là việc phổ biến rồi. Ngoài thế lực chính trị, nảy sinh thế lực kinh tế mới, khiến xã hội lúc đó càng thêm phức tạp. Tập tục, thị hiếu của xã hội cũng từ đó mà thay đổi dần đi.

3) Sự xuất hiện tập đoàn du sĩ.

Sĩ vốn là tầng lớp cơ sở của giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến, họ bao gồm những người có trí thức, có năng lực chiến đấu và hành chính. Đến thời “Xuân thu trung điệp” sau này chế độ phong kiến dần tan rã, nhiều nhà quý tộc lâm vào tình trạng sa sút. Thêm vào đó sự đòi hỏi bức thiết của vua chúa các chư hầu, thế là hình thành “Tập đoàn du sĩ” — một dòng chảy lớn nhất đương thời. Trước tiên từ một nhóm trí thức theo đuổi hoạt động giáo dục, cũng là để tìm tòi cơ hội thực hiện lý tưởng và khả năng mà thường ngày theo đuổi, Khổng Tử dẫn dắt học sinh du ngoạn khắp nơi. Đó cũng chính là tính cách của các tập đoàn du sĩ.

Đến thời Chiến Quốc, hoạt động của tập đoàn du sĩ càng thêm sôi nổi. Sau khi Khổng Tử mất, phái nho gia phân hóa thành nhiều tập đoàn khác nhau. Ngoài ra còn có tập đoàn của Mặc Tử — nhóm này cũng rất mạnh. Việc xuất hiện của các du sĩ có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội. Lúc này, Công Thâu Ban, nhà phát minh đương thời chế tạo được chiếc “Thang mây đánh thành” cho nước Sở. Sở Vương thích lắm. Ông nghĩ ngay đến việc đánh chiếm nước Tống để thử nghiệm vũ khí lợi hại này. Mặc Tử nghe tin vội vàng đến ngay nước Sở tìm cách ngăn chặn cuộc chiến này. Sau một hồi tranh luận không ai chịu ai, Sở Vương đề nghị Mặc Tử và Công Thâu Ban trở tài ngay tại chỗ. Kết quả, những cách mà Công Thâu Ban dùng để đánh thành đều bị thất bại trước sự phòng thủ của Mặc Tử. Công Thâu Ban chịu thua nhưng bỗng nói : Ta có cách đối phó với ông

rồi, nhưng không thể nói được. Mặc Tử cũng nói : Ta cũng biết cách của nhà ngươi sẽ đối phó với ta rồi, nhưng ta cũng không nói được. Sở Vương ngồi cạnh nghe chẳng hiểu gì, bèn hỏi Mặc Tử, Mặc Tử liền nói : Cách của Công Thâu Ban tiên sinh là giết chết ta đi. Như vậy sẽ không còn người có khả năng chống đỡ lại vũ khí đánh thành lợi hại của ông ta được nữa. Nhưng ta đã sắp xếp hơn 300 thủ hạ thủ sẵn vũ khí tại thành nước Tống đợi sẵn các người rồi. Nếu các người có giết ta cũng chẳng ích lợi gì.

Đến đây Sở Vương mới chịu bỏ ý định đánh chiếm nước Tống. Từ câu chuyện trên, có thể thấy tập đoàn du sĩ của Mặc Tử rất có tổ chức kỷ luật, khả năng chiến đấu cũng rất mạnh. Sau khi Mặc Tử chết, phái nhà Mặc phân hóa mạnh nhưng nhìn chung tổ chức của họ vẫn rất nghiêm ngặt.

Ngoài ra còn có Tô Tần, Trương Nghi v.v... các tập đoàn du thuyết khác nữa. Các tập đoàn mang tính chính trị thuần túy khác, phải kể đến : Tập đoàn “Chiến quốc tứ công tử”, Mạnh Thường Quân, Bình Nguyên Quân, Tín Lăng Quân, Xuân Thân Quân. Thực khách mà họ nuôi dưỡng trong nhà đông đến ngàn người, nhiều loại, nhiều thành phần khác nhau nhưng tất cả đều là người tiến hành hoạt động chính trị cho họ.

Sống trong thời đại như vậy, Mạnh Tử không thể không chịu tác động ảnh hưởng. Lúc Mạnh Tử bắt đầu việc chu du các nước cũng đã là một tập đoàn du sĩ lớn rồi, (Hậu xa số thập thặng, Tòng giả số bách nhân) (hàng chục xe

theo sau, hàng trăm kẻ theo hầu). Có điều mỗi tập đoàn du sĩ đều có phong cách riêng khác nhau, có tập đoàn chỉ theo đuổi lợi ích thực tế, có tập đoàn theo đuổi việc thực hiện lý tưởng... Tập đoàn du sĩ mà Mạnh Tử cầm đầu chủ trương thực hiện theo lý tưởng vương đạo nhân chính. (đường lối chính trị tốt đẹp)

4) Trăm nhà tranh tiếng.

Thời đại đổi thay, Chu thiên tử không thể nắm lại được quyền lực chính trị cao nhất của mình nữa, các chư hầu đều đua nhau tự tìm kiếm con đường nước giàu binh mạnh, do vậy từ Xuân Thu ngũ bá (năm vị bá thời Xuân Thu) đến Chiến Quốc thất hùng, các nước chư hầu luôn luôn tìm cách thôn tính lẫn nhau : nước chư hầu nào cũng tìm cách cạnh tranh chính trị theo các mục đích sau :

Nhất : mở rộng thêm lãnh thổ, Nhi : bảo toàn sự tồn tại.

Sự tiến bộ của công nghiệp làm cho giao thông thêm phát triển, tri thức con người được mở rộng, các tập đoàn du sĩ lớn phần chấn hấn lên làm cho ý thức hệ tư tưởng trong xã hội như trăm hoa đua nở, khoe sắc đua hương, viết nên một trang sử huy hoàng của nền văn minh nhân loại. Tư tưởng chính xuất hiện sớm nhất, chủ yếu nhất lúc bấy giờ là Nho gia, Mặc gia và Pháp gia. Tư tưởng nhà nho do Khổng Tử đề xướng, theo đuổi truyền thống của vua Văn, vua Vũ, Chu Công, họ đề xướng nhân nghĩa, đẩy mạnh giáo hóa, hy vọng trải qua tu dưỡng đạo đức, tiến tới trị quốc bình thiên hạ. Có thể nói đây là tổ chức theo chủ nghĩa lý

tưởng đạo đức.

Đồng thời với Khổng Tử còn có Đạo gia. Đạo gia là do Lão Tử khởi xướng đến thời Mạnh Tử lại có Dương Chu và Trang Tử, Trương Nhân, Trường Tử, Kiệt Nịch... nhân vật đạo nho kiểu ẩn cư.

Đạo gia và Nho gia không giống nhau, họ có thái độ “lấy sách an toàn” “Duy trì cự ly” đối với thế giới, cường điệu tự nhiên, chủ trương “vô vi”, theo đuổi tự do và giải phóng, căm ghét sự can thiệp và áp chế.

Trang Tử đã kể một câu chuyện ngụ ngôn về loại chim đại bàng. Chim đại bàng vốn là con chim bói cá nhỏ biến thành, bụng nó lớn mấy nghìn dặm, hai cánh giăng ra giống như đám mây che cả bầu trời. Lúc nó bay về phương Nam, hai cánh đập trên mặt biển làm nước tung cao 3 nghìn dặm, giống như trận gió lốc cuốn lên từ trên cao chín vạn dặm. Sự bay cao, bay xa của chim đại bàng chính là biên giới mà Đạo gia hướng tới.

Ngoài Nho gia và Đạo gia, sau Khổng Tử một thời gian ngắn có Mặc gia. Nho gia và Mặc gia buổi đương thời là học phái được ưa chuộng nhất, gọi là “hiền học”. Mặc gia do Mặc Tử sáng lập chủ trương “Kiêm ái”, thủ tiêu sự cách biệt giữa người với nhau, yêu cha mẹ người khác như yêu chính cha mẹ mình. Mặc Tử cũng là người theo chủ nghĩa hòa bình nhất, ông phản đối chiến tranh. Ngoài ra Mặc Tử còn tin rằng có trời, và quỷ thần. Đó là điều không giống với Nho gia. Mặc Tử cũng là người luôn phản đối hình thức lễ nghi và phô trương ma chay của Nho gia, coi trọng việc

tiết kiệm, khắc khổ. Có thể nói Mặc gia là chủ nghĩa cứu thế của tinh thần đầy khổ hạnh.

Đối với Pháp gia cũng là một thế lực lớn của sự kết hợp chính trị hiện thực. Thời Xuân Thu, năm thứ 6 Chiêu công (năm 536 trước Công nguyên) tháng 3 người nước Trịnh đúc ra khuôn in sách, mùa đông người nước Tống đúc ra khuôn Đinh, đánh dấu sự thay đổi to lớn của thời đại, biểu hiện lực lượng “Lễ” đã không còn cách gì duy trì được trật tự của xã hội nữa mà phải cần đến lực lượng “Pháp”. Đến thời chiến quốc, trước Mạnh Tử, Pháp gia Lý Khôi Tướng Ngụy Văn Hầu nước giàu binh mạnh. Từ đây có thể thấy vì sao câu đầu tiên khi gặp Mạnh Tử, Lương Huệ Vương đã hỏi ngay : Làm thế nào để có lợi cho nước ta ? Pháp gia cùng thời với Mạnh Tử có Thận Đáo, Thương Ưởng, nhất là Thương Ưởng — ông trở thành nhân vật thay đổi cả lịch sử. Tập đoàn Pháp gia cuối cùng thành công lớn là Hàn Phi Tử vào cuối những năm Chiến Quốc.

Phần lớn Pháp gia đứng trên lập trường của kẻ thống trị, theo đuổi lợi ích hiện thực giàu mạnh, vì thế nó phá vỡ chế độ phong kiến đã dần suy sụp, kiến lập nền chính trị chuyên chế lấy nhân quyền làm trung tâm. Nhìn chung, Pháp gia đều chủ trương không chế đối với nhân dân và dùng thủ đoạn chính trị trừng phạt nghiêm khắc. Mặt khác chủ trương bãi bỏ chế độ canh điền, mở rộng đất đai, đẩy mạnh sản xuất. Trách nhiệm của người dân ngoài việc canh tác còn phải tham gia chiến đấu. Dưới tư tưởng này văn hóa đạo đức không còn vị trí cao trong xã hội.

Ngoài Nho, Đạo, Mặc, Pháp, còn có “Tung hoành gia” theo nghiệp du thuyết ngoại giao, họ chuyên nghiên cứu sự lô gíc của biện luận, chủ trương việc nhà nông, quân dân cùng làm và các Âm dương gia nghiên cứu thiên văn tướng số... Có thể nói thời đại trăm nhà đua tiếng, mọi tư tưởng được giải phóng mạnh mẽ.

Trở lại đây là thời kỳ giao thời giữa cũ và mới, biến động bất an. Trong thời đại như vậy có kẻ mê hoặc, có người chỉ chú ý đến thực tế, cũng có người luôn giữ nguyên tắc đề cao lý tưởng. Tư tưởng mỗi người chẳng hề giống nhau, nhưng mỗi người đều có sự tự do về suy nghĩ và biểu đạt. Đó chính là thời đại của Mạnh Tử đang sống.

Chương II

DÒNG HỌ HY VỌNG

"Vương hà tất viết lợi, diệc hữu nhân nghĩa dĩ hỹ"

*(Vua cần gì phải nói điều lợi,
hãy nói việc nhân nghĩa mà thôi)*

Mạnh Tử

1. Xuất kiến Lương Huệ Vương.

Mạnh Tử hy vọng có ngày thực hiện được lý tưởng nhân đạo của nhà nho, ông rất quan tâm học tập những tri thức kinh điển của nhà nho và xã hội thời đại, từ đó suy ngẫm những vấn đề thực tế trước mắt.

Chẳng bao lâu, việc học hành thành đạt, Mạnh Tử bắt đầu thu nhận học trò dạy học. Ông đem những lý tưởng văn hóa của cha ông tiếp tục truyền lại cho thế hệ trẻ, đồng thời chờ đợi thời cơ để thực hiện lý tưởng của mình. Thời đó người ta đi học để ra làm quan, đó là con đường của phần lớn trí thức đương thời. Chỉ có nhận được sự bổ nhiệm của nhà chức trách mới có khả năng thực hiện hoài bão lớn lao. Mạnh Tử từng nói :

"Khi không đắc ý thì tu dưỡng phẩm đức cho mình, làm phong phú thêm học vấn của mình. Nếu có thời cơ để

làm thì hãy làm cho mọi người trong thiên hạ đều nhận được hạnh phúc”.

Nhưng vấn đề là ở chỗ : Thời cơ như thế nào để được ra làm quan ? Có thể dựa vào thủ đoạn để thăng quan tiến chức ? Có thể thủ tiêu mình một cách nhục nhã được không ? Không ! Tất cả có nguyên tắc của nó. Một lần Trần Trần, học trò của Mạnh Tử hỏi rằng :

“Quân tử ngày trước phải như thế nào mới được ra làm quan ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Để được ra làm quan có ba điều, và phải từ quan cũng có ba điều. Nếu nhà vua đích thân đến đón người một cách cung kính có lễ, vua cũng rất thành thực tiếp nhận ý kiến của người, thế thì có thể ra làm quan được. Sau khi nhậm chức, tuy đối xử với người vẫn có lễ như trước đây, nhưng vua chẳng chịu tiếp thu ý kiến của người, thế thì nên từ chức. Thứ đến là : Tuy không tiếp thu ý kiến của người nhưng đối với người cũng rất cung kính có lễ, thế thì cũng có thể nhận chức. Ngược lại lễ độ cũng chẳng có hoặc rất ít thì nên từ chức ngay. Hạ đẳng là khi người nghèo khó, cơm chẳng đủ ăn, áo chẳng đủ mặc, nghe đến việc này nếu quốc vương nói : Ta chẳng hy vọng thực hành được lý tưởng của người, cũng chẳng nghe được ý kiến của người, để người phải phiêu bạt trên đất nước của ta đến mức độ này ta thấy buồn lắm. Sau đó sai người tiếp tế cho người. Nếu vậy người có thể tiếp nhận, bởi vì vua còn muốn để cho người sống đó”.

Muốn ra làm quan trước tiên phải xem kẻ cầm quyền có cung kính, có giữ đúng phép lễ hay không ? Có thành thực hay không ? Đương nhiên điều quan trọng hơn cả là kẻ cầm quyền có hay không con mắt tinh đời, hiểu được người mình dùng hay không ? Điều này không có cái gì tìm được. Do vậy cả quãng thời gian dài sau khi học hành thành đạt, Mạnh Tử chỉ thăm lặng đọc sách tu thân chờ đợi và thu nhận học trò dạy học.

Trong những năm tháng chờ đợi, thế cục các nước lại có sự thay đổi rất lớn.

Năm 431 trước Công nguyên, Mạnh Tử khoảng 32 tuổi. Nước Ngụy đánh nước Tần, nước Tần cầu viện nước Tề. Nước Tần dùng chiến lược “Tôn Tấn đánh Ngụy cứu Hàn”, nước Ngụy phong Bàng Quyên làm tướng, sai thái tử thân chinh dẫn đại quân hội chiến tại Mã Lăng. Kết quả quân Ngụy đại bại, thái tử bị bắt, Bàng Quyên cũng tử trận.

Năm thứ hai, nước Ngụy dời đô từ An Ấp đến Đại Lương.

Năm 335 trước Công nguyên, Mạnh Tử 38 tuổi, Ngụy Hầu Doanh xưng là Ngụy Hầu Vương. Lúc này nhà Chu đã hoàn toàn mất hết uy tín trong thiên hạ.

Năm 330 trước Công nguyên Mạnh Tử khoảng 43 tuổi. Tại Diêu Ân Tần đánh bại quân Ngụy, lại vây hãm đất Tiêu và Khúc Ốc, nước Ngụy đành cắt Hà Tây cho Tần,

Hai năm sau, nước Tần tăng cường định phá nước Ngụy, trước tiên chiếm : Phần Âm, Bi Thị, và đất Tiêu cả ba nơi. Công tử Tang đem quân vây Bồ Dương của Ngụy.

Ngụy lại dành dâng nộp đất Quận cho Tần. Năm đó Trương Nghi đến với Tần.

Năm 322 trước Công nguyên, Tần phế truất chức tướng của Trương Nghi, Trương Nghi quay sang Ngụy và được phong chức tướng.

Năm 321 Tề uy vương mất. Lúc đó Mạnh Tử đã gần 52 tuổi rồi.

Từ tuổi thanh niên bước vào tuổi trung niên, lại trải qua chặng đường trung niên dài dằng dặc nữa, Mạnh Tử cứ vẫn đợi chờ. Những năm tháng chờ đợi, sự rèn luyện và suy nghĩ lâu dài càng làm cho ông kiên trì hơn với tư tưởng nhân đạo. Nhưng liệu có gặp được dịp may để thực hiện lý tưởng hay không ? Hay chẳng được gì ? Ông nghĩ đến cách xử thế của bậc hiền nhân đời xưa Bá Di và Liễu Hạ Huệ :

“Bá Di chẳng bao giờ phụng sự cho những vua mà ông không thích, chẳng bao giờ kết bạn với những người mà ông chẳng yêu. Không thể ra làm quan trong triều của kẻ ác, chẳng kết giao với kẻ ác, ông cho rằng đi với kẻ ác giống như mặc lễ áo triều đình mà ngồi trên vũng bùn hôi hám bẩn thỉu vậy. Người có tâm hồn thanh bạch, trong trắng, tinh khiết sống gần kẻ độc ác xấu xa, bẩn thỉu là không thể được. Do vậy có nhiều chư hầu dùng lời ngon ngọt mời ông ra làm quan nhưng ông đều cự tuyệt. Từ chối cũng chính là để giữ mình trong sạch, không muốn bản thân mình bị hoen ố, dơ bẩn.

Liễu Hạ Huệ hoàn toàn không như vậy. Ông không cảm thấy phải phụng sự tên vua tàn bạo đồi bại là điều sỉ

nhục. Cũng chẳng vì địa vị thấp kém mà cảm thấy xấu hổ. Nếu ra làm quan thì chẳng hề giấu giếm tài năng của mình, luôn giữ đúng nguyên tắc lý tưởng để làm việc.

Nếu kẻ trên không thấy được tài năng của ông, ông cũng chẳng oán giận, lúc gặp hoàn cảnh hiểm nguy gian khổ ông chẳng hề buồn chán. Vì thế ông từng nói : Mi là mi, ta là ta, dầu mi có trần trường đứng ngay cạnh ta lẽ nào làm cho ta xấu đi chẳng ?". Vì thế khi sống với mọi người, ông luôn thân nhiên thoải mái — Và khi đã từ chối, nếu có người níu kéo lại ông liền ở ngay chẳng hề khách sáo gì cả."

Mạnh Tử phê phán Bá Di và Liễu Hạ Huệ như sau :

"Bá Di vì quá giữ mình, yêu mình nên đôi lúc hẹp hòi. Còn Liễu Hạ Huệ vì nhìn quá sâu quá kỹ nên có lúc không được việc. Cả hai thái độ như thế này đều sai cả, người quân tử không nên bắt chước".

Đương nhiên Mạnh Tử chẳng muốn trong sạch thanh cao như Bá Di, cũng chẳng muốn như Liễu Hạ Huệ chẳng có cái gì khước từ, ông chỉ mong mỗi có được điều kiện thời cơ thích hợp sẽ đến với ông.

Và thời cơ cuối cùng đã đến. Năm 320 trước Công nguyên, Ngụy Huệ Vương liên tiếp thất bại trước quân Tề, Tần. Ông muốn cố gắng một trận để giành chiến thắng. Năm đó, ông phát đi lời kêu gọi cầu hiền khắp các chư hầu, lấy sự đãi ngộ ưu ái, lễ tiết long trọng để chiêu nạp bậc hiền tài.

Nghe được lời cầu hiền của Ngụy Huệ Vương, Mạnh Tử cho rằng thời cơ thực hiện lý tưởng đã đến. Thế là ông

quyết tâm đến nước Ngụy. Năm đó Mạnh Tử đã 53 tuổi, ông tìm đến Đại Lương — kinh đô nước Ngụy. Lúc này đã có một số người đến trước như : Âm Dương gia : Trâu Diễn, Tung Hoành gia : Thuần Vu Khôn...

Sau khi Mạnh Tử đến Đại Lương, ông bèn vào thẳng cung gặp Lương Huệ Vương — tức Ngụy Huệ Vương. Huệ Vương vừa thấy Mạnh Tử bèn hỏi ngay :

“Tiên sinh, ngài từ ngàn dặm đến đây chắc có cách gì khiến nước ta thu được lợi ?”

Lương Huệ Vương thu nạp người hiền, trong lòng chỉ nghĩ đến việc làm cho nước giàu quân mạnh, ông hy vọng những người hiền tài đến với nước Ngụy có thể nêu ra được chiến lược đầy tính trí tuệ, đáp ứng mong muốn của ông. Mạnh Tử chẳng cần biết đến điều đó, nhưng Mạnh Tử trực tiếp đưa ra những lập luận lý tưởng súc tích và rõ ràng, ông nói :

“Thưa bệ hạ, vì sao ngài vừa nói là nhắc đến lợi ích vậy ? Trị quốc lấy chính trị làm đầu, lấy nhân nghĩa làm gốc. Đó có thể giải quyết được tất cả các vấn đề.

“Nếu vua nói ! Có cách gì để làm lợi cho đất nước ta ? Thì các quan đại phu ở dưới cùng nói : có cách gì để làm lợi cho gia tộc ta ? Thậm chí hạng sĩ và kẻ bình dân cũng nói : có cách gì để làm lợi cho bản thân ta ? Như vậy từ trên xuống dưới hết thấy đều chạy theo cái lợi cá nhân thì đất nước sẽ nguy nan đó.

“Quan đại phu, chủ của kẻ có ngàn cỗ chiến xa sẽ giết chết vua mình có vạn cỗ chiến xa. Quan đại phu có trăm cỗ

chiến xa sẽ giết chết vua mình có ngàn cỗ chiến xa. Trong một nước có vạn cỗ chiến xa, quan đại phu sẽ có ngàn cỗ chiến xa. Trong nước có ngàn cỗ chiến xa, quan đại phu sẽ có trăm cỗ chiến xa. Như vậy vẫn còn chệch ít. Nếu quan đại phu có thế lực lớn lại chỉ chú trọng đến lợi ích cá nhân, không chú ý đến đạo đức nhân nghĩa, thế thì người này sẽ đoạt hết của chúa thượng mới vừa lòng.

“Ngược lại chẳng có ai nhân nghĩa lại bỏ đi cha mẹ mình, chỉ có kẻ không theo nhân nghĩa mới làm như vậy. Chúa thượng chỉ cần nhân nghĩa là được, chẳng phải chạy theo lợi ích mà làm gì?”

Ngay từ đầu, Mạnh Tử đã nêu rõ lập trường của ông là như vậy. Thông thường người đời thường nghĩ đến công và lợi khi làm việc gì đó cho ai. Do thế phần việc gì đều hỏi trước cả : Điều này lợi gì ? Làm để được gì ?... Mạnh Tử đã nêu rõ thái độ thực dụng của xã hội đương thời, trước tiên ông muốn đưa chúng ta thoát khỏi vòng lẩn quẩn ràng buộc của lợi ích, lúc nào cũng nghĩ đến lợi ích... Hơn thế tăng thêm một bước chỉ ra tất cả sự hỗn loạn, tranh chấp, tội ác, đau khổ kỳ thực đều ở lòng hám lợi không biết chỗ dừng lại của con người gây nên. Chỉ có dững cảm vứt đi lòng hám lợi hẹp hòi dung tục đó, khôi phục lòng nhân nghĩa vốn có sẵn trong lòng con người chúng ta, làm cho tất cả mọi người đều có tấm lòng trong sáng thanh cao. Như vậy thế giới này mới có thể khôi phục được trật tự hài hòa của nó. Trong tư tưởng Mạnh Tử, điều cần phải quan tâm đến là sự bảo đảm của sinh tồn quyền lợi, sự theo đuổi an cư lạc nghiệp và sự đề cao tư tưởng đạo đức. Đó chính là điều ông muốn so sánh

của cái giá giữa lẽ và nghĩa.

Đoạn đối thoại lần đầu gặp Lương Huệ Vương của Mạnh Tử thể hiện đầy đủ hình ảnh của một Mạnh Tử sùng sững thanh cao với lập trường căn bản của chủ nghĩa đạo đức lý tưởng. Lương Huệ Vương làm sao theo kịp tư tưởng của Mạnh Tử được ?

2. Không ai địch nổi người nhân đức.

Lần thứ nhất gặp Lương Huệ Vương, Mạnh Tử bàn về ý nghĩa của cái “Lợi”. Tuy Lương Huệ Vương tỏ ra không tán thành nhưng ông cũng không phản đối dứt khoát, do đó cách thời gian không lâu lắm, Mạnh Tử lại có dịp yết kiến Huệ Vương. Lúc đó Huệ Vương đang đứng bên bờ hồ trong khu thượng uyển, vừa mãi ngắm bầy hươu, nai, chim hồng chim nhạn vừa nói chuyện với Mạnh Tử rằng : “Người hiền có nên vui cảnh này chăng ?”

Đương nhiên Lương Huệ Vương muốn thăm dò thái độ của Mạnh Tử, xem ông trả lời ra sao. Mạnh Tử đáp :

“Chỉ bậc vua chúa hiền đức mới thật sự hưởng được cái vui thú trong vườn hươu, còn kẻ không có đức tuy là có cảnh này nhưng cũng không sao hưởng được vui thú ! Trong Kinh Thi có nói :

“Khải Thủy Trúc Linh đài

Kỳ di trường lượng a

Hựu lập biểu chi vị

Bách tính tận lực tác

Khẩu khoái tỵ lạc thành

Vương thuyết bất dụng cấp
Bách tính cánh mai lực
Vương đảo linh hựu trung
Mẫu lộc chính an miễn
Mã lộc bồi hựu tráng
Bạch điều vũ mao kết
Vương tại linh chiếu biên
Trì ngư hoạt khiêu duyệt”.

(Dịch ý)

Lầu Linh Đài
Cao ngàn trượng.
Là ngôi vị của vua.
Muôn dân làm
Vua cần gấp
Sức muôn dân
Phải tận lực
Trong Linh hựu
Đầy hươu nai.
Con nào cũng béo tốt
Chim xòe lông trắng tinh,
Vua bên vườn mai ngắm
Đàn cá dưới ao bơi”

Văn vương tuy dùng muôn dân để xây dựng vườn hựu cố cung nhưng muôn dân nào có vui thú gì, gọi Đài của ông là “Linh Đài”, hồ của ông là “Linh Chiếu”, vui không phải chỉ có hươu có cá... Đó chính là cái vui thú khác nhau giữa muôn dân và hiền quân ngày trước. Do vậy thần đâu dám

hưởng vui. Thế nhưng vua Hạ vua Kiệt lại hoàn toàn trái ngược, muôn dân căm tức ông, ông lại tự coi mình là thái dương, ông ta nói : Khi nào thái dương bị hủy diệt thì ông mới mất.

Kinh Thi còn ghi lại sự căm giận của muôn dân như sau : “Mặt trời ơi, lúc nào người bị hủy diệt, ta sẽ sống chết cùng người”

Đời vua Kiệt Trụ, muôn dân căm phẫn vùng lên đập tan hết thảy. Dù vua có đài, có chim, có thú lễ nào an nhàn một mình hưởng lạc được chăng ?”.

Quả đã rõ ràng, Mạnh Tử dần dần từng bước dẫn Huệ Vương đến với lý tưởng cùng dân vui thú. “Dựng dân đồng lạc”. Nếu như Mạnh Tử chỉ muốn ra làm quan, muốn lấy lòng vua, thế thì ông chẳng nói những lời khiến vua chúa nghe chẳng được vui như vậy ? Mạnh Tử vốn biết rất rõ những lời này sẽ khiến vua không vui, nhưng vừa nghĩ tới sự rên xiết của muôn dân dưới cảnh chiến tranh, đói rách, ông cảm thấy không thể thoái thác được, ông thấy phải có trách nhiệm thay mặt muôn dân nói lên điều đó. Đó chính là dũng khí đạo đức, cũng chính là sự biểu hiện cụ thể của lòng nhân nghĩa.

Huệ Vương nghe xong không lấy làm bức tức, hơn nữa nhân dịp này người tỏ ra quan tâm hơn đến muôn dân. Người nói :

“Đối với đất nước ta đã hết sức tận tâm. Nếu vùng Hà Nội này có nạn đói thì ta sẽ chuyển một bộ phận dân chúng đến Hà Đông và lấy lương thực của Hà Đông chuyển đến

cứu tế cho Hà Nội. Nếu vùng Hà Đông có đói kém ta cũng dùng cách đó. Ta đã từng chú ý đến việc cai trị của các nước láng giềng, không thấy có nước nào tận tâm tận lực như ta. Nhưng dân chúng của mấy nước đó không vì vậy mà giảm đi, dân chúng của ta cũng không vì vậy mà tăng hơn. Đó là duyên cớ gì ?”

Mạnh Tử đáp :

“Bệ hạ thích chiến trận, ta lấy chuyện chiến trận để so sánh vậy ! Tiếng trống trận vang lên từng từng... hai quân giáp nhau, binh đao giao trận. Rồi một bên thua rút bỏ áo giáp, rút bỏ vũ khí quay đầu rút chạy, có người chạy hơn một trăm bước mới dừng lại, có người chạy năm chục bước thì dừng lại. Kết quả những người chạy về sau năm chục bước sẽ cười mỉa người chạy trước một trăm bước là nhất. Bệ hạ thấy điều đó có lý hay không ?”

Huệ Vương nói :

“Không có lý. Họ tuy không rút chạy một trăm bước nhưng rút chạy năm chục bước cũng là rút chạy rồi”.

Mạnh Tử tiếp lời, nói :

“Nếu bệ hạ hiểu được điều này, xin đừng bao giờ trông mong dân chúng của bệ hạ nhiều hơn dân chúng các nước láng giềng”.

Mạnh Tử hiểu được nguyện vọng của vua lúc bấy giờ là muốn nước giàu binh mạnh, nguồn nhân lực chủ yếu để đạt đến nước giàu binh mạnh là dân chúng, đặc biệt là nông dân. Thời bình, nông dân có thể tham gia sản xuất làm tăng tiền bạc vật chất cho đất nước, tích lũy của cải phòng trữ

cho chiến tranh. Lúc chiến tranh số dân này sẽ ra chiến trận chiến đấu được. Do vậy Lương Huệ Vương có ý muốn tăng thêm dân số trong nước hơn lên. Điều này Mạnh Tử thấy rất rõ, ông muốn thay đổi cái tâm của kẻ thống trị, nhưng lại không dám nói thẳng ra ngay. Vì vậy ông bèn mượn thí dụ để nói. Mạnh Tử lấy chiến tranh để so sánh có ngầm ý châm chọc. Ông nói : “Lương Huệ Vương kỳ thực chẳng khác chư hầu các nước, chẳng qua cười kẻ chạy năm chục bước, lại bỏ qua kẻ chạy một trăm bước. Đó chẳng phải cách suy nghĩ vì muôn dân”.

Mạnh Tử nói tiếp nguyên tắc chính trị lý tưởng của ông :

“Nếu dùng làm trở ngại thời vụ công việc cày cấy làm ruộng của nhà nông thì lúa gạo ăn chẳng hết. Nếu không dùng loại lưới cá mắt dày đến vét các ao, hồ thì cá rùa ăn chẳng hết. Nếu theo thời tiết thích hợp để chặt phá cây rừng thì cây rừng dùng chẳng hết. Nếu như cuộc sống của số dân này dư thừa cá, mọi người ai ai cũng đều đầy đủ hạnh phúc, mức sống được nâng lên, kẻ chết được chôn cất tử tế. Đó là sự mở đầu của Vương Đạo.

“Trong vườn năm mẫu vốn được trồng dâu, thế thì người năm mươi tuổi trở lên được mặc áo lụa, cổ vú mọi người nuôi dưỡng gà, vịt, trâu, bò, thế thì người trên bảy mươi tuổi đều có thể có thịt mà ăn, mỗi gia đình có được trăm mẫu ruộng, họ có thể an tâm trồng cấy, không bị phá hoại, thế thì cả nhà sẽ được ấm no. Tiếp đó một số trường học sẽ được dựng lên, việc giáo dục được đẩy mạnh, dân

chúng được dạy dỗ đạo lý hiếu thuận cha mẹ, yêu mến anh em. Thế thì thói quen tập tục của xã hội sẽ được thay đổi tốt đẹp lương thiện, nhìn thấy các ông lão đầu tóc bạc phơ đang gánh nặng đi trên đường, không thể nghỉ được. Các ông già bà cả bảy mươi tuổi trở lên đều có cơm ăn áo mặc đầy đủ, muôn dân có cơm ăn áo mặc, chẳng đói chẳng rét. Nếu như vậy không thể không khiến cho thiên hạ quy phục. Đó chẳng phải là chuyện chưa từng thấy xưa nay.”.

Nói đến đây Mạnh Tử dừng lại giây lát nhìn Huệ Vương rồi nói tiếp :

“Hiện nay hoàn cảnh hoàn toàn trái ngược như vậy. Chó heo của bề trên được ăn ngon hơn cả muôn dân, mức sống khác xa như thế chẳng ai quan tâm giải quyết. Gặp năm mất mùa trên đường phơi đầy xác người chết đói vừa chẳng biết xót biết thương. Người già đói rét mà chết, vua lại nói rằng : đó chẳng phải là lỗi của ta, chỉ tại gặp năm mất mùa đó thôi. Như vậy chẳng khác nào cầm dao giết người lại nói là chẳng phải ta giết, tại dao giết chết đấy thôi ? Xin bệ hạ đừng lấy việc dân số không tăng quy tội cho năm mất mùa, mà nên cải cách chính trị từ gốc rễ, bảo tồn cuộc sống cho muôn dân, được như vậy người trong khắp thiên hạ đều sẽ theo về với bệ hạ ngay”.

Lương Huệ Vương hình như hơi xúc động vì điều này, thế là ông nói một cách cung kính rằng :

“Ta thật nguyện ý tiếp thụ sự chỉ giáo của ngài”

Mạnh Tử lại nêu một so sánh khác :

“Giết người bằng gậy và giết người bằng dao có gì

khác nhau không ?”

“Không khác gì nhau”. Huệ Vương trả lời.

“Thế thì giết người bằng dao và giết người bằng chính trị lại có gì khác nhau ?”

“Cũng chẳng có gì khác nhau”.

Mạnh Tử nói tiếp :

“Đúng. Thật khó phân biệt. Thế thì bếp trong cung vua có thịt ngon, tàu ngựa vua có ngựa khỏe, còn muôn dân chết đói khắp nơi ngoài đồng nội. Há chẳng phải kẻ cầm quyền dẫn thú dữ đến ăn thịt người sao ? Loài thú tự ăn thịt nhau người đời căm ghét, bậc làm cha mẹ dân chẳng ngăn cản loài thú đến ăn thịt người, thế thì còn xứng làm cha mẹ của dân nữa không ? Đức Khổng Tử từng nói : Người đầu tiên chế ra hình con nộm đem chôn theo người chết, nên chẳng có con cháu về sau. Vì sao Khổng Tử nói như vậy ? Chính bởi đem hình nộm chôn theo người chết thật giống người ta quá. Chôn hình nộm giống người đã là bất nhân. Thế còn làm muôn dân chết đói thì sao ?”

Với lời lẽ sắc bén, Mạnh Tử thẳng thắn phê phán kẻ cầm quyền đương thời, lời nói đanh thép, lý lẽ rõ ràng khiến mọi người đều khâm phục. “Sát nhân dĩ chính” (chính trị giết người) “Soái dã thực nhân” (dẫn thú về ăn thịt người) đó là bản sao của kẻ chính trị dã tâm. Mạnh Tử đứng lên phê phán bọn thống trị xã hội, không biết quần chúng đông đảo đang chịu áp bức tàn bạo ? Có ai dám đứng lên bênh vực cho họ không ? Ở đây một lần nữa Mạnh Tử thể hiện rất rõ tinh thần nhân đạo chủ nghĩa của

mình.

Một lần khác, Huệ Vương triệu kiến Mạnh Tử vào cung. Lương Huệ Vương luôn khổ não vì việc thực hiện chính trị trong nước. Có lẽ ngài không đồng ý với lập trường chính trị nhân đạo của Mạnh Tử, nhưng để tìm cách tồn tại trong bối cảnh chung của cuộc chiến tranh khốc liệt, nhất là nước Ngụy lại ở giữa ba nước lớn : Tấn, Sở, Tề, không biết ngày nào sẽ bị đánh chiếm. Tuổi già Lương Huệ Vương gặp khó khăn trăm bề đành phải kêu gọi người tài giỏi trong thiên hạ, hy vọng có thể giải quyết những vấn đề khó khăn trước mắt. Lần này Lương Huệ Vương nói rõ những suy nghĩ từ trong thâm tâm của mình để Mạnh Tử rõ, ông nói :

“Trước đây nước ta là một nước mạnh trong thiên hạ, điều này ngài đã biết. Nhưng đối với đời ta, phía Đông bị thua nước Tề, ngay con trai lớn của ta cũng bị tử trận, phía Tây thua nước Tấn, bị chiếm mất bảy trăm dặm đất Hà Tây, phía Nam vừa đánh với Sở bị thua tại Tương Lăng, mất luôn tám thành. Đó là điều nhục nhã, xấu hổ, khiến ta ăn ngủ không yên, không lúc nào không nghĩ đến việc phục thù rửa nhục cho những người chết trận. Người hiểu lòng ta, hãy nghĩ xem ta phải làm gì đây ?”

Mạnh Tử nói :

“Chỉ cần đất vuông vức trăm dặm, thực hành chính trị nhân đức có thể khiến thiên hạ thuận phục. Giả sử bệ hạ thực hành nền chính trị nhân đức, giảm bớt hình phạt, giảm nhẹ thuế má, khiến muôn dân lo việc sản xuất nông

ngiệp, tận dụng ngày nhàn rỗi, giáo dục thanh niên, làm cho họ hiểu được thế nào là hiếu thuận với cha mẹ, yêu thương anh em, yêu thương con người, quý trọng của cải, hết lòng thành khẩn, tin tưởng, cuộc sống của người già cả ổn định, giáo dưỡng điều tốt. Như vậy tự nhiên họ yêu nước yêu nhà. Vì thế chỉ cần gây gộc họ cũng có thể đánh đuổi được đội quân nước mạnh áo giáp kiên cố, vũ khí sắc nhọn”.

“Bệ hạ có thể cho rằng ta nói không thực tế, nhưng kỳ thực như vậy. Như nước Tần, nước Sở chỉ lo động viên nhân lực cho chiến tranh, mở rộng đất đai xâm lấn. Muôn dân của họ thường xuyên chờ lệnh lên đường chiến đấu, làm sao theo việc tăng gia sản xuất được, lấy gì nuôi dưỡng cha mẹ ? Ở nhà cha mẹ chết đói, vợ chồng con cái xa lìa. Anh em phân ly cách biệt. Thử hỏi muôn dân có cảm giận hay không ? Tần, Sở sẽ làm cho muôn dân nước họ rơi vào vực thẳm khổ đau. Bệ hạ lấy chính trị nhân đức mà đến với họ, hỏi có nước nào có thể chống lại được ? Có thể nói : người có nhân đức thì vô địch. Xin bệ hạ giữ vững lòng tin”.

Không ai địch nổi người nhân đức là ý niệm chính trị lý tưởng mà Mạnh Tử suốt đời tin tưởng theo đuổi. Có người phê phán cách nghĩ của Mạnh Tử viễn vông xa thực tiễn, kỳ thực Mạnh Tử chẳng phải là không biết những khó khăn chồng chất của hiện thực, chẳng phải ông không biết cách nghĩ này không dễ dàng được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của mọi người, có điều ông biết rõ hơn ai hết là : nếu chỉ làm những việc theo yêu cầu của hiện thực, chỉ theo những cách nghĩ của người thường thì thế giới này ngày càng tăm tối đi, tương lai tiền đồ của nhân loại cũng sẽ lạnh

lẽo tới tằm. Vì thế không phải Mạnh Tử cố ý tự nói đến thanh cao mà chính là sự quan tâm của ông đến nhân loại, quan tâm đến văn minh, kiên trì đúng khí của lý tưởng. Cả cuộc đời Mạnh Tử kiên trì việc lấy nhân đức làm nguyên tắc chỉ đạo chính trị. Vấn đề còn lại là trong hoàn cảnh thực tiễn của lịch sử, người cầm quyền có thể tiếp thụ được tư tưởng đó của Mạnh Tử hay không ?

3. Bậc trượng phu chân chính.

Lúc Mạnh Tử ở nước Ngụy, ông đi lại với Huệ Vương với tư cách một khách quen, không hề nhận bổng lộc tước vị gì. Đối với tất cả các quan trong triều, tất cả mọi việc trong cung, Mạnh Tử đều rất chú ý giữ gìn đúng phép tắc. Lúc đó Châu Tiêu người nước Ngụy bèn hỏi Mạnh Tử :

“Bậc quân tử ngày trước có ra làm quan hay không ?”

“Ra làm quan” Mạnh Tử đáp rằng : “Sách xưa có chép : nếu Khổng Tử ba tháng an nhàn thì người thấy chẳng yên. Khi đến một nước khác nhất định đem theo lễ vật hiến tặng đức vua, hy vọng tìm được một chức quan. Công Minh Nghi bậc hiền nhân nước Lỗ cũng nói : Người đời trước nếu ba tháng ngồi rồi thì ta nên đến an ủi họ”.

Châu Tiêu nói : “Ngồi rồi ba tháng đã phải đến an ủi họ, không phải là vội vã quá sao ?”

Mạnh Tử nói :

“Kẻ có học mất chức quan giống như chư hầu mất nước”.

Châu Tiêu lại hỏi :

“Vì sao đến nước khác, Không Tử thường đem lễ vật hiến tặng đức vua ?”

Mạnh Tử đáp :

“Người trí thức được ra làm quan cũng giống như người nhà quê được ra cày ruộng. Lễ nào đến nước khác anh nhà quê lại vứt bỏ cày bừa của họ đi được ?”

Châu Tiêu lại hỏi tiếp :

“Ra làm quan đương nhiên là khát vọng bức thiết của kẻ có học. Người quân tử có đạo đức, có học vấn lại khó nhận được chức quan là có làm sao ?”

Châu Tiêu hỏi đến đây đánh đúng vào thâm tâm suy tưởng của Mạnh Tử. Ông ta nghĩ Mạnh Tử hy vọng vua sẽ trọng dụng ông, để ông có thể thực hiện hoài bão của mình. Thế thì sao ông lại không tìm cho mình được một chức quan dễ dàng ?

Mạnh Tử trả lời rằng :

“Làm bậc cha mẹ, tất nhiên mong muốn con trai có người vợ tốt, con gái tìm được người chồng tốt. Đó là lẽ thường tình. nhưng nếu như con trai, con gái không giữ lễ phép, đục lỗ thủng để tự ngắm nhau hoặc vượt tường leo rào để đi theo nhau, thế thì người đời trong xã hội chẳng xem chúng ra gì cả. Không dựa vào chính đạo để ra làm quan thì chẳng khác gì bọn người vượt tường, đục lỗ kia ư”.

Tư tưởng của Mạnh Tử nêu ra rất rõ ràng, làm bất cứ điều gì đều phải có nguyên tắc. Nếu chỉ hỏi mục đích mà

không chọn biện pháp, đó chính là không có nguyên tắc.

Một lần, Vạn Chương — học trò của Mạnh Tử cũng hỏi đến một vấn đề giống như vậy :

“Có người nói, Y Doãn là bậc tài đức ngày trước đã dùng tài nấu nướng của mình để được gần gũi Thương Thang và được Thương Thang trọng dụng. Có chuyện thật vậy không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Không, không phải như vậy. Y Doãn làm ruộng ở đất Hữu Sần, lấy đạo của Nghiêu Thuấn làm vui. Nếu không hợp đạo nghĩa, dù có lấy bổng lộc tiền tài và sự giàu có của thiên hạ dâng cho ông, ông cũng chẳng thèm, dù tặng ông bốn ngàn cỗ xe ngựa ông cũng chẳng đoái hoài tới. Nếu không hợp đạo nghĩa, một chút ông cũng chẳng cho người khác và cũng chẳng bao giờ nhận của ai chút nhỏ gì. Vua Thang đã sai người đến biểu ông lễ vật, ông điềm tĩnh nói : vì sao ta lại nhận những lễ vật này của vua ? Ta ở giữa đồng hoang này vui với đạo Nghiêu Thuấn chẳng đủ lắm rồi sao ?”

“Ba lần vua Thang sai người đến mời Y Doãn về triều. Chẳng bao lâu, ông bổng hoàn toàn thay đổi thái độ, nói : Ta ở giữa đồng hoang vui với đạo Nghiêu Thuấn, lại chẳng bằng khiến đức vua ngày nay cũng trở thành vua hiền như Nghiêu Thuấn sao ? Trời sinh ra muôn dân chính là muốn người biết trước bảo người biết sau, khiến người trước biết người sau cũng biết. Ta là bậc biết trước đồng đảo chúng sinh, ta có trách nhiệm đem đạo Nghiêu đạo Thuấn phổ cập

cho chúng sinh. Số mệnh này không là ta đảm trách thì còn ai đảm trách nữa ? Ông nghĩ : muôn dân trong thiên hạ nếu không được tắm gội ân đức của đạo Nghiêu Thuấn cũng giống như tự mình mắc tội. Ông ấy đảm trách nhiệm vụ nặng nề của thiên hạ như vậy. Nên vừa đến với vua Thang, Y Doãn khuyên ngài nên trừng phạt ngay Hạ Kiệt, để cứu vớt muôn dân.

Ta chưa từng nghe nói hành vi của mình không chính mà lại có thể dạy bảo được người khác, càng không thể nói những kẻ bản thân ô trọc lại có thể uốn nắn được thiên hạ. Hành vi của bậc Thánh nhân tuy chẳng giống nhau nhưng họ đều là người trong sạch cao cả. Ta chỉ nghe nói Y Doãn lấy đạo của Nghiêu Thuấn khiến vua Thang trọng dụng ông, chứ chưa hề nghe nói ông nhờ tài nấu nướng mà được tiến thân bao giờ”.

Những lời của Mạnh Tử trên đây, chúng ta có thể thấy được quan điểm của Mạnh Tử về người trí thức. Ông cho rằng người trí thức thì mọi hành vi đạo đức phải giữ đúng nguyên tắc. Cái gọi là phi nghĩa, phi đạo, phi nhân họ đều chẳng chịu làm. Cũng phải có cái “cảm sứ mệnh” mà mình phải gánh vác trước thiên hạ, khiến người biết trước dạy người biết sau, người người đều biết. Như vậy nền văn minh nhân loại mới có thể tiếp tục được nâng cao phát triển, loài người mới có tiền đồ xán lạn được.

Nước Ngụy lúc đó, có một vị thuộc phái Tung Hoàn Gia — Cảnh Xuân rất sùng bái hai chính khách ngoại giao nổi tiếng là Công Tôn Diễn và Trương Nghi. Có lần Cảnh

Xuân hỏi Mạnh Tử rằng :

“Hai ông Công Tôn Diễn và Trương Nghi há chẳng phải là bậc đại trượng phu chân chính sao ? Hai ông vừa tức giận là chư hầu các nước đều sợ. Hai ông yên một chỗ, thiên hạ thái bình vô sự”.

Mạnh Tử nói :

“Loại người như vậy sao lại gọi là đại trượng phu được ? Người chưa học lễ hay sao ? Khi người con trai đến tuổi trưởng thành thì được thọ lễ đội mũ, người cha sẽ dạy cho nó xử thế ở đời như thế nào ? Khi người con gái đi lấy chồng người mẹ cũng sẽ ân cần khuyên nhủ : về nhà chồng nhất định phải cung kính nhường nhịn, không được trái ý chồng, phải giữ đạo “chữ Tòng”. Đó mới gọi là đạo làm vợ.

“Nhân là chỗ ở rộng nhất trong thiên hạ, Lễ là chỗ đáng đứng nhất trong thiên hạ, Nghĩa là con đường sáng nhất trong thiên hạ, lúc đắc chí thì giáo hóa cho muôn dân, khiến muôn dân cùng đi trên đường lớn : nhân, lễ, nghĩa. Khi không đắc chí thì kiên trì nguyên tắc làm theo việc thiện, tự mình tu thân, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất. Chỉ có như vậy mới xứng đáng là bậc trượng phu”.

Một thời đại chỉ sùng bái anh hùng mà không tôn trọng đạo đức, lời lẽ trên của Mạnh Tử là tiếng vang lớn khiến bọn người Trương Nghi lập tức khiếp sợ. Mãi đến giờ, sau hơn hai trăm năm vẫn làm cho ta cảm thấy được sức rung động mãnh liệt của lời nói này. Chỉ có tính cách phẩm chất của phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ

bất năng khuất mới là giá trị nhân sinh đáng trân trọng.

Sau này Mạnh Tử lại gặp một nhà biện thuyết thuộc phái Tung Hoành - Thuần Vu Khôn, ông ta hỏi Mạnh Tử :

“Nam nữ thụ thụ bất thân là Lễ phải không ?”

“Không sai. Đó là Lễ”

“Ví dụ chị dâu ngã xuống nước, nên đưa tay để kéo chị ta lên hay không ?” Thuần Vu Khôn hỏi.

Mạnh Tử trả lời :

“Nếu chị dâu mình ngã xuống nước mà không kéo lên, thật là đồ thú dữ sói lang. Nam nữ thụ thụ bất thân đó là lễ thường. Cầm tay chị dâu mà kéo từ dưới nước lên là phép quyền biến vậy.”

Thuần Vu Khôn hỏi tiếp :

“Hiện nay người trong thiên hạ đắm chìm cả, sao ngài không đưa tay cứu vớt ?”

Mạnh Tử nói :

“Người trong thiên hạ đều rơi xuống nước, phải dùng đạo để cứu vớt. Chị dâu rơi xuống nước dùng tay để cứu vớt. Lê nào người muốn ta dùng tay để cứu vớt mọi người trong toàn thiên hạ”.

Xét kỹ ra đó chỉ là thứ biện luận ngẫu nhiên, đằng sau ứng đáp mưu trí nhanh nhẹn của Mạnh Tử thực chất ẩn chứa một đạo lý rất lớn. Điều bất đồng lớn nhất giữa Mạnh Tử và người đương thời là ở chỗ : ông suốt đời theo đuổi theo lễ : Thiên hạ nhược — viện chi dĩ đạo. (người trong thiên hạ yếu mình giúp người ta — đó là đạo). Không phải

biểu hiện sắc thái anh hùng cá nhân, càng không phải tìm kiếm danh lợi cho cá nhân mình từ trong đó. Lấy nhân đạo để cứu vớt thiên hạ đó là nguyên tắc không bao giờ Mạnh Tử thỏa hiệp.

Mùa đông năm thứ hai từ khi Mạnh Tử đến nước Ngụy. Tuyết rất lớn. Huệ Vương luôn ôm ấp mộng tưởng phá cường và khát vọng phục thù đã qua đời. Mạnh Tử tuy cảm thấy đau buồn nhưng vẫn phê bình một cách khách quan Lương Huệ Vương rằng :

“Huệ Vương thật bất nhẫn quá. Người tài giỏi nên yêu quý thì ông ta lại căm giận. Kẻ bất nhân thì ông ta lại tin cần yêu quý”.

Công Tôn Sửu — học trò của Mạnh Tử hỏi :

“Như vậy nghĩa là sao ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Lý do là vì Lương Huệ Vương chiếm đoạt đất đai, gây nên cuộc chiến tranh hy sinh xương máu muôn dân, kết quả đại bại. Muốn đánh nhau nữa sợ không thắng được, đem đệ tử mà ông yêu thích phải chịu chết thay, đó là việc ông đem những cái ông không thích trở thành cái ông yêu thích”.

Lương Huệ Vương chẳng tiếp thu được tư tưởng của Mạnh Tử và hiện nay đã chết rồi. Mạnh Tử nghĩ : “Ở nước Ngụy chẳng thích thú gì, chi bằng ta đi nước khác thì hơn !”

Mùa xuân năm sau, năm 318 trước Công nguyên, con Huệ Vương Xích Đoạn Lập là Ngụy Tương Vương lên ngôi.

Năm đó Mạnh Tử đã gần năm mươi lăm tuổi.

Tương Vương sau khi lên ngôi, có lần mời Mạnh Tử vào cung. Tương Vương hỏi Mạnh Tử :

“Làm thế nào để ổn định thiên hạ được ?”

“Chỉ có thống nhất thiên hạ, kết thúc cảnh các nước phân tranh mới có thể ổn định được”.

“Ai có thể thống nhất được thiên hạ” Tương Vương lại hỏi. Mạnh Tử đáp :

“Ông vua không ham giết người có thể thống nhất được thiên hạ”

“Có ai chịu quy phục ông ta chăng ?”

Mạnh Tử nói :

“Thiên hạ thấy đều quy phục cả. Bệ hạ có thấy mạ bao giờ chưa ? Khoảng tháng bảy tháng tám trời rất lâu không có mưa, mạ sẽ khô héo hết. Nhưng nếu có mây đen xuất hiện, mưa ào ào đổ xuống, mạ sẽ vượt lên rất nhanh. Ai có thể ngăn chặn được nữa. Giống như nhà cầm quyền ngày nay, chẳng có một ai không ham giết người. Nếu có một ông vua không ham giết người, thế thì muôn dân trong thiên hạ sẽ ngóng cổ chờ mong ông ta đến cứu thoát. Nếu thật như vậy, muôn dân sẽ quy phục ông, giống như nước theo chỗ thấp chảy xuống, cuồn cuộn ào ào, không ai có thể ngăn được !”

Câu hỏi trên, ý nghĩa vẫn là không ai địch nổi người nhân đức. Những ví dụ sinh động của Mạnh Tử phát huy được tính hiệu quả của sự thuyết phục. Nhưng Tương

Vương cũng như cha của ông ngày trước, chỉ nghĩ đến lợi ích chính trị trước mắt, còn chính trị nhân đức, những lời này chẳng lọt tai ông. Khi nói chuyện, chú ý quan sát nét mặt, lời nói, Mạnh Tử đã biết không thể hy vọng nước Ngụy thực thi đường lối chính trị nhân đức được.

Mạnh Tử từ cung đi ra. Nhắc đến lần gặp Lương Huệ Vương ông nói : “Ông ấy chẳng có dáng mạo của một ông vua nếu nhìn từ xa. Nhưng khi đến gần ta thấy ông ấy rất oai nghiêm lắm liệť”. Chính vì vậy Mạnh Tử quyết định rời khỏi nước Ngụy.

Chương 3

NƯỚC TÈ — TRẠM THỨ HAI CỦA CUỘC HÀNH TRÌNH

1. Cuộc đối thoại giữa Vương đạo và Bá đạo.

Mạnh Tử dời nước Ngụy quyết định đi về phía đông đến với nước Tề. Lúc này Tề Tuyên Vương vừa lên ngôi chưa được bao lâu, ông rất muốn làm một việc gì đó. Biện pháp đầu tiên của ông ta là cho trùng tu lại nơi học cung ở Tắc Môn kinh thành Lâm Tri. Với những ưu đãi đặc biệt, vua công khai thỉnh mời học giả hiền sĩ và các nhà tư tưởng nổi tiếng đương thời trong thiên hạ về cung. Lời cầu hiền của Tuyên Vương đến nước Tề, có Âm Dương gia Trâu Diễn, Pháp gia Thiên Biền, Trán Đái, Hoàn Uyên, Tiếp Tử, ngoài ra còn có Thuần Vu Khôn, nhà biện thuyết và Mạnh Tử nước Ngụy... Tất cả không dưới một trăm người. Có thể nói đây là đội quân đông nhất lúc bấy giờ. Đội quân này được nước Tề rất quan tâm, họ sống trong điều kiện ưu ái đặc biệt, có đường đi lại rộng lớn, nơi ở cao sang đẹp đẽ. Họ được hoàn toàn tự do thoải mái suy nghĩ, nghiên cứu, bàn luận tại đây.

Năm 316 trước Công nguyên. Năm đó Mạnh Tử khoảng năm mươi bảy tuổi. Lúc này Mạnh Tử dẫn đầu một đoàn đệ tử rầm rộ kéo đến Lâm Tri, mong nhận được sự trọng đãi của nhà cầm quyền nước Tề. Họ được bố trí ở tại "Tắc Hạ Quán".

Cùng năm này, tình thế chiến cục giữa các nước có biến động lớn. Nước Tống xung vương. Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Sở năm nước liên quân đánh Tần, kết quả thất bại tại Hàm Cốc Quan, trận chiến làm thay đổi tình thế cân bằng quân sự giữa các nước phía đông và nước Tần, càng kích thích quyết tâm tìm phương cách tốt nhất để trị quốc của Tề Tuyên Vương.

Do đó ngay lần đầu gặp Mạnh Tử, Tuyên Vương đã hỏi :

"Người có thể kể cho ta nghe nghiệp bá của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công được chăng ?"

Mạnh Tử đáp :

"Các đệ tử của đức Khổng Tử chưa từng giảng nghiệp bá của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, cho nên sự tích của hai ông không được lưu truyền đến đời sau. Đại thể tôi chưa từng được nghe đến. Nếu bệ hạ muốn tôi nói, thế thì ta hãy nói đến vương đạo lấy đức để thu phục con người vậy".

Thực ra Mạnh Tử nắm rất rõ các điển tích lịch sử đời xưa, lẽ nào ông không biết đến Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công được ? Chẳng qua ông không muốn nói mà thôi. Điều căn bản Mạnh Tử không bao giờ theo đuổi cường quyền của nghiệp bá. Do đó ngay từ đầu ông đã đổi hướng câu hỏi của

Tề Tuyên Vương.

Tề Tuyên Vương hỏi tiếp :

“Như thế nào mới có thể thống nhất thiên hạ bằng vương đạo ?”

Mạnh Tử nói :

“Tất cả vì muôn dân, khiến muôn dân an cư lạc nghiệp. Như vậy việc thống nhất thiên hạ sẽ không có kẻ nào ngăn cản nổi”.

Tuyên Vương nói :

“Người xem, người như ta có thể bảo hộ dân chúng được không ?”

Mạnh Tử nói :

“Có thể”.

“Dựa vào đâu mà đoán được như vậy ?” Tuyên Vương hỏi. Thế là Mạnh Tử bèn nêu ngay những ví dụ, nói :

“Tôi từng nghe Hồ Hột nói với tôi một chuyện : một hôm bệ hạ ngồi ở trong điện, bỗng nhìn thấy một người lôi một con bò qua cửa điện. Thấy vậy bệ hạ hỏi rằng : Dắt bò đi đâu đấy ? Người kia đáp rằng : Chuẩn bị giết nó lấy máu bôi chuông. Bệ hạ liền nói : Thả ngay nó ra, ta không thể nhẫn tâm nhìn thấy bộ dạng nó run sợ thế kia. Vô tội mà chịu chết, thật không chịu được ! Người kia lại nói : Thế thì không nên duy trì nghi thức bôi chuông nữa hay sao ? Bệ hạ nói : Sao lại không ? Hãy dùng dê mà thay thế vậy. Chẳng biết chuyện có thật đúng như vậy không ?”

Tuyên Vương nói : “Đúng vậy”

Mạnh Tử nói :

“VẬY là tốt lắm. Coi cái tâm của bệ hạ có thể làm vương thiên hạ được. Muôn dân đều cho rằng bệ hạ vì hà tiện do đó mới cho thay thế bò bằng dê. Nhưng tôi biết ngay thực ra bệ hạ chẳng nỡ”.

Tuyên Vương nói :

“Thế à ! Muôn dân nghĩ như vậy. Nước Tề tuy không lớn nhưng đâu đến nỗi ta tiếc một con bò sao ? Thật ra ta không nỡ nhìn nó run rẩy sợ sệt khi bị đưa đến chỗ chết. Do vậy mới bảo lấy dê thay bò vậy”.

Mạnh Tử nói :

“Cũng chẳng nên lấy làm lạ, khi muôn dân cho rằng ngài hà tiện. Dê nhỏ, bò lớn, mà bệ hạ thì lấy nhỏ đổi lớn, muôn dân đâu biết được nỗi lòng của bệ hạ ? Nếu tiếc thương con bò vô tội mà không giết thế thì giết dê chẳng đáng thương sao ?”

Tuyên Vương cười và nói :

“Chẳng biết nghĩ sao, thật ra không phải ta tiếc tiền mà đem đổi dê thay bò. Chẳng trách muôn dân nói ta keo kiệt”.

Mạnh Tử lại nói :

“Không sao cả, việc bệ hạ làm chính là nhân nghĩa đó. Bởi vì vấn đề là ở chỗ, chỉ nhìn thấy con bò trước mắt đang run rẩy lo sợ, khi ấy ta chưa nhìn thấy con dê ở đâu cả ! Người quân tử nhìn thấy chúng nó sống thì chẳng nỡ nhìn chúng nó chết. Nghe thấy chúng kêu la bị thảm thì chẳng

nữ ăn thịt chúng. Do vậy người quân tử nên tránh thật xa nơi bếp núc. Đó là đạo lý”.

Ở đây Mạnh Tử chẳng nói theo suy nghĩ của Tuyên Vương, cũng chẳng tiếp tay hành động cho Tuyên Vương mà chỉ ra rằng : mỗi con người đều có tính thiện. Tính thiện này chính là cơ sở của nền chính trị nhân đức. Từ trong sự việc này Mạnh Tử chỉ ra cho Tuyên Vương thấy : ông có khả năng làm vương thiên hạ. Tuyên Vương nghe xong mừng lắm. Ông ta nói :

“Trong Kinh Thi có hai câu : người khác có việc trong lòng, ta có thể suy đoán mà biết. Ngài quả như vậy. Ta làm như vậy thực. Nhưng tự mình chẳng giải nghĩa được nổi lòng. Người nói như vậy rất hợp ý ta. Lúc đầu quả thực ta chẳng biết nghĩ cách nào khác được. Nhưng người nói tim của ta có thể dựng nghiệp vương cho thiên hạ là sao ta chưa rõ ?” Mạnh Tử nói :

“Nếu có người nói với bệ hạ rằng : Sức mạnh của ta có thể nâng bổng vật nặng ba trăm cân, nhưng lại cầm không nổi một cái lông chim. Mắt ta có thể nhìn thấu tận tầng cuối sợi lông của con thú, thì lại nhìn không ra cổ xe chở đầy củi. Bệ hạ có thể tin lời họ được không ?”

“Không” Tuyên Vương nói.

Mạnh Tử lại nói tiếp :

“Hôm nay ân đức của bệ hạ mở rộng đến cả muôn thú lẽ nào muôn dân lại không được hưởng ân đức của ngài ? Thoạt nhìn một cái lông cũng cầm không nổi, bởi vì họ không đủ sức mà thôi. Một xe củi đầy nhìn chẳng thấy

ấy vì họ không định nhìn đó thôi, muôn dân không thể an cư lạc nghiệp, chính bởi người cầm quyền không thực thi “Đức”. Cho nên có thể nói : bệ hạ chưa làm vương thiên hạ, chỉ vì ngại chẳng chịu làm, chứ không phải ngại không đủ tài năng”.

Tuyên Vương hỏi :

“Không chịu làm và không làm được có gì khác nhau ?”

Mạnh Tử nói :

“Nếu phải cấp núi Thái Sơn vượt qua biển Bắc, người ta nói rằng : việc này tôi làm không được. Đó thực là việc mình không đủ sức làm. Nếu bẻ một cành cây cho ông lão, người ta nói : việc này tôi làm không được. Thế thì đó là không chịu làm chứ không phải làm không được. Cho nên bệ hạ không thực hành nhân đức, không phải là không có khả năng như cấp núi Thái Sơn vượt qua biển Bắc mà chỉ giống việc bẻ cành cây, đó là không chịu làm đó thôi.

“Tôn kính cha anh mình, tới chỗ tôn kính cha anh người khác. Làm theo nguyên tắc này thì làm vua thiên hạ sẽ thật dễ dàng. Kinh Thi có ghi lại rằng : Trước tiên phải làm gương cho vợ con mình, sau đó đến anh em, chót nữa lấy đạo lý tu thân tề gia làm nguyên tắc trị vì gây dựng quốc gia. Nghĩa là làm cho nhân đức của mình, từ gần đến xa, mở ra khắp trong thiên hạ, nếu mình không như vậy thì ngay vợ con mình cũng chẳng trông mong được gì. Bậc Thánh nhân đời xưa sở dĩ hơn người thường chẳng qua là ở chỗ này thôi. Chẳng qua các ngài khéo léo phát triển nhân

tâm đức chính của mình mà thôi. Hiện nay ân đức của bệ hạ trùm khắp mọi nơi đến cả chim chóc, thú vật, lẽ nào muôn dân không đội công đức của ngài ?

“Phải cân mới biết nặng nhẹ, phải đo mới biết ngắn dài. Tất cả mọi vật đều như vậy cả. Tâm của con người cũng như vậy. Xin bệ hạ suy xét, lẽ nào nói : động viên binh lính, khiến tướng sĩ lâm cảnh hiểm nguy, gây thù hận với các chư hầu, như vậy ngài mới hả dạ sao ?”

Tuyên Vương nói :

“Không ! Không ! Lẽ nào ta vui thích làm điều như vậy ? Làm thế chỉ là để thỏa mãn khát vọng của ta mà thôi.”

Mạnh Tử đáp :

“Khát vọng lớn nhất của bệ hạ là gì ? Có thể nói cho ta nghe được chăng ?”

Tuyên Vương cười, không đáp.

Mạnh Tử bèn hỏi tiếp :

“Có phải vì không đủ của ngon vật lạ vua dùng ? Không đủ quần áo đẹp vua mang ? Hoặc là không đủ màu sắc lộng lẫy vua nhìn ngắm ? Thiếu bài hát ngọt ngào để ngài nghe chăng ? Thiếu kẻ hầu người hạ vua chăng ? Những cái đó bề tôi của bệ hạ đều lo liệu đầy đủ cả, lẽ nào bệ hạ còn muốn nữa ?”

Tuyên Vương nói :

“Không ! Ta không vì các việc đó.”

Mạnh Tử đáp :

“Thế thì khát vọng lớn nhất của bệ hạ ta biết rồi : Muốn mở rộng đất đai, quy phục Tân, Sở, cai trị toàn cõi thiên hạ, quy phục cả bốn phương. Nhưng cách nghĩ của bệ hạ để đạt được khát vọng giống như trèo lên cây để bắt cá, làm sao được.”

Tuyên Vương nói :

“Thật nghiêm trọng vậy sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Sợ còn nghiêm trọng hơn thế nữa ! Trèo lên cây để bắt cá tuy không bắt được cá, nhưng chẳng tai hại gì. Cách làm để đạt được nguyện vọng của bệ hạ, tổn công tổn sức mà còn tai họa nữa cơ”.

Tuyên Vương nói :

“Có thể nói ta nghe được chẳng ?”

Mạnh Tử nói :

“Nếu như nước Trâu và nước Sở đánh nhau, bệ hạ cho rằng nước nào sẽ thắng ?”

“Nước Sở sẽ thắng”. Tuyên Vương trả lời.

“Từ đây có thể nói rằng : nước nhỏ không thể thắng nước lớn, số ít không thể thắng số nhiều, kẻ yếu không thể thắng kẻ mạnh. Hiện tại có chín nước rộng ngàn dặm. Nước Tề chỉ là một trong số đó, lấy sức lực của một phần chín chống chọi lại với tám phần còn lại, khác gì nước Trâu địch với nước Sở ? Do vậy ngài nên bắt đầu từ phép cai trị nhân đức làm căn bản.

Nay nếu bệ hạ cải cách chính trị, mở rộng nhân đức,

khiến sĩ phu, đại phu trong thiên hạ đều muốn đến làm quan cho nước Tề, các nhà buôn đều nghĩ đến nước Tề để buôn bán, những người oán ghét vua chúa nước mình cũng muốn đến nước Tề để tố cáo với ngài. Nếu vậy bệ hạ sẽ làm vua thiên hạ, ai ngăn cản được ngài nữa”.

Tuyên Vương nói :

“Hiện tâm tư ta rối bời, không thể làm đến được mức độ ngài vừa nói, hy vọng ngài giúp ta, chỉ dẫn tường tận cho ta. Tuy chẳng minh mẫn nhưng ta nguyện làm theo lời dạy của ngài.”

Mạnh Tử thấy Tuyên Vương thành khẩn như thế bèn thuật lại một cách tỷ mỷ nội dung cụ thể của phép cai trị nhân đức.

“Không có của cải nào bền vững, kiên trì nguyên tắc đạo đức chỉ có bậc kẻ sĩ mới có thể làm được. Đối với muôn dân nếu không thu được của cải bền vững, cuộc đời chẳng được bảo đảm, thì chẳng có cách gì giữ được tâm trí hướng thiện. Nếu muôn dân dễ mất bản tính lương thiện, thế thì họ sẽ làm càn làm bậy, vi phạm kỷ cương pháp luật, chẳng có việc xấu nào họ từ. Đợi đến lúc họ phạm tội, ngài sẽ theo pháp luật mà xử tội, đó chẳng khác nào cố ý giăng bẫy gài họ vậy. Lẽ nào một bậc nhân nghĩa ngồi trên ngôi vị của mình mà làm việc giăng cạm bẫy hại dân được ? Bởi vậy bậc minh quân chế định của cải của dân nhất định làm cho mọi người trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi sống vợ con. Năm được mùa cơm đủ no, áo đủ mặc. Năm mất mùa cũng không đến nỗi chết đói. Cuộc sống được bảo đảm, sau

giáo dục họ làm điều thiện, muôn dân sẽ dễ dàng nghe theo.

“Còn hiện nay của cải của dân thu nhập dường chẳng nổi cha mẹ, nuôi chẳng được vợ con. Năm được mùa đời sống vẫn muôn phần khổ cực. Năm thất bát chỉ có con đường chết. Tình huống như vậy, muôn dân nghĩ cách để sống cũng là khó, có thời gian đâu để học lễ học nghĩa nữa ?

“Nếu bệ hạ muốn thi hành phép cai trị nhân đức thì phải bắt đầu từ gốc rễ. Mỗi nhà có năm mẫu đất để ở, đất trồng được trồng dâu, người trên năm mươi tuổi có lụa để mặc, nuôi được gà, chó, heo, các loại gia súc, không bỏ lỡ thời vận phát triển, người trên bảy mươi tuổi có thịt để ăn. Mỗi nhà được cấp một trăm mẫu đất, không trưng dụng tùy tiện thời gian và sức người làm hại đến sản xuất, thì nhà tám nhân khẩu cũng không phải đói. Sau đó lo giáo dục tốt ở các trường, dạy dỗ đạo lý hiếu thuận, yêu thương lẫn nhau, không còn cảnh người già cả phải làm lưng vắt và không được nghỉ ngơi. Người già được ăn ngon mặc ấm, dân thường chẳng đói chẳng rét. Được như vậy thiên hạ quy phục, chẳng phải là việc chưa có xưa nay sao ?”

Lời đối thoại lần đầu Mạnh Tử gặp Tuyên Vương đến đây kết thúc. Ở đây Mạnh Tử vẫn giương cao ngọn cờ “bảo dân nhi vương” (bảo vệ dân và theo vua), chống lại dã tâm của những vua chúa đương thời chạy theo nghiệp bá. Từ điều này mà nói, màu sắc chủ nghĩa lý tưởng của Mạnh Tử rất sâu đậm so với nhóm Thương Ưởng, Trương Nghi. Tuy nhiên Mạnh Tử không sát thực tế, thậm chí có thể nói : tư

tướng cai trị nhân đức của ông có cơ sở xuất phát từ những vấn đề nhân sinh. Điều ông nhấn mạnh trước tiên là phải chăm sóc đời sống kinh tế của nhân dân, dân có cái ăn cái mặc, an cư lạc nghiệp, sau đó tiến thêm một bước là đẩy mạnh giáo hóa lễ, nghĩa, cải thiện tập quán xã hội để có nền văn hóa tốt đẹp.

Sự hùng biện và khí thế của Mạnh Tử thể hiện rõ trong các lời đối thoại của ông. Đứng trước Tề Tuyên Vương có lúc ông thẳng thắn, không hề tránh né, có lúc ví von uyển chuyển nhẹ nhàng dễ nghe. Điều quan trọng là Mạnh Tử đem đến niềm tin và sự cổ vũ cho Tuyên Vương. Nói rõ thống trị nhân đức là con đường tốt nhất. Chẳng trách Tuyên Vương có lần đã nói : Ta thử làm theo. Chính vì vậy Mạnh Tử càng hy vọng rất lớn ở nước Tề.

2. Kiên trì chủ nghĩa nhân đạo

Nhằm đúng vào tư tưởng thống trị của trào lưu đương thời, Mạnh Tử một lần nữa nhấn mạnh sự khác nhau giữa vương đạo và bá đạo. Ông nói :

“Một nước dựa vào vũ lực để xâm lược mà lại nói thác là nhân nghĩa - Đó là xưng bá. Muốn xưng bá phải là một nước lớn. Một nước thực thi chính sách cai trị nhân đức — đó là xưng vương. Muốn thực thi cai trị nhân đức, làm vua thiên hạ, không nhất định phải là nước lớn mạnh. Như Thương Thang chỉ dựa vào bảy mươi dặm đất. Chu Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất, thế mà vẫn làm vua thiên hạ. Dùng vũ lực chinh phục người khác, người ta sẽ không

thực tâm phục mình — ấy chỉ vì họ không đủ sức chống đỡ nổi mà thôi. Dùng đạo đức quy phục con người thì người ta thực sự vui lòng quy phục theo mình, giống như bảy mươi đệ tử của ngài tin ngài vậy. Trong Kinh Thi có nói : Từ Tây, từ Đông, từ Nam, từ Bắc không chỗ nào lòng người không phục. Ý nghĩa chính là ở đó”.

Mạnh Tử phân biệt rất rõ ràng : vương và bá. Lấy sức buộc người ta là bá. Lấy đạo đức thu phục người chính là vương. Điều mà Mạnh Tử chủ trương đề xướng chính là tư tưởng vương đạo. Lúc đầu Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử có biết nghiệp bá của Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công không ? Mạnh Tử trả lời không nghe nói qua. Thực ra không phải Mạnh Tử không biết, chẳng qua ông không muốn nói về bá đạo mà thôi. Sau này giảng cho môn đệ nghe về Xuân Thu ngũ bá, Mạnh Tử nói :

“Xuân Thu ngũ bá là kẻ có tội của ba đời đế vương của Hạ Thương Chu” (năm vị bá : Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Tần Mục Công và Tống Tương Công). Chư hầu ngày nay đều là kẻ có tội của ngũ bá, quan đại phu ngày nay lại đều là kẻ có tội của các chư hầu vậy.

“Thiên tử đến thăm các nước chư hầu gọi là tuần thú, chư hầu về kinh tâu báo thiên tử gọi là thuật chúc. Mùa xuân thiên tử đi xem việc cày cấy của muôn dân và giúp đỡ cho những người thiếu thốn. Mùa thu đi xem xét việc thu hoạch của muôn dân, kẻ thiếu hụt được người giúp đỡ. Thiên tử đến ranh giới của chư hầu, thấy đất đai rộng rãi, ruộng đồng đều trồng cấy, người già được phụng dưỡng đầy

đủ, kẻ hiền đức được tôn trọng, người tài giỏi có chức vị, người bèn khen thưởng cho thêm đất đai. Nếu nhìn thấy đất đai hoang tàn, người già đói rách, kẻ hiền đức chẳng được trọng dụng, bọn gian tham nắm quyền giữ chức, ngài ắt quở trách. Chư hầu một lần không đến triều kiến thì bị giáng mất một chức, lần thứ hai không đến bị tước bớt đất đai, lần thứ ba không đến, thiên tử cho quân đến trừng phạt ngay. Cho nên thiên tử chỉ ra lệnh đánh các chư hầu có tội, chứ không tự mình đánh chiếm các chư hầu. Phụng mệnh thiên tử các chư hầu chỉ đánh chiếm các nước có tội mà không chiếm đoạt đất đai. Xuân Thu ngũ bá lại cưỡng bức các chư hầu đi chiếm đoạt các nước khác. Cho nên nói : ngũ bá là kẻ có tội của ba đời đế vương. Trong Xuân Thu ngũ bá, Tề Hoàn Công mạnh nhất. Khi tụ tập các chư hầu tại đất Quỷ Khư, ông đặt ra năm điều thề ước sau :

Điều I : Tru diệt kẻ bất hiếu, không được thay đổi lập vương vị cho người thừa kế, không được đưa thiếp lên làm thê.

Điều II : Tôn trọng người hiền, nuôi dưỡng bậc tài giỏi, biểu dương người có đức.

Điều III : Kính già yêu trẻ, bảo vệ lũ khách.

Điều IV : Con cháu của công thần không được cha truyền con nối, mỗi quan mỗi việc, không được kiêm chức, bổ nhiệm quan chức phải dựa vào thực tài, không được tự ý giết quan đại phu.

Điều V : Không được thay đổi đế kè làm hại đến nước láng giềng. Không ngăn cản việc chuyển nhập lương thực.

Nếu trong nước chia đất phong lãnh thổ cho ai phải báo với các nước khác cùng biết.

Sau định ước còn nói tiếp : Phàm là đồng minh, sau này phải giữ đúng lời cam kết hòa hảo với nhau. Các chư hầu hôm nay đều đã vi phạm năm điều ước nguyên này, cho nên họ đều là kẻ có tội của ngũ bá.

“Vào hùa, nghe theo tội ác của vua là tội nhỏ. Chủ động sẵn đón khơi gợi tội ác cho vua là tội lớn, cho nên nói : các quan đại phu ngày nay đều là kẻ có tội của các chư hầu vậy”.

Từ đây có thể thấy rằng : lý tưởng chính trị của Mạnh Tử là : “Tam đại chi trị” (đường lối chính trị của ba đời đã nêu trên) trên dưới đoàn kết chan hòa, trật tự của thiên hạ được duy trì bằng nhân ái và lễ nghĩa. Đến thời Xuân Thu, thiên tử nước Chu dần dần đánh mất uy quyền “mẫu quốc” thiên hạ, trật tự chính trị vốn có bị phá vỡ và thách thức, thế là xuất hiện nghiệp bá của Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công. “Bá” dùng vũ lực sau đó độc quyền thống trị tất cả. Dầu sao thì nó vẫn có thể duy trì được trật tự chính trị đã rệu rã sắp sụp đổ so với cục diện hỗn loạn thời Chiến Quốc mà Mạnh Tử đem so sánh vẫn còn tốt hơn. Mạnh Tử bất mãn cao độ đối với các chư hầu và khanh tướng của chính quyền đương thời. Dưới mắt ông chúng không được bằng ngay cả thời Xuân Thu ngũ bá chứ chưa kể chi đến “Tam đại chi trị” nữa.

Các nước chư hầu đương thời trên tranh nhau nghiệp bá, dưới tìm cách sinh tồn, chưa bao giờ nói đến thực thi

đường lối chính trị nhân đức. Mạnh Tử cay đắng than thở. Đến nước Tề, ông vẫn kiên trì theo đuổi chủ nghĩa nhân đạo, yêu thương muôn dân. Lúc này bọn quý tộc và vua chúa các nước sống rất xa xỉ, chúng đều có vườn ngự lớn, cung điện nguy nga. Trái lại muôn dân thì đói khát, ly tán, điêu đứng muôn phần. Thật bất hợp lý, chẳng có chút gì là công bằng trong xã hội. Không chịu đựng nổi, Mạnh Tử đã mạnh mẽ nêu lên kháng nghị đạo đức.

Một hôm, Tề Tuyên Vương tiếp kiến Mạnh Tử tại “Tuyết cung” của ngài. Nhìn kiến trúc cung điện rực rỡ, trang hoàng lộng lẫy sang trọng, cùng sự hưởng thụ cuộc sống xa hoa, vua nói :

“Hiền quân cũng có những thú vui này chứ ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Có chứ. Nếu muôn dân không được cùng hưởng, họ sẽ phê phán quốc vương. Người không được hưởng mà phê phán quốc vương đương nhiên không đúng. Nhưng làm vua mà không cùng dân hưởng lạc, cũng không đúng. Phải lấy cái vui của muôn dân làm cái vui của mình. Lấy cái lo của muôn dân làm cái lo của mình, như vậy muôn dân cũng sẽ lấy cái lo của vua làm cái lo của mình. Lo cái lo của thiên hạ, vui cái vui của thiên hạ, như vậy thiên hạ không thể không quy phục. Xưa nay chưa từng có hay sao ?

“Ngày trước Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử rằng : Ta muốn đến thăm Chuyển Phục và Hàn — hai ngọn núi nổi tiếng, sau đó theo bờ biển xuống phía Nam một mạch đến tận vùng Lang Da. Ta phải làm sao cho giống cách ngao du

của các thiên tử đời trước ! Mạnh Tử đáp rằng : Lời hỏi hay lắm ! Thiên tử đến các nước chư hầu gọi là tuần thú, ý nghĩa là quan sát xem phần đất mà các chư hầu được gìn giữ, chư hầu triều kiến thiên tử gọi là thuật chúc. Ý nghĩa là trình bày trách nhiệm cai quản của mình lên vua. Dù là tuần thú hay thuật chúc đều là công việc phải làm. Lúc ngày xuân, xem xét tình hình gieo trồng, muôn dân cần gì thì giúp đỡ. Lúc ngày thu thì xem xét tình hình thu hoạch : hỏi dân nếu thiếu thốn thì giúp đỡ, trợ giúp cứu tế thêm. Vì vậy đời nhà Hạ mới có câu ngôn ngữ : “Vua ta không dạo chơi, chúng ta sao nở nghỉ ngơi”. Vua không sâu sát làm sao ta được trợ giúp đây ? Mỗi lần vua đi dạo chơi đều theo mẫu mực phép tắc cho nên các chư hầu noi theo. Còn đời nay chẳng được như vậy. Một ông vua đi xuất du, có một đoàn tiền hô hậu ủng theo sau, đi đến đâu cũng bắt dân chúng dâng nạp của ngon vật lạ. Trong khi đó dân chẳng có cơm ăn, sống cảnh đói khát thảm thương, quân lính lao khổ chẳng được nghỉ ngơi lấy sức. Mọi người đều oán trách, muôn dân đều đau khổ. Xuất du như vậy là trái ý muốn của vua, ngược đãi muôn dân, ăn uống phung phí như nước chảy, chạy theo ham muốn vô độ, thực khiến muôn người lo lắng. Cái gì gọi là “Lưu liên hoang vong” ? Dòng nước từ trên trời mãi về xuôi, vui không nhớ trở về nguồn gọi là : Lưu. Men theo dòng chảy mà lên, vui quên đường về gọi là Liên. Ham thú săn bắn bỏ phế việc triều chánh gọi là Hoang. Say mê yến tiệc rượu chè, không biết chế ngự bản thân gọi là Vong. Các bậc thiên tử ngày trước không có ham thú liên miên, không có hành động hoang vong. Xưa —

Nay, hai cách này đều do bề hạ quyết định cả.

“Nghe xong Cảnh Công rất phấn khởi, thế là mọi sự chuẩn bị cho cuộc xuất du đều được dừng lại. Sau đó ngài dời ra đóng ở vùng ngoại ô, đem hết tiền bạc của cải cứu tế cho người nghèo. Cảnh Công còn cho gọi quan đến truyền rằng : hãy sáng tác cho ta một bài hát để vua tôi cùng hưởng niềm vui. Khúc ca đó chính là bản “Thùy thiều” và “Dốc thiều”. Trong bài ca đó có câu :

Ngăn cản ham muốn cá nhân của vua, có tội ở chỗ nào ?

Ngăn cản ham muốn cá nhân của vua chính là yêu mến nhà vua”.

Tề Tuyên Vương lại hỏi rằng:

“Nghe nói Văn Vương có một vườn để săn bắn vuông vức bảy mươi dặm có thật thế không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Sử sách có ghi lại như vậy”.

Tuyên Vương nói :

“Thật lớn quá chăng ?”

Mạnh Tử hỏi lại :

“Dân chúng còn hiểm quá nhỏ chăng ?”

Tuyên Vương cảm thấy không rõ, bèn hỏi tiếp :

“Vườn săn của ta chỉ vuông vức bốn mươi dặm mà muôn dân chê là quá lớn là sao vậy ?”

Mạnh Tử nói :

“Vườn sân của Văn Vương lớn bảy mươi dặm, kẻ tiêu phu cũng có thể vào được, thợ săn cũng có thể tự do đến săn ở đó. Cùng dân yên hưởng, muôn dân cho rằng quá nhỏ. Đó không phải lẽ tự nhiên chăng ? Ta còn nhớ, khi mới đặt chân đến biên giới nước Tề, trước tiên ta phải hỏi thật kỹ những điều nghiêm cấm, sau mới dám bước chân vào.

“Ta nghe nói vùng ngoại ô kinh đô có một vườn sân thú vuông bốn mươi dặm, chỉ cần kẻ nào giết một con hươu trong vườn kẻ đó kể như phạm tội giết người. Thế thì vườn sân này giống như những cạm bẫy được giăng sẵn trong nước. Muôn dân cho rằng cạm bẫy này rất lớn. Không phải là lẽ tự nhiên sao ?”

Lời nói danh thép, sắc bén của Mạnh Tử không hề giảm sút, ngay cả khi đứng trước các chư hầu quyền cao chức trọng. May mắn, Tề Tuyên Vương là người độ lượng nghe được những lời như thế.

Một lần khác, Mạnh Tử được Trang Bạo cho biết Tuyên Vương rất thích âm nhạc. Thế là khi gặp Tuyên Vương, Mạnh Tử nêu ngay việc này ra :

“Có phải bệ hạ từng nói rằng : Bệ hạ rất thích âm nhạc ?” Tuyên Vương nghe xong, cảm thấy không vui, hồi lâu ông mới nói :

“Ta thực không thích âm nhạc cổ điển của bậc Thánh Vương ngày trước, mà chỉ thích âm nhạc thông thường lưu hành ngày nay thôi”.

Mạnh Tử đáp :

“Chẳng sao cả. Chi cần bộ hạ thích âm nhạc thế là nước Tề có hy vọng lắm rồi. Thích âm nhạc lưu hành ngày nay và thích âm nhạc cổ điển ngày trước đều như nhau cả thôi”.

Tuyên Vương hỏi :

“Như vậy là sao ?”

Mạnh Tử hỏi lại :

“Một mình thưởng thức âm nhạc vui, hay là cùng mọi người thưởng thức vui hơn ?”

Tuyên Vương nói :

“Đương nhiên cùng mọi người thưởng thức vui hơn”.

Mạnh Tử lại hỏi :

“Cùng với số ít người thưởng thức, vui ? Hay cùng với số đông người thưởng thức vui hơn ?”

Tuyên Vương nói :

“Đương nhiên, cùng số đông người thưởng thức vui hơn”.

Mạnh Tử nói tiếp :

“Thế thì, ta xin giảng giải về đạo lý của âm nhạc nhé ! Ví dụ bộ hạ tấu nhạc ở đây. Muôn dân nghe được tiếng chuông tiếng trống, tiếng sáo tiếng tiêu. Tất cả họ đều cảm thấy nhức đầu nhức óc, nhăn mặt nhăn mày khó chịu. Họ ca thán với nhau rằng : Vua của chúng ta yêu thích âm nhạc như thế này sao, nỡ dấy họa chúng ta trong cảnh thế này ? Cha con chẳng thấy nhau, anh em, mẹ con chia lìa ly tán. Vì sao muôn dân đau xót đến mức như thế ? Không có

gì khác, chỉ vì bệ hạ không cùng vui với dân thôi.

"Ví như tấu nhạc ở đây, muôn dân nghe thấy tiếng chuông, tiếng trống, nghe thấy tiếng sáo, tiếng tiêu. Tất cả đều vui mừng phấn khởi nói với nhau rằng : Vua chúng ta sức lực khỏe mạnh, nếu không sao lại tấu nhạc được ? Ví như bệ hạ săn bắn ở đây. Muôn dân nghe thấy tiếng xe ngựa chạy, nhìn thấy sự rực rỡ của các đồ nghi trượng. Họ mừng rỡ mà nói với nhau rằng : Vua chúng ta rất mạnh khỏe, nếu không sao lại mở cuộc săn bắn được ? Vì sao muôn dân lại phấn khởi vui mừng như vậy ? Không có gì khác. Đó là vì bệ hạ cùng dân chung hưởng cái vui. Cho nên nói rằng nếu bệ hạ cùng dân chung hưởng cái vui thì sẽ là vua thiên hạ."

Tề Tuyên Vương là ông vua thẳng thắn, ông rất tiếp thu những lời khuyên của Mạnh Tử nhưng lại không dám tự tin mình có thể làm được. Còn Mạnh Tử đương nhiên ông biết rất rõ khoảng cách giữa lý tưởng và hiện thực, nhưng lòng tin của ông quá cứng rắn, luôn hy vọng kẻ thống trị có thể phát huy lương tri, chăm sóc đến cuộc sống của quảng đại nhân dân.

Lúc đó. Nước Tề có tòa "Minh Đường" mà Chu thiên tử dùng làm nơi tế lễ mỗi lần đi tuần thú. Vì đã lâu những cuộc tế lễ đi tuần thú không còn nữa, rất nhiều người khuyên Tề Tuyên Vương nên phá bỏ tòa Minh Đường dưới chân núi Thái Sơn đi. Tề Tuyên Vương đem việc này hỏi Mạnh Tử.

Mạnh Tử đáp :

“Tòa Minh Đường dưới chân núi Thái Sơn, là nơi ngày trước thiên tử tuần thú về phía đông, dùng làm nơi triều hội chư hầu. Nếu bệ hạ cũng muốn thi hành nền chính trị nhân đức như các bậc thiên tử trước thì chẳng nên phá bỏ nó”

Tuyên Vương hỏi :

“Thi hành nền chính trị nhân đức của các bậc thiên tử triều trước như thế nào ? Người có thể nói rõ được chăng ?”

Thế là Mạnh Tử kể hết những biện pháp Văn Vương trị vì nhân dân ngày trước. Lúc đó Văn Vương thực thi chế độ phát ruộng cày đổi với nông dân, nối lòng thu thuế thương nghiệp. Mọi người được tự do đánh cá, săn bắn. Nếu phạm tội không bắt lấy tới vợ con những người vô tội trong nhà. Đối với những người già cả, nghèo khổ, cô đơn và trẻ mồ côi đặc biệt chú ý săn sóc chu đáo. Mạnh Tử còn dẫn lời trong Kinh Thi : Người giàu có thể sống được, đáng thương là kẻ thân cô, không nơi nương tựa”.

Tuyên Vương nghe xong, rất cảm động nói rằng :

“Lời ngài dạy phải lắm.”

Mạnh Tử bèn nói :

“Nếu bệ hạ cho là phải, cố sao chẳng chịu làm theo ?”

Lúc này Tuyên Vương ngượng ngừng nói :

“Quả nhân có cái tật là thích của cải”

Mạnh Tử nói :

“Không hề chi. Thuở trước Thái Vương, ông tổ của

triều nhà Chu cũng thích của cải. Nhưng ông cũng muốn dân chung hưởng, cho nên muôn dân đều theo cả ông. Nếu bệ hạ thích của cải và cũng cùng muốn dân chung hưởng, như vậy làm vua cả thiên hạ có điều gì khó khăn ?”

Tuyên Vương lại nói rằng :

“Quả nhân lại còn tật khác nữa đó là thích nữ sắc”.

Mạnh Tử nói :

“Đó cũng chẳng sao. Thuở trước Thái Vương ông tổ của triều nhà Chu cũng thích nữ sắc. Nhưng muôn dân được sự chăn dắt của ông, không có cô gái nào buồn duyên vì không có chồng, ngoài ngõ chẳng có cậu con trai nào tủi thân vì không có vợ. Trai gái kết duyên, tất cả tốt đẹp. Nếu như vậy làm vua cả thiên hạ có gì khó ?”

Từ đây có thể thấy rõ Mạnh Tử tuy kiên trì theo đuổi con đường chủ nghĩa nhân đạo nhưng không hề xa hoa cao sang mà rất thân thiết sát thực. Từ những việc rất bình thường, người dân cảm thấy được tấm lòng của mỗi người nếu được phát triển bổ sung sẽ đạt đến chỗ “Kỷ lập lập nhân, kỷ đạt đạt nhân”. Mạnh Tử muốn nói với chúng ta rằng : Muốn nhân cách trở nên hoàn thiện hoặc đạt đến lý tưởng của nền chính trị nhân đức chỉ ở chỗ làm hoặc không làm mà thôi.

3. Sự mạnh nhe của tư tưởng dân chủ.

Mạnh Tử nêu cho Tề Tuyên Vương thấy viễn cảnh làm vui thiên hạ bằng đường lối chính trị nhân nghĩa. Tuy có hơi cường điệu về tính khả thi của nó, nhưng ông không

hề có biện pháp thực thi cụ thể nào. Thế thì đường lối chính trị vương đạo mà Khổng Tử nêu ra đều trở thành lý tưởng cao siêu mà thôi. Mạnh Tử biết rất rõ điều này. Cho nên trong một dịp gặp Tề Tuyên Vương, ông đã nói đến vấn đề này :

“Ví như muốn kiến trúc một cung thất lớn, nhất định phải cho gọi người phụ trách công trình đó lại, bắt họ đi tìm những cây to chắc. Nếu người phụ trách đó tìm được cây to chắc, bệ hạ sẽ vui sướng, muốn thăng chức ngay cho anh ta. Nếu người thợ mộc lại đẽo cây nhỏ đi, bệ hạ sẽ tức giận cho rằng hần chẳng đáng được khen.

“Một điều giống như thế, nếu có người từ nhỏ đã học đạo lý trị quốc, lớn lên muốn lấy đó để thực hành. Nhưng bệ hạ lại nói với anh ta rằng : Hãy vứt bỏ những gì anh học đi, làm theo ý của ta là được rồi. Như vậy có được chăng ? Ví như hiện bệ hạ có một viên ngọc chưa được mài bóng, đáng giá ngàn vàng. Bệ hạ gọi người thợ mài ngọc đến bảo hần mài bóng đi. Nhưng vừa nói đến việc trị lý quốc gia thì ngài lại nói : Hãy vứt bỏ những điều các người học đi làm theo ý ta là được rồi. Điều đó có khác gì người thợ mài ngọc mài viên ngọc theo ý của vua dẫu ?”

Kiến trúc một cung thất và mài bóng một viên ngọc đều cần những chuyên gia có kiến thức chuyên nghiệp và kỹ thuật. Tại sao trị lý quốc gia lại không cần đội ngũ chuyên gia giỏi ? Mạnh Tử cho rằng điều kiện trước tiên của việc trị quốc chính là việc sử dụng người có đức có tài.

Thêm một bước, Mạnh Tử chỉ rõ việc tuyển lựa nhân tài đối với nhà cầm quyền phải xem xét từ hai mặt : một là

nhân cách, hai là tài năng. Chỉ có thể “quý đức nhi tôn sĩ” khiến “hiên giả tại vị, năng giả tại chức” thì quốc gia mới giàu mạnh. Giàu mạnh như vậy mới là điều mà Mạnh Tử muốn ca ngợi.

Mạnh Tử từng nói :

“Nếu nhà cầm quyền không dùng những người có đức thì quốc gia sẽ trống rỗng. Nếu không có “lễ nghĩa” thì trên dưới sẽ đại loạn, nếu không có chế độ hành chính tốt thì tài chính sẽ không đầy đủ.”

Lại một lần khác, yết kiến Tề Vương, Mạnh Tử nói :

“Cái gọi là những quốc gia có lịch sử lâu đời không phải vì ở đó có những cây tùng cây bách cao lớn, đã sống lâu đời mà chính là ở đó có các quan đại thần nhiều đời lập công để lại”.

“Nay bệ hạ không có những đại thần như vậy mà ngay một người thân tín cũng chẳng có. Những người hôm qua bệ hạ cất dùng, hôm nay họ chạy đi đâu hết cả mà bệ hạ chẳng hề biết”.

Tuyên Vương hỏi :

“Làm sao để biết được những kẻ bất tài mà bỏ đi không dùng nữa ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Bậc quân tử trọng dụng kẻ hiền tài mà đặt những kẻ hèn hạ lên trên người tôn quý, đưa người xa lên trên người thân, như thế không nên cẩn thận sao ? Do vậy khi tuyển dụng nhân tài, quan thân cận tả hữu đều nói : người này

tốt, chớ nên tin ngay. Quan đại phu của cả triều đều nói : người này tốt, cũng chớ nên tin ngay. Khi mà dân cả nước đều nói : người này tốt. Tiến thêm một bước khảo sát người ấy, phát hiện người ấy đúng thật là người tài đức. Lúc đó mới quyết định trọng dụng. Lại như quan thân cận tả hữu của ngài đều nói : người này không thể dùng được, chớ vội tin ngay. Quan đại phu của cả triều đều nói : người này không dùng được, cũng không thể tin ngay được. Khi người cả nước đều nói : người này không dùng được. Sau đó tiến thêm một bước xem xét, phát hiện anh ta là người không tốt thật, mới quyết định không dùng. Nếu có vụ phạm tội quan thân cận của ngài đều nói : người này đáng chết, chớ vội tin ngay. Quan đại phu cả triều đều nói : người này đáng chết, cũng chớ vội tin ngay. Khi người cả nước đều nói : người này đáng chết. Thêm một bước kiểm tra nữa, phát hiện tội trạng thật đáng chết, sau đó mới giết hẳn. Như vậy mới đáng gọi là cha mẹ của dân."

Thời Chiến Quốc, chưa có chế độ kiểm tra khách quan để trọng dụng người tài, nhưng Mạnh Tử đã ý thức được tính quan trọng của vấn đề này. Căn cứ vào những kiến giải của ông, sự thành bại trên trường chính trị tính quyết định quan trọng vẫn ở chỗ : Sử dụng nhân tài. Chỉ có con người mới là nhân tố quyết định chính trị thành công hay thất bại. Nhưng phán xét thế nào là một người hiền tài ? Đó vẫn là hoàn toàn chủ quan. Để tránh thành kiến chủ quan cá nhân, đạt đến mức độ khách quan, Mạnh Tử nêu lên biện pháp tinh thần dân chủ — tôn trọng dân ý. (Quốc nhân giai viết hiền, nhiên hậu sát chi, kiến hiền yên, nhiên hậu

dụng chi) (người trong nước đều nói là hiền, sau khi tra xét, thấy đúng là người hiền, sau đó mới dùng). Đó chẳng phải là biểu hiện của tinh thần dân chủ hay sao ? Một trong những cống hiến vĩ đại nhất của tư tưởng Mạnh Tử chính là chỉ ra tư tưởng dân bản (lấy dân làm gốc). Mạnh Tử từng nói :

“Nhân dân là quan trọng nhất. Thứ đến mới là quốc gia, vua là bậc xem nhẹ nhất. Bởi vì nếu được nhân dân giúp đỡ thì mới có thể làm được thiên tử. Nếu được thiên tử trọng dụng mới có thể làm được chư hầu, được chư hầu xem trọng mới có thể làm được quan đại phu. Nếu chư hầu nhiều mà quốc gia nguy khốn thì ngôi vị của vua sẽ bị phế truất thay đổi”.

Hơn hai nghìn năm trước, đây là lời bàn thật tiến bộ ! “Dân vi quý” trong những lời kêu gọi “Bảo dân nhi vương” “Dụ dân đồng lạc” Mạnh Tử đã nêu ra một cách rõ ràng. Điều đáng quý hơn là ông dám nêu ngay trước mặt bọn vua chúa rằng “Quân vi khinh”. Dưới thời chuyên chế phong kiến đó thật là suy nghĩ và dũng khí đáng ghi nhớ, đáng khâm phục.

Điều quan trọng nữa, Mạnh Tử chỉ ra tính hợp pháp của chính quyền phải được xây dựng trên sự ủng hộ của nhân dân. Nói cách khác, nhân dân tuy không biết tự mình sắp xếp mình nhưng nhân dân có quyền đồng ý, và chỉ có qua sự đồng ý của nhân dân kẻ cầm quyền mới hợp pháp hữu hiệu. Tư tưởng này là một sự tiến bộ lớn của nền lịch sử văn minh nhân loại. Vì sao vậy ? Bởi vì bậc đế vương

trước đây đều rêu rao rằng họ nhận được “mệnh trời” “ý trời” bảo họ xuống cai trị thiên hạ. Đó là nguyên cớ vì sao bậc hoàng đế sau này đều nói họ là “Theo mệnh trời”. Mạnh Tử nêu những dẫn chứng cụ thể của lịch sử để bác bỏ các giảng giải chất chứa đầy dã tâm và quyền lợi của giai cấp phong kiến đương thời. Ông nói :

“Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương để mất thiên hạ bởi vì họ để mất sự ủng hộ của dân. Mất đi sự ủng hộ của dân, bởi vì lòng tin của dân mất đi. Như vậy xem ra được thiên hạ có nguyên tắc : Được sự ủng hộ của dân thì có thể được cả thiên hạ. Được sự ủng hộ của dân cũng có nguyên tắc : Được lòng dân cũng là được dân. Được lòng dân cũng có nguyên tắc : Những điều dân cần được cung ứng đầy đủ, việc dân căm ghét thì không nên cưỡng bức dân làm.

“Nhân dân quy phục theo nền chính trị nhân đức như nước chảy đến chỗ thấp, thú chạy về chỗ hoang, rất tự nhiên vậy. Cho nên đuổi cá xuống sâu dưới nước chính là con rái cá ăn cá, đuổi chim sê vào sâu trong rừng là con ăn chim sê, khiến dân quy phục Thương Thang, Châu Vũ Vương chính là Kiệt và Trụ tàn hại nhân dân. Nếu chư hầu ngày nay có người nhân đức tài giỏi thì muôn dân dưới quyền thống trị của các chư hầu đều quy phục ngay. Lúc đó dù không muốn làm vua thiên hạ thì ông ta cũng không thể tự mình quyết định được nữa.

“Nay người muốn xưng vương cả thiên hạ, tựa như người bị bệnh đã bảy năm, phải tìm cho ra thứ cô ngại đã

từng được trừ ba năm để trị bệnh, nếu không nhanh chóng dự trừ thì cả đời tìm không ra nữa. Cho nên, người muốn làm vua thiên hạ hôm nay nếu không thực thi nền chính trị nhân đức thì cả đời sống trong ưu sầu tủ nhục. Cuối cùng không tránh được cảnh thâm vong, thân tử quốc vong”.

Từ đây có thể rõ rằng : Lý tưởng theo đường lối chính trị nhân đức mà Mạnh Tử đề xướng không phải là trừu tượng trống rỗng và không sát thực tiễn. Nó có nội dung rất cụ thể — đó là tư tưởng dân chủ. Tư tưởng dân chủ của Mạnh Tử cũng chính là sự biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo.

Nền chính trị dân chủ quan trọng nhất là ở chỗ sự thay đổi của chính quyền phải phù hợp với ý chí của dân. Mạnh Tử thấy được chư hầu lúc đó thường phát động vũ trang chính biến để giành giật vương vị mà người chịu khổ cực đau xót nhất chỉ là muôn dân. Vận mệnh thảm thương của quảng đại nhân dân phải gánh chịu vì sự tranh quyền đoạt lợi của bọn chính khách dã tâm. Thật bất công và vô nhân đạo. Xét thấy như vậy, Mạnh Tử nhấn mạnh sự thay đổi hòa bình của chính quyền.

Vạn Chương, học trò của Mạnh Tử từng hỏi về vấn đề Nghiêu, Thuấn ngày trước nhường ngôi :

“Có phải vua Nghiêu đem thiên hạ nhường cho vua Thuấn ?”

Mạnh Tử đáp :

“Không ! bậc thiên tử không được đem thiên hạ đi cho người khác”.

Vạn Chương lại hỏi :

“Thế thì ông Thuấn có được thiên hạ do ai cho vậy ?”

“Trời cho đó”. Mạnh Tử đáp

Vạn Chương hỏi :

“Trời có cáo giới trao thiên hạ cho ông Thuấn không ?”

Mạnh Tử nói :

“Ồ không ! Trời không nói, chỉ mượn việc làm của ông Thuấn để biểu thị mà thôi”.

Vạn Chương lại hỏi :

“Sao lại mượn việc làm của ông Thuấn để chỉ ý của trời vậy ?”

Mạnh Tử nói :

“Thiên tử có thể tiến cử một người với trời, không thể khiến trời cho người ấy thiên hạ được. Chư hầu tiến cử một người với thiên tử, nhưng không thể buộc thiên tử phong ngôi chư hầu. Quan đại phu tiến cử người cho chư hầu và không thể buộc chư hầu phải phong chức đại phu cho người ấy. Thuở trước vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn cho trời. Trời chấp thuận, công khai tuyên bố ông ấy với dân, muôn dân cũng đều chấp thuận, cho nên ta nói : Trời không nói mà chỉ biểu thị bằng sự việc là vậy”.

Vạn Chương hỏi :

“Ngài nói, tiến cử với trời, trời chấp thuận rồi công khai tuyên bố với dân, dân cũng chấp thuận. Việc ấy như thế nào.”

Mạnh Tử nói :

“Để ông Thuấn làm chủ tế lễ, Bách thần đều đến hưởng lễ vật. Đó là biểu thị trời chấp thuận và gọi ông ấy là chủ trì chính sự. Tất cả sự việc đều được làm rất chu đáo, muôn dân đều mãn ý. Đó là biểu thị muôn dân chấp thuận. Trời giao thiên hạ cho ông ấy, muôn dân cũng giao thiên hạ cho ông ấy, cho nên nói : Bậc thiên tử không được đem thiên hạ giao cho người khác. Thuấn giúp Nghiêu trị vì hai mươi tám năm. Đó không phải nhờ sức người mà làm được, đó là ý trời vậy. Vua Nghiêu mất, hết ba năm để tang, ông Thuấn tự mình lánh về phía nam sông Nam Hà nhường quyền lại cho con trai vua Nghiêu. Tuy vậy chư hầu trong thiên hạ đến triều kiến, không đến chỗ con trai vua Nghiêu mà đến chỗ ông Thuấn. Việc thừa kế, người dân không đến tìm con trai vua Nghiêu mà đến tìm ông Thuấn. Mọi người chẳng ca ngợi con trai vua Nghiêu mà ca ngợi công đức của ông Thuấn. Cho nên nói là ý trời vậy.

Như vậy ông Thuấn mới trở về kinh đô, lên ngôi thiên tử. Nếu như sau khi vua Nghiêu mất, ông Thuấn chiếm giữ ngay trong cung của vua Nghiêu, bắt con vua Nghiêu ra đi, thì đó là cướp ngôi chứ không phải trời cho ông ấy thiên hạ. Trong Kinh Thi có nói : Điều muôn dân thấy thì trời thấy, điều mà muôn dân nghe thấy cũng là điều trời nghe thấy. Ý là như vậy đó”.

Mạnh Tử đã chỉ ra một cách rõ ràng rằng : sự thay đổi chính quyền phải được sự đồng tình của ý trời và ý dân, mà trong thực tế ý trời chính là ý dân, ý dân chính là ý

trời, ngoài ý dân ra còn có ý trời. Cho nên Mạnh Tử nói :
“Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thính tự ngã dân thính”
(Trời nhìn nhận mình thì dân cũng nhìn nhận mình, Trời
nghe được mình thì dân chúng nghe được mình”).

Đó là trí tuệ chính trị của đời xưa thật là tường cũ mà
nhiều cái mới. Mạnh Tử cũng từng nói rằng : “Đối với chư
hầu có ba điều quý nhất : đất đai, nhân dân, chính trị. Nếu
chư hầu chỉ thích châu báu, tài sắc thì nhất định sẽ tai
ương”. Trên thực tế ba điều : đất đai, nhân dân, chính sự,
thì nhân dân vẫn là căn bản. Tính mạng, tài sản, hạnh
phúc, quyền lợi, giáo dục, chức nghiệp của dân đều phải tôn
trọng và bảo vệ. Trước bậc vua chúa giàu có quyền lực
đương thời, Mạnh Tử dứt khoát tranh đấu quyền cho muôn
dân. Mạnh Tử — chính ông mới thực là người chiến sĩ đấu
tranh vì nhân quyền chân chính.

Chương 4

LỜI KHÁNG NGHỊ

1) Khí hạo nhiên

Sau khi đến nước Tề, Mạnh Tử Thường có dịp nói chuyện với Tề Tuyên Vương. Đây là dịp tốt để Mạnh Tử bộc lộ lập trường tư tưởng của mình. Tuy không biết Tề Tuyên Vương có thành kiến gì trong lòng không ? nhưng có thể thấy rõ sự tôn kính của ông đối với Mạnh Tử. Một hôm có tin Mạnh Tử được bổ nhậm chức Khanh, đệ tử của ông đều rất phấn khởi. Đương nhiên điều đó đối với Mạnh Tử cũng là dịp tốt quan trọng.

Công Tôn Sửu biết được tin này bèn nói với Mạnh Tử :

“Như thầy được quyền cao chức trọng ở nước Tề, thầy có thể lại chấn hưng công nghiệp của Quản Trọng, Yến Tử được chăng ?”

Mạnh Tử đáp :

“Người là một người nước Tề mà chỉ biết có Quản Trọng, Yến Tử thôi à ! Đã có người hỏi Tăng Tây cháu của Tăng Tử rằng : Thầy và Tử Lộ ai hơn ai ? Tăng Tây bối rối

đáp : Tử Lộ là người mà tổ tiên ta còn kính sợ, ta làm sao dám so với ngài được ? Người đó lại hỏi rằng : thế thì thầy và Quản Trọng ai hơn ? Tăng Tây lập tức không vui, nói : Sao người lại so ta với Quản Trọng ? Quản Trọng hoàn toàn được sự tín nhiệm của Tề Hoàn Công, thời gian chấp chính lại rất dài nhưng ông ta cũng chỉ đạt nghiệp bá đệ tiện, sao người so ta với người ấy”.

Mạnh Tử lại nói tiếp,

“Ngay Tăng Tây cũng chẳng thềm so với con người Quản Trọng, người cho rằng ta chịu sao ?”

Công Tôn Sửu lại hỏi :

“Quản Trọng giúp Hoàn Công xưng bá, Yến Tử cũng làm cho uy danh Cảnh Công vang khắp thiên hạ. Vậy Quản Trọng và Yến Tử chẳng đáng để chúng ta noi theo hay sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Trong điều kiện nước Tề mà nói; muốn xưng Vương thiên hạ dễ như trở bàn tay.”

Công Tôn Sửu hỏi :

“Nói như vậy, đệ tử lại càng không hiểu. Như sự tu dưỡng đạo đức của Văn Vương, lại sống rất lâu thế mà sự giáo hóa của ông vẫn chưa đến khắp thiên hạ. Vũ Vương, Chu Công tiếp tục nỗ lực, sau đó mới thống nhất được thiên hạ. Nay thầy bảo làm vua thiên hạ dễ dàng thế; Thế thì Văn Vương cũng chẳng đáng để chúng ta noi theo hay sao ?”

Mạnh Tử nói :

“Làm sao so sánh được với Văn Vương ? Từ vua Thang nhà Thương truyền đến vua Vũ Đinh, thời gian giữa xuất hiện 6, 7 vị Thiên Tử bậc hiền tài, người trong thiên hạ quy phục nhà Thương đã rất lâu rồi. Do đó gốc rễ vững bền, khó mà lay chuyển. Vũ Đinh triệu kiến chư hầu thâu tóm thiên hạ cũng rất dễ dàng”.

“Từ thời vua Vũ Đinh đến vua Trụ không lâu, nên chính trị tốt, tập tục tốt và gia thế của vua chúa đời trước có công đều được gìn giữ, và lại có Vi Tử, Vi Trọng, Vương Tử Tỷ Can, Toán Tử, Giao Cách, tất cả bọn họ đều là người tài giỏi cùng nhau giúp đỡ vua Trụ; cho nên vua Trụ tuy bạo ngược nhưng vẫn tồn tại được thời gian khá lâu mới bị diệt vong. Lúc đó vua Trụ không phải không có một tác đất nào; không một người dân nào không phải là bề tôi của vua Trụ. Văn Vương chỉ dựa vào mảnh đất vuông vức có trăm dặm mà đứng lên khởi nghĩa cho nên rất khó khăn.

“Người nước Tề có câu tục ngữ : Dầu thông minh cũng chẳng bằng thời thế : Dầu có đủ thứ cũng chẳng bằng được thời cơ”, thời thế như vậy, việc làm vương thâu tóm thiên hạ thật dễ dàng.

“Những năm đầu nhà Hạ, Thương, Chu đất đai chẳng quá nghìn dặm. Nay nước Tề đất đai cũng rộng bằng chừng ấy : Tiếng gà gáy, chó sủa từ kinh đô vang đến tận biên giới bốn phương đâu cũng nghe thấy được; số dân nước Tề lại rất đông đúc.

“Đất đai cũng chẳng cần mở mang thêm : dân số cũng chẳng cần nhiều thêm nữa; chỉ cần thực thi chính sách

nhân đạo, việc thống nhất thiên hạ không ai có thể cản nổi. Hơn nữa thời gian cũng đã lâu, không thấy ông vua nào xuất hiện để thống nhất thiên hạ, lịch sử chưa thấy có đời nào lại dài như vậy, muôn dân bị đè nén bởi nền cai trị bạo ngược; trong lịch sử cũng chưa có đời nào lại bạo ngược như thế. Kẻ đói chẳng kén ăn, người khát chẳng kén uống. Đức Khổng Tử đã nói : “Sự lưu hành của nền thống trị nhân đức nhanh hơn cả lệnh truyền của Trạm dịch”. Hiện tại lúc này, một nước lớn có vạn cổ chiến xa thực hành đường lối cai trị nhân đức, thì sự vui mừng của muôn dân giống như kẻ bị treo ngược mà có người đến cứu. Cho nên “Sự bán công bồi” (Việc chỉ bằng một nửa, công lại tăng gấp đôi) chỉ có ở thời cơ này mới làm được dễ dàng mà thôi.”

Tinh thần của Mạnh Tử lúc đó vô cùng phấn chấn, thể hiện rõ sự lạc quan của ông đối với việc thực thi đường lối chính trị nhân đức của nước Tề. Như thấy một niềm lạc quan tin tưởng trào dâng mạnh mẽ trong lòng Mạnh Tử. Qua ánh mắt của thầy, Công Tôn Sửu nhìn thấy rất rõ điều đó. Công Tôn Sửu lại hỏi tiếp.

“Thầy làm đến bậc khanh tướng của nước Tề; thầy có thể thực hiện được chủ trương của mình. Từ đây nước Tề, nhỏ thì thành nghiệp bá; lớn thì thành nghiệp vương. Đó chẳng có gì lạ. Nếu gặp được dịp này thầy có xao động trong lòng không ?

Mạnh Tử nói :

“Không. Từ tuổi 40 trở đi ta không còn xao động trong lòng nữa” .

Công Tôn Sửu nói :

“Thế thì xem ra thầy mạnh hơn cả Mạnh Bôn đấy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Việc đó không khó. Cáo Tử chẳng từng xao động trước ta rồi sao ?”

Công Tôn Sửu nói :

“Không xao động. Có phương pháp nào chăng ?”

Mạnh Tử nói :

“Có. Người Bắc Cung Ấu khi rèn được dũng khí, có người đâm vào da thịt anh ta, anh ta không hề kêu ca và lùi bước; có người chọc vào mắt anh ta, anh ta cũng không hề chớp mắt tránh né. Họ cho rằng chịu đựng chút nhục nhã thôi, giống như bị đánh đập trước đám đông vậy.

“Nếu chịu đựng không được sự giày vò của kẻ vô lại thì cũng không đủ sức đi vào được trường của vua; việc giết một ông vua và một kẻ vô lại đều như nhau cả thôi, đối với các nước chư hầu chẳng có gì khiếp sợ. Nếu bị quở trách người sẽ phản kháng lại ngay. Cách bồi dưỡng dũng khí của Mạnh Thì Xá lại có chỗ khác; ông ta nói : Khi vào trận ta chỉ biết tiến lên, chẳng cần biết đến sự thất bại. Ta không hề biết cái gì là thất bại. Nếu tính toán lực lượng của kẻ địch trước rồi mới tiến công, nghĩ đến việc thất bại trước rồi mới đánh, loại người như vậy gặp kẻ thù lực lượng đông hơn nhất định sẽ khiếp sợ. Ta có thể thắng được ! Chẳng qua ta chẳng bao giờ biết khiếp sợ đó thôi. Tóm lại : dũng khí Mạnh Thì Xá giống Tăng Tử; dũng khí của Bắc Cung

Àu giống Tử Hạ. Dũng khí của hai người, ta cũng không biết ai mạnh ai yếu. Nhưng từ cách bồi dưỡng dũng khí mà suy ra Mạnh Thi Xá có phần giản dị tốt hơn.

“Trước đây Tăng Tử nói với Tử Tương rằng : Người thích lòng dũng cảm không ? Ta cũng từng nghe đức Không Tử luận về đại dũng; mình tự hỏi mình nếu mình lý không ngay, đối phương chỉ là tên hèn hạ mặc áo vải thô xuềnh xoàng, ta chẳng lo sợ hay sao ? Nếu mình lý ngay, dầu đối phương có thiên quân vạn mã, ta cũng vẫn cứ tiến lên chẳng sợ gì.” Có thể thấy cái dũng khí của Mạnh Thi Xá chỉ là chỗ không biết sợ. Tăng Tử thì biết, lấy lý mà phán đoán việc thắng thua. Cách rèn luyện dũng khí của Mạnh Thi Xá đơn giản dễ hiểu hơn cách rèn luyện dũng khí của Tăng Tử.”

Công Tôn Sửu lại hỏi :

“Xin hỏi thầy, chỗ chẳng động tâm của thầy và chỗ chẳng động tâm của Cáo Tử có gì khác nhau không ?

Mạnh Tử đáp :

“Cáo Tử từng nói rằng : Nếu không có cách để tìm hiểu ngôn luận, thì đừng tìm kiếm nơi tâm trí mình, và lại tìm kiếm nơi tâm trí mình mà cảm thấy bất an thì đừng cầu mong ở chí khí. Ta cho rằng : Tâm không an thì đừng mong ở chí khí việc đó là đúng. Vì sao vậy ? Bởi vì tâm chí lý tưởng là chủ soái của chí khí tình cảm; chí khí tình cảm lại là sức lực của cơ thể mạnh khỏe. Có tâm trí lý tưởng, sẽ nảy sinh chí khí tình cảm theo. Cho nên nói : phải giữ vững tâm trí lý tưởng, chớ nên lợi dụng chí khí tình cảm

của mình.”

Công Tôn Sửu nói :

“Thầy dạy : Có tâm trí lý tưởng, sẽ nảy sinh chí khí tình cảm theo. Rồi thầy lại bảo : phải giữ vững tâm trí lý tưởng, chớ nên lạm dụng chí khí tình cảm của mình. Đó là nghĩa thế nào ?”

Mạnh Tử đáp :

“Tâm trí lý tưởng và chí khí tình cảm ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Tâm trí lý tưởng chuyên chú vào một việc tất sẽ ảnh hưởng đến chí khí (tư tưởng). Trái lại nếu chí khí tình cảm cũng chuyên chú vào một việc nhất định sẽ ảnh hưởng đến tâm trí lý tưởng. Ví dụ như lúc mình ngã, hoặc mình chạy thật nhanh đó chỉ là hành động mà thôi, nhưng cũng sẽ tạo nên sự phấp phỏng của tâm trí.”

Công Tôn Sửu lại hỏi :

“Xin hỏi. Thầy có sở trường gì ?”

Mạnh Tử đáp :

“Ta giỏi về phân tích lời nói của kẻ khác, cũng giỏi về việc bồi dưỡng khí hạo nhiên. (khí lực hùng hậu tự nhiên của con người.)

“Xin hỏi thầy. Cái gì gọi là khí hạo nhiên ?”

Mạnh Tử đáp :

“Điều này rất khó giải thích. Khí hạo nhiên là một loại khí rộng lớn và vững chắc. Nếu lấy chính nghĩa mà bồi dưỡng nó, không làm tổn hại nó, thì nó lan tỏa ra khắp cả trời đất. Loại khí này đòi hỏi sự phối hợp giữa chính nghĩa

và lý trời. Nếu mất đi sự phối hợp này nó sẽ bị hư hoại đi. Khí hạo nhiên là nhiều việc làm hợp với nghĩa thì tự nó nảy nở. Nếu làm một việc để lương tâm dần vật hối hận thì cái khí ấy sẽ hư hoại đi ngay. Cho nên ta nói : Cáo Tử không hiểu được nghĩa, bởi vì ông ta xem nghĩa là thứ ở bên ngoài. Chúng ta phải xem nghĩa là cái tâm tính bên trong, phải không ngừng tích lũy, luôn luôn lưu tâm cảnh giác, nhưng cũng không thể nóng vội muốn nó phát triển nhanh mà học theo chuyện người nước Tống kia.

“Nước Tống có một người nông dân quá lo lắng mạ của mình chẳng lớn nhanh, ông ta liền kéo cho mạ cao lên một chút; sau đó mệt mỏi trở về nói với người nhà rằng : Hôm nay mệt quá, ta đã giúp cho mạ lớn nhanh lên. Con anh ta vội vàng chạy ra ruộng xem sự việc thế nào thì thấy mạ trong ruộng đều héo hết cả. Thật ra trong thiên hạ rất ít người giống như người nông dân nước Tống đã làm cho đám mạ lớn nhanh kia. Họ cho rằng dưỡng khí chẳng có gì hay và chẳng hề luyện tập gì cả : việc đó khác nào thằng lười trồng mạ mà không chịu cày cấy. Biết chỗ tốt của việc dưỡng khí lại vội vàng làm cho nó lớn nhanh, khác chi thằng ngốc nhổ cao cây mạ. Chẳng những vô ích lại còn có hại nữa.”

Công Tôn Sửu lại hỏi :

“Như thế nào mới gọi là giỏi về phân tích lời nói của người khác ?”

“Nghe lời nói chẳng hay của người khác, biết ngay trong lòng người ấy đang chứa chất che giấu gì ? Nghe lời

nói buông thả phóng túng của ai, ta biết lòng họ đang bị chìm đắm. Nghe lời tà ác thị phi, ta biết lòng họ đã đi xa điều chính thiện. Nghe những lời lấp bắp của kẻ khác ta biết ngay chỗ đuôi lý của hắn ta. Bốn loại lời nói này từ trong tâm phát ra sẽ gây nguy hiểm về mặt chính trị, nguy hiểm đến những việc làm cụ thể. Nếu thánh nhân sống lại cũng nhất định sẽ chấp nhận sự kiến giải của ta là đúng !”

Những lập luận trên đây của Mạnh Tử chứng minh một cách sâu sắc rằng : Tính cách của ông luôn luôn giữ vững dũng khí đạo đức chính nghĩa. Lúc nhận chức khanh đương nhiên Mạnh Tử tỏ ra sùng sảng, nhưng không vì thế mà động tâm. Bởi vì thường ngày người luôn rèn luyện cho mình, bồi dưỡng cho mình được cái khí hạo nhiên. Khí hạo nhiên này là cơ sở lương tri đạo đức vốn có của mỗi người, nó không giống như các dũng khí thông thường. Khí hạo nhiên là dũng khí của đạo đức, không phải là cái dũng của kẻ tầm thường.

2) Có thể cách mạng được không ?

Trần đầy niềm tin tưởng vào tư tưởng “Lấy dân làm gốc” mà suốt đời Mạnh Tử theo đuổi tinh thần nhân đạo, ông chẳng hề thay đổi khi được Tề Tuyên Vương phong chức Khách Khanh, thậm chí cả sau này ra làm quan cũng vậy. Với trách nhiệm cao của một người trí thức, Mạnh Tử muốn đem khí hạo nhiên và những mưu tính của mình để cứu vãn tình thế đương thời đang rơi vào vũng bùn quyền lực tàn bạo.

Sau tư tưởng “Lấy dân làm gốc” “dân vi quý” Mạnh Tử lại nêu ra một cách sắc bén “luận về quyền cách mạng.” Trong phong trào bão táp cách mạng quần chúng nhân dân có bảo vệ được quyền lợi cách mạng hay không ?

Một hôm Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử rằng :

“Vua Thang nhà Thương đuổi vua Kiệt nhà Hạ; vua Vũ Vương đánh vua Trụ nhà Ân ; có thật như vậy không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Sách xưa có chép lại như vậy.”

Tuyên Vương lại hỏi :

“Làm bề tôi mà giết hại vua có nên chăng ?”

Mạnh Tử đáp :

“Kẻ phá hoại nhân đức gọi là giặc. Kẻ phá hoại đạo nghĩa gọi là tàn. Loại người này chúng ta đều gọi là “Độc phu” (kẻ thống trị tàn bạo). Ta chỉ nghe Chu Vũ vương giết Trụ, kẻ thống trị tàn bạo; chẳng hề nghe ông ấy giết vua bao giờ.”

Trong thế gian này không có ai sinh ra để làm vua chúa thống trị người khác. Với tư tưởng dân chủ của mình, Mạnh Tử từng nói rõ : Quyền lực của nhà thống trị phải được sự đồng ý của dân. Vì vậy khi nhà thống trị chạy theo quyền lực và lợi ích cá nhân mà làm điều xằng bậy, là lúc họ đánh mất tư cách của người thống trị không còn là “vua chúa” mà là “độc phu” rồi. Họ là người mà quần chúng nhân dân vứt bỏ và cô lập. Những kẻ thống trị tàn bạo, chà đạp lên nhân nghĩa thì quần chúng nhân dân đương nhiên

có quyền lật đổ chúng ! Đó là quyền cơ bản của nhân dân. Những lời này, Tuyên Vương nghe nhưng không hiểu hết ý, thế là ông lại hỏi tiếp Mạnh Tử về công khanh.

Mạnh Tử hỏi lại Tề Tuyên Vương :

“Vua muốn hỏi về công khanh nào ?”

Tề Tuyên Vương hỏi :

“Công khanh chẳng giống nhau sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Có loại công khanh thuộc dòng dõi thân thích của vua; có loại công khanh là không phải thân thích của vua.”

Tề Tuyên Vương lại hỏi :

“Thế thì trước tiên ta hỏi về công khanh thuộc dòng dõi quý tộc thân thích với vua vậy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Nếu vua phạm lỗi lớn, họ sẽ ngăn cản vua. Nếu can ngăn nhiều lần mà ngài chẳng nghe thì họ sẽ phế truất, giao ngôi cho người khác”. Nghe xong vua biến đổi sắc mặt.

Mạnh Tử nói tiếp :

“Xin bệ hạ đừng lấy làm giận. Bệ hạ hỏi ta, ta chẳng dám nói bằng sự không chân thật.”

Mặt Tuyên Vương dần hồng hào trở lại; vua hỏi tiếp bậc công khanh chẳng phải dòng dõi họ vua.

Mạnh Tử đáp :

“Nếu vua phạm sai lầm, họ bèn khuyên ngăn, nếu khuyên ngăn mà vua chẳng nghe thì họ sẽ trả chúc mà bỏ

đi.”

Nếu vua phạm sai lầm hoặc bạo tàn vô đạo lập tức mất ngay tư cách là người thống trị. Có thể bị mọi người phế truất, thay ngôi cho người khác. Những lời thẳng thắn nghiêm túc lần sau không khiến Tuyên Vương xanh mặt.

Nhưng trong thời Chiến Quốc, trật tự chính trị hỗn loạn, Mạnh Tử từng nói một cách cảm động rằng, thời thế rồi ren, đạo đức suy vi. Tội giết vua; con giết cha, thật hết chỗ nói. Nhiều kẻ tội đồ dã tâm xích động chính biến, lật đổ chính quyền, kết quả chỉ có người dân phải chịu hết tai ương chết chóc

Công Tôn Sửu từng hỏi Mạnh Tử vấn đề này.

“Y Doãn từng nói : Ta không muốn gần kẻ phản bội lễ nghĩa. Vì vậy ông rời vua Thái Giáp (cháu nội vua Thang) đến Đồng Ấp; muôn dân mừng lắm. Đợi đến khi nghe vua Thái Giáp sửa lỗi trở thành người thiện lương, Y Doãn lại khôi phục ngôi vua cho Thái Giáp. Muôn dân cũng rất vui mừng. Xin hỏi : người hiền là phận tội thần; nếu vua không tốt có thể bỏ đi được không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Nếu có thực tâm như ông Y Doãn thì mới làm được điều như vậy. Nếu không có thực tâm như ông thì sẽ mang tiếng là chiếm đoạt ngôi vua.”

Ở đây Mạnh Tử phân biệt rất rõ cách mạng và làm phản : Nếu theo ý dân, lật đổ chính trị bạo tàn thì đó là cách mạng; nếu thiên về dã tâm quyền lực thì đó là tạo phản.

Lại một lần khác Mạnh Tử nói chuyện với Tề Tuyên Vương, ông nói :

“Ví như có kẻ bề tôi của bệ hạ gửi vợ con cho người bạn chăm sóc để bản thân ông ta đi du lịch ở nước Sở. Lúc anh ta đi trở về phát hiện vợ con mình bị đói bị rét. Như người bạn này, bệ hạ sẽ xử trí ra sao ?”

Tề Tuyên Vương nói :

“Nên tuyệt giao ngay với hắn ta.”

Mạnh Tử lại hỏi :

“Ví như một ông quan xử kiện không duy trì được sự tôn nghiêm độc lập của pháp luật, thì nên xử thế nào ?”

Tuyên Vương đáp :

“Cắt chức ngay.”

Mạnh Tử lại hỏi :

“Nếu như một ông vua không biết cai trị muôn dân, không biết xử lý chính sự thì nên làm thế nào ?”

Lúc đó vua quay đầu nhìn ngó xung quanh, cố tình nói lảng sang chuyện khác. Đường nhiên đáp án cuối cùng của câu hỏi là : Vứt bỏ hắn ngay.

Đó chính là tư tưởng dân chủ tiến bộ của Mạnh Tử; tư tưởng dân chủ tiến bộ đó đòi hỏi phải có một dũng khí mới dám nói ra những lời thẳng thắn như thế.

Lại một lần nữa Mạnh Tử thể hiện rất rõ cái dũng khí đạo đức của mình, ông chẳng sợ uy quyền của kẻ thống trị trừng phạt. Ông cũng từng nói :

“Khi giảng giải đối với bọn người uy quyền, mình chớ

nên chú trọng đến địa vị của họ; chứ nên xem họ cao như núi Thái Sơn. Vua cho xây dựng cung điện nguy nga. Nếu là ta ta không làm như vậy. Vua làm tiệc đãi của ngon vật lạ, kẻ hầu người hạ nhiều không kể hết. Nếu là ta, ta chẳng cho làm vậy. Vua tổ chức những cuộc săn bắn với đám tùy tùng theo sau rầm rộ. Nếu là ta, ta chẳng làm vậy. Điều ta làm đều theo những việc làm của bậc thánh hiền ngày trước, Có gì mà phải sợ ?”

Mạnh Tử dám nói thẳng trước mặt bọn vua chúa uy quyền, tư tưởng dân chủ. Vì ông ôm ấp niềm tin, đạo đức rất vững chắc. Ông cho rằng mỗi người đều có cái “tại ngã” ở bên trong mình một cách tốt đẹp. Đó mới chính là điều quan trọng. Và như vậy địa vị quyền thế trong thiên hạ có gì đáng hâm mộ, kính phục nhỉ.

Mạnh Tử thường nói rằng :

“Có kẻ được tước do trời ban; có kẻ được tước do người ban. Có kẻ là thiên tước, có kẻ là nhân tước. Say mê không mệt mỏi làm điều thiện với nhân nghĩa trung tín, đó là thiên tước. Chúc công khanh đại phu đó là nhân tước. Người đời trước tu dưỡng thiên tước cho mình tất trong đó có nhân tước. Còn bây giờ, người ta tu dưỡng thiên tước nhưng thực chất họ chỉ vì việc giành giật cái nhân tước mà thôi. Nếu được nhân tước rồi thì họ lại vứt đi cái thiên tước của mình. Thật chẳng hiểu được việc đời; cuối cùng ngay cái nhân tước cũng bị mất đi chứ chẳng nói gì đến thiên tước.

“Thiên tước và nhân tước đều phải coi trọng, nhưng

nên chú trọng đến địa vị của họ; chớ nên xem họ cao như núi Thái Sơn. Vua cho xây dựng cung điện nguy nga. Nếu là ta ta không làm như vậy. Vua làm tiệc đãi của ngon vật lạ, kẻ hầu người hạ nhiều không kể hết. Nếu là ta, ta chẳng cho làm vậy. Vua tổ chức những cuộc săn bắn với đám tùy tùng theo sau rầm rộ. Nếu là ta, ta chẳng làm vậy. Điều ta làm đều theo những việc làm của bậc thánh hiền ngày trước, Có gì mà phải sợ ?”

Mạnh Tử dám nói thẳng trước mặt bọn vua chúa uy quyền, tư tưởng dân chủ. Vì ông ôm ấp niềm tin, đạo đức rất vững chắc. Ông cho rằng mỗi người đều có cái “tại ngã” ở bên trong mình một cách tốt đẹp. Đó mới chính là điều quan trọng. Và như vậy địa vị quyền thế trong thiên hạ có gì đáng hâm mộ, kính phục nhỉ.

Mạnh Tử thường nói rằng :

“Có kẻ được tước do trời ban; có kẻ được tước do người ban. Có kẻ là thiên tước, có kẻ là nhân tước. Say mê không mệt mỏi làm điều thiện với nhân nghĩa trung tín, đó là thiên tước. Chúc công khanh đại phu đó là nhân tước. Người đời trước tu dưỡng thiên tước cho mình tất trong đó có nhân tước. Còn bây giờ, người ta tu dưỡng thiên tước nhưng thực chất họ chỉ vì việc giành giật cái nhân tước mà thôi. Nếu được nhân tước rồi thì họ lại vứt đi cái thiên tước của mình. Thật chẳng hiểu được việc đời; cuối cùng ngay cái nhân tước cũng bị mất đi chứ chẳng nói gì đến thiên tước.

“Thiên tước và nhân tước đều phải coi trọng, nhưng

phải lấy cái đạo là điều xưa nay mọi người đều làm. Tu dưỡng nhân cách tốt đẹp, tích lũy năng lực vốn là mục đích cao nhất, nếu có dịp đem ra phục vụ mọi người thì càng tốt nữa. Hợp với nghĩa thì cả hai cái tước đều sẽ đến; không kiếm được hai tước đó thì phải lấy thiên tước làm trọng.”

Từ nguyên tắc này để thấy Mạnh Tử phát hiện rất nhiều người tu dưỡng đạo đức chỉ là để giành giật nhân tước; công danh lợi lộc và sau khi được địa vị danh lợi rồi, bèn qua cầu rút ván, họ liền vứt bỏ đạo đức mà không hề luyến tiếc. Mạnh Tử thẳng thắn chỉ rõ : bọn người như vậy chỉ là bọn giả vờ quân tử — bọn đạo đức giả mà thôi.

Điều quan trọng hơn Mạnh Tử đánh mạnh vào bọn “nhân tước” công khanh đại phu bao gồm cả vua chúa. Trong đó ông lấy việc say mê làm điều thiện, điều tốt, nhân, nghĩa, trung, tín làm điều tiên quyết. Nếu như không tu dưỡng thiên tước thì nhân dân cũng sẽ tước đi cái nhân tước của họ đấy. Giải pháp của Mạnh Tử có cơ sở chắc chắn lắm chứ. Đó là căn cứ lý luận cách mạng mà Mạnh Tử ca ngợi, tán thành.

3) Những suy nghĩ hiểu thảo sâu sắc

Mạnh Tử khi nhận chức Khách Khanh nước Tề, vua nước Đằng (Tên nước thời Chu ở huyện Đằng Tỉnh Sơn Đông T.Q) bằng hà. Tề Tuyên Vương cử Mạnh Tử làm đặc sứ sang dự tang vua Đằng và quan đại phu Cấp Ấp làm phó sứ. Lúc đó Mạnh Tử đã rất thông hiểu lễ nghi phép tắc triều đình.

Đúng lúc Mạnh Tử đang nghĩ phải làm gì thì người mẹ già qua đời. Bà Mạnh có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc đời Mạnh Tử; hơn nữa Mạnh Tử lại là người rất hiếu thảo. Theo đúng lễ tiết, nước Tề để Mạnh Tử về quê chịu tang mẹ.

Sau khi chịu tang xong, Mạnh Tử quay về nước Tề, đến tạm lưu ở huyện doanh. Sung Ngu — một đệ tử theo hầu Mạnh Tử có hỏi ông rằng :

“Xin thầy tha lỗi. Bữa trước thầy sai con đốc thúc thợ làm quan quách, khi ấy mọi người ai cũng bận công việc cả. Có điều tuy con muốn hỏi nhưng chẳng tiện, nay xin hỏi thầy : Hình như cây để đóng quan rất tốt ?”

Mạnh Tử đáp :

“Từ thời thượng cổ người ta không quy định thước tắc trong việc đóng quan tài, đến thời trung cổ mới có quy định quan tài phải dày 7 tắc, độ dày của quách bên ngoài cũng bằng vậy. Từ bậc thiên tử đến kẻ bình dân ai cũng chú ý đến quan quách, chẳng những đó là một mỹ quan mà còn được xem là lòng hiếu của con cái đối với cha mẹ. Theo phép tắc mà nói : nếu không có tiền mua sắm quan quách loại tốt, thì quan quách nào cũng đều được cả.

Cổ nhân xưa làm vậy, lẽ nào ta chẳng làm vậy sao ? Hơn nữa mỗi khi chôn cất dừng bao giờ để đất cát chạm vào thi thể người đã khuất. Đối với một người con có hiếu, lẽ nào ta lại làm khác đi ? Ta từng nghe nói : Hoàn cảnh nào cũng đều không nên hà tiện tiền bạc đối với cha mẹ.”

Lúc đó có nhiều cách nhìn khác nhau về việc tang lễ.

Nhà nho chủ trương “Hậu táng” (đào sâu chôn chặt), Hắc gia lại chủ trương “Bạc Táng” (chôn không sâu lắm); Đạo gia lại cho rằng tang lễ chẳng có ý nghĩa gì cả, chết là hết.

Ví dụ : Tương truyền rằng lúc Trang Tử sắp chết, đệ tử của ông quyết định “hậu táng” người thầy. Trang Tử biết điều đó, ông nói :

“Ta dùng trời làm quan quách, dùng mặt trời, mặt trăng làm đôi ngọc bích; sao sớm làm ngọc châu, vạn vật đều chôn theo ta cả. Vậy việc chôn cất như thế lẽ nào chẳng đủ rồi sao ? Có gì tốt hơn nữa chẳng ?”

Đệ tử nói :

“Chúng con sợ chim chóc, điều ưng ăn hết thịt thầy.”

Trang Tử nói :

“Để trên mặt đất sẽ bị chim chóc, điều ưng ăn hết. Chôn xuống đất bị kiến mối ăn đi. Từ chỗ chim chóc ăn đến chỗ kiến mối ăn, có gì phải bận tâm nhỉ ?”

Những người có quan niệm thoải mái như Trang Tử lúc đó không nhiều lắm. Chẳng qua nhóm Hắc gia đương thời đứng trên lập trường tiết kiệm để phản đối việc hậu táng cửu tang của nhà nho mà thôi. Chủ trương chôn không sâu và dùng quan tài dày 3 tấc người theo không nhiều lắm.

Mạnh Tử sau khi chịu tang từ nước Lỗ trở về nước Tề, do việc tổ chức tang lễ rất long trọng, phí tổn nhiều tiền bạc, gây nên dư luận bàn tán trong một số người.

Lúc đó có một tín đồ phái Hắc giáo Di Chi có quen với môn đệ của Mạnh Tử là Từ Tịch yêu cầu được đến gặp ông.

Nghe vậy Mạnh Tử nói :

“Ta muốn gặp ông ta, nhưng hiện ta không được khỏe, đợi khỏe bệnh, ta sẽ đến thăm. Ông ấy chẳng cần phải đến.”

Thời gian sau Di Chi lại yêu cầu gặp Mạnh Tử. Mạnh Tử nói :

“Bây giờ ta có thể gặp ông ta được rồi, chẳng qua ta không nói thẳng ra thì chân lý chẳng được rõ ràng. Tóm lại nói thẳng thắn với nhau vậy. Ta nghe nói Di Tử là tín đồ của phái Mặc gia. Việc tang lễ phái Mặc gia lấy nguyên tắc tiết kiệm làm trọng. Di Tử cũng muốn dùng lối chôn cất đạm bạc để cải cách thiên hạ, tự nhiên họ cho rằng không đạm bạc là không đúng, không tôn quý. Ngay bản thân ông ấy chôn cất mẹ ông ấy cũng rất chu đáo. Chẳng khác nào ta tự lấy việc mình làm để phủ định mình, lấy việc ông ta khinh ghét để đối đãi với mẹ mình vậy.”

Từ Tịch đem mấy lời đó thuật lại cho Di Chi nghe. Di Chi nói :

“Học thuyết nhà nho cho rằng : bậc quân tử đời xưa yêu thương muôn dân như yêu con đỏ. Câu nói đó có ý nghĩa ra sao ? Ta nhận thấy ý nghĩa câu nói đó là sự yêu thương giữa con người với con người, không có phân biệt thân, sơ, nông, sâu. Chỉ có khi thực hành thì lại bắt đầu từ cha mẹ của mình thôi”.

Từ Tịch lại đem những lời đó kể lại cho Mạnh Tử nghe.

Mạnh Tử nói :

“Di Chi có thật tin rằng người ta yêu cháu của mình cũng như yêu con của người hàng xóm như nhau không ? Chẳng qua Di Tử chỉ biết điều nhỏ này. Xin hỏi : Thấy một đứa trẻ bò lê trên đất sắp tới miệng chiếc giếng có nguy cơ rơi xuống giếng. Đương nhiên đó không phải là lỗi của đứa trẻ. Lúc này dù là con của ai, ai nhìn thấy đều phải chạy đến cứu ngay. Di Tử cho rằng đó là tình yêu không có sự phân biệt; kỳ thực đó là lòng yêu thương của người đời. Và lại trời sinh ra vạn vật chỉ có một cội nguồn. Di Tử lại nói có hai cội nguồn. Đạo lý chính là ở đó.

“Đại khái từ thuở xưa, người ta không có lệ mai táng; cha mẹ chết đem vứt xuống khe suối, ít lâu sau, họ đi qua đó; thấy chôn cáo xé xác mà ăn, thấy dòi bọ đục khoét thân thể người chết; trán họ vã mồ hôi, mặt quay đi chẳng dám nhìn nữa. Giọt mồ hôi lúc đó không phải chảy ra để cho người khác biết, thực ra là họ đang hối hận ở trong lòng mới lộ trên nét mặt như vậy. Sau đó họ về nhà lấy cuốc xẻng, giở đệm đến chôn cất lại thi thể. Chôn cất thi thể là việc đúng. Thế thì người có nhân, con có hiếu chôn cất cha mẹ họ chẳng phải là lẽ tự nhiên sao ?”

Từ Tịch lại đem những lời nói đó nói lại cho Di Chi biết. Di Chi ngâm ngùi hồi lâu rồi nói : Ta hiểu rồi.

Mạnh Tử coi trọng lễ tang tế chẳng phải vì hình thức bên ngoài, mà cho rằng đó là sự biểu hiện tình thân thiết máu mủ từ trong lòng mà ra. Tận mắt chứng kiến cảnh hời hợt của lễ tục đương thời Mạnh Tử cảm khái nói rằng :

“Phụng dưỡng cha mẹ lúc sống không coi là đại sự.

Hết lòng lo tang lễ cho cha mẹ mới gọi là đại sự.”

Có một lần khác, Tề Tuyên Vương muốn rút ngắn bớt thời gian để tang lại. Công Tôn Sửu nói :

“Giữ hiếu một năm chẳng phải hơn chẳng để ngày nào sao ?

Mạnh Tử nói :

“Điều người nói giống như có một người níu tay anh trai của mình lại, nhưng lại nói rằng : Kéo chậm thôi chứ. Lẽ nào lại thế được nhỉ. Chỉ cần dạy bảo anh ta biết hiếu với cha mẹ, kính mến anh chị em thế là đủ rồi.”

Sau này có người mẹ của ông vua mất, vua hỏi người thầy dạy của mình nên để tang mấy tháng ? Công Tôn Sửu hỏi :

“Việc giống như vậy thì làm thế nào ?”

Mạnh Tử đáp : “Vị Vương Tử ấy muốn để tang 3 năm mà không biết làm sao. Như ta đã nói ở trên, dù có để tang một ngày vẫn cứ tốt hơn là không để. Ngài chỉ trích những người ngăn cản việc để tang của ngài, chính là ngầm tự gìn giữ lễ nghĩa.”

Nhà nho đề xướng để tang 3 năm đương nhiên mang tính lý tưởng, đương thời có nhiều người hoài nghi tính hợp lý của việc để tang 3 năm, đặc biệt là sự phản đối mạnh mẽ của phái Hắc gia. Kỳ thực ngay từ thời Khổng Tử, Tề Dữ đệ tử của ngài đã sớm hỏi điều này. Ông cho rằng để tang một năm là đủ rồi. Câu trả lời của Khổng Tử là, Tề Dữ hãy hỏi mình trước nghĩ như vậy đã thực sự thấy yên tâm chưa.

Câu nói của đức Khổng Tử chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu sắc. Bởi vì Khổng Tử cho rằng lễ nghĩa không chỉ là hình thức bề ngoài mà cơ sở phải là tình cảm thực sự từ trong lòng. Nếu không có lòng hiếu thảo dù để tang 3 năm đi nữa cũng chẳng có ý nghĩa gì. Cho nên đức Khổng Tử dứt khoát nói rằng :

“Tế Dữ là kẻ bất nhân, con cái sinh ra phải 3 năm mới rời cha mẹ, tang lễ 3 năm là điều thông thường trong thiên hạ. Tế Dữ ơi ! Người có hay không lòng hiếu thảo để nghĩ đến cha mẹ đã mất trong vòng 3 năm không ?”

Manh Tử kế thừa tư tưởng hiếu đạo của Khổng Tử, lúc cùng các môn đệ bàn bạc, ông nói :

“Thông thường người ta lúc còn nhỏ thì yêu quý cha mẹ; Lớn lên thì hiếu được ái tình thì yêu quý người bạn khác phái trẻ đẹp; Có vợ rồi thì say đắm với vợ, Làm quan thì lấy lòng vua. Nếu chẳng được sự yêu mến quan tâm của vua trong lòng áy náy xốn xang. Chỉ có người hiếu thảo nhất mới suốt đời yêu thương cha mẹ. Khi tuổi 50 lại càng yêu thương cha mẹ. Ta thấy điều đó từ trách nhiệm của mình.”

“Đạo hiếu là suốt đời thờ cha mẹ” Manh Tử nói đến câu danh ngôn bất hủ này. Một lần khác, Manh Tử lại bàn đến việc đạo hiếu :

“Phụng dưỡng ai là quan trọng nhất : Chỉ có phụng dưỡng cha mẹ là quan trọng nhất. Giữ gìn cái gì là quan trọng nhất ? Giữ gìn mình đừng để rơi vào chốn bất nghĩa là quan trọng nhất. Phẩm cách tiết tháo của mình không bị

mất đi lại còn phụng dưỡng được cha mẹ. Ta chẳng nghe nói : Phẩm cách tiết tháo của ai đã rơi vào chỗ bất nghĩa mà lại còn phụng dưỡng được cha mẹ ? Việc phụng dưỡng cha mẹ đều nên làm, nhưng căn bản phải giữ gìn được phẩm cách tiết tháo của mình.”

“Ngày trước Tăng Tử phụng dưỡng cha mẹ mình là Tăng Tích. Mỗi bữa ăn đều phải có rượu thịt. Lúc dọn mâm, ông đều hỏi cha rằng : Cho ai đồ dư thừa này ? Nếu Tăng Tích hỏi : Còn đồ dư thừa không ? Ông đều đáp rằng : Còn. Tăng Tích mất; Tăng Nguyên (con Tăng Tử) phụng dưỡng Tăng Tử mỗi bữa ăn cũng đều có rượu thịt; nhưng khi dọn mâm lại chẳng hỏi cho ai đồ dư thừa. Nếu Tăng Tử hỏi : Còn đồ dư thừa không; Tăng Nguyên liền nói : Không còn; ý muốn giữ lại chuẩn bị cho bữa sau. Việc đó gọi là nuôi cái miệng cái xác của cha thôi. Tăng Tử nuôi dưỡng cha mới gọi là theo ý cha. Phụng dưỡng cha mẹ được như Tăng Tử mới gọi là phải đạo.”

Lại có một lần, Công Đồ Tử, học trò của Mạnh Tử hỏi rằng :

“Khuông Chương (người nước Tề) cả nước đều chê ông ta bất hiếu. Có sao thầy thường qua lại và kính trọng ông ta ?”

Mạnh Tử đáp :

“Cái gọi là bất hiếu có năm tình huống sau : lười biếng chẳng muốn làm điều gì, không đoái hoài đến đời sống của cha mẹ. Đó là điều thứ 1. Ham thích cờ bạc rượu chè, không đoái hoài đến cha mẹ. Là điều thứ 2. Ham muốn tiền

bạc, quá yêu quý vợ con quên chăm sóc cha mẹ là điều thứ 3. Ham thích hưởng lạc nhục dục để cha mẹ tủi nhục, hồ thẹn là điều thứ 4. Quá ham mê vô lực, đánh nhau bạo tàn, chém giết người thiện lương khiến cha mẹ nguy khốn, là điều thứ 5. Chương Tử phạm một trong 5 điều ấy chăng ?

“Chẳng qua Chương Tử lấy điều thiện là cha con cùng trách nhiệm nên làm mất mối quan hệ cha con mà thôi. Cùng trách nhiệm với nhau đó là cái đạo của bạn bè. Giữa cha con mà lấy điều này là việc tổn thương đến tình cảm. Chương Tử lẽ nào không nghĩ đến sự đoàn tụ vợ chồng, cha mẹ, con cái với nhau ? Vì thế mà mắc tội với cha, không được gần cha. Do vậy ông đuổi vợ đuổi con trọn đời chẳng cần vợ con phụng dưỡng mình.

“Thiết tưởng ông ta làm như vậy là đúng. Vì nếu không làm như vậy thì tội càng lớn hơn. Đó chính là cái vi người khác của Chương Tử vậy.”

Từ việc này có thể thấy, đối với hành vi của bất kỳ ai thật khó phán đoán được đạo đức của họ. Trước khi nói về đạo đức của người khác phải thật hiểu rõ sự việc, hơn nữa phải suy xét thật cẩn thận.”

Chuyện Khuông Chương vì cha mẹ bất hòa, cha giết mẹ, gia đình xảy ra chuyện chẳng lành. Trước khi xảy ra sự việc, Khuông Chương thường khuyên can cha, nhưng ông chẳng nghe theo nên mới xảy ra bi kịch luân thường như vậy. Đó là bi kịch không thể tránh khỏi. Sao nữ lấy đó buộc tội ông là bất hiếu ?”

Chương 5

CHỦ NGHĨA LÝ TƯỚNG ĐẠO ĐỨC

*"Phu Thiên vi dục bình trị thiên hạ dã, như dục
bình trị thiên hạ;
Đương kim chi thế, sá ngã kỳ thù dã ?"*

1) Người nước Tề đánh chiếm nước Yên.

Năm 316 trước Công nguyên, cũng chính là năm Mạnh Tử được phong là Khách Khanh của nước Tề. Nước Yên xảy ra việc thay đổi chính trị lớn. Yên Vương Khoái nhường ngôi cho tướng quốc Tử Chi. Sau sự kiện này dẫn đến cuộc chiến tranh giữa nước Tề và nước Yên. Việc này gián tiếp thúc Mạnh Tử rời khỏi nước Tề.

Nói lại trước đây, thời Yên Dị Vương, nhà thuyết khách Tô Tần tư thông với Dị Vương mẫu hậu, vì sợ bị giết chết hần bỏ chạy đến nước Tề.

Dị Vương tại vị 20 năm rồi mất, con của ông là Yên Khoái lên kế vị. Lúc này người Tề đã giết chết Tô Tần. Tô Tần có người em tên là Tô Đại, cũng là một chính khách nổi tiếng. Sau khi Tô Tần bị giết, Tô Đại được Tề Tuyên Vương trọng dụng.

Sau 3 năm lên ngôi, Yên Khoái liên quân với Sở, Hàn,

Triệu, Ngụy đánh Tần. Kết quả trận chiến thất bại. Yên Khoái gặp phải sự chèn ép rất lớn từ nhiều phía; danh dự của ông bị hạ thấp. Thấy tình hình như vậy, do có mối quan hệ thân mật sẵn với Tử Chi từ trước, Tô Đại mượn cơ vua đưa Tử Chi đến nước Yên và khuyên Yên Vương Khoái trọng dụng Tử Chi. Tiếp đó lại dùng chuyện Nghiêu Thuấn nhường ngôi để khuyên can Yên Vương nên nhường ngôi cho Tử Chi, còn vua thì đến xưng thần ở phía Bắc. Mọi việc trong nước đều do Tử Chi định đoạt.

Ba năm sau, đất nước rơi vào cảnh đại loạn, muôn dân lo lắng. Tướng quân Thị Dị cùng thái tử Bình ngầm chống lại Tử Chi. Lúc đó có người khuyên Tề Tuyên Vương đánh Yên, việc sẽ thành công.

Lúc này cả nước Tề đều rất quan tâm đến sự kiện lớn có tầm quốc tế này. Họ cũng dự cảm được sẽ xảy ra chiến trận nay mai. Quan đại thần của nước Tề là Thẩm Đồng đã hỏi riêng với Mạnh Tử :

“Có thể đánh chiếm nước Yên được chăng ?”

Mạnh Tử đáp :

“Có thể. Vương Khoái không được phép đem nước Yên giao cho kẻ khác như vậy. Tử Chi tướng quốc của y cũng không được phép nhận nước Yên từ Vương Khoái như thế. Ví như có một người mà người rất thích, người chẳng tâu với vua mà tự tiện đem bổng lộc tước vị nhường hết cho anh ta. Người ấy cũng chẳng cần có sự cho phép của vua mà tự nhận bổng lộc, chức vị từ nơi người như vậy liệu có được không ? Việc tự tiện trao và nhận của vua Yên và Tử Chi

có khác gì việc trên đầu ?”

Mạnh Tử phê phán việc nhường ngôi của vua nước Yên. Ông cho rằng việc đó không hợp nghĩa với nền chính trị đương thời. Nói cách khác Mạnh Tử cho rằng ngôi vua, chức quan không phải là của riêng ai. Đương nhiên không thể trao nhận theo ý riêng tư. Nếu có sự thay đổi chính quyền phải dựa vào ý dân mới là hợp pháp. Trước đây Mạnh Tử đã giảng giải rõ ràng :

“Được sự ủng hộ của muôn dân mới có thể làm thiên tử được. Thiên tử không được giao thiên hạ cho người khác”.

Vương Khoái tự mình giao đất nước cho Tử Chi là không tôn trọng nguyện vọng của muôn dân. Đó là điều mà Mạnh Tử không thể tán thành được.

Năm 314 trước Công nguyên, Tề Tuyên Vương sai người đến nhờ thái tử Bình giúp đỡ. Thế là thái tử Bình tập hợp quần chúng đứng lên chống lại chính quyền của Tử Chi và cử tướng quân Thị Bì đưa quân đánh phá cung vua. Đúng lúc đó tướng quân Thị Bì quay giáo tấn công lại quân đội của thái tử Bình. Tướng quân Thị Bì tử trận, phe phục quốc của thái tử Bình cũng thất bại. Nước Yên rơi vào tình trạng nội chiến liên miên, muôn dân chết chóc không kể xiết; cảnh ly loạn do chiến tranh gây ra ngày càng nhiều, tiếng kêu phẫn uất, đau thương của muôn dân vang lên khắp nơi. Thấy thời cơ không thể bỏ qua, Tề Tuyên Vương sai Khuông Chương thống lĩnh quân đội đánh chiếm nước Yên.

Mạnh Tư vốn cũng ôm ấp những hành động quân sự này. Ông cho rằng đây là lúc Tề Tuyên Vương lấy điều nhân nghĩa để xưng vương thiên hạ. Rõ ràng Mạnh Tư hy vọng Tuyên Vương noi theo Chu Văn Vương, Vũ Vương vì thương dân mà trị kẻ có tội, cứu muôn dân thoát khỏi cảnh dẫu sôi lửa bỏng binh đao, tiến tới đây mạnh việc thi hành sự lãnh đạo chính trị nhân đức đối với thiên hạ.

Nhưng sự thực Tuyên Vương chỉ có dã tâm mở rộng lãnh thổ mà thôi. Ông không có ý chân thành thi hành nền chính trị nhân đức. Do vậy sau khi người nước Tề xuất binh đánh chiếm nước Yên, có người hỏi Mạnh Tư rằng :

“Có phải ngài khuyên Tuyên Vương đánh nước Yên ?”

Mạnh Tư đáp :

“Không. Thăm Đồng từng hỏi ta rằng : Có thể đánh chiếm nước Yên được chăng ? Ta đã trả lời : Có thể. Họ đánh chiếm nước Yên như vậy. Nếu hỏi lại họ rằng : Còn ai có quyền đến đánh chiếm họ không ? Ta sẽ nói : Chỉ có thiên tử mới có quyền đánh chiếm được. Ví dụ : có kẻ phạm tội ở đây. Có người hỏi : Kẻ phạm tội nên giết không ? Ta sẽ nói : Nên giết. Ví dụ ông ta lại hỏi thêm : Ai có thể giết hắn ? Ta sẽ nói : Chỉ có quan hành pháp mới có quyền giết hắn. Nay cũng giống như chuyện nước Tề đánh chiếm nước Yên; sao ta lại đi xúi giục như vậy ?”

Quân Tề tiến vào nước Yên thế mạnh như chẻ tre, chẳng vấp phải sự kháng cự đáng kể nào. Chẳng mấy chốc Tề chiếm toàn bộ nước Yên. Vương Khoái và Tử Chi bị giết trong cuộc giao tranh binh đao khốc liệt này. Nước Tề đầy

manh việc đánh chiếm nước Yên. Tề Tuyên Vương khí thế hăm hở đến hỏi Mạnh Tử rằng :

“Có người khuyên ta không nên đánh chiếm nước Yên lại có người khuyên ta nên chiếm nước Yên. Ta nghĩ một nước lớn dùng vạn cỗ chiến xa đánh với một nước cũng có vạn cỗ chiến xa, chỉ trong vòng 50 ngày là chiếm xong. Nếu dựa vào sức người thì không thể làm được. Đó chính là ý trời muốn vậy. Nếu ta không chiếm lấy e rằng trái ý trời, ta sẽ mang hận suốt đời. Phai chiếm lấy thôi. Ngài có thấy thế không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Nếu sau khi chiếm rồi, muôn dân nước Yên đều vui thích thì nên chiếm lấy. Thuở xưa đã có người từng làm như vậy. Đó là Chu Vũ Vương. Nếu chiếm lấy mà dân nước Yên chẳng vui thích, thì không nên chiếm. Thuở trước cũng có người làm như vậy rồi. Đó chính là Chu Văn Vương.

Khi quân đội của ngài tiến đánh quân đội nước Yên, muôn dân nước Yên đem cơm rượu đến tiếp quân đội của ngài. Còn có ý nghĩa gì khác không ? Chẳng qua họ muốn tránh khỏi những ngày đau khổ nước sôi lửa bỏng mà thôi. Nếu tai ương của họ càng nhiều thì họ sẽ cầu mong người khác đến cứu giúp.”

Lời nhận xét của Mạnh Tử thật sâu sắc nhân hậu. Đó chính là vấn đề chính mà ông muốn nêu lên. Quá nhiên, quân Tề xuất hiện với tư cách như kẻ ăn cướp đàn áp nhân dân; Những nơi quân Tề chiếm đóng chắc chắn chứa nguy cơ có

sự chống lại của muôn dân. Hơn nữa sau khi Tề chiếm nước Yên đã phá vỡ thế cân bằng giữa các nước; các nước đã chuẩn bị xuất quân cứu nước Yên. Lúc này Tuyên Vương vô cùng lo lắng, bèn đến hỏi Mạnh Tử :

“Nhiều nước đang mưu tính đánh lại ta, ta phải đối phó như thế nào ?”

Mạnh Tử đáp :

“Ta từng nghe nói : Một người chỉ dựa vào mảnh đất 70 dặm mà thống nhất được cả thiên hạ đó là vua Thương vua Thang; Ta chưa nghe một nước rộng đến 7000 dặm vẫn sợ nước mình nhỏ. Sách có chép : “Vua Thương Thang chinh phạt bắt đầu từ nước Cát. Người trong thiên hạ đều tin phục ông ta. Bởi vì khi tiến quân về phía Đông thì muôn dân của nước phía Bắc phiên trách, họ đều nói : Vì sao lại sắp chúng ta ở sau vậy ? Mọi người mong đợi ông như trời hạn trông mưa. Sự chinh phạt của vua Thang muôn dân chẳng hề lo sợ, người đi chợ vẫn đi lại như thường, người cày ruộng vẫn lo toan việc cày cấy. Người chỉ giết tên vua hung bạo, vỗ về muôn dân bị áp bức. Người đến như trời đổ mưa đúng lúc hạn; muôn dân đều vô cùng phấn khởi. Đường Thư Lại viết : “Vua mà chúng tôi mong đợi đã đến chúng tôi như được sống lại.” Nay vua nước Yên ngược đãi muôn dân. Bệ hạ đến trừng phạt hắn, muôn dân ở đấy nhận thấy bệ hạ đã cứu thoát họ khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng. Do vậy muôn dân đều đem cơm rượu đến nghênh tiếp đội quân của bệ hạ. Còn bệ hạ thì sao ? Quân của bệ hạ chém giết cha anh của họ, giam cầm con em họ; đập phá

tông miếu từ đường của họ, cướp đoạt tài sản đồ vật quý giá của quốc gia. Sao lại có thể làm như vậy được ? Các nước trong thiên hạ vốn rất sợ nước Tề to lớn. Nay đất đai của nước Tề lại được mở rộng thêm gấp đôi, vẫn luôn bạo ngược vô đạo. Điều đó tự nhiên khiến các nước phải hiệp sức xuất quân can thiệp. Mong bệ hạ ra lệnh ngăn chặn việc cướp đoạt tài sản quý giá của nước Yên; thương lượng bàn bạc với người nước Yên đưa một ông vua lên ngôi. Sau đó rút quân khỏi nước Yên. Như vậy mới có thể khiến các nước khác dừng lại việc xuất binh can thiệp. Việc làm còn kịp được.”

Tuyên Vương chẳng chịu nghe theo ý kiến của Mạnh Tử, cho rằng đó là ý kiến quá bảo thủ, không hợp thực tế. Kết quả dân nước Yên chịu không nổi sự thống trị của nước Tề, rầm rộ đứng lên chống lại, cuối cùng khôi phục lại được đất nước, đưa thái tử Bình lên ngôi — đó là Chiêu Vương

Lúc đó Tuyên Vương mới nghĩ lại lời Mạnh Tử từng nói với ông lúc trước. Ông than rằng : “Ta thấy thật xấu hổ đối với Mạnh Tử”.

Quan đại phu Trần Giả ngồi bên nghe thấy bèn nói :

“Bệ hạ chớ có buồn. So với Chu Công : nhân — trí ai hơn ?”

Tuyên Vương nói :

“Sao lại nói vậy ? Ta đâu dám so với Chu Công.”

Trần Giả nói :

“Chu Công sai Quản Thúc đến giám sát vua nước Ân; kết quả Quản Thúc lại cầm đầu dân ở đó làm phản. Nếu

Chu Công biết trước mà vẫn cứ Quan Thúc đi thì ông ta là kẻ bất nhân. Nên Chu Công chẳng biết mà cứ đi thì ông ta là kẻ bất trí. Nhân và trí Chu Công còn chưa vẹn tròn huống chi bệ hạ ? Ta muốn đến thăm Mạnh Tử, xem ngài ấy giảng giải việc này ra sao ?”

Thế là Trần Gia đến gặp Mạnh Tử và hỏi rằng :

“Ông Chu Công là người như thế nào ?”

Mạnh Tử đáp.

“Là bậc thánh đời xưa.”

Trần Gia lại hỏi :

“Có việc Chu Công sai Quan Thúc đi giám sát vua nước Ân. Quan Thúc lại cầm đầu dân nước Ân làm phản không ?”

“Có” Mạnh Tử trả lời.

“Chu Công biết trước Quan Thúc làm phản nhưng vẫn cứ sai đi phải không ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Chu Công không biết trước”.

Thế là Trần Gia nói :

“Thế ra bậc thánh cũng có sai lầm phải không ?”

Mạnh Tử nói :

“Chu Công là em; Quan Thúc là anh. Lẽ nào em lại nghi anh làm phản ? Cái sai của Chu Công lẽ nào chẳng hợp tình hợp lý ? Hơn nữa bậc bề trên ngày trước có lỗi, lập tức sửa ngay. Ngày nay bậc bề trên có sai lầm vẫn cứ

giữ mãi sai lầm chẳng chịu sửa đổi. Sai lầm của bậc bề trên ngày trước giống như nhật nguyệt bị xâm thực, muốn dần ai ai cũng thấy. Lúc họ sửa lỗi lầm ai ai đều thấy tận mắt. Ngày nay kẻ bề trên không chỉ sai lầm một lần mà liên tiếp sai lầm nữa. Họ dùng nhiều lý lẽ để biện hộ sai trái của mình.”

Mạnh Tư chàng khách khí mà trách móc luôn cả Trần Gia và Tề Tuyên Vương. Vớ kịch chiến tranh giữa người Tề và Yên cuối cùng kết thúc, nhưng sự kiện chính trị lần này Mạnh Tư thấy rõ sự yếu kém thiếu hụt của Tề Tuyên Vương hơn. Cũng chính lúc này Mạnh Tư nảy sinh ý nghĩ phai ra khỏi nước Tề.

2) Kẻ phản bội — Gây chiến.

Khi nước Tề phát động chiến tranh xâm lược nước Yên, cả nước lập tức rơi vào tình trạng có chiến tranh. Tại kinh đô Lâm Tri, Mạnh Tư thường thấy những toán binh lính hăm hở đi ra tiền tuyến, rồi từng toán thương bệnh binh được chuyển về hậu phương. Chiến tranh — tham kịch từ ngàn xưa bùng nổ dữ dội. Canh con xa cha, vợ lìa chồng, sống chết biệt ly được đạo diễn bởi tay kẻ có dã tâm hiếu chiến.

Mạnh Tư thơ than trước sự ngu xuẩn, ích kỷ và tàn nhẫn của con người. Có lúc chịu không được, ông đã lên tiếng tố cáo bọn phá hoại này.

“Ngày nay những người phục tùng kẻ hạ đều nói : Ta có thể giúp đức vua mở mang đất đai, làm giàu kho báu. Cái

gọi là lương thần — bề tôi thiện hôm nay thì đời xưa gọi là kẻ cướp. Bậc vua chúa chẳng theo đạo đức, chẳng thực thi đường lối chính trị nhân đức lại đi cầu lợi tiền tài, phú quý khác nào làm giàu cho vua Kiệt nhà Hạ hồi trước.

“Những kẻ bầy tôi này lại nói : Ta có thể giúp vua liên minh với các nước, mỗi trận chiến đều giành được thắng lợi. Người ta khen đó là những lương thần, thì trước đây lại bị cho là kẻ cướp của dân. Vua chẳng làm theo việc có đức, chẳng chịu thi hành chính sách cai trị nhân đức lại theo đuổi chiến tranh làm khô muôn dân, chẳng khác nào giúp đỡ vua Kiệt đời Hạ ngày trước. Con đường đi trước mặt như vậy không phù hợp với thói quen đời nay, chẳng có cách nào được cả thiên hạ.”

Dân tộc — kẻ cướp của dân. Những kẻ dã tâm này đã tạc tượng chúng bằng xương cốt bao dân lành vô tội. Đó chính là bọn người mà Mạnh Tử chỉ trích không hề thương tiếc. Thậm chí ông còn yêu cầu treo cổ bọn hiếu chiến này lên.

Một lần nói chuyện với các môn đệ của mình về đức Không Tử và Nhiễm Câu, Mạnh Tử nói :

“Nhiễm Câu, đệ tử của Không Tử làm tổng quan của Quý Khang. Nhà Quý Khang rất giàu có. Nhiễm Câu chẳng sửa được tính xấu của nhà họ Quý mà còn giúp ông ta thu thuế ruộng đất gấp đôi lúc trước để làm giàu thêm. Đức Không Tử lúc đó cũng từng nói : “Nhiễm Câu không phải là đệ tử của ta nữa. Các người hãy công kích hắn thật mạnh”.

Từ việc này ta có thể thấy : không khuyến vua làm

điều nhân đức thực thi chính sách nhân đạo, lại còn giúp vua thực thi sưu cao thuế nặng để làm giàu. Thử người ấy đều bị đức Không Tử vứt đi cả. Huống hồ những kẻ vâng lệnh vua bắt nhân gây nên chiến tranh tàn ác ? Những kẻ đó gây chiến tranh để giành giật đất đai, khiến người chết khắp nơi. Tranh đoạt thành trì làm đỏ máu khắp chốn.

Chúng giết người vì muốn mở rộng đất đai. Tội chúng thật đáng chết. Thế thì bọn hiếu chiến kia phải chịu hình phạt nặng nhất. Những kẻ a tòng cũng phải bị trừng trị. Những kẻ tăng thuế làm muôn dân làm lụng vất vả mà không đủ ăn sao lại không bị trừng trị ?

Mạnh Tử đã nói : Thời Xuân Thu tuy không có chiến tranh chính nghĩa nhưng so với thời Chiến Quốc còn có chỗ tốt hơn. Chiến tranh thời Chiến Quốc là cuộc chiến tranh quy mô lớn, mục đích là tiêu diệt đôi phương. Và ông nói :

“Người nhân đức là người vô địch trong thiên hạ. Người nhân đức trị kẻ bất nhân. Sao lại gây nên canh máu chảy thành sông ?”

Dùng hình ảnh : “Máu chảy thành sông” để ta hình dung được sự tham khốc của các cuộc chiến tranh đương thời.

Làm thế nào để tránh khỏi chiến tranh, hòa bình thông nhất cả thiên hạ đây ? Mạnh Tử từng nêu rõ trong luận thuyết người nhân đức là vô địch.

“Có người nói : Ta giỏi về chỉ huy chiến lược; ta giỏi về cầm quân chiến đấu. Đó là kẻ có tội lớn đấy. Bậc Thiên Tử của một nước nếu thích nhân đức thì thiên hạ sẽ chẳng

ai địch nổi. Vua Thang Thương chinh phạt phía Nam thì dân phía Bắc trách người; khi chinh phạt phía Đông thì dân phía Tây trách móc người. Họ nói rằng : Tại sao ngài chàng đến nơi ta trước ? Người trong toàn thiên hạ đều mong đợi vua Thang đến cứu họ. Chu Vô Vương đánh đuổi vua Trụ, người dùng 3000 chiến xa 3000 dũng sĩ. Chu Vô Vương nói với muôn dân của Trụ rằng : Đừng sợ ! Ta đến để an định cho các người. Ta không phải là kẻ thù của người dân. Thế là muôn dân yên tâm cam tạ. Kỳ thực ra nghĩa của chữ "chính" là sửa cho chính, mọi người phải sửa mình cho chính. Làm tốt bốn phận của mình, như vậy cần chi chiến tranh nữa ?"

Mạnh Tử thể hiện rất rõ thái độ phản đối chiến tranh, lý do phản đối chiến tranh chủ yếu trong ông là tư tưởng chủ nghĩa nhân đạo, nhân ái.

Mạnh Tử nói :

"Từ nay ta mới biết được hậu quả nghiêm trọng của việc giết hại người thân kẻ khác. Người giết cha người khác, thì người khác cũng sẽ giết lại cha người, người giết anh người khác, người khác cũng sẽ giết hại anh người. Nếu cứ thay nhau giết hại như vậy, tuy không phải tự tay giết cha anh mình cũng giống như tự tay giết cha anh mình vậy."

Đứng trên cao phải nhìn khắp xung quanh bốn phía, đừng nhìn một chỗ một nơi. Tấm lòng Mạnh Tử chan chứa nỗi đau thương, căm giận, buồn chán... Ông suy nghĩ rất nhiều về vận mệnh của loài người từ cuộc chiến tranh này.

3) Kẻ sĩ và kẻ thù.

Qua cuộc chiến tranh, đánh chiếm nước Yên, những hy vọng của Mạnh Tử đối với nước Tề hoàn toàn sụp đổ. Kẻ cầm quyền chỉ nghĩ về quyền lợi cá nhân mình mà thôi, tất cả đều là lũ dã tâm.

Tư tưởng thực hiện đường lối chính trị nhân đức dưới mắt ông lúc này là hoàn toàn xa vời, thiếu thực tế. Hoặc giả trước mắt Mạnh Tử chúng tỏ ra bộ dạng rất thành khẩn nhưng đằng sau thật đáng nực cười. Còn Tuyên Vương ư ? Mạnh Tử thẳng thắn chỉ trích những việc làm sai trái, nhất là trong thời kỳ chiến tranh. Ông nói : “Kẻ gây chiến phải bị ngục hình”.

Nói thẳng ra hành động của chúng là làm đổ vỡ lòng dân, đánh vào ý chí kẻ sĩ. Tuyên Vương đã có lúc nghĩ : “Con người này càng ngày càng không biết sợ. Trước đây còn nói : Quân Vương có lỗi phải can gián. Nếu can gián mà Quân Vương chẳng nghe sẽ lập người khác lên thay. Bề tôi đều có thể vứt bỏ Quân Vương dễ dàng vậy. Thật như vậy chăng ?”

Chính vì vậy mà mối quan hệ giữa Mạnh Tử và Tuyên Vương ngày càng trở nên nhạt nhẽo và cũng đến lúc Mạnh Tử phải quyết định xa rời nước Tề. Tuy nghĩ phải ra đi nhưng Mạnh Tử không bỏ rơi nguyên tắc : “Chỉ có bậc đại nhân mới dám chỉ trích những sai trái của Quân Vương”. Bậc đại nhân đó chính là người có trí thức, có dũng khí, đầu đội trời chân đạp đất. Nghĩ tới đây Mạnh Tử thấy thoải mái yên tâm hẳn lên.

Có một lần, Mạnh Tư nói chuyện với Tuyên Vương về nguyên tắc vua tôi sống với nhau. Mạnh Tư nói :

“Nếu bệ hạ coi hạ thần như tay chân của mình, hạ thần sẽ coi bệ hạ như tim gan của mình. Nếu bệ hạ đối đãi với hạ thần như loài vật chó ngựa, hạ thần sẽ coi bệ hạ như kẻ qua đường. Nếu bệ hạ xem thường hạ thần như bùn như rác, thì hạ thần sẽ coi bệ hạ như kẻ thù.”

Ý của Mạnh Tư rất rõ ràng. Mỗi quan hệ giữa vua tôi không chỉ đơn thuần ở sự thống trị và thành tâm dâng hiến mà quyết định ở thái độ coi trọng tin tưởng lẫn nhau. Vua cố nhiên ở mãi trên cao, kẻ hạ thần có quyền lựa chọn vua cho mình.

Do vậy lúc đó có rất nhiều nhân sĩ chu du các nước mà không ở ổn định với một nước nào, ông vua nào.

Về chức vụ vua đương nhiên cao nhất. Kẻ bề tôi ở dưới. Nhưng xét về tình người thì vua cũng là người, bề tôi cũng là người, hoàn toàn bình đẳng nhau. Lẽ nào trên lại lừa dưới ? Mạnh Tư kiên trì đối với việc gìn giữ sự tôn nghiêm đối với tình người.

Tuyên Vương nghe xong, hỏi :

“Lễ chí quy định, những hạ thần thôi không giữ chức, nếu vua cũ của mình qua đời có phải để tang phục hiến không ? Rồi vua phải đối đãi đối với hạ thần đó như thế nào mới đáng để cho hạ thần đó để tang ?”

Mạnh Tư đáp :

“Khuyến can vua phải sửa, kiến nghị vua phải nghe.

ân đức của kẻ cầm quyền suốt khắp muôn dân. Nếu vì lý do đặc biệt phải xa rời, vua sẽ cho người đưa ra khỏi biên giới, cứ người đến, lo liệu trước cho họ tại nơi mới đến. Nếu sau ba năm không thấy trở về mới thu hồi lại ruộng đất nhà cửa của họ. Đó gọi là ba điều lễ. Làm như vậy kẻ hạ thân sẽ dè dặt tang vua.

“Ngày nay kẻ hạ thân có khuyển can vua, kiến nghị vua vua chẳng nghe theo. Ân huệ của kẻ cầm quyền chẳng ban tới muôn dân. Nếu có việc buộc phải ra đi, vua sẽ bắt giữ anh ta lại. Anh ta đến nơi nào đó còn nghĩ tiếp mưu kế làm cho anh ta muôn phần khó khăn nghèo khổ thêm. Ngày anh ta ra đi cũng chính là ngày bề trên thu hồi lại ruộng đất nhà cửa của anh ta. Đó gọi là kẻ thù. Đối với kẻ thù thì còn gì phải dè dặt nữa?”

Từ việc đạo lý vua tôi này, Mạnh Tử nói rõ thêm : “Làm vua có đạo đức của vua; làm tôi có đạo đức của tôi. Vậy thì đạo vua tôi là gì ?” Mạnh Tử dẫn câu nói của Không Tử rằng : “Đạo nhị, nhân dữ bất nhân nhi dĩ hi” ý câu này là : Bất luận là vua hay là kẻ bề tôi chỉ nhìn vào hành vi của họ có nhân hay bất nhân là biết ngay. Là bề tôi thì phải giữ lấy lòng nhân đạo. Làm vua cũng vậy. Về địa vị vua-tôi là mối quan hệ trên dưới nhưng về nhân cách đạo đức chỉ có điều khác nhau ở chỗ : nhân và bất nhân. Nhân cách đạo đức con người là căn bản; địa vị quyền lực là hiện thời trước mắt. Phải nhìn vào nhân cách đạo đức của mỗi người mà xem xét. Hơn nữa không phải bất biến, thậm chí nó thay đổi theo nhân và bất nhân.

Có một lần khác, Mạnh Tử và Vạn Chương — đệ tử của ông nói về bậc kè sĩ nên tiếp kiến bậc thiên tử như thế nào ? Mạnh Tử hỏi lại Vạn Chương rằng :

“Muốn dân đến phục dịch Thiên Tử thì được, đến tiếp kiến chư hầu thì lại không được. Chư hầu muốn gặp muôn dân, muốn gọi muôn dân thì phải làm gì ?”

Vạn Chương đáp :

“Vì ông ta nhìn rộng nghĩ sâu, phẩm đức lại thanh cao.”

Mạnh Tử nói :

“Nếu ông ta có cái nhìn rộng nghĩ sâu thế thì nên coi ông ta là thầy. Thiên Tử còn chẳng khiến được thầy hướng hồ chư hầu ? Nếu phẩm đức ông ta thanh cao, ta cũng chưa từng nghe một ông vua nào muốn gặp bậc hiền tài mà lại tùy tiện đòi đến cả.

“Vì như ông Mục Công vua nước Lỗ ngày trước nhiều lần đến thăm viếng Tử Tư. Vua hỏi Tử Tư : Một ông vua lớn ngày trước có hàng nghìn cỗ xe binh mã mà lại muốn kết bạn với một kẻ sĩ thế là sao vậy ? Tử Tư nghe xong lấy làm không vui — lẽ nào vua lại có ý như vậy ? Nói về địa vị thì ông là vua, ta là bề tôi làm sao dám kết bạn với ông phải không ? Nói về đạo lý thì ông là học trò ta — lẽ nào kết bạn với ta được phải không ? Từ đó mà nói : Ông vua có ngàn cỗ xe ngựa binh mã không thể kết bạn được với một kẻ sĩ, huống chi là gọi người ta ?

“Có một lần vua Cảnh Công nước Tề đi săn, ông sai người cầm cờ lông vũ (Cờ lệnh ngày trước) đến mời người

quan lý khu rừng săn của vua đến. Người quan rừng này không đến Canh Công gần lắm, định giết ông ta. Bậc kẻ sĩ có trí không sợ chết không có đất chôn, vứt thây xuống khe suối, hành vi của người dùng cam chằng sợ rơi đầu. Không Tử rất ca ngợi điều này của người quan rừng. Đó là ở chỗ ông ta chẳng thêm tiếp nhận lời gọi trái lẽ của vua.”

Vạn Chương lại hỏi :

“Mỗi người quan rừng nên dùng hiệu lệnh gì ?”

“Dùng cái mũ bằng da, dùng cờ đuôi nheo màu đỏ để với kẻ binh dân. Dùng cờ có chuông đỏ với quan. Khi với quan đại phu mới dùng cờ lông vũ. Dùng cờ với quan đại phu mà đi với người quan rừng, người quan rừng chết cũng chẳng dám đi, dùng cờ với kẻ sĩ để với kẻ binh dân, lẽ nào kẻ binh dân dám đến ? Huống hồ vua dùng lễ tiết với kẻ bất tài đi với kẻ hiền tài, thử nghĩ kẻ hiền tài dám đến chẳng ? Muốn gặp người hiền tài mà chẳng theo lễ nghĩa, giống như mời người ta đến nhà mà đóng cửa chặt. Nghĩa là đường, lẽ là cánh cửa. Chỉ có người quân tử mới biết đi trên con đường ấy, ra vào cánh cửa ấy mà thôi. Kinh Thi có nói rằng : Đường lớn phẳng như đá mài dao, thẳng như mũi tên bắn. Đó là đường mà bậc quân tử nên đi. Còn kẻ tiểu nhân nên học tập.”

Vạn Chương hỏi :

“Đức Không Tử khi có lệnh vua với, không đợi xe đến đón mà tự mình đi ngay. Như vậy Đức Không Tử sai sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Là vì lúc đó Không Tử đang làm quan; có bốn phận

của một viên quan: Vua lấy chức của ngài mà với ngài vậy.”

Ý của Mạnh Tử rất rõ ràng: đối với bậc Thiên Tử phải có thái độ cung kính quý trọng những người hiền tài, không được dựa vào địa vị của mình mà tùy tiện kêu gọi người hiền tài. Đối với kẻ trí thức, lúc đứng trước kẻ đương chức nắm quyền hành phải giữ đúng hành vi phạm chất thường ngày; không được bán rẻ phẩm giá của mình để cầu cạnh lợi lộc. Kẻ có học nên đem sự hiểu biết và đạo đức của mình để phục vụ công hiền quần chúng nhân dân trong xã hội. Nhưng phải đi trên đường lớn, vào cửa lớn. Mạnh Tử nói: “Phu nghĩa, lộ dã, lễ, môn dã. Duy quân tư năng do thị lộ, xuất nhập thị môn dã”. (Nghĩa của kẻ trưởng phu là đường đi, lễ là cửa vào; chỉ có bậc quân tử mới đi lại trên con đường ấy, ra vào cánh cửa ấy.)

Ý câu này của Mạnh Tử gần giống câu: “Đạo nhĩ, nhân dự bất nhân nhĩ di hĩ” (Bất luận là vua hay bề tôi; chỉ cần nhìn vào hành vi của họ là rõ nhân hay bất nhân).

Môn đệ của Không Tử có người cho rằng: thái độ của thầy hình như không tự nhiên, lại có phần cô hu cần phải thay đổi ít nhiều. Trần Đại đã hỏi Mạnh Tử:

“Không đến tiếp kiến chư hầu, hình như chỉ là câu nệ ở tiểu tiết. Ngày nay đến tiếp kiến chư hầu; lớn thì có thể thực thi đường lối chính trị nhân đức thống nhất thiên hạ; nhỏ thì thay đổi cục diện, xưng bá với thiên hạ. Hơn nữa trong cổ thư có chép rằng: ví dụ khom lưng xuống một tấc, nhưng đứng thẳng thì lên đến tám tấc, một tấc. Như vậy đương nhiên có thể yên tâm mà làm.”

Nghe xong, Mạnh Tử bèn thuật lại chuyện Canh Công với người gác rừng cho Trần Đại nghe, và nói tiếp rằng :

“Người nới khom lưng một tác, đứng thẳng một tâm đó hoàn toàn chỉ nghĩ về cái lợi trước mắt. Nếu chỉ nghĩ về cái lợi thì cúi xuống một tâm, đứng lên một tác cũng gọi là lợi chăng ? Như vậy mình cũng làm hay sao ?

“Ngày trước Triệu Gian Tư ra lệnh cho Vương Lương đánh xe cho tên gia thần sung ai tên là Hề đi săn. Suốt cả ngày Hề chẳng bắn được một con chim nhỏ nào. Khi về Hề nói với Gian Tư rằng : Vương Lương là gã đánh xe ngựa tồi. Có người lại nói Vương Lương câu đó. Vương Lương nói : Xin đi lại một lần nữa. Miễn cưỡng lắm Hề mới bằng lòng. Kết quả trong buổi săn Hề bắn được tới 10 con chim. Trở về Hề nói với Gian Tư rằng : Vương Lương là tay đánh xe cao thủ. Sau đó Gian Tư nói lại lời này cho Vương Lương biết. Vương Lương nói rằng : Ta theo phép tắc cầm cương xe cho ông ta thì suốt cả ngày không bắn được con nào. Ta làm trái phép tắc cầm cương xe thì một buổi sáng bắn được cả chục con. Ta không quen đánh xe cho kẻ tiểu nhân, việc xấu ta không thể làm. Người đánh xe mà còn biết nhục nhã khi phải đánh xe cho kẻ săn tồi, cho dù việc đánh xe của hắn giúp kẻ đi săn bắn được chim thú chất cao như gò đồng, hắn quyết cũng chẳng làm. Giả sử chúng ta uốn cong cái trí và chủ trương của mình theo chư hầu, thế thì có nghĩa lý gì ? Như vậy là anh sai đó. Người mà không ngay thẳng sao có thể sai người khác ngay thẳng được.”

Mạnh Tử quán triệt nguyên tắc “lợi ích chi biện”

(xem xét về lợi ích) làm không phải nghĩ đến lợi mà làm. Ngược lại không làm, không phải vì sợ cá mồi của lợi ích ít nhiều. Có cái làm, có cái không làm đó là nguyên tắc lập thân xử thế. Mạnh Tử đã từng cảnh tỉnh đời sau rằng :

“Hành vi của mình chẳng hợp đạo lý, làm sao có thể dẫn dắt người khác đi vào con đường đạo lý được ?”

4) Ngoài ta ra còn có ai nữa ?

Mối quan hệ giữa Mạnh Tử và Tề Tuyên Vương ngày càng trở nên nhạt nhẽo, họ rất ít dịp cùng nhau bàn luận đạo lý như trước. Có một lần cùng nói chuyện với các môn đệ tại nhà, Mạnh Tử nói :

“Vua chẳng thông minh, điều đó chẳng có gì lạ. Dẫu như có loại cây rất dễ trồng, nếu phơi nắng một ngày, để lạnh mười ngày, liệu cây có còn sống nổi không ? Ta và vua gặp nhau rất ít. Khi ta trở về rất nhiều kẻ tiểu nhân tìm đến. Như vậy ta làm sao khiến cho vua tốt hơn được ?”

“Ví như cái thú chơi cờ, nếu không chuyên tâm chuyên trí thì khó giành thắng lợi được. Ví như Địch Thu — tay cờ bạc bậc thần của cả nước, nếu một lúc ông ta dạy hai người đánh cờ, trong đó có một người toàn tâm toàn ý nghe theo lời dạy của Địch Thu, còn người thứ hai kia tuy cũng có nghe nhưng trong lòng lại nghĩ : mùa thu đến rồi, muốn đem cung tên mà đi săn bắn. Người thứ hai cũng là đồng học nhưng thành tích chẳng bằng người kia. Như vậy có phải người kia tài trí thông minh hơn không ? Đương nhiên không phải vậy.”

Tuyên Vương không phải là ông vua ngu dốt nhưng Mạnh Tử cho rằng ông là người không quyết đoán, dễ bị ảnh hưởng bởi thói xấu của kẻ tiểu nhân, do đó không thể có cách thực thi chính sách cai trị nhân đức được.

Mạnh Tử lấy chuyện Dịch Thu để tự ví mình, còn Tuyên Vương thì như tay học trò luôn mơ tưởng chuyện săn bắn bên ngoài thế thì làm sao mà học hành được ?

Chẳng bao lâu, Mạnh Tử lại chuẩn bị vào triều yết kiến Tuyên Vương. Đúng lúc đó Tuyên Vương cũng sai người đến nói :

“Vua có ý đến thăm ngài, nhưng bị cảm không tiện ra ngoài mưa gió. Nếu ngài định vào triều vua sẽ đến không biết có được gặp ngài không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Thật chẳng may, ta cũng lâm bệnh, không vào triều được.”

Hôm sau Mạnh Tử đến nhà quan đại phu Đông Quách. Công Tôn Sửu bèn hỏi : Hôm qua thầy cáo bệnh chối từ lời vời của vua; hôm nay thầy lại đi điều tang, như vậy e có điều gì chẳng nên chăng ?

Mạnh Tử đáp :

“Hôm qua ta bệnh, hôm nay ta khỏe, cố sao lại không đi điều được ?”

Lúc Mạnh Tử vừa đi, thì Tề Tuyên Vương cũng sai một lương y đến xem xét bệnh tình cho Mạnh Tử.

Mạnh Trọng Tử bèn ra tiếp và nói :

“Hôm qua có lệnh vua truyền, thầy tôi phải bệnh, nên chẳng vào triều bái kiến bệ hạ được. Hôm nay vừa bớt đã vội vào triều nhưng chẳng biết thầy tôi đã đến chưa ?”

Sau đó Mạnh Trọng Tử sai người đi đón đường Mạnh Tử về nói lại cho Mạnh Tử hay chuyện và bảo rằng :

“Ngài hãy mau vào triều, đừng về nữa”. Mạnh Tử không có cách nào đành vào nhà Cảnh Sưu lánh qua đêm.

Cảnh Sưu nói rằng :

“Mối quan hệ giữa người và người rất trọng, ở nhà là cha con, ra ngoài là vua tôi; cha con lấy yêu thương làm trọng. Vua tôi lấy cung kính làm đầu. Ta chỉ thấy vua tôn kính ngài mà chẳng thấy ngài cung kính vua là cớ sao vậy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Kia sao ông nói vậy. Người trong nước Tề không có ai đem điều nhân nghĩa khuyên giải với vua. Chẳng lẽ họ cho rằng nhân nghĩa là điều chẳng tốt sao ?

Trong thâm tâm họ nghĩ : Đứng bề trên lẽ nào lại nói chuyện nhân nghĩa với họ nhỉ ? Họ đối với vua như vậy đó là phạm tội bất kính lớn nhất. Còn ta không phải cái đạo của vua Nghiêu vua Thuấn ta chẳng dám tâu bày trước vua. Do vậy người trong nước Tề này chẳng ai kính yêu vua bằng ta cả !”

Cảnh Sưu nói :

“Không. Điều ta nói chẳng phải việc đó. Trong Kinh Lễ có nói : Cha mẹ gọi mình ới một tiếng mình phải lên

ngay. Vua có lệnh triệu mình phải cấp tốc đến ngay, không được đợi xe cộ đưa đón mới đến. Còn ngài chuẩn bị vào triều yết kiến vua — nghe lệnh triệu của vua chẳng những không đi — so với những điều dạy trong Kinh Lễ thì chẳng hợp lắm ?”

Mạnh Tử đáp :

“Ý ông muốn nói là điều này : Tăng Tử có dạy rằng : sự giàu có của nước Tấn và nước Sở chẳng ai bì kịp. Nhưng họ có sự giàu có của họ, ta có lòng nhân đức của ta. Họ có chức tước của họ, ta có cái nghĩa của ta. Ta thua kém họ cái gì đâu ? Nếu mấy lời này chẳng hợp đạo lý lẽ nào ông Tăng Tử lại nói vậy phải không ? Mấy lời ta nói đây đại thể cũng vậy. Có 3 điều thiên hạ đều công nhận là quý giá nhất : chức tước, tuổi tác, và đạo đức. Trong triều chức tước quý nhất, trong làng tuổi tác quý nhất; việc giúp vua cai trị muôn dân thì đạo đức là quý nhất. Lẽ nào ông ta lại dựa vào chức tước mà xem thường tuổi tác và đạo đức của ta ? Do vậy muốn làm được việc lớn vua phải có một bề tôi tài cao đức trọng. Nếu có việc gì cần bàn tính phải thân chinh đến tận chỗ bề tôi. Kê tôn trọng đạo đức và muốn thực thi đường lối chính trị nhân đức chẳng làm như vậy thì chẳng có điều gì cần bàn với họ cả. Vì vậy vua Thang Thương đời trước đối với Y Doãn trước tôn làm thầy, sau đó mới phong làm quan. Nhờ vậy chẳng tốn công sức mà thống nhất được thiên hạ. Cũng như Hoàn Công đối với Quản Trọng cũng là trước tôn làm thầy, sau mới phong quan, việc xưng bá với các chư hầu dễ như trở bàn tay vậy.

“Hiện nay đất đai của các nước đều có cả — lớn hoặc nhỏ, thế lực ngang bằng nhau, không ai dễ bề đặt lên trên ai; chẳng qua họ chỉ thích những loại bề tôi chỉ biết nghe theo lời họ; chẳng thích những bề tôi chỉ bảo được họ. Vua Thang chẳng dám đòi Y Doãn, Hoàn Công chẳng dám ra lệnh cho Quản Trọng vào triều. Huống chi người chẳng thêm làm như Quản Trọng này ?”

Từ đoạn đối thoại trên, chúng ta có thể hiểu thái độ của Mạnh Tử không phải là ông biện hộ cho mình mà là giữ đúng nguyên tắc : “Họ có sự giàu có của họ, ta có lòng nhân đức của ta, họ có chức tước, ta có cái nghĩa, ta có thua kém gì họ ?” Đứng trước thế lực đương thời, Mạnh Tử lấy đại dũng của khí hạo nhiên của mình mà chống lại. Ông luôn cho rằng đạo đức vượt lên trên cả uy quyền chính trị, uy quyền chính trị phải lấy đạo đức làm đầu.

Đó là đạo lý mà nhà nho gọi thống trị bằng đạo đức trên cả thống trị bằng chính trị.

Mạnh Tử cảm thấy không thể ở lại nước Tề được nữa, thế là ông xin Tuyên Vương từ chức, chuẩn bị về quê. Sau khi Tuyên Vương biết, ông đích thân đến chỗ Mạnh Tử ở để gặp Mạnh Tử. Tề Tuyên Vương nói :

“Trước đây ta hằng hy vọng được gặp ngài nhưng không được, cuối cùng may mắn được gặp, ta lấy đó làm điều sung sướng lắm. Nay ngài lại bỏ ta mà đi, chẳng biết sau này chúng ta còn có dịp hội ngộ nữa hay không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Đó vốn là nguyện vọng của ta, chỉ có điều không dám

miễn cưỡng mà thôi.”

Một thời gian sau, Tuyên Vương nói với Thi Tử — một viên quan trong triều rằng :

“Ta muốn tặng cho Mạnh Tử một tòa nhà ở trong thành Lâm Tri, cấp vạn chung thóc để nuôi học trò của ông để tất cả quan sứ và muôn dân học theo. Sao người chẳng nói với Mạnh Tử giúp ta.”

Thi Tử bèn nhờ Trần Trần đem lời đó nói với Mạnh Tử. Nghe được những lời đó của Trần Trần, Mạnh Tử nói :

“Ồ, như vậy Thi Tử làm sao hiểu được sự việc ? Nếu ta là kẻ tham lam sự giàu sang phú quý, chẳng khước từ bổng lộc chực vạn chung thóc để nhận trợ cấp một vạn chung ?”

Mạnh Tử kiên quyết từ chối lời đề nghị của Tuyên Vương, nhất quyết rời bỏ nước Tề.

Năm 312 trước Công nguyên. Năm đó Mạnh Tử cũng đã gần 61 tuổi. Mạnh Tử rời đô thành Lâm Tri nước Tề nhắm hướng Tây Nam mà đi, chuẩn bị trở về quê hương. Đi được một ngày, ông đến Thư Huyện và nghỉ lại đây một đêm.

Lúc này, có một người muốn tri kéo Mạnh Tử lại giúp Tuyên Vương liền vào chào và cung kính ngồi nói chuyện cùng Mạnh Tử. Mạnh Tử chẳng thèm để ý tựa lưng trên ghế cơ hồ như ngủ. Người đó lấy làm không vui bèn nói :

“Để được gặp ngài ta đã trai giới trước một ngày, hôm nay nói chuyện cùng ngài, ngài lại ngủ chẳng thèm nghe ta

nói. Sau này chẳng dám gặp ngài nữa.” Nói rồi người ấy đứng dậy đi ngay.

Lúc đó Mạnh Tử mới ngồi dậy và nói rằng :

“Người hãy ngồi xuống, ta sẽ nói rõ cho người nghe. Trước đây Lỗ Mục công đối đãi với người hiền như thế nào ? Nếu ông không cho người hầu ở cạnh Tử Tư thì làm sao khiến Tử Tư yên tâm ở lại nước ông; Nếu Tiết Liểu, Thân Tướng chưa cất người hiền ở bên cạnh Mục công thì các ông chẳng thấy yên tâm. Người lo cho lão già này chẳng bằng Mục công đối đãi với Tử Tư. Người chẳng đi khuyên Tuyên Vương hồi cải, lại dùng lời suông để giữ ta. Như vậy là người thất lễ với ta, hay là ta thất lễ với người nhỉ ?”

Rời nước Tề là một quyết định lớn. Bình sinh Mạnh Tử ôm ấp nhiều hy vọng đối với nước Tề, nay hy vọng bị dập tắt lòng ông cảm thấy đầy những mâu thuẫn và đau khổ. Người nán lại Thư Huyện ba đêm rồi từ từ ra đi. Thật ra Mạnh Tử vẫn mong Tuyên Vương hồi hận lại, nhưng không còn được nữa, Mạnh Tử đã đặt chân đến biên giới nước người.

Lúc đó Doãn Sĩ — một người nước Tề đã lên tiếng phê phán Mạnh Tử trước mặt một số người rằng :

“Nếu không biết Tuyên Vương chẳng làm được như vua Thang vua Võ thì lúc đó Mạnh Tử mơ hồ. Nếu biết rồi mà Mạnh Tử vẫn đến nước Tề thì Mạnh Tử chỉ là kẻ ham giàu sang phú quý. Từ xa đến chẳng hợp mà đi, dừng chân ở lại Thư Huyện ba đêm mới lên đường, vì sao lại chần chừ vậy ? Ta thật chẳng vui trước tình huống như thế ?”

Cáo Tử bèn đem lời nói đó nói cho Mạnh Tử hay. Mạnh Tử nói :

“Doãn Sĩ đâu hiểu được ta ? Từ xa ngàn dặm đến với Tuyên Vương đó là nguyện vọng của ta. Vì chẳng hợp nhau nên phải ra đi. Đó không phải lòng ta muốn vậy. Ta dừng ở Thư Huyền ba đêm mới ra đi, trong lòng vẫn cho là quá vội vã. Ta nghĩ rằng : Vua sẽ hối ngộ. Nếu vua hối cải nhất định ngài sẽ triệu ta trở lại. Ta rời Thư Huyền vua chẳng cho người tìm triệu ta lại, ta mới cương quyết chẳng luyến tiếc mà trở về quê hương. Tuy vậy ta lẽ nào định bỏ vua đâu ? Tuyên Vương tuy chẳng trở thành vua Thang vua Võ ngày trước, nhưng cũng đã làm được nhiều điều tốt.

“Nếu Tuyên Vương dùng ta chẳng những muôn dân nước Tề được hưởng thái bình, mà muôn dân trong thiên hạ cũng được hạnh phúc bình yên. May ra vua sẽ hối ngộ. Ta đang mong đợi điều đó. Ta đâu hẹp hòi nhỏ mọn như kẻ tiểu nhân. Lời can gián khuyên vua chẳng được vua theo, thì mặt mày nổi giận chẳng vui. Suốt ngày bỏ đi đến mức hao kiệt sức lực mà chẳng chịu dừng chân.”

Mạnh Tử chẳng hề giấu giếm khát vọng của mình, ông bộc lộ rõ những mâu thuẫn và nỗi buồn trong lòng. Theo đuổi con đường lý tưởng thực khó khăn. Bất giác Mạnh Tử thở dài than một tiếng. Sung Ngu — đệ tử của ông thấy lòng thầy chẳng được thanh thản, bèn hỏi rằng :

“Thưa thầy, hình như thầy chẳng được vui lắm. Trước đây con từng nghe thầy dạy : Bậc quân tử chẳng trách trời, chẳng oán người; nay thầy sao lại như vậy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Lúc ta nói lời đó so với tình huống bây giờ hoàn toàn khác nhau. Trong lịch sử, cứ cách năm trăm năm nhất định có bậc thánh nhân xuất hiện. Còn có cả các nhân tài xuất hiện nữa. Từ đời Chu Vũ Vương đến nay đã hơn bảy trăm năm, tính theo số năm thì đã quá nhiều rồi, xét về thời thế, hiện tại đang là lúc bậc vua minh, tôi hiền xuất hiện. Nếu trời chẳng muốn thiên hạ thái bình thì bỏ ta. Nếu muốn thiên hạ được thái bình trên cõi đời này ngoài ta ra còn có ai nữa ? Làm sao ta lại vui được ?”

Chương 6

BÀN LUẬN VỀ TÍNH THIÊN

Trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi;
Tu ố chi tâm, nhân giai hữu chi.
Cung kính chi tâm, nhân giai hữu chi;
Thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi.
Trắc ẩn chi tâm, nhân giả; Tu ố chi tâm, nghĩa giả;
Cung kính chi tâm, lễ giả; Thị phi chi tâm, tú giả.
Nhân, nghĩa, lễ, tú phi do ngoại thuộc ngã giả;
Ngã cố hữu chi giả, phát tư nhi hỷ."

(Lòng trắc ẩn mọi người đều có; lòng hổ thẹn mọi người đều có; lòng cung kính ai cũng có; lòng phải trái ai cũng có. Lòng trắc ẩn đó là nhân; lòng hổ thẹn đó là nghĩa; lòng cung kính đó là lễ, lòng phải trái đó là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí chẳng phải từ bên ngoài mà đến với mình. Tất cả đều có sẵn trong tính cách mình; tại mình chẳng nghĩ đến đấy thôi.)

Manh Tử

1) Lương tri bị lãng quên.

Lúc đầu mới đến nước Tề, Mạnh Tử vào yết kiến Tuyên Vương, Tuyên Vương từng hỏi rằng : giống như ta đây có thể làm cho đời sống muôn dân yên ổn được chăng ?

Mạnh Tử đáp rằng : Có thể. Ông bèn lấy chuyện Tuyên Vương không nở nhẫn tâm nhìn thấy một con bò bị đem đi giết tế thần. Ông định ý nhấn mạnh Tuyên Vương vốn có lòng nhân đạo yêu thương lớn, mà tấm lòng nhân đạo yêu thương chính là đường lối chính trị nhân đức của một ông vua. Ở đây đã thấy mầm mống bàn về tính thiện của Mạnh Tử rồi.

Về chính trị Mạnh Tử hy vọng kẻ nắm quyền hành phải thực thi đường lối chính trị nhân đức. Về cá nhân Mạnh Tử hy vọng mỗi người đều có nhân cách thánh hiền hoàn mỹ. Vấn đề là có thực thi đường lối chính trị nhân đạo và có nhân cách thánh hiền hay không ? Nếu được thì căn cứ vào đâu ? Hỏi đến căn cứ chính là đụng chạm đến chỗ sâu kín nhất trong tư tưởng Mạnh Tử. Sau khi suy nghĩ, kiểm nghiệm xem xét chu đáo cuối cùng Mạnh Tử nêu ra thuyết tính thiện.

Mạnh Tử nói :

“Mỗi người đều có lòng yêu thương; làm vua trước hết phải có lòng yêu thương, như vậy mới có đường lối chính trị yêu thương người. Lấy lòng yêu thương con người mà thực thi đường lối chính trị thống nhất thiên hạ thì mọi việc thật dễ dàng ! Ta nói rằng mỗi người đều có lòng yêu thương người. Đạo lý chính là ở chỗ đó. Ví như bây giờ bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng bất kỳ ai cũng động lòng lo sợ. Lúc đó lập tức nảy sinh ngay tấm lòng này. Đó chẳng phải vì tình giao hảo với cha mẹ đứa bé, chẳng phải vì giành lấy tiếng khen của bè bạn ở quê hương. Cũng

chẳng sợ người ta chỉ trích mình thấy điều nghĩa mà chẳng dám làm, mà thuần túy là tình cảm yêu thương xuất phát từ đáy lòng.

“Từ đó có thể thấy, nếu một người chẳng có lòng yêu thương kẻ ấy chẳng phải là người. Chẳng biết điều hổ thẹn, chẳng có sự khiêm nhường, chẳng biết việc phải trái, đều chẳng là người. Lòng yêu thương là đầu mối của Nhân, tính hổ thẹn là đầu mối của Nghĩa; sự khiêm nhường là đầu mối của Lễ; biết việc phải trái là đầu mối của Trí. Người có đủ bốn loại đầu mối này giống như thân thể vốn có đầy đủ chân tay tứ chi vậy. Có đầy đủ bốn đầu mối ấy mà lại cho rằng mình chẳng làm được điều nhân, nghĩa, lễ, trí đó là tự mình hủy hoại mình. Vua chẳng làm được thì lập tức hạ bệ vua ngay.

“Phần lớn người ta đều có bốn đầu mối này. Nếu biết mở rộng làm cho nó sung túc lên thì chúng như ngọn lửa đang nhen nhúm cuối cùng cháy bùng lên mãnh liệt. Như dòng suối chảy cuộn cuộn đổ về sông lớn. Nếu biết làm cho nó phát triển sung túc thì có thể ổn định được thiên hạ. Nếu không biết làm cho nó sung túc, làm nó dần mất đi thì ngay việc phụng dưỡng cha mẹ cũng chẳng làm được.”

Mạnh Tử chỉ rõ : Cơ sở của chính sách nhân đạo là ở chỗ lòng nhân đạo vốn có của mỗi người. Lòng nhân đạo ai ai cũng đều có cả, chỉ có điều một số người không phát hiện và sử dụng được nó mà thôi. Người ta tuy vốn có lòng nhân đạo nhưng nó chỉ là những mầm mống rất bé nhỏ, phải gìn giữ yêu quý, sau đó đẩy mạnh việc bồi dưỡng làm cho nó

phát triển rộng thêm và sung túc lên, thì mới có thể trở thành người có nhân cách hoàn mỹ được.

Trước tiên Mạnh Tử nhấn mạnh lòng hướng thiện chính là “lương tri-lương năng” vốn có của mỗi người.

Ông nói :

“Chỗ người ta khác muôn thú chỉ rất nhỏ bé. Ngay những điều nhỏ bé ấy người thường cũng bỏ mất. Chỉ có bậc quân tử phẩm đức mới giữ gìn nó. Vua Thuấn hiểu được đạo lý của sự vật, tìm hiểu tường tận loài người, bởi vì ngài dựa vào nhân nghĩa bản tính vốn có của con người mà thực thi chính sách. Không phải lấy nhân nghĩa làm chuẩn mực đạo đức bên ngoài.”

Nhà Triết học Hy Lạp từng nói rằng “Con người ta là động vật lý tính”. Điều đó nói rằng sự khác biệt giữa người và động vật chính ở chỗ người có lý tính. Mạnh Tử thì chỉ rõ : sự khác biệt giữa người và thú là ở chỗ người vốn có đạo đức lương tri. Điều sai biệt này rất nhỏ. Do vậy là quân tử hoặc tiểu nhân sự khác nhau cũng ở chỗ rất nhỏ này.

Ở chỗ khác Mạnh Tử cũng từng nói đại ý tương tự vậy. “Lúc vua Thuấn ở trong núi sâu, người sống với cây rừng, núi đá, với hươu nai lợn rừng chẳng khác loài vượn ở trong rừng bao nhiêu. Đợi đến lúc ngài nghe thấy một lời thiện, nhìn thấy một việc thiện, lập tức trách nhiệm trong lòng người bùng lên hướng về tính thiện. Sức mạnh ấy giống như nước sông Giang Hà bị vỡ cuộn cuộn chảy xuôi, không ai có thể ngăn cản được. Nó giống như nhân cách vĩ đại của vua Thuấn — vốn ông chẳng có gì khác biệt với loài

vượt người, điều khác biệt chỉ ở chỗ tấm lòng lương thiện tiềm chứa bên trong ông. Đợi đến lúc ông phát hiện ra được lòng lương thiện của mình rồi thì cứ thế mà thẳng tiến lên, không hề dao động, cuối cùng trở thành nhân cách của bậc thánh hiền.”

Mạnh Tử nói với chúng ta, mọi người đều có tính thiện lương do trời sinh ra. Có điều chúng ta có thực mong muốn phát huy nó hay không ? Điều quan trọng của đời người là phải biết tự tạo nhân cách của mình, có nhân cách của bậc quân tử, có nhân cách của kẻ tiểu nhân. Muốn trở thành bậc quân tử hay kẻ tiểu nhân ư ? Tất cả đều ở chỗ thường ngày có thời gian kiểm điểm lòng thương yêu, tính hổ thẹn, biết được việc phải trái và sự khiêm nhường. Con người vốn tính thiện, chỉ vì mọi người quên đi đấy thôi.

Mạnh Tử luôn nhắc nhở chúng ta, hãy giành lại kho tàng quý giá vốn có của mình — đó là lương tri.

2) Con người vốn tính thiện ?

Trong thời đại luôn luôn biến động thay đổi thì tín ngưỡng, lý tưởng cũng thay đổi, giá trị niềm tin và tính cách con người cũng thay đổi, thế giới này còn có hy vọng gì không ? Liệu người ta hy vọng gì vào thế giới, tiền đồ của con người ? Suy cho cùng chính là bản chất con người. Nếu con người có khả năng hướng thiện thì loài người và xã hội mới có thể lạc quan được. Nếu tính hướng thiện của con người chẳng có thì tiền đồ của nhân loại chỉ là hư vô mịt mờ.

Trong thời đại Mạnh Tử, bắt đầu có sự phản tỉnh đối với tính cách con người một cách tự giác. Con người vốn tính thiện ư ? Ác ư ? Hay là có thể tốt có thể xấu ? Hay là chẳng có gì gọi là tốt xấu, thiện ác cả. Lúc đó có một nhà tư tưởng tên là Cáo Tử đã đề xướng ra thuyết : Tính con người ta chẳng thiện mà cũng chẳng bất thiện. Nó hoàn toàn đối lập với thuyết tính thiện của Mạnh Tử. Có một hôm Công Đồ Tử — môn đệ của Mạnh Tử nói với Mạnh Tử rằng :

“Con nghe Cáo Tử nói : Tính của con người chẳng thiện mà cũng chẳng phải bất thiện. Con cũng lại nghe người khác nói : Con người có tính thiện, cũng có thể bất thiện tùy theo hoàn cảnh định ra. Cho nên giống như Chu Văn Vương, Vũ Vương vừa mới xuất hiện muôn dân lập tức theo điều lương thiện ngay. Lại cũng giống vua U vua Lệ loại vua hung bạo lên ngôi, muôn dân cũng lại thích ngay việc bạo nghịch. Lại có người nói : thiện ác trong con người không nhất định, có một số người bản tính không lương thiện thì lại được bậc thánh như ông Vũ làm vua. Ngược lại giống như dân chẳng tốt lại lấy Cổ Tẩu kẻ xấu làm cha, lại có người con tốt như vua Thuấn, người cháu độc ác như vua Trụ lại được làm vua. Lại có Vi Tử Khởi con của Tử Can nhân đức như thế. Nay thầy nói rằng : cái tính con người vốn thiện thế thì thuyết của họ đều sai hết phải chăng ?”

Mạnh Tử đáp :

“Bản chất con người lúc mới sinh ra là thiện. Điều ta nói là con người vốn có tính thiện. Còn như một số người chẳng thiện, không thể quy tội bản tính của họ được. Lòng

yêu thương mỗi người đều có. Tính hổ thẹn mỗi người đều có. Sự khiêm nhường và lễ phải trái ai cũng có. Lòng yêu thương đó là nhân; tính hổ thẹn đó là nghĩa; sự khiêm nhường đó là lễ; sự phải trái đó là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí chẳng phải là từ ngoại cảnh đem đến cho ta mà vốn có trong mỗi con người chúng ta vậy; chẳng qua không chịu đào sâu suy nghĩ mà thôi. Cho nên nói : Cầu thì được, bỏ thì mất. Đó chính là lời bàn về tính con người vậy. Điều khác biệt giữa người và người là 2 lần, 5 lần, thậm chí vô số lần. Đó là nguyên cơ không thể phát huy mạnh mẽ bản tính của họ. Kinh Thi có viết : trời sinh ra muôn dân, mỗi sự vật như vậy đều có phép tắc của nó. Dân chúng dựa vào những phép tắc bất biến đó nên yêu thích những phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Khổng Tử có nói : Người sáng tác mấy câu này thật hiểu đạo vô cùng. Vạn vật trong trời đất đều có phép tắc của nó, muôn dân dựa vào những nguyên tắc bất biến này nên yêu thích những phẩm chất tốt đẹp."

Sự nghi ngờ về thuyết tính thiện luôn luôn căn cứ vào sự quan sát của kinh nghiệm. Nói một cách khác về sau mới thấy rõ thiện ác hoặc có thể thiện có thể ác. Từ đó phải định tính cách của con người là thiện hay ác hoặc có hành vi thiện cũng có hành vi ác. Nhưng Mạnh Tử không bàn về tính của con người từ phương diện này. Ông cho rằng con người có khả năng làm điều thiện; tính khả năng này tuy không thật rõ ràng nhưng đó lại là căn cứ để hình thành phẩm chất nhân cách hoàn mỹ. Khả năng lương thiện này rất quý giá đối với tính mệnh mỗi con người. Kẻ tâm thường hay bỏ mất kho tàng quý báu mà mình vốn có,

không hề suy nghĩ, cũng chẳng hề trăn trở. Do đó Mạnh Tử nói :

“Nhân, nghĩa, lễ, trí chẳng ở bên ngoài đổ khuôn vào ta. Tất cả có sẵn trong tính cách của mình”. Lại một lần nữa Mạnh Tử nhấn mạnh : Con người vốn có tính thiện nhưng sự quyết định lại ở khả năng hướng thiện của mỗi người.

Con người vốn thiện nhưng tại sao trên thế giới này có tội ác ? Có người sẽ nói : làm điều thiện đương nhiên phải có người thiện, thế thì làm việc ác có phải cũng có người ác hay không ? Vấn đề này Mạnh Tử cũng đã suy nghĩ rất nhiều, ông nói :

“Năm thu hoạch được mùa, bọn trẻ thiếu niên phần nhiều tử tế hẳn lên. Năm thiên tai mất mùa bọn trẻ thiếu niên phần nhiều trở nên hung bạo. Đó chẳng phải trời sinh ra sự khác biệt như thế mà là hoàn cảnh làm cho chúng mất đi bản tính thiện vốn có của mình. Ví như việc ta gieo đại mạch, gieo giống rồi lấp đất. Nếu chất đất giống nhau, thời tiết gieo trồng cũng giống nhau, chúng sẽ sinh trưởng mạnh mẽ. Tới mùa hè tất cả đều chín. Nhưng số lúa gặt được thì có nơi nhiều nơi ít. Đó là vì đất có chỗ xấu chỗ tốt, mưa có nơi nhiều nơi ít và sự chăm sóc của con người chẳng giống nhau. Do vậy tất cả những sự vật cùng loại đại thể sẽ giống nhau. Vì sao nói về loài người ta lại có sự hoài nghi nhỉ ? Bậc thánh nhân và chúng ta đều là một loại. Long Tử từng nói rằng : Đan giày cỏ mà chẳng biết cỡ chân, ta biết ngay giày sẽ được đan thành cái gì. Hình dáng giày cỏ

giống nhau bởi vì chân của mọi người đại thể giống nhau.

“Miệng ta đối với mùi vị đồ ăn thức uống đều có chỗ giống nhau. Dịch Nha — nhà thực phẩm giới — trước tiên ông nắm vững được sự ham mê mùi vị của cái miệng chúng ta. Giả sử cái miệng đối với mùi vị ai cũng khác nhau, cũng giống như sự khác nhau về bản chất con người chúng ta và loài chó ngựa, như vậy dựa vào đâu người trong thiên hạ đều công nhận Dịch Nha là người có tài nấu nướng đồ ăn thức uống ? Nói đến sự cảm nhận mùi vị của cái miệng mọi người đều hy vọng làm được như Dịch Nha. Điều đó chứng minh rằng vị giác con người trong thiên hạ đại thể giống nhau. Đối với lỗ tai con người cũng vậy. Nói đến âm thanh, mọi người đều hy vọng nghe được bản nhạc của thầy Khoáng thưởng thức. Điều đó chứng tỏ rằng thính giác của mọi người trong thiên hạ đại thể giống nhau. Mắt người ta cũng vậy.

“Cho nên nói : cái miệng của người ta thích mùi vị giống nhau, cái tai thích nghe âm thanh giống nhau; cái mắt có cảm mỹ về cái đẹp giống nhau. Nói đến lòng người sao lại chẳng giống nhau ? Tâm tính con người giống nhau ở chỗ nào ? Là lý là nghĩa. Bậc thánh nhân sớm bày tỏ lý nghĩa mà thâm tâm chúng ta cũng có mà thôi. Do đó lý nghĩa khiến chúng ta vui sướng giống như khẩu vị của chúng ta hợp với thịt cá.”

Từ những lý luận dài dòng trên, Mạnh Tử một lần nữa nhấn mạnh :

“Bậc thánh nhân với chúng ta là cùng một loại.” Đó là

sự lạc quan về tính của con người. Mọi người đều có khả năng trở thành thánh thành người hiền cả. Đó chính là chỗ quý giá nhất của sự làm người và người.

Tục ngữ có nói : “Lòng và cũng như lòng sung” điều khác nhau là ở chỗ nào ? Ở chỗ Mạnh Tử đã nói với chúng ta : Tâm tính con người giống nhau không ? Cái khác nhau là lý và nghĩa. Lý, nghĩa chính là cái gốc của tâm tính, chỉ có điều ta chẳng chú ý đến nó thôi.

Nhưng lúc đó — Cáo Tử — nhà tư tưởng của một phái khác lại cho rằng : bản tính con người chẳng phải thiện ác, cũng có thể làm điều thiện, cũng có thể làm cả điều ác. Có một lần ông ta tranh luận cùng Mạnh Tử về một vấn đề liên quan đến tính người. Cáo Tử nói :

“Cái tính của người ta ví như nước chảy. Nếu khai về phía đông nó sẽ chảy về phía đông. Khai về phía tây nó sẽ chảy về phía tây. Cái tính của con người chẳng phân thiện ác, giống như nước chảy không nhất định chảy về đông hay chảy về tây.”

Mạnh Tử phản bác rằng :

“Đành rằng dòng nước chẳng định hướng chảy về phía đông hay chảy về phía tây, nhưng lẽ nào cũng lại không phân biệt phía trên hay phía dưới sao ? Con người sinh ra vốn có tính thiện cũng như nước chảy về chỗ trũng vậy. Không một ai sinh ra tự nhiên bất thiện, cũng giống như nước không thể không chảy xuống chỗ trũng. Đường nhiên ta đập xuống nước thì nó vọt bắn lên có thể cao quá đầu người. Ngăn nó lại thì có thể làm cho nó chảy đến tận đình

núi cao nữa. Thử hỏi lẽ nào đó là bản tính của dòng nước chảy ? Tinh thể buộc nó phải vậy. Hoàn cảnh có thể buộc người ta làm việc xấu : sự thay đổi bản tính con người chính là như vậy.”

Thời đại Mạnh Tử là thời đại của những lý luận lớn. Các nhà tư tưởng muốn biểu đạt hết tư tưởng của mình để mọi người xem xét, tán thưởng. Do vậy rất chú ý đến kỹ xảo bàn luận.

Từ việc bàn luận giữa Mạnh Tử và Cáo Tử, có thể thấy phong cách ngôn luận của kẻ có tri thức đương thời. Họ đưa ra khá nhiều so sánh sâu sắc về ý nghĩa, sinh động về hình ảnh. Mục đích là làm tăng thêm tính thuyết phục của lời nói. Quan trọng nhất là lập trường tư tưởng chứa đựng đằng sau những ẩn dụ, so sánh đó.

Một hôm Mạnh Tử gặp Cáo Tử, hai người tranh luận với nhau : Cáo Tử nói :

“Tinh người là tư chất trời sinh ra”. Ý của Cáo Tử là : bản năng vốn có của con người khi sinh ra chính là tính người”. Mạnh Tử đương nhiên không đồng ý bèn hỏi lại : “Cái tính chính là bản năng của con người khi mới sinh ra đã có ? Ví như màu trắng của tất cả mọi thứ đều gọi là trắng ư ?”

“Đúng vậy”. Cáo Tử đáp.

Mạnh Tử nói tiếp :

“Thế thì trắng của lông chim trắng giống như trắng của tuyết trắng; Trắng của tuyết trắng cũng giống như trắng của ngọc trắng sao ?” Mạnh Tử lại hỏi tiếp ngay :

“Thế thì cái tính của con chó giống như cái tính của con bò ; cái tính của con bò lại giống cái tính của con người phải không ?”

Cuộc tranh luận trên đương nhiên Mạnh Tử chiếm ưu thế thượng phong nhưng vẫn chưa đủ sức thuyết phục Cáo Tử. Cáo Tử lại vận dụng những kỹ xảo biện luận — hết câu hỏi này đến câu hỏi khác hỏi lại Mạnh Tử, chỉ đến lúc Cáo Tử bị dồn đến chỗ bí mới thôi. Nhưng vấn đề cũng chưa được giải quyết triệt để. Một lần khác hai người lại tiếp tục tranh luận. Cáo Tử nói :

“Cái tính của con người ví như cây tế liễu, nghĩa lý như là chén bát vậy. Lấy cái tính của con người dồn vào với nhân, nghĩa, cũng như dùng cây kỷ liễu chế thành chén bát vậy !”

Mạnh Tử đáp :

“Người có thể theo cái bản tính của cây kỷ liễu mà chế thành bát chén chăng ? Hay là hủy hoại cái bản tính của cây kỷ liễu để chế thành bát chén ? Nếu như hủy hoại cái bản tính của cây kỷ liễu sau đó mới chế thành bát chén thế thì cũng hủy hoại bản tính của con người sau đó làm nên điều nhân nghĩa chăng ? Người thống lĩnh thiên hạ làm tổn hại việc nhân nghĩa — nhất định là những luận điệu của người.”

Cáo Tử cho rằng cái tính của con người chỉ là chất liệu mộc mạc được trải qua chuyển hóa giáo dục thì mới có thể trở thành nếp văn hóa và nhân cách đạo đức.

Mạnh Tử lại cho rằng cái tính của con người đã có

ngay từ trong mầm mống sự hướng thiện, chỉ cần chú ý sự bồi dưỡng, tự nhiên có thể trở thành nhân cách tốt đẹp thiện mỹ.

Mạnh Tử coi trọng khả năng hướng thiện, nếu chiết tự chữ “Tĩnh” thì bên trái là chữ “Tâm”, còn bên phải là chữ “Sinh”. Tâm là lý tính và lương tri của loài người; Mà “sinh” là cái chất. Tự chất trời sinh ra đã có; bao gồm bản năng tâm lý và sinh lý. Thuyết tính thiện của Mạnh Tử lập luận chữ tâm là ai ai cũng đều có nhận biết lý tính và lương tri đạo đức. Còn tính người của Cáo Tử lập luận tức là “sinh”, cho rằng tính người chính là bản năng của người mà trời sinh ra, chẳng có gì gọi là thiện, ác cả. Tính bất biến rất lớn nhưng vì hoàn cảnh hoặc sự giáo dục mà làm điều thiện hoặc làm điều ác. Căn cứ vào lập luận về cái tính của con người, Cáo Tử lại đưa ra thuyết : Nhân nội nghĩa ngoại (cái nhân ở bên trong, cái nghĩa ở bên ngoài). Đương nhiên Mạnh Tử cũng không tán thành ý kiến này của Cáo Tử. Trước đó Mạnh Tử có nói : “Nhân, nghĩa, lễ, trí không phải từ bên ngoài đưa đến mà vốn có sẵn ở trong mỗi người, có điều là không coi trọng nó mà thôi. Người ta ai cũng có tấm lòng giống nhau, chỉ khác ở chỗ lý và nghĩa”.

Cáo Tử nêu ra một cách nhìn khác :

“Miếng ngon ai cũng muốn; gái đẹp ai cũng thích. Đó là cái tính của con người. Ngoài những bản năng tự nhiên đó ra còn có hành vi : nhân là thứ ở bên trong mình; nghĩa là thứ ở bên ngoài, không thể lẫn lộn nhau.”

Mạnh Tử nói :

“Cái trắng của con ngựa và cái trắng của người bạch tạng chẳng có giống nhau ? Nhưng ta chẳng biết ta có lòng thương xót con ngựa già hay có lòng cung kính ông lão. Việc đó cũng chẳng có gì khác nhau sao ? Do vậy người nói : cái nghĩa phù hợp với sự kính trọng người già hay hợp với sự kính trọng tuổi già ?”

Cáo Tử thưa :

“Em ta thì ta thương; Em của người khác ta chẳng buồn thương, đó là vì ta chỉ vui thích bởi mối quan hệ của chính mình, do vậy nói lòng thương là thứ ở bên trong mình. Cung kính người già nước Sở cũng như cung kính người già nước ta, sự kính trọng ấy chỉ vì họ lớn tuổi mà thôi. Do vậy nói : nghĩa là thứ ở bên ngoài ta vậy.”

Mạnh Tử nói :

“Ta thích ăn món thịt nướng của người nước Tần và thích ăn món thịt nướng do người nhà làm chẳng có gì khác cả. Sự việc đều như vậy lẽ nào việc muốn ăn thịt nướng cũng là thứ bên ngoài sao ?”

Cáo Tử cho rằng : tình cảm giữa những người thân với nhau là nhân. Giống như gà mẹ che chở cho gà con vậy. Tình yêu thương là cái có sẵn từ đầu và rất tự nhiên. Do vậy Cáo Tử cho rằng : Nhân là cái ở bên trong, còn Nghĩa là những quy phạm đạo đức luân lý của xã hội dùng để thiết lập và duy trì trật tự luân lý của xã hội. Lòng tôn kính của ta đối với những người tài giỏi bắt đầu từ hình thức bên ngoài của họ. Do vậy nghĩa là thứ ở bên ngoài ta vậy.

Mạnh Tử lại cho rằng : Nhân, nghĩa, lễ, trí là cái tính

vốn có từ bên trong. Thử nghĩ, nếu con người không có lòng kính già yêu trẻ thế thì đứng trước một ông lão tiên bói ta làm sao lại tôn kính họ được ? Nếu nguyên nhân chỉ do hoàn cảnh giáo dục, điều đó chỉ là lòng nhân nghĩa vốn có ta thu được từ việc dạy bảo và mở rộng phát triển nó lên mà thôi, ở đây khẳng định rõ ràng thuyết tính thiện coi nhân nghĩa là điều có từ trong tâm can chúng ta.

3) Tìm về cái tâm vốn có đã mất.

Cách nhìn của Mạnh Tử về cái tính của con người là : chỗ khác giữa con người với loài thú là ở chỗ khả năng hướng thiện. Con người đương nhiên cũng có sinh lý dục vọng và tâm lý tình cảm. Những thứ đó loài vật cũng có, đâu có thể gọi là tính của con người được ? Chỉ có hành vi đạo đức, hoạt động có tính trí tuệ và hoạt động thuộc về lãnh vực văn hóa mới khiến con người trở thành chúa tể của vạn vật.

Dựa vào điều này Mạnh Tử nêu ra phần tính và mệnh như sau :

“Miệng cảm nhận vị; mắt cảm nhận màu sắc; tai cảm nhận âm thanh; mũi cảm nhận mùi; tay chân thích thú sự thoải mái. Những tác dụng sinh lý cảm quan này đều là tính của con người. Nhưng vì vốn sinh ra như vậy, bị cái “mệnh” quyết định, cho nên bậc quân tử không cho rằng cái đó là tính của con người. Mỗi quan hệ giữa cha con với nhau là Nhân; giữa vua tôi với nhau là Nghĩa, giữa chủ khách là Lễ. Đối với người hiền là trí tuệ. Đối với đạo trời là

thánh nhân, không phải ai cũng đều làm được, do đó nói là : mệnh. Nhưng tính khả năng ai ai cũng làm được, do đó bậc quân tử không xem đó là mệnh.

Ý nghĩa ở đây là sự khác biệt giữa cái đã có và nên có. Tác dụng của cảm quan sinh lý là vốn như vậy, gọi là đã có hoặc mệnh. Do vậy nó không được khẳng định giá trị ở phần trên. Nhân, nghĩa, lễ, trí không phải sinh ra đã có mà là từ lý tính và lương tri con người phát hiện và mở rộng nó ra, cũng là giá trị con người nhận thấy “nên” khẳng định. Do vậy gọi là “Nên có”. Từ chỗ này mà Mạnh Tử qui định hàm ý của “Tính”. Có thể nói luận về tính con người của Cáo Tử là tính thông thường. Còn luận về tính con người của Mạnh Tử là điều xa với tính thông thường, cũng vì vậy nên khó hiểu được ý nghĩa thật của nó. Do Mạnh Tử luôn nhấn mạnh khả năng của sự hướng thiện, nên chúng ta có thể nêu ra một nghi vấn quan trọng khác : “Cái ác nảy sinh như thế nào ?”

Mạnh Tử lấy chuyện cây trên núi Ngưu Sơn để thuyết minh :

“Dãy núi Ngưu Sơn phía nam Lâm Tri kinh đô nước Tề, cây cối rậm rạp tốt tươi. Nhưng vì lý do gần nơi kinh thành nên bị nhiều người đốn củi chặt phá, thử nghĩ như vậy nó còn có thể xanh tốt được nữa không ? Đương nhiên nhờ sự phát triển không ngừng suốt ngày đêm, lại được sự tưới gội của mưa, sương, cây cối có thể đâm chồi nảy lộc. Nhưng sau đó lại gặp phải sự tàn phá của dê, bò, vì vậy nó trở thành hoang phế trở trọi. Mọi người nhìn đáng trở trọi

hoang phế này không nghĩ rằng núi này có thời đã có những cây to lớn. Lẽ nào đó là bản tính của núi này sao ? Cùng cái lý như vậy. Mỗi chúng ta lẽ nào chẳng có lòng nhân nghĩa ? Họ đánh mất sự lương thiện của họ đi, cũng giống như các tiểu phu đồn sạch cây cối đi vậy, ngày ngày họ chặt phá nó, làm sao nó còn xanh tốt được ? Trong bóng tối lòng thiện của họ tỏa sáng.

“Lúc trời vừa sáng cái khí trong sáng phát sinh trong lòng mọi người. Nhưng cái khí trong sáng ấy rất nhỏ, vừa đến sáng những hành vi của họ làm ra lại khiến cái khí trong sáng ấy mất đi. Sự tàn phá cứ lặp đi lặp lại như vậy, thế thì tính thiện mà lòng lương tri phát ra trong đêm của họ tự nhiên không thể tồn tại được.

“Lòng lương thiện mà lương tri họ phát ra trong đêm không tồn tại như vậy thì khoảng cách giữa họ và loài thú cách nhau chẳng bao xa. Người khác sẽ thấy họ như cầm thú. Họ chẳng có hề bản tính lương thiện, lẽ nào đó cũng là bản tính của họ sao ? Do vậy nếu chịu khó bồi dưỡng thì chẳng có thứ gì không sinh sôi phát triển; bỏ mất sự bồi dưỡng thì chẳng có thứ gì chẳng bị hủy diệt tiêu vong.

“Đức Khổng Tử từng nói : giữ được nó thì nó còn vứt bỏ nó thì nó sẽ mất. Chúng vào chúng ra chẳng biết lúc nào, cũng chẳng biết chúng ở đâu, đi đâu. Đó là lòng người ta vậy.”

Núi rừng vốn xanh tốt xum xuê, sinh khí tràn trề, nhưng vì sao chúng ta chỉ còn nhìn thấy cảnh tro bụi thảm thương ?

Mạnh Tử chỉ rõ : đó là do việc làm của con người gây nên cảnh ô nhiễm và tàn phá hoàn cảnh dẫn đến sự thay đổi thất thường sinh thái.

Cùng những lý lẽ ấy, ông cho rằng : tính con người vốn thiện nhưng xã hội vẫn có rất nhiều bản án phạm tội, chẳng phải con người vốn sinh ra là xấu mà là hoàn cảnh của số người này khiến họ trở nên xấu. Những người này không được giáo dục thường xuyên, không hiểu việc bồi dưỡng lòng hướng thiện vốn có ngay trong mình nên mới rơi vào tội ác.

Mạnh Tử nói : “Tuyệt không có người nào sinh ra không có lương tâm mà là họ đã vứt bỏ lương tâm của mình đi đấy thôi.” Do đó Mạnh Tử nói với chúng ta : nếu lương tâm đã bị mất thì hãy mau mau tìm lại nó ngay.

Ở chỗ khác, Mạnh Tử cũng lại cảnh cáo chúng ta rằng : “Đừng quên tìm lại lương tâm đã bị mất đi” — “Nhân là lương tâm của con người. Nghĩa là đường đi của con người. Bỏ con đường chính chẳng đi. Lương tâm bị mất mà không biết đi tìm, thật đáng đau buồn. Khi con gà, con chó của một người chạy lạc, họ hiểu phải đi tìm kiếm nó. Thế nhưng khi lương tâm của họ bị thất lạc, họ lại không biết đi tìm nó lại. Cái đạo của người có học chẳng có gì khác là tìm lại lương tâm đã mất của mình.”

Mạnh Tử nói một cách nặng nề rằng : sự nguy hiểm của thời đại căn bản không chỉ ở kinh tế hoặc chính trị, mà quan trọng là tâm linh con người có bệnh. Tất cả mọi người đều vứt bỏ lương tâm vốn có của mình đi trở thành kẻ

không có lương tâm. Điều đó chẳng thật đáng thương sao ? Mạnh Tử than thở : mọi người chỉ biết chú ý chăm sóc sức khỏe, cuộc sống của mình mà lại quên mất kho tàng châu báu lương tâm quan trọng nhất. Ông nói :

“Hiện tại có một người ngón tay áp út của anh ta cong queo. Tuy chẳng đau đớn, cũng chẳng cản trở công việc. Nếu có người chữa cho ngón tay thẳng ra, thế thì đường tuy xa đến tận nước Tần nước Sở anh ta cũng chẳng ngại, chỉ vì ngón tay áp út của anh ta chẳng giống như ngón tay người khác. Ngón tay áp út của mình chẳng như ngón tay người khác mà mình đã chán ghét; lương tâm của mình chẳng bằng người khác, mình lại chẳng biết chán ghét. Như vậy thật chẳng hiểu gì khinh hay trọng cả ?”

Ông lại nói :

“Cây Đồng cây Tử là loại cây cảnh chỉ bằng cẳng tay, muốn nó lớn hơn thì phải biết cách chăm sóc nó. Con người cũng phải biết cách chăm sóc bồi dưỡng. Chẳng lẽ chúng ta yêu cây Đồng cây Tử hơn cả bản thân mình sao ? Đó thật là thiếu suy nghĩ vậy !”

Người ta đều biết phải yêu thích bản thân. Vấn đề là yêu thích như thế nào ? Yêu thích danh lợi ư ? Yêu thích sự cảm thụ sinh lý cảm quan chẳng ? Hoặc có cái còn đáng yêu thích hơn nữa ?

Có một hôm, Công Đồ Tử hỏi Mạnh Tử rằng :

“Thưa thầy, cũng là người sao có người là quân tử, có người lại là tiểu nhân ?”

Mạnh Tử đáp :

“Lấy cái đại thể — lương tri làm chính thì người đó là bậc quân tử. Lấy cái đại thể dục vọng thể xác làm chính thì kẻ đó là kẻ tiểu nhân.”

Công Đồ Tử lại hỏi thêm rằng :

“Cũng là người sao có người lấy lương tri làm chính; có người lấy dục vọng thể xác làm chính ?”

Mạnh Tử đáp :

“Tai, mắt — những cơ quan này không thể làm chủ soái được thường bị hoàn cảnh ngoại vật che đậy. Ngoại vật rối rắm dính chặt lấy với nhau khiến người ta rơi vào chỗ truy lạc. Tác dụng của lương tri là suy nghĩ phản tỉnh để có thể làm cho lương tri thành chủ soái. Lương tri là trời ban cho chúng ta, vì vậy trước tiên chúng ta phải sắp đặt lương tri — cái đại thể, thể thì những dục vọng cảm quan (cái tiểu thể) sẽ không thể thao túng mà cướp đi được cái lương tri. Như vậy mới có thể trở thành bậc quân tử.”

Trong những câu đối thoại này, Mạnh Tử thể hiện một cách rõ ràng sự khác nhau giữa bậc quân tử và kẻ tiểu nhân. Điều này duy nhất là lấy lương tri làm chủ soái hoặc lấy dục vọng làm chủ soái. Vậy vì sao có người lại chịu sự nô dịch của dục vọng không thể tự bỏ đi được vậy ?

Ở đây Mạnh Tử đã chỉ ra cái căn nguyên của tội ác. Đó là lương tri mờ ám, phóng túng, ham muốn tham vọng. Chịu nhiều tác động liên tục của hoàn cảnh bên ngoài. Càng ham càng muốn, cuối cùng thành họa không thể ngăn được; không thể thu lại được, chìm đắm trong tui sác và như vậy không thể tránh được gây nên những chuyện phạm tội. Do

đó Mạnh Tử lớn tiếng kêu gọi : trước tiên phải lập được cái đại thể cho mình để cái tiểu thể không còn chỗ để tranh giành nữa.” (Tiên lập hồ kỳ đại giả, Tác kỳ tiểu giả bất năng đoạt dã).

Nói về đạo đức, Mạnh Tử từng giảng giải tường tận rằng :

“Người ta đối với thân thể mình, bộ phận nào mình cũng đều yêu quý — yêu quý thì phải chăm sóc. Chẳng có một tác da miếng thịt nào không yêu quý gìn giữ, chẳng có tác da miếng thịt nào chẳng chăm sóc lo toan. Xem họ có biện pháp giữ gìn chăm sóc có tốt hay không ? Chỉ cần xem họ chú trọng bộ phận nào của thân thể là rõ ngay thôi. Thân thể người ta có phần quý, phần thường, phần lớn, phần nhỏ khác nhau. Chẳng nên chú ý phần nhỏ mà làm tổn hại đến phần lớn. Chẳng nên giữ gìn phần thường mà hại đến phần quý giá. Chăm sóc dưỡng dục phần nhỏ của mình là kẻ tiểu nhân. Chăm sóc dưỡng dục phần lớn của mình mới là bậc đại nhân. Có một nghệ nhân làm vườn cảnh. Nếu họ vứt bỏ những cây ngô đồng tử mà lại chú ý chăm bón những bụi táo chua thì đó là những nghệ nhân làm vườn tồi. Nếu có một người chỉ chăm chút bảo vệ ngón tay của mình, bỏ quên cái vai cái lưng của mình mà tự mình chẳng biết thì đó là kẻ quá hồ đồ. Kẻ chỉ lo lắng về việc ăn uống mà không chú ý đến sự phát huy tác dụng của lương tri. Thế thì lẽ nào mục đích của ăn uống chỉ là vì thỏa mãn ham muốn cái miệng, cái bụng.”

Trước tiên chúng ta nên khẳng định sự khác nhau

giữa bậc quân tử và kẻ tiểu nhân. Nhân cách của bậc quân tử cao hơn nhân cách của kẻ tiểu nhân. Mục tiêu cuộc sống của chúng ta đương nhiên là phải tu dưỡng thành người quân tử có trí đức, sau cuối là có thể trở thành bậc thánh hiền nữa.

Làm như thế nào để trở thành bậc quân tử đây ?
Mạnh Tử nói với chúng ta :

Thân thể con người có cái cao quý, có cái xem thường, có cái lớn lao, có cái nhỏ bé. Không thể lấy cái nhỏ mà hại cái lớn; không thể lấy cái thường mà hại cái cao quý. Kẻ chú trọng chăm sóc cái nhỏ thì đó là kẻ tiểu nhân. Người chú trọng chăm sóc cái lớn đó là bậc quân tử.

“Thể hữu quý tiện, hữu đại tiểu. Vô dĩ tiểu bại đại, vô dĩ tiện bại quý. Dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu nhân, dưỡng kỳ đại giả vi đại nhân.” Cái gọi là bậc “đại giả” “quý giả” ở đây chính là bản tính lương tâm vốn có; chính là : nhân, nghĩa, lễ, trí cũng là điều mỗi người phải quyết tâm tu dưỡng.

Mạnh Tử lại nói :

“Bậc quân tử khác với người thường ở chỗ cái tâm. Cái tâm của bậc quân tử là nhân là nghĩa. Người có nhân thì biết yêu thương mọi người. Người có lễ thì biết kính trọng mọi người. Người biết yêu quý mọi người thì mọi người sẽ yêu quý lại mình. Người biết kính trọng mọi người thì mọi người cũng sẽ kính trọng lại mình. Giả sử ở đây có kẻ đối xử ngang ngược vô lễ với mình. Là bậc quân tử sẽ nghiêm túc tự hỏi lại mình : chắc ta có chỗ bất nhân vô lễ ? Nếu không sao họ lại cư xử với ta thái độ như vậy ?

Khi xem lại thấy mình chẳng bắt nhân vô lễ, kẻ ngang ngược kia vẫn chẳng chịu sửa; người quân tử phải tự hỏi mình chắc là ta có chỗ bất trung ? Xét lại mình thấy mình vẫn trung, mà kẻ ngang ngược vô lễ vẫn như vậy. Người quân tử sẽ nói : Người này quả thật là kẻ điên rồ, hẳn chẳng khác loài cầm thú. Loài cầm thú thì trách làm gì ? Cho nên người quân tử cả đời chẳng hề lo lắng, chẳng hề lo sợ. Nếu cả đời cần lo thì lo điều này : vua Thuấn là người, mình cũng là người. Vua Thuấn là bậc đại nhân điển hình để thiên hạ noi theo, danh tiếng truyền đến muôn đời sau. Còn ta ? Vẫn mãi mãi là kẻ bình thường. Đó mới là việc đáng ưu tư suy nghĩ. Đã biết lo lắng thì phải làm sao đây ? Hãy hết lòng hết sức học tập noi theo vua Thuấn. Người quân tử chẳng hề đau khổ điều gì khác. Những việc chẳng nhân đức; những việc chẳng hợp với lễ, ta không nên làm. Do vậy điều không đáng lo — người quân tử chẳng cần lo đến.”

Đó là cách tu dưỡng tích cực. Ngoài ra khi nói tới dục vọng của con người Mạnh Tử nêu ra thuyết pháp “Quả dục”. Ông nói :

“Cách bồi dưỡng tâm tính tốt nhất là bỏ bớt những ham muốn. Nếu ham muốn giảm thấp thì tính thiện dù có mất đi cũng không lớn lắm; Nếu ham muốn nhiều lên, thì tính thiện dù có tồn tại cũng rất nhỏ bé.”

Điều đáng chú ý là Mạnh Tử nói đến “Quả dục” chứ không phải là “Cấm dục”. Sự khác biệt giữa hai thứ này rất lớn, không thể lẫn lộn với nhau được. Cách tu dưỡng tiêu

cực là quả dục dưỡng tâm. Cách tu dưỡng tích cực là giữ gìn trong lòng nhân, lễ, nghĩa, trí. Điều quan trọng là giữ gìn nó và thực hành ở mọi lúc mọi nơi. Có một lần Mạnh Tử nói với Cáo Tử về điều đạo đức này rằng :

“Đường trên dốc núi vốn rất hẹp. Nhiều người đi lại sẽ làm nó thành một con đường. Nhưng chỉ cần một thời gian không có người qua lại nó sẽ bị cỏ dại mọc lên che hết đường đi.”

Lấy đường lên dốc để so sánh với lòng người thật quả đúng và rõ ràng quá. Con người ta cũng phải luôn chú ý đến việc tu dưỡng tâm tính, không được bỏ bê gián đoạn. Nếu không nó cũng rất dễ bị cỏ dại che lấp hết.

Chương 7

TAM ĐỘ THƯỢNG LỘ

*“Cổ chi nhân, đắc chí, trạch gia dư dân, bất đắc chí,
tu thân kiến dư thế. Cùng tác độc thiện kỳ thân, đạt
tác kiêm thiện thiên hạ.”*

1. Hình tượng mới của kẻ sĩ.

Năm 312 trước Công nguyên, Mạnh Tử rời khỏi nước Tề đi thẳng về hướng Tây Nam, chuẩn bị đến nước Tống. Trước đây Đại Doanh Chi — quan đại phu nước Tống có quen thân với Vạn Chương. Qua mối quan hệ với Vạn Chương nên vua Tống mời Mạnh Tử đến. Mạnh Tử nghĩ nước Tống tuy nhỏ nhưng có thể thực hiện được những ước muốn mà khi ở nước Tề ông chưa làm được.

Lần này cảnh rời khỏi Lâm Tri rất rầm rộ. Mười mấy chiếc xe theo sau, hàng trăm đệ tử theo cùng, rầm rộ uy nghi. Đó là hiện tượng đặc trưng của xã hội đương thời, tức là các tập đoàn du sĩ mới xuất hiện và lưu động rất lớn, mà Mạnh Tử là lãnh tụ của một tập đoàn du sĩ lớn mạnh.

Lúc đó Bành Canh — đệ tử của Mạnh Tử say đắm trước cảnh xuất hiện của tầng lớp kẻ sĩ này bèn hỏi Mạnh Tử rằng :

“Thầy dắt theo mấy chục xe, mấy trăm kẻ đi theo, ăn hết nước này đến nước khác, thầy làm như vậy chẳng quá đáng lắm sao ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Nếu không hợp đạo lý một bát cơm ta cũng chẳng nhận. Nếu hợp đạo lý, vua Thuấn nhận cả thiên hạ của vua Nghiêu cũng chẳng coi là quá đáng. Sao người cho ta là quá đáng ?”

Bành Canh nói :

“Con không nói như vậy, con nhận thấy kẻ sĩ chẳng chịu làm việc chỉ ăn không là không được ?”

Mạnh Tử nói :

“Nếu chẳng có sự trao đổi thành quả của mọi người với nhau, thay đổi sản phẩm của các ngành nghề với nhau, đem cái mình dùng thừa đổi lấy cái mình còn thiếu thì người nông dân sẽ dư thóc lúa. Kẻ khác chẳng có mà ăn. Phụ nữ sẽ dư vải bố, kẻ khác chẳng có mặc. Nếu như chẳng có sự trao đổi công việc thì người thợ mộc, người đánh xe làm sao được người nào nuôi dưỡng ? Giả sử ở đây có người ở nhà hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài kính trọng bậc tiền bối, gìn giữ lễ phép đạo nghĩa của bậc thánh hiền ngày trước. Người ấy đem những điều này truyền lại bồi dưỡng cho những lớp người sau. Người đó chẳng được người nuôi dưỡng. Vậy thì sao người lại quý trọng những người thợ mộc, thợ đánh xe mà xem thường bậc nhân nghĩa ?”

Bành Canh nói :

“Những người thợ mộc, thợ đánh xe họ chỉ mưu cầu miếng ăn để sống thôi. Sự nghiên cứu học thuật của kẻ sĩ để đẩy mạnh vương đạo. Động cơ đó cũng chỉ vì kiếm miếng ăn thôi sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Tại sao người lại đem động cơ ra mà nói ? Họ có thành tích công lao đối với người, người đều phải nuôi dưỡng họ, trả công cho họ. Hơn nữa người nuôi dưỡng họ vì động cơ của họ hay vì thành tích công lao của họ ?”

Bành Canh nói :

“Vì động cơ.”

Mạnh Tử nói :

“Được ! Ở đây có một người thợ mộc. Hắn làm bề ngói của người, vẽ bầy lên tường mới sơn của người. Động cơ của hắn cũng là làm để được ăn. Vậy người có cho hắn ăn hay không ?”

“Không.” Bành Canh trả lời.

Mạnh Tử nói :

“Thế thì người nói đến động cơ hay là nói đến thành tích công lao ?”

Qua đoạn đối thoại trên, ta thấy Bành Canh rất lo lắng đối với từng cá nhân trong giới kẻ sĩ mới xuất hiện. Theo quan niệm truyền thống của xã hội nông nghiệp cho rằng : Chỉ có lao động mới có cơm ăn. Mà giới kẻ sĩ mới xuất hiện thì không lao động mà lại có ăn, thật chẳng quá đáng lắm sao ? Đó là sự mê hoặc của chính mình, thiết

nghĩ đó không chỉ là vấn đề của cá nhân Bành Canh mà là vấn đề sản sinh tất yếu của thời đại biến động thay đổi. Mạnh Tử chỉ rõ : Sự biến động của thời đại khiến xu hướng xã hội trở thành thể chế hóa đa nguyên của sự phân công hợp tác, mà kẻ sĩ đảm nhiệm việc sáng tạo và truyền đi những tri thức; Quan trọng hơn là kẻ sĩ phải là người đảm đương cái đạo — đạo vương để truyền thụ cho lớp người sau. Truyền thống nhà nho vốn rất coi trọng nhận thức sứ mệnh của bậc kẻ sĩ. Khổng Tử cũng từng nói : “Quân tử lo việc đạo mà chẳng lo việc giàu nghèo.”

Ở đây nhấn mạnh tính lý tưởng của giới kẻ sĩ. Đến thời Chiến Quốc do sự thay đổi của giai tầng xã hội, sự sa sút của giới quý tộc lớp trên và sự thăng tiến mạnh mẽ của lớp dưới thứ dân, số lượng kẻ sĩ theo đó mà tăng lên rất lớn, cũng vì thế dẫn đến sự phức tạp hóa tính cách của từng lớp kẻ sĩ. Điều rõ nhất là số kẻ sĩ kết hợp với lợi ích thực tiễn trong đó tiêu biểu là các biện sĩ của giới tung hoành.

Đứng trước sự hiện thực hóa của giới kẻ sĩ, một mặt Mạnh Tử tích cực ổn định những chức năng của giới kẻ sĩ được xã hội phân công, mặt khác nhấn mạnh đến lý tưởng và sứ mệnh của họ trong xã hội.

Giới kẻ sĩ đương nhiên có những cống hiến đối với xã hội. Họ không phải là giai cấp ký sinh như một số người hiểu lầm. Công Tôn Sửu — đệ tử của Mạnh Tử từng hỏi Mạnh Tử rằng :

“Kinh Thư có viết : Không được ăn không ngồi rồi. Thế nhưng quân tử chẳng chịu trồng trọt cấy hái mà ăn.

Thế là có làm sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Bậc quân tử ở nước nào; Nếu người nắm quyền chấp chính sử dụng họ thì đất nước được yên ổn, nhân dân giàu có, tôn quý và có danh dự. Nếu thế hệ sau tin theo họ thì trở nên hiếu thảo với cha mẹ, biết kính trọng anh em, có niềm tin vào sự thật. Tuy họ chẳng làm nhưng có gì tốt hơn việc làm của họ được không ?” Do vậy giới kẻ sĩ tìm kiếm con đường làm quan, cố nhiên chủ yếu là thực hiện lý tưởng tạo phúc cho xã hội, nhưng có lúc vì chịu áp lực của cuộc sống hiện thực mà phải ra làm quan, việc đó cũng chẳng nên trách cứ nặng nề.

Mạnh Tử từng nói :

“Làm quan không phải vì nghèo khó nhưng có lúc cũng vì nghèo khó mà ra làm quan. Lấy vợ không phải là để phụng dưỡng cha mẹ, nhưng có lúc cũng là để phụng dưỡng cha mẹ. Vì nghèo khó mà làm quan thì nên từ chối tước vị cao sang, hãy lãnh lấy chức phận thấp thường, từ chối bổng lộc lớn, chỉ nhận lương bổng nhỏ bé thôi. Từ chối tước vị cao sang lãnh lấy chức vị thấp thường, từ chối bổng lộc to lớn, chấp nhận lương bổng nhỏ bé thế thì nên nhận chức tước gì mới thích hợp ? Làm một quan giữ cửa hoặc tuần canh là được rồi. Đức Khổng Tử cũng từng làm quan nhỏ giữ chức coi kho. Người nói rằng : Ta nuôi bò dê làm cho chúng lớn là được rồi. Ở chức vị thấp mà bàn đến việc đại sự triều đình đó là phạm tội. Làm quan trong triều đình mà chẳng thực hiện những chủ trương chính nghĩa của mình

thì thật nhục nhã.”

Đoạn đối thoại trên gợi cho chúng ta thấy rằng : Nguyên tắc của giới kẻ sĩ là : hãy tìm cho mình một chỗ đứng trong xã hội và mưu cầu sự nghiệp chính trị lớn của mình và chẳng quản ngại những công việc tầm thường. Quan trọng hơn là : Dù có làm quan đại thần trong Triều mà chẳng làm được theo cái đạo thì cũng thực đáng xấu hổ.”

Mạnh Tử nhấn mạnh đến sứ mệnh và sự tôn nghiêm của giới kẻ sĩ trong xã hội.

Mạnh Tử còn nói :

“Thiên hạ trong sáng, bậc quân tử đặc chí, cái đạo vì thế được thực thi. Thiên hạ rối loạn, bậc quân tử giữ đạo, nếu chết vì cái đạo cũng chẳng tiếc. Ta chưa từng nghe nói hy sinh cái đạo để được làm kẻ chấp chính bao giờ.”

Kẻ sĩ là người giữ vững, người gánh vác cái đạo. Vì sự thực hiện và kế tục cái đạo, nếu phải hy sinh tính mạng mình cũng chẳng nuôi tiếc. Vì điều đó nên Mạnh Tử hy sinh cả cuộc đời cho cái nghĩa. Ông nói :

“Cá là món ta thích ăn, cẳng gấu cũng là món ta thích ăn. Nếu hai món đó ta chẳng được ăn một lượt, thì ta bỏ món cá mà lựa lấy món cẳng gấu. Con người là điều ta rất quý; tiết nghĩa cũng là điều ta rất trọng. Nếu phải lựa chọn hai cái này để lấy một ta sẽ bỏ cái mạng sống của mình mà giành lấy cái tiết nghĩa. Đương nhiên ta rất quý trọng cuộc sống nhưng còn có cái ta quý hơn cả cuộc sống của mình. Do vậy ta không thể làm những việc như nuốc để bảo tồn

cuộc sống của mình được. Sự chết chóc ta vốn rất căm ghét, nhưng còn có cái ta căm ghét hơn cả sự chết chóc. Do đó có lúc gặp phải hoạn nạn ta cũng chẳng tìm cách trốn tránh.

“Nếu mọi người coi mạng sống là quý giá nhất thế thì chẳng có cách gì mà họ chẳng dùng để bảo vệ sự sinh tồn mạng sống cả. Nếu mọi người đều coi sự chết chóc là đáng căm ghét. Thế thì họ chẳng thèm làm việc gì để mình họ tránh được hoạn nạn xảy ra.

“Do vậy một số người chẳng thèm làm việc gì miễn là bảo tồn được mạng sống của mình, miễn là tránh được những hoạn nạn xảy ra cho mình. Từ những việc đó có thể thấy : Có thứ đáng giá hơn cả mạng sống của mình, cũng có thứ đáng ghét hơn cả sự chết chóc. Cách suy nghĩ này chẳng chỉ của bậc hiền tài mới có, mà ai ai cũng có, chẳng qua chỉ có bậc hiền tài mới có thể gìn giữ được nó mà thôi.

“Chỉ cần có một chén cơm, một bát canh là có thể sống và cũng có thể sẽ chết đói ngay. Nếu có người bằng thái độ kẻ cả coi khinh kẻ sắp chết, hoặc giẫm chân lên rồi mới đem ra cho, thì kẻ sắp chết thà chết chẳng thèm nhận ăn. Có người tặng cho mình một vạn chung thóc mình chẳng hỏi xem có hợp lễ nghĩa không lại nhận ngay được. Bổng lộc của muôn dân đối với ta mà nó có giúp được gì chẳng ? Lòng lấy của lâu đài, sự âu yếm vuốt ve của người vợ thứ, hay vì những người thân thuộc ta mà khiến ta làm tất cả ? Trước đây ta thà chết chẳng thèm nhận món ăn phi nghĩa, lẽ nào nay ta lại làm tất cả chỉ vì sự giàu sang phú quý, sự âu yếm vuốt ve của người vợ thứ, vì có thể trợ

giúp cho những người thân thuộc của mình ? Ta chẳng dùng ngay những thứ đó được sao ? Đó gọi là đánh mất lương tâm đấy.”

Giới kẻ sĩ phải có lý tưởng cao cả của mình, cũng phải có dũng khí ngoan cường trong những nghịch cảnh khác nhau. Mạnh Tử từng thấy nhiều kẻ sĩ vì chịu đựng không nổi trước những cám dỗ của hiện thực mà lần lượt chịu khuất phục, biến chất, trụy lạc. Do vậy Mạnh Tử lớn tiếng kêu gọi : Không được đánh mất lương tâm đi.

2. Ý thức lo âu

Trước đây khi ở nước Tề, có vị vương tử tên là Điền Tăng hỏi Mạnh Tử :

“Kẻ sĩ làm việc gì ?”

Mạnh Tử đáp :

“Chú trọng cái chí.”

Vương tử Điền hỏi tiếp :

“Sao gọi là chú trọng cái chí ?”

Mạnh Tử giảng giải rằng : “Đó chính là việc ăn ở có nhân làm việc có nghĩa đấy. Giết một kẻ vô tội, ấy là bất nhân. Không phải của mình mà đi cướp giật ấy là bất nghĩa. Hành sự phải đứng trên lập trường nào ? Nhân chính là lập trường tốt nhất. Hành sự phải theo đường hướng nào ? Nghĩa chính là con đường tốt nhất. Ăn ở có nhân, làm việc có nghĩa thì gọi là bậc đại nhân.”

Vương tử Điền là người quý tộc nhưng ông lại hỏi :

Kẻ sĩ làm gì ? Kẻ sĩ ngày trước nay đã trở thành người trí thức. Nói đến điều này Mạnh Tử đặc biệt nhấn mạnh “ăn ở có nhân, làm việc có nghĩa”. Đó cũng là cái trí, lý tưởng của người trí thức.

Lại một lần khác, Mạnh Tử cùng Tống Câu Tiễn bàn đến lý tưởng của giới kẻ sĩ. Mạnh Tử hỏi Tống Câu Tiễn :

“Ông thích bậc đế vương của các nước mà ông đến du thuyết không ? Tôi sẽ nói cho ông rõ thái độ lúc du thuyết cần có. Người ta hiểu mình thì mình vẫn vui vẻ thoải mái. Người ta chẳng hiểu mình mình cũng vẫn vui vẻ thoải mái.”

Tống Câu Tiễn nói :

“Phải làm như thế nào mới có thể vui vẻ thoải mái được ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Mình nên tôn trọng đức hạnh, vui với cái nghĩa thế là có thể vui vẻ thoải mái được ! Giới kẻ sĩ lúc khốn cùng chẳng bỏ mất cái nghĩa, lúc đắc ý chẳng xa rời cái đạo; cho nên muôn dân chẳng thất vọng đối với họ. Người xưa nói : Ân trạch ban bố đến muôn dân cũng chẳng đắc ý. Tu dưỡng phẩm đức cho mình, tự lập chỗ đứng cho mình trong xã hội. Lúc không đắc ý thì tự tu thân lấy mình. Lúc đắc ý thì giúp cho thiên hạ trở nên lương thiện.”

Mạnh Tử chỉ ra nguyên tắc quan trọng nhất mà giới kẻ sĩ lập thân hành sự là : Lúc đắc ý thì ân trạch ban bố muôn dân, lúc không đắc ý thì tu thân nhìn đời. Lúc nghèo khó phải tu thân để đến lúc làm cho muôn dân trong thiên hạ đều trở thành lương thiện. Lời nói này ảnh hưởng sâu

sắc tới tận hơn hai ngàn năm sau với những người có học trên thế giới và chắc chắn vẫn còn sức lay động rất lớn đối với tâm trí các thế hệ sau này.

Làm sao để trở thành người kẻ sĩ điển hình như nói ở trên ? Mạnh Tử tuy khẳng định mọi người đều có khả năng của bậc vua Nghiêu, vua Thuấn, nhưng kết luận là vua Nghiêu, vua Thuấn hay giới kẻ sĩ cuối cùng thuộc về tầng lớp tinh anh của xã hội đều cần phải trải qua thử nghiệm. Trước thời Xuân Thu, giới quý tộc có cách thức giáo dưỡng truyền thống của họ. Tức là lấy : Lục nghệ : Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số làm chương trình học tập. Đạt đến mức văn võ song toàn chất văn nho nhã. Điều này nhà nho về sau đã kế thừa được. Nhưng Khổng Tử, Mạnh Tử đều nhấn mạnh "Nỗi khó" trong việc xây dựng nhân cách bậc thánh nhân.

Mạnh Tử nói :

"Vua Thuấn từ nơi đồng áng mà nổi lên, ông Truyền Duyệt nổi lên từ nghề thợ lao dịch xây nhà, ông Giao Cách nổi lên từ nghề bán muối, ông Tử Trọng nổi lên từ một kẻ tù trong ngục, Tôn Thúc Ngao nổi lên từ ven biển, ông Bách Lý Hề nổi lên từ thân phận kẻ nô lệ trong chợ. Nếu trời định phó thác trách nhiệm lớn lao cho người nào trước, người ấy nhất định phải khổ tâm não mòi luyện, nhọc nhằn gân cốt lao động. Khiến họ phải chịu đựng cảnh đói khát cơ hàn, biết thế nào là khổ khó, hơn nữa làm cho từng hành vi của họ chẳng được thuận lợi như ý. Như vậy có thể lay động tâm trí của họ, kiên nhẫn tính tình của họ, tăng thêm năng lực của họ.

“Một người trước có lỗi lầm, về sau sửa đổi. Trước khốn đốn tâm tư suy nghĩ chẳng thuận, về sau mới hưng thịnh lên được. Nhìn sắc mặt, nghe giọng nói của một người, về sau mới có thể kết hợp với mình. Một nước cũng vậy. Nếu bên trong chẳng có hiền sĩ và kẻ thần gìn giữ phép tắc cương thường, bên ngoài chẳng có nước thù địch và tai họa nào thì nước này mãi mãi chẳng bị hủy diệt. Như vậy có thể biết một chân lý rõ ràng là : Trong hoàn cảnh khốn khó sẽ nảy sinh đấu tranh sinh tồn, sống trong hoàn cảnh thoải mái mãi mãi tất cũng có ngày đến chỗ bị hủy diệt.”

Mạnh Tử nhấn mạnh điều quan trọng của việc rèn luyện tâm trí, tinh thần kiên nghị. Chỉ có trải qua thực tiễn gian khổ trí tuệ mới có thể trưởng thành to lớn. Đây cũng là điều kiện tất yếu của người gánh vác đảm nhận công việc trọng trách của đất nước !

Mạnh Tử còn nói :

“Một người có đức hạnh, trí tuệ, đạo thuật, tài trí thường được trưởng thành trong sự khốn khó lo âu. Những bề tôi đơn độc, những tên hèn yếu, họ thường có tâm trạng sợ sệt và sự lo âu lớn cho nên họ chẳng hiểu lý tình.”

Một lần nữa Mạnh Tử nhấn mạnh về sự ý thức lo âu. Kẻ sĩ phải là người đảm nhận trách nhiệm lớn lao của thời đại. Ngoài đức trí ra, giới kẻ sĩ còn phải có sự lo lắng sâu sắc hơn người, mới có thể diu dắt quần chúng nhân dân vượt qua khó khăn thử thách trùng trùng mỗi khi cái hào khí cuộn dâng trong lòng.

Ngoài ra Mạnh Tử còn nói rõ :

“Đời sự giáo hóa của ông Văn Vương rồi sau đó người ta mới phần khởi đứng lên làm thì đó chỉ là những kẻ bình thường mà thôi. Đối với kẻ hào kiệt chẳng cần đợi ông Văn Vương họ vẫn phần khởi đứng lên làm.”

Rõ ràng trong thời đại Chiến Quốc đầy rẫy sự nhiễu nhương, do đó mong muốn có một bậc thánh như Văn Vương là điều vô vọng. Mạnh Tử hy vọng nhiều vào sự vươn lên của giới kẻ sĩ hào kiệt. Lúc này Mạnh Tử đã ngoài 60 tuổi rồi, chí khí của ông vẫn hiên ngang hùng tráng như trước.

3. Nam du Tống quốc

Tập đoàn du sĩ mà Mạnh Tử dẫn đầu đi về phía Tây Nam thẳng đến nước Tống. Trên đường đi tuy cát bụi mù trời nhưng rất tịch mịch buồn tẻ. Bởi vì có rất nhiều vấn đề mà họ cần tập trung suy nghĩ bàn bạc.

Một hôm, đoàn du sĩ đến vùng Thạch Khâu. Tinh thần mọi người rất phấn chấn, họ tranh luận sôi nổi về tình hình chiến sự gần đây. Một cuộc chiến tranh lớn có thể bùng nổ giữa hai nước Tần và Sở.

Nước Tề và Tần là nước lớn án ngữ phía Đông và Tây, lại thêm nước Sở ở phía Nam tạo thành thế chân vạc rất vững. Trong thế cân bằng giữa Tần và Tề, nếu lôi kéo được nước Sở về phía nào thì cán cân thế lực sẽ nghiêng về phía đó. Lúc này nội bộ triều đình nước Sở phân ra làm hai phái khác nhau : phái thân Tề và phái thân Tần. Khuất Nguyên, Trần Chân cầm đầu phái thân Tề. Quan đại phu Cậ

Thượng. Lệnh Y Tử Lan, lại thêm Trịnh Tụ nâng hầu sủng ái của Sở Hoài Vương tạo thành phái thân Tần rất lớn. Lúc đầu phái thân Tề chiếm ưu thế, do vậy nước Sở nghiêng về phái thân Tề. Để chấm dứt mối liên kết chặt chẽ giữa Sở và Tề, Tần Huệ Vương sai Trương Nghi sang yết kiến Sở Hoài Vương. Trương Nghi nói với Sở Hoài Vương rằng : “Nếu bệ hạ đoạn tuyệt với Tề, nước Tần xin cắt dâng ngài 600 dặm đất.”

Sở Hoài Vương nghe xong cảm thấy rất vui, ông bèn quyết định đoạn tuyệt bang giao ngay với Tề, sau đó sung sướng định thu về 600 dặm đất của nước Tần. Kết quả nước Tần không chấp thuận cắt 600 dặm đất cho Sở, vì thế hai nước xảy ra tranh chấp. Sở Hoài Vương bị trúng kế của Tần tức giận bèn huy động quân lính chuẩn bị đánh Tần. Lúc này tình thế rất nguy ngập, cuộc chiến tranh lớn có nguy cơ bùng nổ.

Đúng lúc đó Mạnh Tử gặp Tống Hình — một người theo chủ nghĩa hòa bình nổi tiếng đồng thời cũng là nhà tư tưởng lớn nổi tiếng. Ông chủ trương bỏ bớt cái tư riêng, giảm bớt ham muốn, thấy việc xấu không làm, cùng nhau giúp đỡ muôn dân, nghiêm cấm dùng quân xâm chiếm nước khác để giảm bớt những cuộc chiến tranh đương thời, phá bỏ thành kiến chủ quan, nhìn thẳng vào sự thật... Có thể nói Tống Hình là người kết hợp cả hai trường phái tư tưởng : Đạo gia và Mặc gia. Ông ta đang chuẩn bị đến nước Sở nghe ngóng tình hình chiến sự. Hôm đó ông cũng nghỉ tại Thạch Khâu, do vậy Mạnh Tử gặp được ông. Hai người bàn luận một số vấn đề về thời cuộc. Mạnh Tử hỏi Tống

Hình :

“Ngài chuẩn bị đi đâu vậy ?”

Tống Hình đáp :

“Ta nghe nói Tần và Sở kéo quân đánh nhau, ta định đến yết kiến vua Sở khuyên ngài nên bãi binh. Nếu vua Sở chẳng nghe, ta sẽ yết kiến vua Tần khuyên ngài nên bãi binh. Trong hai vua này sẽ có người nghe theo lời ta.”

Mạnh Tử đáp :

“Ta chẳng dám hỏi tường tận, chỉ muốn biết ý lớn của ngài thôi. Xin hỏi ngài sẽ thuyết giải như thế nào ?”

Tống Hình trả lời :

“Ta sẽ giảng giải cho họ thấy chiến tranh đều chẳng có lợi cho cả hai bên.”

Mạnh Tử nói :

“Chí hướng của ngài thật cao cả, nhưng cách giảng giải của ngài chẳng được hay lắm. Ngài lấy điều lợi hại mà nói với vua Tần vua Sở. Vì điều lợi hại mà hai vua rút quân như vậy sẽ khiến cho binh lính thấy cái lợi của việc bãi binh mà vui mừng. Kẻ làm tôi vì ôm ấp cái lợi mà tuân theo vua, kẻ làm con vì ham cái lợi nên thờ cha, kẻ làm em vì cái lợi mà nghe theo lời anh; Như vậy khiến cho mối quan hệ giữa vua tôi, cha con, anh em đều bỏ hết điều nhân nghĩa, họ quan hệ với nhau chỉ vì cái lợi. Như thế đất nước làm sao tránh khỏi diệt vong ?

“Nếu ngài đem điều nhân nghĩa mà nói với vua Tần vua Sở. Hai ông ấy vì điều nhân nghĩa mà bãi binh, điều đó

làm cho binh lính vui mừng vì việc rút quân, vì điều nhân nghĩa. Phận làm tôi tuân lệnh theo vua vì điều nhân nghĩa, phận làm con cũng vì nhân nghĩa mà phụng dưỡng cha mẹ, phận làm em vì điều nhân nghĩa mà phục tùng theo anh. Như vậy làm cho mỗi quan hệ vua tôi, cha con, anh em đến với nhau chẳng vì cái lợi mà là vì điều nhân nghĩa. Như thế đất nước lấy cái đức để thống nhất thiên hạ, việc gì phải nói đến chuyện lợi ích nữa ?”

Cách lập luận và kiến nghị của Mạnh Tử ngay từ lần đầu tiên gặp Lương Huệ Vương chứng minh rất rõ quan niệm : “Việc gì phải nói đến cái lợi, hãy làm những việc nhân nghĩa trước đi.”

Suốt cả đời, Mạnh Tử trung thành với nguyên tắc chủ nghĩa lý tưởng đạo đức.

Lập trường tư tưởng của Mạnh Tử và Tống Hinh không đồng nhất. Tuy hai người đều chủ trương hòa bình, phản đối chiến tranh, nhưng Tống Hinh lại chạy theo hiện thực cuộc sống để thực hiện lý tưởng, đây là điều mà Mạnh Tử không thể nhân nhượng.

Hai người nói chuyện với nhau xong, họ chia tay nhau, mỗi người đi về một hướng khác nhau.

Cuối cùng Mạnh Tử đến nước Tống. Tống là một nước nhỏ, vua Tống tên là Yểm, ông phát động cuộc chính biến giành ngôi vua của người anh ruột. Sử ký Tống Thế Gia viết như sau : “Tống đánh bại nước Tề ở phía đông, chiếm 5 thành. Đánh bại Sở ở phía nam thu gom 300 dặm, đánh bại nước Ngụy ở phía tây; Tề-Ngụy trở thành kẻ thù của nhau.

Vua Tống say mê tửu sắc, quần thần can gián chẳng nghe. Chư hầu đều gọi vua Tống là Tống Kiệt." Theo những chứng cứ trên chúng ta hiểu được phần nào xã hội nước Tống đương thời.

Hơn lúc nào hết, quần thần nước Tống rất mong đợi có người tài đức, đủ uy tín mọi mặt, có thể can gián được vua Tống. Đó cũng là lý do chính mà nhóm du sĩ của Mạnh Tử tìm đến nước Tống.

Trong tình hình như vậy — Vạn Chương — học trò của Mạnh Tử đã hỏi ông rằng :

"Tống là một nước nhỏ, nay muốn thực thi đường lối chính trị nhân đức, lại bị Tề và Sở hai nước lớn này ghen ghét định kéo quân đánh chiếm. Tống phải đối phó làm sao ?"

Mạnh Tử đáp :

"Ngày trước vua Thang ở đất Bạc, nước Cát là nước láng giềng của ngài. Vua nước Cát là người rất phóng túng không có kỷ cương phép tắc, đạo lý, chẳng chịu cúng tế thần linh. Vua Thang sai người đến hỏi rằng : Vì sao ngài chẳng bao giờ cúng tế thần linh vậy ? Vua Cát đáp rằng : Ta chẳng có bò, dê làm vật phẩm tế lễ. Vua Thang bèn cho ông ta bò, dê. Vua Cát ăn hết cả bò dê chẳng chú ý gì đến việc tế lễ. Vua Thang lại sai người đến hỏi : Vì sao người chẳng chịu tế lễ gì vậy ? Vua Cát đáp rằng : Ta chẳng có gạo ngon để làm đồ tế lễ. Vua Thang lại sai muôn dân đất Bạc đến làm ruộng trồng lúa cho vua Cát, và còn sai người già cả đem đồ ăn thức uống đến cho những người dân làm

ruộng trồng lúa nữa. Vua Cát dẫn dân chúng của ông ngăn cản những người già cả đưa cơm từ đất Bạc sang, lại còn cướp cả đồ ăn thức uống của họ nữa, ai chẳng chịu giao thì bị giết chết ngay. Có một đứa trẻ đưa cơm bị vua Cát giết chết và cướp đi đồ ăn thức uống. Kinh Thi có ghi lại rằng : “Vua Cát coi kẻ đưa cơm như kẻ thù”. Vì đứa nhỏ bị giết hại, vua Thang cất quân tiến đánh vua Cát, muôn dân trong thiên hạ đều nói : “Vua Thang không phải vì tham lam sự giàu có của thiên hạ mà là vì trả thù cho muôn dân đó thôi.” Cuộc chinh phạt của vua Thang bắt đầu từ nước Cát đánh qua khắp 11 chư hầu khác. Chẳng có ai chống đỡ nổi được với ngài. Người đánh về phía Đông thì người ở phía Tây chẳng vui; Người đánh về phía Nam thì người ở phía Bắc chẳng vui. Họ nói rằng : Vì sao ngài chẳng đến chỗ ta trước ? Muôn dân đều mong đợi ngài giống như trời hạn mong đợi mưa rào. Người đánh đến đâu chẳng một nhà buôn nào ngừng việc buôn bán, chẳng người cày nào trốn tránh bỏ đi. Người giết bọn vua quan hung bạo, an ủi muôn dân khổ đau; giống như mưa đúng lúc muôn dân đều vô cùng mừng rỡ. Kinh Thi có đoạn viết : “Chúng tôi đợi vua đến, người đến chúng tôi thoát khỏi cảnh khổ đau.” Sách còn viết tiếp : “Những nước chẳng chịu khuất phục, Vũ Vương bèn đánh chiếm phía đông, ổn định muôn dân. Họ dâng lên những thúng đựng đầy lúa màu tía màu hồng mong muốn được gặp mặt vua. Họ nói rằng : chúng tôi thật sung sướng được làm kẻ thần dân của nước Chu vĩ đại. Điều đó nói lên tình hình những năm đầu triều đại nhà Chu chinh phạt các nước chư hầu. Kẻ hào lại quan viên đem châu lụa tặng cho

hào lại quan viên, muôn dân đem cơm rượu thịt thết đãi binh lính. Việc vua Vũ Vương xuất chinh cứu muôn dân thoát khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng, giết sạch lũ vua quan bạo tàn. Sách Thái Thệ viết : Uy vũ của ta được phát huy, biên cương của đất nước được mở rộng, giết sạch bọn vua quan bạo tàn, quét sạch bọn người bất nhân, thành tích chiến công như thế chẳng rực rỡ như vua Shang ngày trước hay sao ?”

Mạnh Tử nói tiếp : “Ta chỉ sợ vua Tống không thực thi chính sách cai trị nhân đức. Nếu thực thi nó thì người trong thiên hạ đều hết lòng noi theo. Họ sẽ ủng hộ ngài lên làm vua, nước Tề nước Sở tuy lớn nhưng có điều gì đáng sợ nữa ?”

Đây là những điều Mạnh Tử nói đi nói lại nhiều lần khi đề cập vấn đề Vương đạo và Bá đạo. Đó cũng là nguyên tắc cao nhất của Mạnh Tử về mặt triết học chính trị, chẳng bao giờ thay đổi. Nhưng mặt khác Mạnh Tử cũng lý giải được một cách cụ thể về chính sách mà chủ yếu là chính sách thu thuế trong kinh tế.

Lúc đó giữa các nước chư hầu xảy ra nhiều cuộc chiến tranh kéo dài, sức lực, tài vật phục vụ vào cuộc chiến tranh rất lớn. Tất cả đều được dựa vào sự thu thuế trong dân chúng. Thuế khóa nặng nề là nguyên nhân khiến cho đời sống muôn dân thêm khốn khổ. Đề cập về vấn đề thuế khóa, Mạnh Tử nói :

“Có thứ thuế thu bằng vải vóc, có thứ thuế thu bằng lúa gạo, có thứ thuế dùng sức người để thay thế. Bạc quân

tử chỉ thu một trong ba thứ đó mà bỏ đi hai thứ kia. Nếu một lúc thu hai thứ thuế dân chúng có thể sẽ chết đói. Nếu một lúc thu luôn ba thứ thuế dân chúng sẽ rơi vào cảnh khốn cùng cha lia con, vợ xa chồng.”

Mạnh Tử chủ trương giảm bớt thuế khóa cho dân, khôi phục lại chính sách thu thuế của thời Nghiêu Thuấn, chỉ thu mười phần trăm thuế mà thôi. Các chư hầu đương thời bao gồm cả nước Tống trong đó đều thi hành chính sách thu thuế rất nặng nề. Do vậy sau khi đến nước Tống, Mạnh Tử bèn cùng quan đại phu nước Tống Đái Doanh Chi bàn ngay đến việc cải cách mức thuế khóa. Đái Doanh Chi nhận ra vấn đề và lập tức giảm nhẹ mức thuế xuống chỉ còn mười phần trăm. Yêu cầu thực hiện phương thức thu thuế dần dần, bỏ phương thức thu ngay một lúc.

Đái Doanh Chi hỏi Mạnh Tử :

“Tôi muốn thực hiện thu mười phần trăm mức thuế, bãi bỏ việc thu thuế ở các trạm và thu thuế hàng hóa buôn bán. Nhưng năm nay làm chưa kịp, trước mắt giảm nhẹ thuế xuống, đợi đến sang năm sẽ bãi bỏ tất cả, vậy có được không ?”

Mạnh Tử đoán hiểu được ý đồ Đái Doanh Chi không muốn thực hiện chính sách giảm thuế mà ông nêu ra, do vậy Đái Doanh Chi mượn lời nói của mình để tìm cách hoãn lại. Biết vậy Mạnh Tử trả lời ông bằng thái độ không vui rằng :

“Vị như hiện nay, có người mỗi ngày đều ăn trộm một con gà của người hàng xóm. Có người nói với anh ta rằng :

việc anh làm chẳng phải việc người quân tử làm. Anh ta đáp lại : Như vậy tôi sẽ giảm xuống mỗi tháng trộm một con thoi. Chờ sang năm tới tôi sẽ bỏ hẳn không ăn trộm nữa. Nếu ông hiểu hành động của mình không hợp đạo lý thì ông phải bỏ ngay đi, có sao lại đợi đến sang năm ?”

Lời nói của Mạnh Tử tuy nhẹ nhàng nhưng rất cương quyết. Đái Doanh Chi nghe nhất định cảm thấy chẳng vui. Lòng Mạnh Tử đã rõ, giới cầm quyền nước Tống lúc này chỉ nghĩ đến việc nước giàu quân mạnh mà thôi, họ đâu có thực tâm thi hành chính sách nhân đức. Do đó sau khi ở với nước Tống một thời gian, một hôm Mạnh Tử nói với Đái Bất Thẳng — một quan đại phu trong triều rằng :

“Ông muốn mong nhà vua trở nên lương thiện phải không ? Tôi nói để ông rõ : Có một vị quan đại phu nước Sở cho con của ông ta đi học nói tiếng nước Tề. Thế thì phải tìm người nước Tề đến dạy hay là tìm người nước Sở đến dạy ?”

“Đương nhiên phải tìm người nước Tề đến dạy.”

Mạnh Tử bèn nói :

“Một người nước Tề đến dạy nó, khi đó có rất nhiều người nước Sở nói chuyện huyền ảo xung quanh, như vậy dẫu đánh nó bắt nó phải học tiếng nước Tề thì nó cũng chẳng học được. Nếu như đưa nó sang ở vài năm ngay tại Lâm Tri nước Tề, như vậy dẫu đánh nó, bắt nó phải nói tiếng nước Sở nó cũng chẳng nói được một câu. Ngài có nói Tiết Cư Châu là người tốt, lúc nào ông ta cũng ở trong cung vua. Nếu mỗi người ở trong cung vua đều tốt như Tiết Cư

Châu, thế thì vua biết cùng ai làm điều xấu nữa ? Nếu ở trong cung vua từ người già đến người trẻ đều là kẻ xấu cả, thế thì vua biết cùng ai làm điều tốt được ? Chỉ có một mình Tiết Cư Châu thì làm sao mà làm cho vua Tống trở nên thiện đức được ?”

4. Trở về quê hương

Thế chế chính trị ảnh hưởng sâu sắc đến sự cách biệt giữa thực tiễn và lý tưởng của một xã hội. Bảy năm rồi sống trên đất Tống, Mạnh Tử tận mắt chứng kiến nhiều điều, những hy vọng của ông đối với nước Tống hoàn toàn tắt ngấm. Đầu năm 311 trước Công nguyên, Mạnh Tử rời nước Tống, bước trên con đường trở về quê hương. Một mối rã rời, một cảm giác cuộn dâng từ đáy lòng ông. Mạnh Tử thở dài : ta già rồi. Vào những năm này, đất nước Trung Quốc chia làm nhiều nước nhỏ : phía Tây là đất Ngụy, Đông là Tề, Nam là Tống, con đường trở về quê hương muôn trùng xa cách, thế sự đổi thay, lòng dân ly tán, nhưng trước sau Mạnh Tử luôn giữ vững nguyên tắc chủ nghĩa lý tưởng đạo đức, không hề một phút dao động. Trước mắt vẫn là những hiện thực tàn nhẫn khắc nghiệt. Chẳng lẽ lại lùi bước hay sao ? Mạnh Tử hy vọng biến lý tưởng thành hiện thực, đặc biệt là những lời kêu gọi : củng cố chính trị, đặt giá trị lương tri cao hơn quyền lực, luôn gắn liền trong cuộc đấu tranh không mệt mỏi giành vũ đài chính trị. Tuy Mạnh Tử không chấp nhận bó tay thất bại, nhưng lúc này ông muốn trở về quê hương một thời gian.

Trên đường trở về huyện Trâu quê mẹ, Mạnh Tử ghé qua đất Tiết. Trước sự ân cần mời mọc của vua Tiết — Tư Điều Anh — Mạnh Tử ở lại đây một thời gian. Lúc chia tay, vua Tiết tặng Mạnh Tử năm chục dật vàng, Mạnh Tử bèn thâu nhận.

Lần trở về quê hương này, Mạnh Tử đã là một nhà tư tưởng nổi tiếng thống lĩnh cả một tập đoàn du sĩ quý mô khá lớn; Do vậy, vừa đặt chân lên mảnh đất quê hương, Mạnh Tử được nhân dân tổ chức lễ đón tiếp theo đúng nghi thức truyền thống trong nước rất long trọng. Đúng lúc đó, nước Trâu và nước Lỗ xảy ra việc xung đột biên giới gay gắt. Nước Trâu nhỏ hơn nước Lỗ nên chịu nhiều thiệt thòi. Mạnh Công bèn hỏi Mạnh Tử điều này; ông nói :

“Trong lần xung đột này, ta mất 33 quan tướng nhưng chẳng có người dân nào liều chết để cứu quân của ta cả ? Nếu đem họ ra mà giết; giết chẳng xuể hết. Còn không giết ư ? Họ cứ nhìn quân tướng của ta bị giết mà chẳng hề thương xót rung cảm, thật đáng ghét. Vậy theo ngài phải làm sao đây ?”

Mạnh Tử đáp :

“Trong những lúc điều linh khói lửa, dân chúng của ngài người già cả yếu đuối, chết chẳng có chỗ chôn, thấy xác vứt xuống khe suối, rừng sâu hoặc phơi ngoài đồng dã. Những người trẻ tráng kiện thì sống không chỗ ở, lưu lạc khắp bốn phương chân trời góc bể, hàng trăm người rơi vào tình cảnh như vậy. Trong lúc ấy, các kho dựn của ngài chất đầy lúa gạo, kho phòng chất đầy vàng bạc quý giá. Trước

tình hình ấy, các quan chức của vua chẳng hề báo cho người biết. Đó là kẻ bề trên chẳng biết lo cho dân mà còn tàn hại dân vậy. Ông Tăng Tử cũng nói : Hãy nhớ lấy, nhớ lấy điều này : Người đối xử với người khác như thế nào thì người khác cũng đáp lại với người như thế đó. Nay thời cơ đáp lại của muôn dân đã đến. Ngài đừng trách móc họ. Nếu ngài thực thi chính sách nhân nghĩa, muôn dân của ngài sẽ yêu thương kẻ bề trên, nguyện hy sinh để bảo vệ kẻ bề trên của ngài."

Mạnh Tử tuy đã trở về nhà, không tham gia việc chấp chính nữa nhưng vẫn có nhiều người mến mộ danh tiếng của ông mà tìm đến xin học hỏi. Tào Dao là một trong những trường hợp đó. Một hôm Tào Dao hỏi Mạnh Tử rằng :

"Mọi người đều có thể làm vua Nghiêu vua Thuấn được phải không ?"

Mạnh Tử đáp :

"Đúng vậy !"

Tào Dao lại hỏi :

"Ta nghe nói vua Văn Vương mình cao một trượng. Vua Thang mình cao chín thước, nay ta cao đến chín thước tư chỉ biết ăn không ngồi rồi, phải làm thế nào đáng kịp vua Nghiêu vua Thuấn ngày trước ?"

Mạnh Tử đáp :

"Thân cao mấy thước thì có quan hệ gì nhỉ. Chỉ cần làm được điều trên. Nếu có người nào đó cho rằng mình trói

một con gà chưa nổi thì thật là yếu hèn quá; Nếu gánh được ba ngàn cân thì thật là người khỏe mạnh quá ! Thế thì sức cử nặng của người có thể so sánh với lực sĩ Ô Hoạch ngày trước, cũng có thể gọi người là Ô Hoạch được. Người như vậy lẽ gì phải lo lắng mình không chiến thắng. Chỉ có điều là dám làm hay không mà thôi. Đi chậm một chút, đi sau bậc đàn anh, như vậy được gọi là biết khiêm nhường. Đi nhanh cướp đường vượt lên trên bậc đàn anh gọi đó là không biết khiêm nhường. Đi chậm một chút đâu phải là không biết đi ? Tại ta không chịu làm mà thôi. Cái đạo của vua Nghiêu vua Thuấn chỉ ở chỗ hiếu và khiêm nhường mà thôi. Người mặc áo của Nghiêu nói những lời của Nghiêu, làm như Nghiêu làm thì người là Nghiêu rồi còn gì nữa. Nếu người mặc áo của Kiệt, nói những lời của Kiệt, làm những việc Kiệt làm thì người cũng thành Kiệt rồi còn gì nữa."

Tào Dao nói :

"Tôi sẽ đến yết kiến vua Trâu mượn ngài một chỗ, tĩnh nguyên ở lại để học thầy."

Mạnh Tử đáp :

"Đạo giống như con đường lớn lẽ nào khó nhận ra phải không ? Chỉ sợ người ta không tìm kiếm mà thôi. Người cứ trở về mà tìm kiếm đi. Bậc thầy trong thiên hạ nhiều lắm."

Câu hỏi của Tào Dao cũng chính là câu hỏi của bao người khác : "Người ta ai cũng có thể là vua Nghiêu vua Thuấn được chẳng ?" Lại một lần nữa Mạnh Tử khẳng

định quan điểm của mình. Sau đó Tào Dao hỏi về vấn đề thực tiễn để trở thành một bậc thánh hiền. Thế là Mạnh Tử trả lời với chúng ta : Việc đó chẳng có gì gọi là khó cả, mà chỉ sợ ta có dám làm và bắt đầu làm hay không mà thôi. Đạo của Nghiêu Thuấn chính là ở chỗ hiểu, nhưng mà thôi. Người ta thường cho là cái đạo của bậc thánh hiền chỉ là sự nghiệp của một số ít người. Đó thật là việc hiểu sai trái. Đương nhiên hiểu, nhưng chỉ là sự khởi đầu của đạo Nghiêu Thuấn. Câu đối thoại sau cùng rất sâu sắc : Chỉ cần cái tâm mình nhận ra thì điều gì chẳng học được.

Một lần khác, có một người nước Nhâm bên cạnh nước Trâu hỏi Ốc Lư Tử — học trò của Mạnh Tử rằng :

“Cái lễ và cái ăn, cái nào trọng hơn ?”

Ốc Lư Tử đáp :

“Lễ trọng hơn”.

Đối phương lại hỏi tiếp :

“Nếu theo cái lễ để kiếm sống thì sẽ chết đói. Nếu không theo cái lễ mà kiếm sống được — thế thì cũng phải theo cái lễ sao ? Hoặc nữa, nếu nhất thiết phải theo lễ nghĩa mà chẳng lấy được vợ, ngược lại chẳng cần lễ nghĩa mà lại lấy được vợ, thế thì phải chọn cách nào ?”

Ốc Lư Tử chẳng giải đáp được. Ngày hôm sau, ông tới đất Trâu đem chuyện đó thưa với Mạnh Tử. Mạnh Tử đáp :

“Việc đó có gì khó ? Nếu không suy đoán được sự cao thấp căn bản của mọi vật, thì có thể lấy một khúc gỗ dày một tấc đặt nó ở chỗ cao, có thể khiến nó cao hơn nóc căn

nhà lâu. Người ta cũng thường nói vàng nặng hơn lông vũ. Lẽ nào nói ba đồng tiền vàng nặng hơn một xe lớn lông vũ được. Nếu đem cái quan trọng nhất của ăn so với cái tiểu tiết của lễ thì lấy cái ăn là trọng chứ gì ? Lấy việc đại sự của hôn nhân so với cái tiểu tiết của lễ, vậy lấy hôn nhân là trọng chứ gì ? Người hãy trả lời với anh ta rằng : bẻ cánh tay của anh ruột cướp giết cái ăn thì mới được ăn, không cướp giết thì không được ăn, lẽ nào lại đi cướp giết ? Leo qua tường của nhà hàng xóm để bắt con gái thì sẽ được vợ. Không làm vậy thì không có vợ, lẽ nào lại đi leo tường ?”

Tuy Mạnh Tử luôn giữ nguyên tắc cách thức lễ và lợi ích nhưng không hề bảo thủ cố chấp, không thông đạt lý tình. Đó chính là cái đạo.

Lại một lần khác Trần Trăn — đệ tử của Mạnh Tử hỏi ông :

“Trước đây thầy ở nước Tề, vua Tề tặng thầy 100 dật vàng, thầy không nhận. Sau này đến nước Tống, vua Tống tặng thầy 70 dật thì thầy nhận. Ở nước Tiết, vua Tiết tặng thầy 50 dật, thầy cũng nhận. Nếu trước đây không nhận vàng bạc của nước Tề là đúng, có sao sau này thầy nhận lại chẳng sai ? Nếu sau nhận là đúng, lẽ nào không nhận trước đó lại là sai ? Trong hai điều đó, thầy nhất định phải có cái sai.”

Mạnh Tử trả lời :

“Tất cả đều đúng. Khi ta ở nước Tống, ta chuẩn bị đi xa, đối với người đi xa, mọi người thường tặng lễ vật làm lộ phí. Vua Tống nói rằng : Xin tặng chút lễ vật làm lộ phí, lẽ

nào ta chẳng nhận ? Khi ta ở nước Tiết, nói đường đi nguy hiểm cần phải đề phòng, vua Tiết nói rằng : Ta nghe nói người phải đề phòng lúc đi đường, có chút tiền tặng người để mua binh khí, lẽ nào ta không nhận ? Còn như trước ở nước Tề, ta chẳng có lý do gì đáng dùng đến tiền, chẳng có lý do dùng tiền mà lại đưa tặng ta tiền khác nào dùng tiền để mua ta. Người quân tử lẽ nào nhận món tiền của kẻ muốn mua chuộc mình”.

Không lâu vua Định Vương nước Đằng cách nước Tống về phía Nam không xa qua đời. Thái tử nói với Nhiên Hữu — thầy của ông rằng : “Trước đây ở nước Tống, ông Mạnh Tử và tôi đàm đạo với nhau rất nhiều, lòng tôi không bao giờ quên. Hôm nay chẳng may gặp lúc tang gia đại sự, tôi muốn nhờ ông đi hỏi Mạnh Tử giúp tôi, sau đó sẽ lo liệu việc tang chế.”

Nhiên Hữu bèn đến nước Trâu vào hỏi Mạnh Tử. Thái tử Đằng rất kính trọng Mạnh Tử. Nhớ lại buổi đầu Thái tử có việc đến nước Sở. Trên đường đến Sở phải qua nước Tống, nghe nói Mạnh Tử ở đó, bèn đến bái kiến ông. Mạnh Tử đã giảng giải cho Thái tử về tính thiện và hết lời ca ngợi nhân cách thánh hiền của Nghiêu Thuấn. Sau khi từ nước Sở trở về, Thái tử Đằng lại vào yết kiến Mạnh Tử. Mạnh Tử nói :

“Thái tử nghi ngờ lời nói của ta phải không ? Chân lý chỉ có một mà thôi. Thành Giăng nói với Tề Cảnh Công rằng : Ông ta là một đấng nam nhi, tôi cũng là đấng nam nhi, lẽ nào tôi lại sợ ông ta ? Nhan Uyên nói : Thuấn là người như thế nào, ta như thế nào ? Làm người thì cũng

giống nhau cả thôi. Công Minh Nghi nói : Văn Vương là thầy của ta, Chu Công cũng nên tin. Nước Đàng ngày nay, nếu lấy đất chỗ dài bù cho chỗ ngắn cho thành hình vuông vức thì mỗi chiều cũng chỉ dài gần 50 dặm mà thôi. Như vậy cũng chưa trở thành được nước lớn. Kinh Thi có nói rằng : Nếu thuốc chẳng làm cho kẻ uống chóng mất tối mày thì sẽ chẳng đủ sức khỏi bệnh." Thái tử được nghe những lời khích lệ này trong lòng rất phấn chấn. Vì vậy khi về nước, gặp lúc tang gia đại sự ông lập tức sai Nhiên Hữu đến hỏi ý kiến Mạnh Tử. Mạnh Tử nói :

"Thật phải lắm. Việc tang lễ của cha mẹ phải tận tâm tận lực. Trước đây Tăng Tử có dạy : Khi cha mẹ còn sống phải theo cái lễ mà phụng dưỡng, khi cha mẹ mất phải lấy cái lễ mà chôn cất tế lễ. Như vậy mới gọi là người con tận hiếu. Việc tế lễ của chư hầu, ta tuy không nghiên cứu nhưng cũng thường nghe rằng : "Tang lễ được để trong ba năm, mặc y phục báo hiếu bằng vải bố thô, không may lại, ăn cháo loãng, từ thiên tử đến người bình dân, trong ba đời Hạ, Chu, Thương đều làm như vậy."

Nhiên Hữu trở về nước báo cho Thái tử rõ, thế là Thái tử bèn quyết định để tang trong ba năm. Những người già cả trong họ cùng bá quan trong triều đều không đồng ý. Họ can rằng :

"Mấy triều đại vua trước của nước Lỗ là nước chính gốc của chúng ta chẳng hề làm như vậy. Nay đến thời Thái tử lại thay đổi cách làm của tổ tiên từ trước. Như vậy là việc chẳng nên. Hơn nữa, trong Tang lễ thư có viết : "Tang lễ, tế lễ nhất loạt phải theo quy định của tổ tiên. Đạo lý

chính là ở chỗ chúng ta kế thừa những truyền thống này.” Thái tử nói với Nhiên Hữu rằng : “Trước đây ta chẳng hề đề cao học vấn, chỉ thích cưỡi ngựa múa gươm. Nay ta phải chịu tang ba năm, ông già bà cả họ hàng cùng bá quan trong triều đều chẳng vừa ý với ta, e rằng tang lễ lần này chẳng đủ để ta hết lòng kết sức báo hiếu. Mong thầy thay tôi đi hỏi lại Mạnh Tử xem sao.”

Nhiên Hữu lại đến nước Trâu để hỏi Mạnh Tử. Mạnh Tử đáp :

“Ồ, việc đó phát xuất từ trong lòng mình, tự mình quyết định. Khổng Tử đã nói : Vua chúa mất, thái tử giao tất cả công việc chấp chính cho tướng quốc, bản thân mình húp cháo loãng, sắc mặt ủ rũ đau khổ đứng trước linh vị mà khóc lóc. Quan sứ lớn nhỏ chẳng ai dám chẳng bi thương. Bởi vì duyên cớ tự bản thân thái tử làm gương. Cái đức của người quân tử ví như gió, còn cái đức của kẻ tiểu nhân ví như cỏ. Gió thổi về hướng nào, cỏ dạt theo hướng đó. Việc này hoàn toàn do thái tử quyết định.”

Nhiên Hữu trở về báo lại với thái tử. Thái tử nói :

“Đúng, việc này hoàn toàn ta quyết định.” Thế là thái tử ra ở lều tang năm tháng, ngài chẳng ban bố bất kỳ mệnh lệnh và nghiêm lệnh nào. Quan sứ và vương thất đều khen ngợi thái tử là người biết lễ, dân chúng bốn phương kéo đến ngóng nhìn, những giọt nước mắt đau thương và nét mặt đau khổ của thái tử, mọi người trong đám tang đều cảm phục tôn kính.

Chương 8

NGƯỜI GIỮ GÌN CÁI ĐẠO CỦA BẠC THÁNH HIỀN

*"Ngã diệc dục chính nhân tâm, ức tà thuyết, cụ hành,
phóng dân từ, dĩ thừa tam thánh giả, khởi hảo biện
tài ? Dư bất đắc dĩ giả"*

*(Ta muốn sửa chính lòng người, chặn lại những tà
thuyết, cùng thời chẳng tốt, những lời dâm dăng.
Tiếp nối nghiệp của ba vị thánh. Ta chẳng ưa gì việc
tranh luận.)*

1. Trước hoàn cảnh khó khăn hiện thực

Sau khi Định Vương mất, thái tử lên ngôi. Vua có ý thi hành chính sách nhân đức, thế là ông ta mời Mạnh Tử đến nước Đằng. Quảng thời gian Mạnh Tử ở quê hoàn toàn yên tĩnh, an nhàn. Ngày ngày ông trao đổi bàn bạc với các môn đệ về học vấn và đạo lý. Hiện Đằng Văn Công có ý thi hành chính sách nhân đức, lại rất tôn kính Mạnh Tử, vả lại lộ trình đến nước Đằng không xa lắm, thế là Mạnh Tử lại một lần nữa cất bước lên đường.

Đến nước Đằng, Mạnh Tử được nghỉ ngơi tại phòng

khách rộng rãi thoáng mát. Vua Đàng dích thân đến tại phòng khách yết kiến Mạnh Tử và hỏi ông về cách thức thực thi đường lối chính trị.

Mạnh Tử đáp :

“Điều khẩn cấp nhất là đời sống của muôn dân; Kinh Thi có nói : Ban ngày thu cất cộ tranh, tối đến bện thành dây chèo, nhanh chóng tu sửa, lợp cất nhà cửa, theo mùa gieo trồng ngô lúa. Dân chúng có được những điều cơ bản này; người có những thu nhập sản nghiệp cố định thì sẽ có những hành vi chuẩn mực và quan niệm đạo đức hợp lý. Người chẳng có thu nhập sản nghiệp cố định thì sẽ chẳng có những hành vi chuẩn mực, chẳng có quan niệm đạo đức hợp lý. Nếu chẳng có hành vi chuẩn mực và quan niệm đạo đức hợp lý thì làm bậy nói cần vi phạm kỷ cương phép nước, việc gì họ cũng làm cả.

“Đợi đến lúc họ phạm tội đem ra xử xét trừng trị. Đó giống như giăng bẫy dân vậy. Là bậc nhân đức cầm quyền lẽ nào lại giăng bẫy mà hại muôn dân ? Do vậy một bậc hiền quân nhất định phải chăm chỉ làm việc, tiêu xài đúng mực, đối với kẻ bầy tôi luôn giữ đúng lễ, nhất là phải có chế độ nhất định về việc thu thuế đối với muôn dân. Ông Dương Hồ nói rằng : Muốn giàu có thì chẳng làm được điều nhân đức, muốn làm điều nhân đức thì chẳng giàu có được.

“Chế độ thu thuế của đời xưa như sau : Đời nhà Hạ, nhà có 50 mẫu đất thì phải nộp “cống”. Đời nhà Thương, nhà có 70 mẫu thì phải nộp thuế “trợ”, đến đời nhà Chu, nhà có 100 mẫu thì phải nộp thuế “triệt”. 3 thứ thuế tuy

tên gọi không giống nhau nhưng mức thu thuế đều giống nhau. Nghĩa là mười phần chỉ thu thuế một phần. “Triệt” có nghĩa là “Thông”. Bởi vì mức thuế mười phần thu một theo cách tính toán chung trong những trường hợp khác nhau. “Trợ” nghĩa là mượn giúp đỡ. Bởi vì cần phải trợ giúp đôi với người cày cấy ruộng đất công. Long Tử, một bậc hiền nhân đời xưa nói rằng : Cách thu thuế, nhẹ nhất là thuế “Trợ” nặng nhất là thuế “Cống”. Thuế “Cống” được định ra theo mức trung bình của nhiều năm, không cần biết năm được mùa hay năm mất mùa đều phải nộp một số nhất định như vậy. Gặp năm được mùa ở đâu lúa thóc cũng dư thừa, thu nhiều một chút cũng chẳng mang tiếng tàn bạo. Trái lại năm thu chẳng được nhiều, mùa màng thất bát lượng thu nhập của mỗi gia đình thậm chí chẳng đủ để chi phí cho việc cày cấy vụ sau thế mà vẫn bị thu thuế như những năm trước. Vua của một nước được gọi là cha mẹ của dân, lẽ nào lại khiến muôn dân suốt năm cực khổ làm lụng nhưng vẫn chẳng đủ để nuôi dưỡng cha mẹ. Họ phải đi vay mượn nặng lãi để đóng đủ thuế khóa. Cuối cùng khiến người già con trẻ trong cả gia đình bỏ xác nơi khe suối rừng sâu. Thế thì cái nghĩa là cha mẹ của dân để ở đâu ? Những kẻ làm quan to đều có thu nhập đất tô nhất định, con cháu đời đời được thừa hưởng, cách làm này nước Đàng đã thực thi từ lâu, nhưng vì sao muôn dân chẳng có ruộng đất nhất định. Trong Kinh Thi có nói : Nước mưa rơi xuống ruộng công. Sau đó lại rơi xuống ruộng tư. Chỉ có thuế “Trợ” mới có ruộng công. Từ đây có thể thấy đời Chu đã thực hiện thuế “Trợ” rồi.

Đời sống của nhân dân thấp kém, phải xây dựng :
Tường, Tự, Học, Hiệu để giáo dục cho họ... Tường nghĩa là :
giáo đường; Hiệu nghĩa là dạy bảo; Tự nghĩa là : Trưng bày.
Trưng bày những hiện vật để quan sát. Trường học nhà Hạ
gọi là Hiệu; Nhà Ân gọi là Tự; Nhà Chu gọi là Tường. Còn
trường đại học ba đời đều gọi là Học. Mục đích giáo dục của
nhà trường đều nói rõ cái đạo lý luân thường của con người.
Kể bề trên đều thực thi đạo lý nhân luân, muôn dân sẽ noi
theo, họ tự nhiên yêu quý lẫn nhau. Nếu có vua hiền khởi
xướng sau này nhất định sẽ noi theo. Như vậy ngài sẽ là
thầy của bậc vương giả.

“Trong Kinh Thi có viết : Nước Chu tuy là một quốc
gia già cỗi nhưng vận nước lại tràn trề khí tượng mới. Đó
chính là câu thơ ca ngợi Văn Vương. Nếu ngài tích cực thực
thi thì cũng có thể làm cho đất nước của ngài có khí tượng
mới.”

Nghi lại những lời lập luận của Mạnh Tử, thực ra là
việc phát huy cái “Vận” của đất nước mà trước tiên là phải
giải quyết cuộc sống hiện thực của nhân dân. Ông nêu rõ ba
chủ trương lớn :

Một là : Muôn dân phải có thu nhập sản nghiệp cố
định, mưu cầu sự bảo đảm cuộc sống căn bản.

Hai là : Áp dụng cách thức tính 10 phần thu 1, giảm
nhẹ gánh nặng tô thuế cho muôn dân.

Ba là : Khôi phục chế độ “tinh điền” (chia ruộng đất
ra từng nhóm theo chữ Tinh (#). Khu ngoài là Tư điền, khu
giữa là Công điền).

Cuộc sống sau khi được ổn định, Mạnh Tử mới nhấn mạnh đến việc giáo dục, đặc biệt là giáo hóa đạo đức luân lý.

Đôi với chế độ “Tinh điền” đó là chính sách đất đai được thi hành từ triều đại nhà Chu nhưng đến thời Chiến Quốc gặp phải sự phá hoại của vua quan các nước và giới quý tộc mới phát. Chúng đua nhau chiếm đoạt đất đai gây nên tình trạng rối loạn trong xã hội. Kết quả làm cho các vùng nông thôn càng thêm tiêu điều. Mạnh Tử lên án mạnh mẽ sự việc này, đòi khôi phục chế độ tinh điền.

Một hôm Đằng Văn Công đích thân sai một viên quan là Tắt Chuẩn đến hỏi Mạnh Tử về chế độ tinh điền.

Mạnh Tử nói :

“Vua Đằng có ý duy trì chính sách nhân đức, đặc biệt trọng dụng ngài. Ngài phải cố gắng làm. Thực thi chính sách nhân đức phải bắt đầu từ việc phân định ranh giới đất đai cho rõ ràng. Đất đai không được phân định rõ ràng những vùng lớn nhỏ của tinh điền chẳng được bằng nhau. Việc thu tô thuế đất đai để làm bổng lộc cũng chẳng công bằng hợp lý, cho nên những vua hung bạo và bọn quan tham nhất định sẽ làm rối loạn việc phân định ranh giới đất đai chuẩn mực. Nguyên nhân chính ở đó. Ranh giới đất đai chính xác thì việc quyết định phân chia ruộng đất cho dân và định ra bổng lộc của quan đều chẳng có gì hao tổn sức lực cả.

“Đất đai của nước Đằng nhỏ bé, nhưng cũng có đủ quan lại và muôn dân. Không có quan lại thì chẳng có người cai trị chân đất muôn dân, chẳng có muôn dân sẽ chẳng có

người làm ra của cái dê nuôi sống quan lại. Tôi kiến nghị : Đối với người lao động nơi thôn dã vua nên dùng “phép trợ” 9 phần hoa lợi thu một phần, đối với người lao động ở thị thành, vua nên dùng “phép cống” 10 phần hoa lợi thu 1 phần. Quan lại từ hạng “công khanh” trở xuống nhất định phải được cấp “khuê điền”, mỗi nhà 50 mẫu để lo việc tế lễ tổ tiên. Nếu nhà họ còn dư thừa lao động thì được cấp tiếp mỗi lao động 25 mẫu nữa. Bất luận việc chôn cất hoặc chuyển chỗ ở đều không được rời khỏi làng xóm đất đai của mình được cấp. Các nhà cùng chung khu đất “tinh điền” hàng ngày tối lửa tắt đèn phải yêu thương nhau, phòng ngừa trộm cướp, giúp đỡ lẫn nhau khi đau yếu bệnh tật. Như vậy muôn dân sẽ thương yêu hòa thuận với nhau. Cách làm như sau : mỗi mảnh đất vuông vức 1 dặm được chia ra gọi là 1 tỉnh. Mỗi tỉnh có 900 mẫu, 100 mẫu ở giữa là đất công, 800 mẫu bên ngoài được chia cho 8 gia đình gọi là đất tư. Cả 8 gia đình đều cùng nhau cày cấy trồng trọt đất công. Việc cày cấy trồng trọt đất công phải làm trước. Xong rồi mới làm đến đất tư của mỗi nhà. Đó chính là cách thức phân biệt quan lại và dân thường. Cách “tinh điền” đại thể như thế, việc làm cụ thể tỷ mỷ do vua và quan lại trong nước định liệu.”

Đây là chính sách cải cách đất đai của Mạnh Tử, bề ngoài xem ra có khuynh hướng phục cổ nhưng thực chất có nhiều đổi mới, có tính hiện thực cao, thể hiện rõ sự quan tâm của Mạnh Tử đối với vấn đề đời sống kinh tế của nhân dân. Đây không chỉ là sự hô hào về lý tưởng đạo đức. Chế độ “tinh điền” mà Mạnh Tử đề xuất là sự quy hoạch chính

thê khu xã nông thôn. Ngoài việc cứu vãn tình thế kinh tế nông thôn đang trong tình trạng suy sụp ra còn có thể đạt đến mục đích làm cho xã hội ổn định.

Lý luận trị nước mà Mạnh Tử đề xướng cố nhiên hợp lý, nhưng làm sao mà ứng phó được trước tình thế hiện thực đương thời ? Làm sao giải quyết được cục diện khó khăn của hiện thực ?

Đàng là nước nhỏ, kẹp giữa ba nước Tề, Sở, Tấn ngoại cạnh thật vô cùng khó khăn gian khổ. Gần đây nước Tề tăng cường quân đội phòng bị tại đất Tiệt lộ rõ ý đồ mở rộng thế lực về phía Nam. Đàng Văn Công vì thế cảm thấy chằng yên, có lần nói với Mạnh Tử về việc này.

"Người nước Tề chuẩn bị gia tăng quân sự tại đất Tiệt, ta thật lo lắng. Ngài bảo ta phải làm thế nào để chống lại ?"

Mạnh Tử đáp :

"Ngày trước vua Thái Vương còn ở đất Mâu, người Dịch ở phương bắc đến xâm lăng. Ngài bèn bỏ tránh đến Kỳ Sơn mà ở. Đó không phải vua Thái Vương tự nguyện chọn lựa mà là hoàn cảnh bắt buộc mà thôi. Nếu có một bậc quân tử thực thi chính sách nhân đức, ban thân ông ta dù chẳng thành công thì con cháu đời sau của ông ta nhất định sẽ trở thành đế vương. Người quân tử có đức sáng lập lên cơ nghiệp truyền lại cho con cháu là vì sự kế tục đời đời về sau. Còn như thành công hay không thành công đều là do mệnh trời cả. Ngài làm sao mà đối phó nổi với người nước Tề ? Chỉ cần nỗ lực thực thi chính sách nhân đức là được

rồi.”

Trước tình hình hiện thực, Mạnh Tử cũng chỉ biết than vãn rằng : “Mọi việc chẳng thoát mệnh trời định đoạt. Ta chẳng làm gì được ?”

Vấn đề vẫn chẳng có cách giải quyết. Chẳng bao lâu sau đó, Đằng Văn Công lại đến hỏi Mạnh Tử :

“Đằng là nước nhỏ nằm giữa hai nước Sở và Tề, ta nên theo Tề hay theo Sở ?”

Mạnh Tử đáp :

“Vấn đề này ngoài sức suy nghĩ tính toán của tôi. Nhưng nếu ngài muốn, chỉ có một cách là : Đào hào sâu, đắp lũy kiên cố cùng muôn dân ra sức gìn giữ, nếu muôn dân nguyện sống chết cùng ngài chiến đấu giữ gìn đất nước thì sẽ có thể được.”

Thực ra Mạnh Tử cũng hiểu rõ lý luận về việc thực thi chính sách nhân đức của ông cũng không thể ứng phó được với những vấn đề khó khăn trước mắt, chỉ có điều trong thế lựa chọn giữa “cái đạo” và “thế lực” mà thôi. Nhưng thế lực hiện thời khó có cách tránh khỏi. Đó cũng là một nhược điểm của chủ nghĩa lý tưởng trong quá trình hình thành chung của lịch sử : lực bất tòng tâm.

4. Ta há chỉ ưa tranh luận ?

Lúc đó có một tập đoàn du sĩ từ nước Sở tìm đến nước Đằng. Người cầm đầu tên là Hứa Hành (theo học thuyết Thần Nông ý đồ khởi xướng thuyết vua và dân cùng cày

trên một thửa ruộng). Hứa Hành vào yết kiến vua Văn Công và nói :

“Ta là kẻ từ phương xa đến, nghe nói ngài muốn thực thi chính sách nhân đức, ta đến xin một chỗ ở để làm dân của ngài.”

Đề Văn Công bèn cấp cho ông ta chỗ ở. Hứa Hành có mấy chục đệ tử hết thầy đều mặc áo vải thô. Họ sinh sống bằng nghề đan giày cỏ và dệt chiếu cỏ.

Có một học giả khác, nghe nói Đề Văn Công thực thi chính sách nhân đức cũng hăm hở tìm đến. Trong đó có Trần Tương môn đồ của Trần Lương và Trần Tân em trai Trần Tương; Hai anh em họ đem theo cả nông cụ từ nước Tống, vào yết kiến Văn Công, nói :

“Nghe nói ngài thực thi phép trị nước của các bậc thánh nhân đời trước, thế thì ngài cũng là bậc thánh rồi. Chúng tôi nguyện làm kẻ dân đen của bậc thánh.”

Sau này Trần Tương gặp Hứa Hành, hai người tỏ ra tâm đắc lắm. Trần Tương rất khâm phục học thuyết của Hứa Hành bèn bỏ hết những tư tưởng tín ngưỡng trước đây, sửa đổi lại và học hỏi Hứa Hành.

Có một hôm, Trần Tương vào yết kiến Mạnh Tử, nhân nói về Hứa Hành, Trần Tương nói :

“Vua nước Đề quả thực tài giỏi sáng suốt. Tuy vậy nhưng ngài vẫn chưa hiểu hết đạo lý. Bậc vua hiền nên cùng muôn dân cày ruộng, tự mình nấu nướng lấy mà ăn, ngoài ra phải làm việc vì cuộc sống của muôn dân. Nay nước Đề kho chất đầy lúa gạo, nhà chất đầy vàng bạc châu báu.

Như vậy là bắt muôn dân phải khổ để nuôi dưỡng mình, sao có thể gọi là Hiền Minh được ?”

Mạnh Tử đáp :

“Hứa Tử nhất định tự mình trồng lúa để có cơm ăn phải không ?”

“Đúng”. Trần Tương trả lời.

“Hứa Tử nhất định tự mình dệt vải để có áo mặc phải không ?”

“Không. Hứa Tử chỉ mặc áo vai thô thôi.”

“Hứa Tử có đội mũ không ?”

“Có đội.” Trần Tương trả lời.

Mạnh Tử lại hỏi :

“Đội mũ làm bằng gì ?”

“Mũ lụa trắng.”

“Người tự dệt lấy vải sao ?”

“Không. Dùng lúa để đổi.

Mạnh Tử lại hỏi :

“Vì sao Hứa Tử không tự dệt lấy vải làm mũ mà đội ?”

“Vì có hại đến sự cày cấy của mình.”

Mạnh Tử lại nói :

“Bản thân Hứa Tử tự tạo lấy nồi ấm phải không ?”

Trần Tương trả lời : “Không. Dùng lúa mà đổi lấy.”

Mạnh Tử bèn nói :

“Người dùng lúa gạo mà đòi lấy nôi và công cụ, sao không nói làm tổn hại đến người thợ rèn. Cũng như vậy, người thợ rèn dùng nôi và nông cụ đòi lấy lúa gạo lẽ nào lại làm tổn hại đến người nông phu ? Vì sao Hứa Tử chẳng tự mình rèn sắt đúc khuôn chế tạo các loại dụng cụ thể mà trong nhà đồ gì cũng có ? Vì sao Hứa Tử lấy cái này đòi cái kia với người thợ ? Vì sao Hứa Tử chẳng sợ phiền phức đến mình ?”

Trần Tương trả lời :

“Công việc của những người thợ chẳng thể cùng một lúc tiến hành cày cấy được ?”

Mạnh Tử nói :

“Thế thì lẽ nào việc trị lý đất nước lại cùng một lúc cày cấy được ư ? Do sự phân công hợp tác, có người làm quan, có người làm dân. Mỗi người cần có sự cung cầu vật chất của rất nhiều người. Nếu mỗi thứ đều cứ phải tự làm mới có thì thiên hạ phải chạy tứ tung mới có đủ đồ dùng. Cho nên ta có nói rằng : Có người lao động bằng trí óc, có người lao động bằng tay chân, người lao động trí óc là kẻ thống trị, người lao động chân tay là người bị thống trị, người bị thống trị nuôi dưỡng người khác, kẻ thống trị dựa vào người khác để sống. Đó là lẽ thường tình trong thiên hạ.”

Mạnh Tử nêu tiếp những ví dụ lịch sử của bậc hiền nhân trước đây để chứng minh tính không hợp lý của thuyết “vua dân cùng cày ruộng” của Hứa Hành. Thuở Nghiêu Thuấn, đất nước còn trong cảnh hoang phế sơ sài,

tai họa khắp nơi, trái đất mênh mông lúa nước, con người và công việc trồng trọt chưa phát triển. Hai ông ra sức dạy bao muôn dân làm ruộng, nuôi dưỡng thú vật, khiến cho dân an cư lạc nghiệp. Lại sai ông Khiết dạy dỗ muôn dân, giáo dục cho dân hiểu được "Ngũ luân" : Cha con yêu thương, vua tôi có nghĩa, vợ chồng có chỗ khác nhau, già trẻ có thứ bậc trên dưới, bạn bè tin nhau. Khiến muôn dân ngày càng văn minh tiến bộ hơn lên. Do vậy Mạnh Tử tổng kết lại rằng : "Nếu bậc thánh nhân lo cho dân như vậy thì cần gì cứ phải cùng dân cày ruộng mới được.

Trần Tương nói :

"Nếu theo học thuyết của Hứa Tử thì mọi giá hàng hóa trên thị trường đều giống nhau, không có chuyện nói dối nói lừa. Ngay đứa trẻ đi chợ mua bán cũng chẳng bị ai nói dối nói lừa. Vải vóc lụa là dài ngắn giá cả giống nhau, giày dép to nhỏ, tốt xấu giá cả cũng giống nhau."

Mạnh Tử đáp :

"Chất lượng các loại hàng hóa vốn chẳng giống nhau, đó là điều rất tự nhiên thôi. Giá cả của chúng hơn kém nhau gấp 5-10 lần, có thứ hơn kém hàng nghìn lần, vạn lần... Nếu người chẳng biết phân biệt tinh thô tốt xấu, coi chúng giống nhau tất cả thì người làm loạn thiên hạ đó. Giá tiền giày tốt và giày xấu đều giống nhau thì người thợ giày có còn làm nữa hay không ? Theo học thuyết của Hứa Tử là dẫn muôn dân đến chỗ sai trái — lẽ nào yên trị được nước nhà đây ?"

Học thuyết của Hứa Hành nhấn mạnh việc "Vua dân

cùng cày ruộng” ke thống trị bèn trên cùng phải tham gia lao động, như vậy mới là đồng cam cộng khổ cùng muôn dân, sống chết cùng muôn dân. Tập đoàn du sĩ của họ luôn nêu tấm gương của mình để mọi người noi theo. Có thể nói lòng họ tràn đầy niềm tin và tinh thần đổi mới để cứu đời.

Mạnh Tử lại lấy lập trường của nhà nho để nhấn mạnh đến việc thiết lập trật tự mối quan hệ giữa người và người trong xã hội sao cho hợp lý, phân ra để trị. Các nơi đều có quan cai trị đứng đầu. Do vậy Mạnh Tử nói : “Hoặc lao tâm, hoặc lao lực; Lao tâm giả trị nhân; Lao lực giả trị vu nhân, trị vu nhân giả thực nhân, trị nhân giả thực vu nhân, thiên hạ chi thông nghĩa dã.” Do vậy Mạnh Tử kiên quyết phản đối học thuyết của Hứa Hành “vua dân cùng cày ruộng.”

Về mặt chính sách kinh tế : Hứa Hành vận dụng hình thái kinh tế kế hoạch thống nhất giá cả, còn Mạnh Tử lại tán thành hệ thống kinh tế thị trường tự do.

Lúc này trong xã hội ngoài tư tưởng phái nhà nho còn có tư tưởng phái đạo gia, pháp gia, mặc gia, v.v... cũng xuất hiện và tồn tại. Các phái tranh cãi nhau quyết liệt. Họ không thừa nhận lẫn nhau. Đối với các nhà tư tưởng lớn như : Cáo Tử, Hứa Hành, Dương Tống, Mặc Trác, Tử Mặc... Mạnh Tử rất ít tranh luận phê bình.

Có một hôm các môn đồ hỏi Mạnh Tử về thuyết của Dương Tống, Mặc Tử và Tử Mặc. Mạnh Tử trả lời rằng :

“Dương Tống chú trọng đến mình, chỉ cần ông nhỏ một sợi lông mà cả thiên hạ được lợi thì ông cũng chẳng

chịu làm. Mặc Tử chú trọng kiếm ái (yêu thương tất cả mọi người) sẵn sàng làm tất cả vì lợi ích của thiên hạ. Tư Mạc chu trương trung đạo. Trung đạo có chủ trương tương đối tốt nhưng Trung đạo chẳng biết quyền biến, chẳng biết lấy sở đoản chống lại cái mạnh, khiến sự việc thông suốt, luôn cố chấp. Vì sao họ lại cố chấp như vậy ? Vì sự cố chấp mà làm hư hại đến cái đạo nhân nghĩa, lấy một bó mười."

Công Đồ Tử lại hỏi rằng :

"Mọi người đều nói thầy hay lý luận. Xin hỏi thầy là cứ làm sao ?"

Mạnh Tử trả lời :

"Ta đâu có lý luận gì ? Chẳng qua bị bắt buộc đó thôi. Sự phát triển của xã hội loài người từ buổi khai thiên lập địa đến nay hết loạn lại bình. Thuở vua Nghiêu đương trị vì, khắp nơi nước ngập mênh mông, mặt đất trở thành nơi ở của rắn, rồng muôn dân chẳng có chỗ yên thân, người ở nơi thấp phải làm tổ lên trên cây, người ở chỗ cao phải đào hang đào hố để lấy chỗ nương thân. Trong Kinh Thư có viết : "Hồng thủy cảnh cáo chúng ta." Vua Thuấn sai ông Vũ xuống trị thủy. Ông Vũ khai thông dòng nước khiến nước các sông đều chảy cả ra biển cả, cuốn cả lũ rắn rồng đến chỗ cỏ hoang bãi lầy. Nước theo các dòng sông mà chảy, tạo nên sông Trường Giang, sông Hoài, sông Hoàng, sông Hán Thủy ngày nay. Mỗi nguy hại đến con người đã bị quét sạch, những loài chim chóc, dã thú đều không còn nữa, muôn dân được yên ổn nơi ruộng rẫy.

Vua Nghiêu Thuấn sau khi mất, cái đạo của bậc thánh

nhân dân dần suy giảm, bỗng xuất hiện những tên vua tàn bạo. Chúng phá nhà cửa của dân để xây ao hồ, khiến muôn dân chẳng có chỗ yên thân. Chúng phá ruộng vườn của dân để làm vườn thú, khiến muôn dân thiếu ăn thiếu mặc. Những tà thuyết, những hành động bạo tàn dẫu dẫu cũng có, vườn thú ao hồ ngày càng nhiều thì dã thú ngày đến càng đông. Đến đời Trụ Thương thiên hạ lại đại loạn. Chu Công giúp sức cho Vũ Vương giết chết vua Trụ, lại chinh phạt nước Yên, 3 năm sau lại giết chết vua Yên, đuổi Phi Liêm ra tận ngoài biển mà giết đi. Tất cả 50 nước bị thiêu hủy, loài hổ, báo, tê, hươu, voi đều bị đuổi xa, muôn dân trong thiên hạ vô cùng phấn khởi. Kinh Thi còn chép lại rằng : Mười lược của Văn Vương thật sáng suốt. Công liệt của Vũ Vương thật vĩ đại : giúp đỡ chúng ta, khai hóa chúng ta đến mãi muôn đời, khiến chúng ta đều trở nên tốt đẹp.

“Đời ngày càng suy, đạo ngày càng nát, tà thuyết, bạo hành lại xuất hiện, có kẻ bề tôi lại giết hại vua của mình, có kẻ làm con lại đi sát hại cha mẹ. Đức Không Tử lấy làm buồn phiền lắm. Ngài viết ra cuốn kinh Xuân Thu. Kinh Xuân Thu ghi chép lại chức quyền của bậc thiên tử. Trong đó ngài nói : Người đời biết ta chính ở bộ kinh Xuân Thu này, họ trách móc ta cũng ở tập kinh Xuân Thu này.”

Từ đó đến nay bậc thánh vương chẳng xuất hiện nữa, các chư hầu chẳng biết lễ nghĩa. Bậc kẻ sĩ luận bàn cần quấy. Học thuyết của Dương Châu, Mặc Dịch lan tràn khắp nơi, thế là việc bàn luận trong thiên hạ không thuộc phái Dương Châu thì cũng thuộc phái Mặc Dịch. Phái họ Dương

chứ biết có mình : đó là quan niệm chẳng có vua tôi. Phải họ Mặc thương tất cả mọi người, chẳng có quan niệm cha con, thân sơ. Không vua, không cha đó là cảm thú mà thôi.

“Ông Công Minh Nghi từng nói : Bếp vua có thịt béo, trong tàu có ngựa to nhưng muôn dân héo mòn gầy guộc, người chết đói phơi đầy nội cỏ. Đó khác nào vua dân thù dữ về ăn thịt người ! Nếu chẳng ngăn chặn học thuyết của họ Dương, họ Mặc thì tư tưởng của đức Không Tử chẳng được sáng tỏ. Lấy tà thuyết đề mê hoặc muôn dân, ngăn cản con đường nhân nghĩa. Nhân nghĩa bị ngăn cản sẽ dẫn đến cạnh thú ăn thịt người, thậm chí con người sẽ ăn thịt lẫn nhau mà thôi. Ta vì lo lắng như vậy nên mới bênh vực cho cái đạo của bậc thánh hiền đời trước, phản đối học thuyết của Dương, Mặc, chỉ ra những lời sai trái, ngăn cản tà thuyết chẳng cho lưu hành, trong lòng nảy sinh ý tưởng sai trái sẽ có hại đến hành vi của mình, nếu chẳng hợp với hành vi chính đạo thì sẽ có hại đến sự nghiệp chính trị. Dù bậc thánh hiền sống lại cũng sẽ đồng ý với lời của ta.

“Trước đây ông Vũ trừ nạn hồng thủy, thiên hạ được hưởng thái bình, Châu Công chinh phạt giặc Địch, xua đuổi mãnh thú, muôn dân được yên ổn, đức Không Tử soạn xong kinh Xuân Thu bọn loạn thần tặc tử đều lo sợ. Kinh Thi có viết : “Đánh dẹp giặc Nhung, chẳng ai dám chống lại ta được.” Bọn người giống như Dương Chu, Mặc Dịch trên chẳng có vua, nhà chẳng có cha chính là bọn mà Chu Công trừng phạt. Ta cũng muốn lòng người ngay thẳng, tiêu diệt tà thuyết phản đối những hành vi thiên kiến, bác bỏ luận điệu hoang đường để kế thừa sự nghiệp của ba bậc thánh

đời xưa : Vũ, Châu Công và Không Tử, lẽ nào ta chỉ thích tranh luận suông ? Chẳng qua ta bị bắt buộc đó thôi. Dùng lời biện luận để phản bác lại những học thuyết của họ Dương họ Mặc đó cũng là môn đồ của bậc thánh nhân.

Trên vũ trường chính trị nếu chỉ dùng lý tưởng không thôi qua thực rất khó. Điều này qua thực tiễn. Mạnh Tử dần dần thấu hiểu, có lúc ông tỏ ra thất vọng nhưng trong lòng ông vẫn cuộn dâng một tình cảm kiên quyết bảo vệ cái đạo của mình. Thế giới đại loạn, đạo đức suy vi, tà thuyết lừa dân. Đây là lời than vãn bật ra từ sự lo lắng trước những nguy cơ hiện thực chứa chất trong lòng Mạnh Tử. Trước các chư hầu và muôn dân Mạnh Tử vẫn ôm ấp duy trì và mơ ra nền văn minh của bậc thánh hiền. Ông tự nhận mình là môn đồ của thánh hiền, tranh luận bảo vệ truyền thống đạo lý phản bác học thuyết của họ Dương họ Mặc.

3. Quảng đời phiêu bạt

Quảng thời gian sống trên đất Đằng, tuy Đằng Văn Công đối xử với Mạnh Tử rất chu đáo, cung kính, nhưng khó khăn thực tiễn liên tiếp ập đến khiến Mạnh Tử cảm thấy bất lực mệt mỏi. Do đó ông cất bước lên đường trở về quê hương.

Những ngày sống yên tĩnh thanh thản tại quê hương, từ đáy lòng Mạnh Tử luôn nghĩ : “Sẽ chẳng bao giờ rời khỏi quê hương xứ sở nữa.” Tuy vậy cuộc sống vẫn thường xảy ra những việc ngoài ý muốn con người. Tin từ nước Lỗ truyền

đến, vua Lỗ định giao quyền chấp chính cho Nhạc Chính Tư. Nghe tin này Mạnh Tư mừng ra mặt. Công Tôn Sửu ơ bên bên hỏi Mạnh Tư :

“Kha năng của Nhạc Chính Tư rất lớn phai không ?”

“Không.” Mạnh Tư đáp.

“Nhạc Chính Tư túc trí đa mưu chẳng ?”

“Không.”

“Hiếu nhiều biết rộng chẳng ?”

“Cũng không.”

Công Tôn Sửu chẳng hiếu bên hỏi tiếp :

“Thế thì vì sao sau khi biết tin Nhạc Chính Tư lên ngôi, thầy lại vui mừng đến quên ngủ ?”

Mạnh Tư đáp :

“Ông ta là người yêu thích điều thiện.”

“Chỉ yêu thích điều thiện là đủ sao ?”

“Yêu thích điều thiện là có thể đủ sức cai trị thiên hạ được. Huống chi chỉ có mỗi nước Lỗ thôi. Nếu nhà cầm quyền thích nghe những điều thiện, thích làm những việc thiện, thế thì người trong thiên hạ từ khắp mọi nơi sẽ kéo đến để nói với ông ta những điều thiện việc thiện. Nếu nhà cầm quyền chẳng thích nghe điều thiện, chẳng thích làm việc thiện thì mọi người sẽ bắt chước ông ta mà nói : Ái chà chà. Ta đã biết lâu rồi. Về mặt giọng nói ái chà chà này sẽ ngăn cản mọi người từ khắp mọi nơi đến với mình. Những kẻ sĩ bị ngăn cản chẳng đến được, lúc đó bọn tiểu nhân nịnh hót bợ đỡ sẽ đua nhau tới. Nhà cầm quyền mà kéo bè

kéo cánh với lũ tiểu nhân nịnh hót thì làm sao mà trị lý được nước nhà ?” Lúc đó bên cạnh lại có một đệ tử khác tên là Hạo Sinh Bất Hại bèn hỏi Mạnh Tử :

“Nhạc Chính Tử là người thế nào ?”

Mạnh Tử đáp :

“Là một người có lòng thiện và tin người.”

Hạo Sinh Bất Hại lại hỏi :

“Thế nào là thiện ? Thế nào là tin ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Mọi người đều thấy họ đáng yêu mà không đáng ghét thì gọi là **Thiện**. Cái thiện này thực sự có ở ngay trong bản thân họ thì gọi là **Tín**. Cuộc sống hàng ngày tràn đầy lòng thiện thì gọi là **Mỹ**. Không những có đủ mà còn biểu hiện ra bên ngoài rục rờ thì gọi là **Đại**. Vừa biểu hiện rục rờ được ra bên ngoài, vừa có thể giáo hóa được vạn vật thì gọi là **Thánh**. Đức thánh đạt đến mức thần diệu thì gọi là **Thần**.

Nhạc Chính Tử thuộc giữa 2 mức đầu : Thiện và Tín. Còn 4 mức sau : Mỹ, Đại, Thánh, Thần người chưa đạt tới.”

Khi Nhạc Chính Tử lên ngôi chấp chính, ông cho người đến mời Mạnh Tử đến nước Lỗ. Mạnh Tử nhận lời ngay, nhưng cũng giống mấy lần trước đây, chẳng hy vọng sẽ được vua trọng dụng. Nhưng dầu sao trong tấm lòng nguội lạnh của ông vừa bùng lên không khí náo nhiệt của nền văn hóa tại kinh đô nước Lỗ.

Không trực tiếp cai trị nhưng lại là người quyết định

vạch lối chỉ đường. Đó là đặc trưng của giới kẻ sĩ thời Chiến Quốc, nhất là các lãnh tụ nhóm kẻ sĩ có tiếng tăm như Mạnh Tử. Lời nói quyền uy của ông đối với nhà cầm quyền có tác dụng rất lớn, ngay cả các nước chư hầu cũng đều tôn kính ông.

Khi Mạnh Tử đến nước Lỗ, đúng lúc vua Lỗ định cử Thạm Tử làm tướng quốc. Mạnh Tử đã nói rõ quan điểm của mình trước vấn đề này rằng :

“Trước chẳng giáo huấn dân, xô đuổi họ đi đánh nhau giành lợi. Đó gọi là đem tai ương đến cho dân đó. Kẻ đem tai ương đến cho dân thì làm sao hợp được với lòng vua Nghiêu Thuấn. Loại người này sẽ làm hại nước Lỗ ngay trong nay mai nói chỉ đến việc thu phục thiên hạ ?”

Thạm Tử nghe xong lấy làm vui mừng và nói :

“Điều này ta chẳng nghĩ đến.”

Mạnh Tử nói :

“Ta đã nói rõ cho người biết rồi. Đất đai trong thiên hạ dọc ngang ngàn dặm, một nước nếu không có đủ một trăm dặm thì không thể thống trị các chư hầu được. Đất của các chư hầu dọc ngang trăm dặm, nếu chẳng đủ trăm dặm đất thì nước đó không đủ để bá lạy theo lễ nghĩa của tổ tiên truyền lại. Chu Công làm vua nước Tấn đất đai ngang dọc hàng trăm dặm, không phải là thiếu đất đai, nhưng thực tế thiếu 100 dặm. Thái Công làm vua nước Tề, đất đai ngang dọc cả trăm dặm, không phải không đủ đất dùng, nhưng thực tế vẫn thiếu 100 dặm. Nay đất của nước Lỗ gấp 5 lần trước, vuông vức hàng trăm dặm. Nếu ngài làm

một ông vua minh, chư thánh, nước Lỗ làm sao bị tiêu diệt bởi các nước khác được ? Mà còn có thể mở mang thêm các chư hầu khác nữa. Không dùng binh lực khiến các nước khác tự đến với mình, người nhân đức như ngài sao lại chẳng làm, cố chi lại đi giết người để giành giật đất đai ? Bậc quân tử phụng sự đức vua chỉ ở chỗ hết lòng hết sức khuyên đức vua đi vào con đường chính có cái chí với nhân đức mà thôi.”

Lúc đó, Lỗ Bình Công nghe nói Mạnh Tử đã đến nước Lỗ, vua chuẩn bị đến gặp ông, vừa ra khỏi cửa bỗng có viên quan thân cận tên là Tang Thương hỏi vua rằng :

“Hàng ngày vua ra khỏi cửa, đều báo cho các quan chức các địa phương nơi ngài đến biết trước. Nay xe đã chuẩn bị sẵn sàng thế mà kẻ quan chức vẫn chẳng biết ngài định đi đâu ? Vậy thần xin dám hỏi bệ hạ việc này ?”

Bình Công đáp :

“Ta định đến gặp Mạnh Tử.”

Tang Thương nói :

“Bệ hạ chẳng tôn trọng danh giá của mình, sao lại đến thăm trước một kẻ bình thường vậy ? Bệ hạ cho rằng Mạnh Tử là bậc hiền đức phải không ? Hành vi của kẻ hiền đức phải hợp với lễ nghĩa, còn Mạnh Tử ngày trước làm lễ mai táng cho cha kém phần long trọng so với làm lễ mai táng cho mẹ sau này, như vậy có xứng là bậc hiền đức ? Bệ hạ chẳng phải đến thăm ông ta vậy ?

Bình Công đáp : “Thôi được.”

Về sau Nhạc Chính Tử biết được việc đó bèn đến gặp Bình Công và nói :

“Vì sao ngài chẳng đến thăm Mạnh Tử ?”

Bình Công nói :

“Có người nói với ta rằng Mạnh Tử trước kia làm lễ mai táng cha kém phần long trọng hơn làm lễ mai táng cho mẹ sau này. Do đó ta chẳng đến thăm ông ta nữa.”

Nhạc Chính Tử nói :

“Ngài cho rằng Mạnh Tử phạm lễ ở chỗ nào ? Phải chăng ông làm tang cha theo lễ của kẻ sĩ, làm tang mẹ theo lễ của quan đại phu ? Hay là vì ông tế cha bằng 3 vật phẩm, tế mẹ bằng 5 vật phẩm ?”

Bình Công nói :

“Không phải ! Ta muốn nói tới việc ông ta dùng quan quách, y phục, vật liệu tẩm liệm tốt xấu kia.”

Nhạc Chính Tử nói :

“Đó không thể gọi là Mạnh Tử phạm lễ, mà chỉ là sự giàu nghèo sau trước khác nhau thôi.”

Nhạc Chính Tử đến gặp Mạnh Tử và thưa rằng :

“Ta vừa nói chuyện cùng đức vua, ngài vốn có ý đến thăm ông, nhưng có kẻ sủng ái là Tang Thương cản ngài, do vậy ngài mới không tới.”

Nghe xong, Mạnh Tử điềm nhiên trả lời :

“Người ta làm việc gì đều có động lực thúc nhất định, họ chẳng làm thì cũng có động lực cản trở nhất định. Làm và không làm không chỉ đơn thuần dựa vào sức người

là được. Ta không được vinh hạnh gặp gỡ vua Lỗ đó là do mệnh trời vậy, Tang Thương đâu có thể ngăn cản nổi ta gặp được đức vua ?”

Ở đây Mạnh Tử nghĩ đến lời dạy của đức Khổng Tử ngày trước : Đạo được thực thi cũng tại mệnh trời. Đạo bị phế truất cũng tại mệnh trời. Tất cả mọi người, mọi việc đều tuân theo mệnh trời cả, phải có nguyên tắc và lý tưởng kiên định, xã hội bao la, ta biết về đâu ?” Nhưng có thành công hay không việc đó phụ thuộc rất nhiều các yếu tố chủ quan khác nữa. Yếu tố chủ quan đó Mạnh Tử gọi là : Mệnh Trời.

Chu du đến nước Lỗ, năm đó Mạnh Tử cũng đã gần 70 tuổi rồi. Khổng Tử nói : “70 tuổi cái lực chẳng còn tuân theo cái tâm nữa.” Đó chính là giới hạn trí tuệ của một con người trần thế. Mạnh Tử tuy tính tình sôi nổi, nhưng đến lúc này ông đã dần trầm tĩnh lại rất nhiều. Những lời trách móc giống như Tang Thương đối với ông chẳng khiến ông cảm thấy bận tâm nữa.

Chương 9

TRỞ VỀ VỚI THƯỜNG NGÀY

*“Quân tử hữu tam lạc, nhi vương thiên hạ bất dự tín
yên”*

*(Người quân tử có 3 điều vui, làm vua thiên hạ không
phải nằm trong cái vui ấy.)*

Mạnh Tử.

1. Đón nhận bó đuốc

Sau khi từ nước Lỗ trở về, Mạnh Tử bỏ hẳn ý đồ ra làm quan, chuyên tâm lo việc dạy học truyền đạo. Ngày ngày sớm tối luận đàm cùng các môn sinh, người lấy đó làm mãn ý lắm rồi. Nhìn lại chặng đường từng trải hơn 10 năm qua, thảnh thoảnh cũng không tránh khỏi lộ rõ sự buồn rầu trên nét mặt. Cuộc đời giống như một màn kịch của lịch sử. Sự rực rỡ và niềm sung sướng đều nhanh chóng mất đi, ngoảnh đầu lại chỉ thấy màn đêm yên tĩnh bao phủ...

Buổi hoàng hôn, Mạnh Tử dạo chơi cùng mấy đệ tử. Nhìn cảnh chiều tà, ông cảm động mà nói rằng :

“Lời nói nhân đức không ảnh hưởng sâu sắc đến mọi người bằng danh tiếng nhân đức. Chính sách cai trị thiện

đức không thu phục được lòng dân bằng việc giáo dục thiện đức. Chính sách cai trị thiện đức muôn dân đều sợ cả, giáo dục thiện đức muôn dân đều yêu thích. Chính sách cai trị thiện đức muôn dân đều được giàu có, giáo dục thiện đức muôn dân được sự hiểu biết.”

Giáo dục quan hệ tới tâm hồn con người, khi tâm hồn người ta trong sạch thanh thản thì người ta mới ấp ủ những ước mơ tốt đẹp.

Sau hơn 10 năm phiêu bạt đó đây, Mạnh Tử nhận ra sự hư ảo của con đường chính trị và niềm vui tự đắc tâm thường. Ông nói với các môn sinh rằng :

“Người quân tử có ba điều vui, làm vua thiên hạ không phải nằm trong cái vui ấy. Cha mẹ còn khỏe mạnh, anh em bình an vô sự, đó là điều vui thứ nhất. Ngẩng đầu chẳng thẹn với trời, cúi đầu chẳng thẹn với đất, đó là điều vui thứ hai. Được dạy dỗ bậc nhân tài của thiên hạ, là điều vui thứ ba. Người quân tử có 3 điều vui nhưng cái vui làm vua thiên hạ không thuộc ở đây.”

Khi giáo dục nhân tài, Mạnh Tử nêu ra 5 cách thức :

“Cách giáo dục của người quân tử có 5 cách như sau : Có cách giống như mưa cấp thời tưới khắp cả vạn vật; Có cách dạy cho họ tu dưỡng về đức hạnh phẩm tiết; Có cách gợi mở cho họ phát huy tài năng sẵn có; Có cách giải đáp câu hỏi để họ hiểu được đạo lý. Còn có cách như gió thổi qua để họ về sau có thể tự tu tự học cho mình. Đây là 5 cách dạy dỗ của bậc quân tử đối với đời.”

Những năm cuối đời, Mạnh Tử say mê với công việc

dạy học, bởi vì ở đây người thầy được nhiều điều có ích. Ngoài cách dạy dỗ việc học tập cũng phải có trình tự và phương pháp riêng của nó.

Mạnh Tử nói :

“Người Nghề dạy bán cung nhất định phải kéo cung cho thẳng, người học cũng phải kéo cung cho thẳng. Người thợ mộc truyền nghề cho học trò nhất định phải dựa vào cái thước cái mực, người học trò cũng phải dựa vào cái thước cái mực ấy.

“Trước khi học trò tự mình làm việc được, họ phải chuyên tâm tiếp thụ những điều dạy bảo của thầy; Họ không thể hiểu : Cao, rộng, vượt... khi không có người giảng giải, những điều căn bản nhất mỗi người học đều phải có khi ra làm. Qua giai đoạn nắm điều căn bản người không được tự mãn cho rằng thế là đủ mà phải có sự sáng tạo đột phá mạnh mẽ mới khá được.”

Mạnh Tử nói tiếp :

“Người thợ mộc và người thợ đóng xe chỉ có thể dạy người ta cái chuẩn mực quy tắc thước đo chứ không thể dạy người ta những trình độ cao siêu tuyệt diệu.”

Kỹ xảo đạt đến trình độ cao siêu tuyệt diệu chỉ có thể dựa vào sự tìm tòi và sáng tạo của chính bản thân người học.

Một lần khác, Công Tôn Sửu — học trò của Mạnh Tử hỏi Mạnh Tử rằng :

“Người quân tử vì sao chẳng tự mình dạy con cái ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Là vì tình thế chẳng tiện cho họ làm vậy. Giáo dục phải dùng đạo lý chân chính, không dùng đạo lý chân chính thì chẳng có hiệu quả giáo dục và có thể có những lời trách móc bực tức. Bực tức sẽ có hại đến tình cảm cha con, kẻ làm con sẽ trách thăm rằng : Cha chuyên lấy đạo lý của ông vua, mũ quan để giáo huấn. Trong khi đó thì bản thân cha chẳng làm được như vậy. Và như thế sẽ phương hại tình cảm giữa cha con với nhau. Tình cảm giữa cha con với nhau bị phương hại thật chẳng tốt gì. Do đó người đời xưa đối con cho nhau để dạy, như vậy khiến cha con với nhau không vì cầu thiện mà trách móc nhau. Vì trách móc nhau mà cha con cách biệt thân tình, chẳng có việc nào xấu hơn vậy trong thế gian này.”

Lại một lần khác, Công Tôn Sửu cảm thấy trình độ của thầy mình thực rất cao siêu, người đời không dễ ai sánh kịp với người, do đó trong khi nói chuyện, Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử rằng :

“Cái đạo của thầy thật cao, thật đẹp giống như đi ở trên trời không thể ai làm nổi ? Vì sao không khiến nó trở thành điều có thể làm được, để chúng ta ngày nay cố gắng học tập nhỉ ?”

Mạnh Tử nói :

“Người thầy không thể vì học trò dốt nát mà sửa đổi hoặc vứt bỏ đi cách thức của cái thước cái quy. Người Nghề không thể vì kẻ bán tồi mà thay đổi chuẩn mực bán cung. Cũng như vậy, người quân tử dạy người giống như người

dạy bắn cung, gương thẳng cung lên nhưng chẳng hề bắn tên đi, nhưng tư-thế bắn vốn đã rất sinh động sôi nổi. Cho nên người quân tử dạy người phải đứng ở giữa, có nguyên tắc rõ ràng, người có khả năng cứ theo đó mà học.”

Khổng Tử chủ trương : “Hữu giáo vô loại” nhưng Mạnh Tử lại hạn chế bớt điều kiện so với Khổng Tử. Có một lần em trai vua nước Đằng là Đằng Canh tìm đến Mạnh Tử xin học. Mạnh Tử bèn từ chối; Công Tôn Sửu chẳng hiểu việc đó, bèn hỏi Mạnh Tử :

“Lúc Đằng Canh đến cửa nhà thầy, thầy cũng nên lấy lễ mà đối đãi với ông ta, nhưng tại sao thầy lại không trả lời câu hỏi của ông ta vậy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Phàm những người ý mình là tôn quý mà hỏi ta, ý mình là tài đức mà hỏi ta, ý mình lớn tuổi mà hỏi ta, ý mình có công lao mà hỏi ta, hoặc ý mình là bạn giao tình mà hỏi ta, thì ta chẳng bao giờ trả lời. Trong năm điều đó Đằng Canh đã phạm hai điều.”

Mạnh Tử lại nói :

“Có nhiều cách giáo dục khác nhau, ta không dạy họ đó cũng là một cách dạy.”

“Không dạy” cũng là một cách dạy. Cách dạy này cảnh tỉnh người học trước tiên phải có lòng khiêm tốn và thành ý tôn trọng tri thức.

Mạnh Tử quan sát rất kỹ lưỡng những người đến học. Ông nói :

Mạnh Tử trả lời :

“Là vì tình thế chẳng tiện cho họ làm vậy. Giáo dục phải dùng đạo lý chân chính, không dùng đạo lý chân chính thì chẳng có hiệu quả giáo dục và có thể có những lời trách móc bực tức. Bực tức sẽ có hại đến tình cảm cha con, kể làm con sẽ trách thăm rằng : Cha chuyên lấy đạo lý của ông vua, mũ quan để giáo huấn. Trong khi đó thì bản thân cha chẳng làm được như vậy. Và như thế sẽ phương hại tình cảm giữa cha con với nhau. Tình cảm giữa cha con với nhau bị phương hại thật chẳng tốt gì. Do đó người đời xưa đối con cho nhau để dạy, như vậy khiến cha con với nhau không vì cầu thiện mà trách móc nhau. Vì trách móc nhau mà cha con cách biệt thân tình, chẳng có việc nào xấu hơn vậy trong thế gian này.”

Lại một lần khác, Công Tôn Sửu cảm thấy trình độ của thầy mình thực rất cao siêu, người đời không dễ ai sánh kịp với người, do đó trong khi nói chuyện, Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử rằng :

“Cái đạo của thầy thật cao, thật đẹp giống như đi ở trên trời không thể ai làm nổi ? Vì sao không khiến nó trở thành điều có thể làm được, để chúng ta ngày nay cố gắng học tập nhỉ ?”

Mạnh Tử nói :

“Người thầy không thể vì học trò dốt nát mà sửa đổi hoặc vứt bỏ đi cách thức của cái thước cái quy. Người Nghê không thể vì kẻ bán tồi mà thay đổi chuẩn mực bán cung. Cũng như vậy, người quân tử dạy người giống như người

“Quan sát một người không có nơi nào tốt hơn quan sát ở mắt họ. Bởi vì đôi mắt không thể che giấu được ý đồ trong lòng. Người chính trực thì đôi mắt trong sáng, người có lòng gian tà thì đôi mắt mờ ám, tối tăm. Nghe một người nói, chú ý quan sát đôi mắt của anh ta, có thể biết được lòng anh ta đang suy nghĩ gì.”

Trong hoạt động giáo dục thực tế, Mạnh Tử nhấn mạnh đến tinh thần hoài nghi phê phán, nhất là trong việc nghiên cứu lịch sử. Mạnh Tử nói với học trò của mình rằng :

“Nếu ta hoàn toàn tin tưởng sự ghi chép trên sách vở mà chẳng chịu động não suy nghĩ và phán đoán thì thà đừng có sách còn tốt hơn. Đối với sách Chu Vũ ta chỉ dùng được vài ba chương mà thôi. Kẻ nhân đức là vô địch trong thiên hạ, người nhân đức như Chu Vũ Vương lại đến “Thảo phạt” kẻ bất nhân như vua Trụ, gây nên cảnh chiến tranh máu chảy nhà tan như vậy ?”

Giảng giải đến đây, bầu trời bỗng tối sầm lại, mặt trời đã khuất sau dãy núi phía Tây xa xôi. Mạnh Tử cùng các môn sinh từ từ trở về nhà. Gió đêm thổi tới, mọi người đều cảm thấy thoải mái, tinh táo trong lòng.

Giống như mưa ào ào trút xuống tưới lên vạn vật thế gian. Đó chính là hình ảnh lý tưởng, sự răn dạy của người thầy lý tưởng đối với học sinh.

2. Tưởng nhớ gương bậc thánh hiền

Trong gian nhà nhỏ tại quê hương, Mạnh Tử cùng

mấy học trò ngồi trên một chiếc chiếu bàn luận về những bậc thánh hiền ngày trước. Đó là vào một buổi sáng tháng 5, ánh nắng mặt trời rọi qua khe lá chiếu thẳng vào căn phòng làm không khí ở đây dễ chịu hẳn lên, tất cả báo hiệu sự bắt đầu của một ngày thoải mái dễ chịu.

Vạn Chương hơi vươn mình về phía trước hỏi về cách nhìn nhận đối với con người từ buổi đầu khai thiên lập địa.

Mạnh Tử tuy không trực tiếp trả lời, nhưng ông lại nêu một vấn đề mà gần đây mọi người hay nói đến, đó là người ta kết bạn với nhau như thế nào ? Mạnh Tử nói :

“Người ưu tú nhất của làng này thì nên kết bạn với người ưu tú nhất của làng kia. Người ưu tú nhất của nước này nên kết bạn với người ưu tú nhất của nước kia. Người ưu tú trong thiên hạ kết bạn với người ưu tú trong thiên hạ.

“Nếu đã làm bạn với người ưu tú nhất trong thiên hạ nên xem đó là chưa đủ mà hãy đối thoại cùng các người hiền đời xưa... ngâm nga câu thơ ngày trước, nghiền cứu những sáng tác của họ chẳng phải là để tìm hiểu cuộc sống sự nghiệp của người đời xưa sao ? Do vậy chúng ta nên nghiền cứu thảo luận thời đại của họ. Đó chính là thâm nhập lịch sử và làm bạn với bậc thánh hiền đã qua.”

Cách nhìn nhận về “nhân sinh” từ thừa khai sơn lập địa ngoài việc làm bạn với bậc anh hùng hào kiệt ra còn phải tìm hiểu về họ, thảo luận về họ. Lúc tuổi già Mạnh Tử đã hiểu được ý nghĩa của những truyền thống văn hóa lâu đời, đặc biệt là hình ảnh bậc thánh hiền ngày trước. Hình ảnh đó ngày càng hiện lên sinh động, thân thiết trong lòng

ông.

Mạnh Tử lại nói tiếp :

“Bậc Thánh hiền làm thầy hằng trăm đời, giống như ông Bá Di và Liễu Hạ Huệ đó. Nghe đến đức độ của ông Bá Di kẻ tham lam đáng ghét cũng trở nên thanh liêm lại. Kẻ nhu nhược cũng trở nên can đảm hơn lên. Nghe đến đức độ của ông Liễu Hạ Huệ, kẻ cay nghiệt cũng trở nên thành thật, người hẹp hòi vị kỷ cũng trở nên rộng lượng vị tha. Hàng trăm đời sau, nghe đến đức độ của hai vị ai ai cũng cảm thấy phấn chấn hẳn lên. Nếu không phải là bậc thánh làm sao lại được như vậy ? Trăm năm sau còn như vậy hướng hồ chi những người được chính ngài tự giáo dưỡng.”

Vạn Chương nghe xong, bèn tiếp tục yêu cầu Mạnh Tử giảng tiếp về sự tích Bá Di và Liễu Hạ Huệ. Đôi mắt Mạnh Tử sáng rực hẳn lên, hình như ông nhìn thấy bậc thánh hiền ngày trước đang đứng trước mặt. Thế là ông chậm rãi giảng giải :

“Ông Bá Di mắt chẳng nhìn những việc không chính đáng, tai chẳng nghe những chuyện chẳng hay, không phải một ông vua lý tưởng thì ông chẳng phụng sự, chẳng phải người dân ngay, ông không sai khiến. Thiên hạ thái bình thì ra phụng sự, thiên hạ loạn lạc thì lui về ở ẩn. Nơi nào chính trị bạo tàn, dân chúng căm quấy thì ông chẳng chịu ở. Ông cho rằng : tiếp xúc với một kẻ thô lỗ trong làng giống như mình mặc áo lễ, đội mũ lễ mà đứng trước đồng bùn đọng than vậy. Thời vua Trụ, ông đến tận bờ biển phía bắc ở ẩn, đợi thiên hạ thanh bình. Cho nên nói đến đức độ của

Bá Di ở đời, kẻ tham lam cũng trở nên liêm khiết, kẻ nhu nhược yếu đuối cũng trở nên can đảm vững mạnh hơn lên.

“Đối với ông Y Doãn — Mạnh Tử nói — Vua nào ông cũng phụng sự, dân nào ông cũng sai khiến. Thiên hạ thái bình ông ra làm quan, thiên hạ hỗn loạn ông cũng ra làm quan. Ông ta nói rằng : Trời sinh ra muôn dân, chính là để người biết dạy người không biết, người trước biết làm cho người sau cũng biết. Ta là người biết trước so với muôn dân, ta có trách nhiệm dạy dỗ họ. Ông nghĩ : Nuôi sống một người trong thiên hạ chỉ cần có một người đàn ông hoặc một người đàn bà. Họ lại chẳng được gội rửa ân đức của Nghiêu Thuấn thì cũng như tự đẩy họ xuống vực sâu. Họ là người có trách nhiệm gánh vác thiên hạ nặng nề như thế đó.

“Liêu Hạ Huệ chẳng lấy việc mình phải phụng sự một ông vua ô trọc làm xấu hổ. Chẳng hề chê phải nhậm chức quan nhỏ. Trước triều đình bá quan ông chẳng hề giấu giếm tài năng của mình, ông luôn theo nguyên tắc của mình mà hành sự. Khi bị phê truất ông chẳng bao giờ oán hận, lúc khốn cùng cũng chẳng lo âu. Với những kẻ thô lỗ trong làng ông luôn vui vẻ thoải mái, chẳng bao giờ bỏ họ mà đi. Cách nhìn của ông là : Người là người, ta là ta, dầu người có mình trần chân đất đứng ngay bên ta cũng làm sao bôi bẩn được ta. Do vậy nghe đến đức độ của Liêu Hạ Huệ người có lòng nhỏ hẹp vị kỷ cũng trở nên khoan dung vị tha, kẻ cay nghiệt cũng trở nên chân thật nhân ái.”

“Còn Đức Khổng Tử? Khi ngài ra khỏi nước Tề chẳng

dội thối chín nồi cơm đã vội vã đi ngay. Khi ra khỏi nước Lỗ thì ngài lại nói : Ta nên đi từ từ thôi ! Bởi vì đây là cuộc ra đi xa rời đất nước, nên đi nhanh thì đi nhanh, nên tiếp tục làm thì tiếp tục làm, nên lui vào ở ẩn thì lui vào ở ẩn, nên ra làm quan thì ra làm quan. Đó chính là đức độ của Đức Khổng Tử vậy.”

Mạnh Tử dừng lại trong giây lát rồi nói tiếp :

“Bá Di là bậc thánh thanh cao, Y Doãn là bậc thánh có trách nhiệm, Liêu Hạ Huệ là bậc thánh hiền hòa, Khổng Tử là bậc thánh hiểu biết sâu rộng, luôn định ra biện pháp thích hợp cho từng lúc từng nơi. Khổng Tử như một bộ sưu tập hoàn mỹ. Ý nghĩa của bộ sưu tập hoàn mỹ giống như người ta dùng âm thanh của tiếng chuông đồng phát là lúc bắt đầu và dùng tiếng khánh ngọc để kết thúc trong khi tấu nhạc vậy. Tiếng chuông đồng báo hiệu bắt đầu của một bản hòa nhạc, tiếng khánh ngọc báo hiệu sự kết thúc của một bản hòa nhạc.

Sự bắt đầu của tiếng chuông chính là **Trí**, sự kết thúc của tiếng khánh tức là **Thánh**. Cái trí cao so với sự khéo léo, bậc thánh so với sức học. Ví như cuộc bắn tên với khoảng cách 100 bước. Ai bắn tới mức đó là do sức lực của họ. Ai bắn trúng đích việc đó không chỉ dựa vào sức lực mà còn phải có sự khéo léo kỹ thuật.”

Công Tôn Sửu ở bên cạnh hỏi tiếp :

“Bá Di, Y Doãn và Khổng Tử, họ chẳng giống nhau sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Không. Trên đời này không ai có thể bằng Không Tử được.”

Công Tôn Sửu lại hỏi :

“Thế thì trong ba bậc thánh đó có chỗ nào giống nhau không ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Có. Nếu có khoảng đất đai vuông vức trăm dặm thì họ đều có thể làm vua. Họ đều có thể thống nhất được thiên hạ, buộc các nước chư hầu phải quy phục. Nhưng nếu bảo họ làm việc không có nghĩa, giết một kẻ vô tội mà được cả thiên hạ thì họ cũng chẳng chịu làm. Đó là điều giống nhau ở họ.”

Công Tôn Sửu hỏi :

“Xin thầy nói rõ điều chẳng giống nhau ở ba vị là ở chỗ nào ?”

Mạnh Tử giảng giải :

“Tề Ngũ, Tử Cống, Hữu Nhược ba ông tài trí thông minh hiểu được bậc thánh nhân, nhưng họ chẳng chịu hạ mình. Chẳng vì lòng tự tư tự lợi mà xu nịnh kẻ khác. Tề Ngũ ca ngợi rằng : Theo ta thì thầy hơn cả Nghiêu Thuấn rất xa. Tử Cống thì nói : Các bậc vương đế ngày trước chỉ cần nghe hơi thở của họ là biết ngay được phép chính trị họ dùng. Chỉ cần xem những chế định bộ luật của họ để lại là có thể biết được sự nghiệp chính trị của họ. Chỉ cần nghe âm nhạc mà họ làm ra là có thể biết được đạo đức nhân cách của họ. Cả trăm đời sau khi nhận xét về bậc vương đế

đời trước không có ai giỏi hơn sự quan sát của Khổng Tử. Hữu Nhược cũng ca ngợi rằng : Há có một loại người chẳng ? Con kỳ lân đối với con thú chạy, con phụng hoàng đối với con chim bay, núi Thái Sơn so với gò đất, sông biển so với suối nhỏ há chẳng phải là một loại sao ? Bậc thánh nhân với kẻ tầm thường cũng là người vậy ? Nhưng mà bậc thánh nhân vượt quá xa so với đồng loại. Họ vươn cao sừng sững. Từ khi trời sinh ra nhân loại đến nay chẳng ai vĩ đại hơn Khổng Tử.”

Nhìn lại lịch sử, điều Mạnh Tử thấy rất rõ là những bậc vĩ nhân thánh hiền đã nêu được tấm gương lớn đối với hậu thế. Họ dẫn dắt cả dân tộc vượt qua gian khổ hiểm nguy, sáng tạo nên một nền lịch sử văn hóa cho dân tộc, đánh thức tiềm năng đạo đức sẵn có của mọi người. Đó là sự cống hiến về trí tuệ và sức lực của họ, vì sự tiến bộ, hòa bình tốt đẹp và trật tự của xã hội.

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Hậu Tắc, Tiết, Thang, Bá Di, Liễu Hạ Huệ, Y Doãn, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử tuy mỗi người có những hình ảnh khác nhau, nhưng họ đều là người lèo lái con thuyền lịch sử và nền văn hóa Hoa Hạ (tên nước Trung Quốc ngày trước) ! Tưởng nhớ các bậc thánh hiền này gợi lòng trách nhiệm cho mỗi người vì cuộc sống, vì muôn dân, vì sự thái bình của hậu thế mai sau.

Có lẽ do khoảng cách không gian và thời gian tương đối gần Mạnh Tử cảm thấy vô cùng khâm phục Khổng Tử. Coi Khổng Tử là bậc thầy về mặt tinh thần của mình, luôn mong ước bản thân mình sau này có thể theo kịp và kế thừa

con đường của Không Tử. Nay đã già, Mạnh Tử khe thở dài, nói :

“Từ vua Nghiêu vua Thuấn đến vua Thang đã trải qua trên 500 năm, ông Vũ, ông Cao Dao, các ông tận mắt thấy và biết được cái đạo của vua Nghiêu vua Thuấn, vua Thang thì chỉ còn nghe mà biết được cái đạo của Nghiêu Thuấn mà thôi. Từ vua Thang đến Văn Vương cũng đã hơn 500 năm rồi. Giống như Văn Vương, ông Lai Chu tận mắt thấy và biết được cái đạo của bậc thánh hiền. Từ Văn Vương đến Khổng Tử cũng đã 500 năm, giống Thái Công Vọng, Tản Nghi Sinh lại tận mắt thấy và biết được cái đạo của bậc thánh hiền. Còn Khổng Tử chỉ nghe mà biết được cái đạo của bậc thánh hiền thôi. Từ đức Khổng Tử cho đến nay chỉ mới trải qua hơn 100 năm, cách thời đại của bậc thánh hiền chẳng bao lâu, hơn nữa lại rất gần quê hương của bậc thánh hiền ấy thế mà đã chẳng có ai tận mắt thấy mà biết được cái đạo của bậc thánh hiền, thế thì tương lai sau này chắc cái đạo của bậc thánh hiền cũng sẽ tuyệt tích mất thôi.”

Giảng đến đây, Mạnh Tử đứng dậy bước ra ngoài cửa. Trời đã trưa, bầu trời tràn ngập ánh sáng rực rỡ, mấy đứa trẻ đang nô đùa dưới gốc cây già, tiếng reo hò của chúng không ngớt vọng đến ăm ỉ.

Số phận con người chỉ là một chấm nhỏ bé trong vũ trụ này.

3. Cường sĩ và phương đạo đức giả

Vạn Chương là học trò cuối đời của Mạnh Tử, tư chất

thông minh nhất, cũng là học trò có khả năng tư duy và phán đoán tốt nhất.

Hôm đó hai thầy trò lại bàn luận về Không Tử, Vạn Chương hỏi Mạnh Tử :

“Khi ở nước Trần, Đức Không Tử chịu rất nhiều gian khổ, nhưng ngài vẫn khẳng khái nói rằng, sao không trở về nhĩ ? Quê hương ta còn có rất nhiều người có chí khí lớn nhưng lại thiếu sự từng trải. Họ có trí tiến thủ nhưng lại mất đi chí hướng lúc ban đầu. Tại sao khi ở nước Trần đức Không Tử lại nhớ đến những kẻ cuồng sĩ ở nước Lỗ ?”

Mạnh Tử đáp :

“Không Tử chẳng tìm thấy người trung dung hành đạo để truyền thụ cái đạo của người, tất nhiên phải truyền cho những kẻ cuồng sĩ đó mà thôi. Kẻ cuồng sĩ là người có chí tiến thủ. Kẻ cuồng sĩ biết việc trái chẳng làm, lẽ nào Không Tử chẳng yêu thích những người trung dung hành đạo ? Không nhất thiết phải tìm được người đạt đến mức trung dung, do vậy người nghĩ đến những người thấp hơn một bậc.”

Vạn Chương lại hỏi :

“Xin hỏi thầy. Như thế nào mới được gọi là cuồng sĩ ?”

Mạnh Tử đáp :

“Giống như các ông Cầm Trương, Tăng Tích, Mục Bi, đức Không Tử gọi những người này là cuồng sĩ.”

Vạn Chương lại hỏi :

“Tại sao gọi là cuồng sĩ ?”

Mạnh Tử giảng giải :

“Họ là người có chí lớn lời hay, lúc nào họ cũng nói : Người xưa ôi ! Người xưa ôi ! Nhưng xét về hành vi của họ thì lại chẳng như lời họ nói. Những loại cuồng sĩ này nếu lại tìm chẳng thấy nữa thì đành phải kết bạn với người kém hơn thế. Đó là hạng người kém hơn hạng cuồng sĩ một bậc. Khổng Tử từng nói : Những kẻ đi qua cổng nhà ta mà không vào ta chẳng bao giờ giận họ. Ta chỉ sợ những kẻ giả dối nhân từ thôi ! Kẻ nhân từ giả dối là kẻ làm bại nền đạo đức của bậc thánh hiền.”

“Thế nào gọi là bọn đạo đức giả dối ?” Vạn Chương hỏi tiếp.

Mạnh Tử trả lời :

“Kẻ nhân từ giả dối phê phán kẻ cuồng sĩ rằng : Hà tất phải khoa trương đao to búa lớn như thế ? Lời nói của các người chẳng giống như việc làm, việc làm chẳng giống như lời nói. Chỉ được cái gào lên : Người xưa ôi ! Người xưa ôi ! Họ lại phê phán kẻ cuồng sĩ rằng : Hà tất phải tách mình ra ngoài mọi người thế. Sống trên đời này thì phải làm người của thế gian này, chỉ cần mọi người khen ta tốt là được. Những kẻ gian xảo giả dối tìm cách che giấu điều xấu bày, phô trương hết cái tốt của họ trước mọi người. Đó là phường đạo đức giả.”

Vạn Chương lại hỏi :

“Người cả làng đều nói họ tốt, họ cũng tỏ ra họ là người tốt. Sao đức Khổng Tử lại xem họ như phường làm

bại hoại nền đạo đức của bậc thánh hiền ?”

Mạnh Tử nói :

“Hạng người này cần phải vạch mặt chỉ tên, nhưng lại không nêu được những cái xấu xa đồi bại của họ để trách mắng. Họ chạy theo dòng chảy ô trọc của đời, lòng họ dường như tốt đẹp, hành vi họ hình như thanh cao đạo đức, mọi người hình như đều thích họ, họ cũng tự cho mình chẳng có gì xấu xa đáng tránh. Nhưng họ hoàn toàn phản bội, bỏ đi mất cái đạo của vua Nghiêu vua Thuấn. Do vậy gọi họ là kẻ làm bại hoại nền đạo đức. Đức Khổng Tử cũng từng nói : Ta căm ghét bọn người bề ngoài tỏ ra đạo đức nhưng trong lòng chứa toàn suy tính tà dâm, ta ghét loài cò đuôi chó vì sợ nó làm cho mạ xấu đi, ta ghét bọn người xiêm nịnh bởi vì sợ người đời lầm tưởng chúng với người có đức hạnh tốt, ta ghét bọn người có miệng lưỡi trá trở vì sợ người đời lầm tưởng với người chân thực, ta ghét tiếng nhạc của nước Trịnh vì sợ nó làm hồng tiếng nhã ca, ta ghét màu tía bởi vì nó làm hồng màu hồng sẫm, ta ghét bọn người đạo đức giả vì chúng làm hồng đạo đức chân chính của bậc thánh hiền, làm loạn đạo đức. Người quân tử, tất cả mọi việc phải theo chính đạo mà làm. Theo chính đạo chẳng sợ bị sa ngã, muôn dân đều tích cực làm theo chính đạo thì chẳng sợ những việc tà ác.”

Với trí tuệ sâu sắc, Mạnh Tử nhìn thấy được sự đối lập giữa lương thiện và tà ác, thấy được cái tốt cái xấu rõ ràng, vàng thau không lẫn lộn nhau. Trong xã hội đương thời có ai dám công khai phê phán cái xấu xa, cái xấu xa đó

cử sinh sôi nảy nở phát triển mãi trong bóng tối.

Trong lời đối thoại giữa Mạnh Tử và Vạn Chương chúng tỏ Mạnh Tử rất tôn trọng người làm theo cái đạo trung dung, sau đó là kẻ cuồng si, đặc biệt căm ghét phường đạo đức giả. Ông mượn lời Khổng Tử đánh mạnh, đánh thẳng vào mặt phường đạo đức giả trong xã hội.

Mạnh Tử nhấn mạnh rằng :

“Làm người phải biết phân định việc mình nên làm hay không nên làm như vậy đằng sau đó mới có thể có những hành vi cao cả được.”

Ông lại nói :

“Không nên làm những việc không nên làm, và đừng bao giờ cầu mong thứ chẳng nên cầu mong. Đạo lý làm người chính là vậy.”

Vạn Chương cảm thấy lời giảng giải của thầy mình hôm nay rất sâu sắc ! Nhưng thế nào là làm theo đạo trung dung, ông chưa thật hiểu kỹ lưỡng. Do vậy ông lại yêu cầu Mạnh Tử giải đáp câu hỏi của ông :

“Người ta giao tiếp qua lại với nhau ý tứ là sao vậy ?”

Mạnh Tử đáp :

“Thể hiện lòng cung kính vậy.”

Vạn Chương nói :

“Tại sao mình kiên quyết từ chối không nhận lễ vật người ta đưa tặng thì lại cho là vô lễ ?”

Mạnh Tử đáp :

“Ví như có người tôn quý tặng người một món lễ vật,

lòng người trước hết nghĩ rằng : Lễ vật này họ đưa đến tặng mình có chính đáng hay không ? Rồi sau đó mới nhận. Làm như thế là khinh mạn, không tôn kính, cho nên không nên từ chối.”

Vạn Chương nói :

“Mình không từ chối bằng lời nói, nhưng lòng mình lại nghĩ không thể nhận được. Lòng nghĩ : đó là của bất nghĩa của muôn dân mà ông ta thu nhận. Bởi vậy mình từ chối bằng lời nói, lễ nào lại chẳng được ?”

Mạnh Tử nói :

“Nhu cầu họ đi lại với mình đúng đạo, đối xử với mình đúng lễ. Như vậy ngay cả đức Khổng Tử cũng phải tiếp nhận lễ vật hướng chí là mình.”

Suy nghĩ một lát, Vạn Chương lại hỏi :

“Nay có kẻ chặn người ở ngoài cổng thành mà cướp của, anh ta cũng qua lại với mình đúng phép đạo, đối xử với mình đúng phép lễ, anh ta đem của cướp được đó mà tặng mình, thì mình cũng có thể nhận được phải không ?”

Mạnh Tử đáp :

“Không được. Trong kinh Khang cáo có viết : Kẻ giết người cướp của, kẻ ngang ngược chẳng hề sợ chết. Hết thầy muôn dân đều oán hận chúng. Loại người này chẳng cần giáo huấn, có thể đem giết đi ngay. Cái luật này cả ba đời Hạ, Thương, Chu đều áp dụng, chẳng cần bàn bạc dài dòng đem chúng giết ngay đi cũng được. Tình hình trị an hiện nay rất nghiêm trọng, lễ nào mình lại có thể tiếp nhận lễ

vật của họ đem tặng ?”

Vạn Chương nói :

“Nay các nước chư hầu chiếm đoạt của cải của muôn dân, cũng chẳng khác bọn chặn đường cướp của. Nếu họ biết khéo léo giữ lễ phép trong khi giao tiếp thì người quân tử vẫn tiếp nhận lễ vật của họ dâng tặng. Xin hỏi thầy, việc đó là lễ gì ?”

Mạnh Tử đáp :

“Người cho rằng, nếu có bậc thánh vương ra đời thì ông ta sẽ giết hết tất cả chư hầu hiện nay chứ gì ? Hay là trước tiên ta phải giáo hóa họ, họ chẳng chịu sửa thì sau đó mới giết đi ? Có thể nói, bất kỳ ai lấy món gì mà chẳng phải là của mình đều bị coi là kẻ cướp. Lời nói này chẳng qua chỉ là cách nói có nghĩa rất rộng. Thấu hiểu được tường tận của cách nói này thì họ không phải là kẻ cướp nữa. Ngày trước, Khổng Tử làm quan ở nước Lỗ, mỗi dịp tế lễ, mọi người đều vào rừng săn thú bắn chim, Khổng Tử cũng tham dự vào cuộc vui của họ. Nhưng ông thấy thói quen bắn chim săn thú này không hợp lý, Khổng Tử bèn bỏ ngay, hướng chi phải tiếp nhận lễ vật của các chư hầu ăn cướp ?”

Vạn Chương hỏi :

“Thế thì việc Khổng Tử ra làm quan không phải là hành đạo hay sao ?”

Mạnh Tử đáp :

“Vì hành đạo.”

Vạn Chương lại hỏi :

“Đã hành đạo vì sao lại tham dự vào cuộc săn thú bắn chim nữa ?”

Mạnh Tử đáp :

“Trước đây Khổng Tử có viết một cuốn sách quy định những vật phẩm và tế phẩm dùng trong tế lễ, không được dùng thực phẩm khác để cúng tế. Do vậy người ta chẳng phải tranh giành nhau việc săn bắn để làm đồ tế lễ nữa. Việc bắn chim chóc thú vật dần dần bị mất đi.”

Vạn Chương nói :

“Khổng Tử làm như vậy, rút cục chẳng được việc gì, thế sao người chẳng bỏ nước Lỗ mà đi ?”

Mạnh Tử nói :

“Người quân tử ra làm quan, trước tiên để thực nghiệm, nếu thực nghiệm có kết quả, thì chủ trương của họ có thể được thực thi. Nếu vua chẳng chịu làm theo, lúc đó mới bỏ mà đi. Do đó Khổng Tử chẳng ở một nước nào dài đến 3 năm. Đức Khổng Tử ra làm quan bởi lẽ có thể hành được đạo nên ra làm quan. Thời Vệ Hiếu Công, ngài được vua mến mộ tài đức nên ra làm quan.”

Vạn Chương nghe đến đây mới hiểu rõ thái độ “thi hành chính sách trung dung” tuy có thể tùy cơ ứng biến nhưng vẫn có nguyên tắc căn bản chẳng bao giờ thay đổi. Đó tuyệt nhiên không giống phường đạo đức giả.

Chương 10

NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI VUI VỚI ĐẠO

"Vạn vật giai bị dư ngã hỷ. Phân thân nhi thành, lạc mạc đại yên. Cường nộ nhi hành, cầu nhân mạc cận yên".

(Vạn vật đều có đủ tâm tính. Mình xét lại mình, thấy đã thành thật tất cả thì có gì vui thích hơn thế. Mình cố gắng đối đãi với mọi người bằng lòng rộng lượng thì cảm thấy cái nhân ở ngay cạnh mình.).

Mạnh Tử

1. Sự thành thực và lão luyện của triết học

Luận về tính thiện là cơ sở tư tưởng chính thể của Mạnh Tử. Nó khẳng định chỉ có con người mới có khả năng hướng thiện. Nếu có được điểm này thì con người mới có thể trở thành thánh hiền được, mà có thể thực thi đường lối chính trị nhân đức được. Nói cách khác, chỉ có trên cơ sở của luận thuyết về tính thiện thì lý tưởng của bậc thánh hiền mới có thể thực hiện được.

Đến cuối đời, những khát vọng Mạnh Tử ôm ấp dần dần đều được thực hiện trên phương diện chính trị. Nó được hoàn thành trọn vẹn trong cuộc đời và được nâng cao

ở mức độ nhất định. Khổng Tử là người mà Mạnh Tử ngưỡng vọng nhất, Khổng Tử từng nói :

“Ngũ thập tri thiên mệnh” (50 tuổi có thể biết được mệnh trời), đó là sự thức tỉnh chân lý cuối cùng của con người đối với vũ trụ.

Mạnh Tử tuy tuổi đã cao nhưng tinh thần vẫn vô cùng sáng suốt minh mẫn, ông dần dần hiểu được câu “Tri thiên mệnh” mà Khổng Tử từng nói.

Mạnh Tử nói :

“Nếu dốc hết lương tâm vốn có của mỗi chúng ta thì có thể hiểu được tính người. Nếu đã hiểu được tính người thì cũng có thể hiểu được mệnh trời. Nếu gần gũi với cái tâm sẵn có của mình, bồi dưỡng tính thiện sẵn có của mình, chính là cái đạo của trời đất. Sống ngắn cũng tốt, sống dài cũng tốt; việc đó chẳng quan hệ gì cả. Ta chỉ chú ý tu dưỡng cái tâm của mình để đợi mệnh trời vậy. Đó chính là thái độ sống an thân lập nghiệp”.

Người ta thường cho rằng “Thiên mệnh” là điều cao xa khó hiểu, hình thức... Từ đó có rất nhiều cách nói khác nhau; có người coi trời là thượng đế sáng tạo ra thế giới; có người lại cho rằng : Trời chính là nguyên lý cao nhất của tự nhiên; có người lại có thái độ cự tuyệt dứt khoát ta không thể biết và nói gì về trời được. Mạnh Tử kế thừa những quan điểm của nhà nho, cho rằng cái đạo của trời khách quan và cái tính của con người chủ quan vốn có bản chất giống nhau. Do vậy cách thức nhận biết ở đạo trời chỉ ở chỗ là mở rộng tấm lòng lương thiện của mình : lòng ưu tư, sự

đó ky, thái độ cung kính thị phi... hơn nữa phải hiểu được tính thiện sẵn có của mỗi người. Nếu biết làm như vậy là ta có thể hiểu được đạo trời; vậy thì thái độ của ta trước đạo trời chính là ở chỗ tu dưỡng và gần gũi tính thiện của mình. Chẳng cần cầu khẩn tôn giáo hoặc sự nghiên cứu phân tích khoa học.

Sự lựa chọn đạo đức của tự thân loài người chỉ ở chỗ có thể khẳng định “nên” và “không nên” và sự phán đoán trí thức “phải và trái”, đạt đến mức ngẫu nhiên mà khả năng con người không thể đạt tới, vậy phải làm như thế nào ? Mạnh Tử nêu rõ quan điểm “lập mệnh” và “chính mệnh” như sau :

Mạnh Tử nói :

“Cát, hung, họa, phúc của con người đều do mệnh trời cả, nhưng theo cái lý mà làm đều thu được là cái mệnh chính đáng. Cho nên người hiểu được mệnh trời không bao giờ đứng dưới bức tường có nguy cơ sụp đổ. Nếu dốc hết lòng vì đạo mà chết, đó là cái mệnh chính đáng; nhược bằng phản bội đạo mà chết, đó không phải là cái mệnh chính đáng (chính mệnh).

Ở đây nói rất rõ ràng, người hiểu được mệnh trời, trước tiên phải biết mình, nhất là khẳng định được cái đạo trở thành thánh hiền, nếu như con người đứng trước cát, hung, họa, phúc mà vẫn luôn bình thân.

Có một số người tin vào số mệnh, do đó họ đem tất cả việc thành bại đổ cho số mệnh, trốn tránh trách nhiệm làm người; đó là điều Mạnh Tử không tán thành cho nên nói :

“người hiểu mệnh trời chẳng bao giờ đứng dưới bức tường có nguy cơ sụp đổ”. Người để cuộc sống mặc cho số phận đẩy đưa đó là người không hiểu số phận”.

Mạnh Tử lại nói :

“Nếu bản thân muốn đi tìm điều nhân, nghĩa, lễ, tín thì có thể thấy được. Nếu vứt bỏ nó đi thì sẽ mất. Loại người đi tìm kiếm này có ích với ý nghĩa cuộc sống con người. Bởi vì điều cần tìm kiếm chính là điều mỗi con người chúng ta đều có sẵn. Tuy có cách tìm kiếm nhưng chưa chắc đã được. Giàu sang phú quý, cát, hung, họa, phúc không do mình quyết định được, việc tìm kiếm này là hoàn toàn vô ích đối với việc xác lập ý nghĩa cuộc sống, bởi vì phải tìm kiếm ở ngoài bản thân ta.”

Mạnh Tử chỉ nói đến vấn đề “nên” mà không nói đến vấn đề “phải nên”. Nên hay không nên làm việc này đều do sự phán đoán từ trong lòng mỗi người muốn hay không muốn mà thôi. Bởi vậy người ta nói rằng : cầu thì được, bỏ thì mất. Đối với hiện thực cuộc sống có lẽ rất đúng với câu nói : Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo. Việc đó không thể quyết định theo ý muốn chủ quan mà được; cát, hung, họa phúc luôn ở ngoài phạm vi sức lực của con người chúng ta. Do vậy nói : “Tìm được cái đạo phải có số mệnh”. Nếu hiểu được cái đạo này thì tất cả mọi nỗi đau khổ, phiền muộn của cuộc đời sẽ được lý giải. Mạnh Tử nói :

“Vạn vật đều có nơi chính ta, xét lại mình, nếu mình thực sự chân thành không lừa dối, đó là niềm vui lớn nhất rồi đó. Thực tế đòi hỏi ta phải đối đãi rộng lượng với người;

như vậy là ta trực tiếp tìm được cái đạo của “nhân” rồi.”

Nếu đem so sánh sự ngắn dài của thời gian và sự to nhỏ của không gian với nhau; con người quả thực nhỏ bé; cảm thấy mệt mỏi của loài người thậm chí cảm thấy cuộc đời chỉ là chiếc bong bóng mà thôi; nào có ý nghĩa gì đáng nói ? Nhưng Mạnh Tử nói với chúng ta : vạn vật trong vũ trụ rộng lớn này có ý nghĩa thì đó là do con người đem đến cho nó. Vạn vật trong vũ trụ rục rờ tốt đẹp đó cũng chỉ là nhờ sự ngợi ca và thưởng thức của loài người. Từ quan điểm nhận thức trên mà nói : con người là trung tâm của vũ trụ; từ quan điểm giá trị sáng tạo mà nói; con người vẫn là trung tâm của vũ trụ.

Khẳng định sự tồn tại tôn nghiêm của loài người là dựa trên cơ sở tính người vốn có “tuy hữu hạn nhưng vô hạn”. Trong quá trình thực tiễn tu dưỡng, thể nghiệm lại bản thân chúng ta là sự chân thành với lương tâm đạo đức, thì dù có gặp phải gian khổ phức tạp, gặp phải lời chê tiếng trách cũng vẫn cảm thấy vui vẻ. Đó chính là cái vui chân chính.

Không phải chỉ có vậy mà phải mở rộng nó ra, làm cho người khác cũng có thể hưởng được sự rục rờ của đạo đức. Nếu đạt đến mức đó thì là thánh rồi đó. Mạnh Tử nghĩ đến hoàn cảnh cuộc đời Khổng Tử trước đây; ông nói : “Khi đức Khổng trèo lên núi Đông Sơn, ngài thấy nước Lỗ rất nhỏ bé. Khi ngài lên đến núi Thái Sơn, ngài thấy thiên hạ cũng trở nên nhỏ bé. Cho nên người từng nhìn thấy đại dương rộng lớn thì dòng sông con suối nhỏ bé khó hấp dẫn

được họ nữa. Đối với những người đã từng được học tập dưới cửa của bậc thánh hiền thì họ không dễ dàng phát ngôn tranh luận. Quan sát nước cũng phải có phương pháp, nhất định phải quan sát những đợt sóng lớn của nó. Ánh sáng mặt trời mặt trăng rọi chiếu lên vạn vật của trời đất. Tính chất của dòng nước là khi chưa tràn đầy các khe hở thì nó chưa chảy ra ngoài được. Người quân tử lập trí cầu đạo phải đạt đến mức nhuần nhuyễn từ hình thức bên ngoài lẫn nội dung bên trong, như thế mới gọi là hiểu biết sâu rộng". Mạnh Tử lại nói :

"Nơi nào người quân tử đến thì được giáo hóa hết thảy, nơi nào người quan tâm đến thì sẽ được chính người thực hiện. Hoàn cảnh sống của họ làm thay đổi tất cả trên dưới trời đất."

Mạnh Tử nói về hoàn cảnh cao nhất của cuộc sống, ý ở đây là : bậc thánh hiền hiểu được cái đạo của trời đất là sự sáng tạo sống động. Vì ngoài bậc thánh nhân ra, muôn dân đều có cơ hội đạt đến được. Đó chính là lý tưởng viên mãn đạt đến : "Nội thánh" và "ngoại vương".

2. Tù cơ lập giáo

Thời gian trôi nhanh như dòng nước chảy, Đông qua Xuân đến, khí hậu ấm áp trở lại, mọi người đi lại đầy đủ ngày càng đông vui. Trên ngọn cây đã vang lên tiếng chim hót vang vang. Hôm đó mấy chàng thư sinh cùng nhau quây quần điu một ông lão đi bách bộ. Đó là Mạnh Tử và các môn đệ. Họ thông thả vừa đi vừa bàn luận, vừa chăm chú lắng

nghe, vừa trầm tư suy nghĩ.

Đến bờ con suối nhỏ, họ dừng lại.

Một người học trò tuổi trung niên hỏi :

“Ngày trước đức Khổng Tử nhiều lần ca ngợi nước, ngài nói : Nước ơi ! Nước ơi. Nước có giá trị gì mà ngài ca ngợi vậy ?”

Mạnh Tử mỉm cười nói :

“Có thứ nước từ nguồn chảy mãi về hạ lưu đêm ngày bất tận, nó tràn đầy các hố khe sâu, lại tiếp tục chảy về phía trước, cứ thế một mạch chạy tới tận biển đông. Có những việc có nguồn gốc như vậy, đức Khổng Tử nói chính là ở đó. Nếu không có nguồn, đến tháng 7 tháng 8, trời mưa xuống, tất cả các dòng suối nhỏ đều đầy ắp nước, nhưng chẳng mấy chốc đều cạn kiệt hết. Do vậy cái hư danh bên ngoài nếu vượt xa thực tiễn thì người quân tử phải lấy đó làm điều nhục nhã.”

Tất cả mọi người đều im lặng nhìn dòng suối cuộn cuộn chảy hình như ngẫm nghĩ ý nghĩa sâu sắc của lời nói vừa rồi.

Đi qua một chiếc cầu nhỏ, lại có một môn đệ tuổi còn rất trẻ hỏi :

“Cái vui của bậc thánh hiền chân chính là gì ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Có đất đai rộng, có số dân đông đó là điều mong muốn của bậc quân tử. Nhưng cái vui không ở chỗ này. Xây dựng nước mình trở thành trung tâm của thiên hạ, trị lý

muôn dân trong thiên hạ, đó là điều vui sướng của người quân tử. Nhưng chưa phải thật hợp với bản tính của người. Cái thiện tính mà người quân tử có là : Lúc thực thi lý tưởng của mình khắp thiên hạ nó cũng chẳng gia tăng; khi khốn cùng phải lui về ở ẩn nó cũng chẳng giảm mất, vì nó là nguyên cơ bản tính của người quân tử. Các bản tính của người quân tử trong lòng phải có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, khí tượng phát ra hiện lên một cách rõ ràng ở mặt, chất chứa nơi lưng và chân tay. Trong tất cả mọi hành vi động tác của họ đều có thể cảm thấy được sự tốt đẹp thanh cao”.

Rõ ràng sự khẳng định của Mạnh Tử đối với giá trị nhân tính đã chuyển dần từ mặt chính trị sang mặt đạo đức của nhân, nghĩa, lễ, trí. Chỉ có ở những mặt này con người mới là chủ soái, mới có thể vượt qua được sự ràng buộc của thành bại, họa phúc.

Lúc đó lại có một thanh niên đứng ngay bên cạnh cung kính hỏi rằng :

“Thưa thầy, thầy vừa nhấn mạnh đến vai trò chủ soái của tâm linh. Thế các bậc thánh hiền hoàn mỹ nhìn nhận như thế nào đối với thân thể dung mạo của họ ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Dung mạo thân thể của mình là do trời sinh ra. Chỉ có bậc thánh nhân sau khi hết lòng hết sức tu dưỡng và biết được cái tính của mình thì mới có thể làm cho nó phù hợp với chính bản thân mình mà thôi.”

Mạnh Tử đã từng nói đến việc tu dưỡng cái “tâm”, cũng đã nói đến việc người ta nếu tu dưỡng theo “đại thể”

thì sẽ trở thành người quân tử, nếu tu dưỡng theo tiêu thể thì sẽ trở thành kẻ tiểu nhân. Do vậy một số học trò của ngài không biết phải có thái độ như thế nào với dung mạo thân thể. Sự thực thì Mạnh Tử đã nói với họ nếu thả nổi cái cố nhiên quá thì cũng không đúng nhưng gò bó ép buộc nó quá thì cũng không đúng. Con người sinh ra ở đời chỉ khi đã dưỡng tâm dưỡng tính tốt rồi thì mới có thể tùy theo sự lựa chọn ham muốn của lòng mình mà làm; không vì nô lệ quá về mặt thể xác thân thể mà phải luôn luôn hòa giữa cái tâm và cái xác phàm của mình trong mọi hoàn cảnh.

Càng về trưa, khí hậu càng trở nên nóng nực, họ vào một vườn cây ăn quả rồi ngồi nghỉ dưới gốc một cây già.

Lúc đó lại một học trò khác hỏi về cách học làm người. Mạnh Tử đáp : “Người quân tử nhờ có cách học tập tu dưỡng đúng đắn nên có hành động cao sâu; người muốn học mãi đến khi được mới thôi. Muốn học được tri thức phải kiên trì gần gũi không được giao động; sau khi giữ được nó rồi thì mới có gốc rễ căn bản. Đã có gốc rễ rồi thì mới có thể tạo nên nguồn to lớn vô tận được. Bởi vậy muốn học để làm người, người quân tử phải cố gắng gìn giữ và không ngừng học tập cho đến khi bằng được mới thôi.”

Bản thân mỗi chúng ta hãy thử nghiệm xem câu nói trên của Mạnh Tử có đúng không ? Đây là nguyên tắc căn bản nhất; muốn có tri thức chân chính thường phải trải qua sự chú ý quan sát và thực nghiệm của chính bản thân mỗi người; làm cho những điều giảng giải đạo đức trong sách vở trở thành nhu cầu bức xúc của bản thân mình từ

đó mới có được tri thức. Chỉ có người có tri thức, trí tuệ và lòng kiên trì bền bỉ theo đuổi lý tưởng mục đích đề ra mới hiểu được ý nghĩa sâu sắc phong phú của cuộc sống. Mạnh Tử lại nói tiếp :

“Người nhân đức thắng kẻ bất nhân cũng giống như nước có thể dập tắt lửa vậy. Ngày nay giống như người nhân đức lấy một ly nước nhỏ để dập tắt đám cháy một xe lớn củi. Thế thì làm sao dập tắt được lửa. Chẳng dập tắt được họ bèn nói nước không dập tắt được lửa. Ngọn lửa đó được sự trợ giúp của kẻ bất nhân lớn mãi lên, cuối cùng dập không tắt được.”

“Thưa thầy. Thế nào là việc làm nhân đức ?”

Mạnh Tử trả lời :

“Ngũ cốc là thứ tốt nhất của người nông dân làm ra. Nhưng nếu nó chưa chín thì nó cũng như cỏ, cây thối. Còn nhân đức ư ? Cũng chính là ở chỗ thành thực ở mỗi con người vậy.

“Còn kẻ bất nhân ư ? Lẽ nào ta lại cùng bàn bạc với kẻ bất nhân ? Trước cảnh nguy hiểm họ chẳng hề lo lắng, nhân lúc hoạn nạn mà tìm kiếm cái lợi. Họ cảm thấy vui sướng và theo đuổi những việc bạo tàn khiến cho nước mất nhà tan. Kẻ bất nhân kia nếu cùng ta thương thảo thì đâu đến nỗi xảy ra cảnh nước mất nhà tan.”

“Ngày xưa có đứa trẻ hát rằng : Nước sông Thương-Lang trong sạch, thì ta dùng để giặt dãi mũ của ta. Nước sông Thương-Lang vẩn đục thì ta dùng để rửa chân

ta. Đức Không Tử ngài cũng từng nói : hỡi những học trò yêu quý của ta, hãy lắng nghe tiếng hát, nước trong thì giặt dài mũ, nước đục thì rửa bàn chân. Tất cả đều do nước trong hay đục mà ta quyết định dùng để làm gì. Cho nên một người tự khinh thường mình trước, rồi kẻ khác mới khinh thường anh ta, một quan đại phu chúc khanh trước tự hủy hoại nhà mình, thì sau đó người khác sẽ hủy hoại nhà ông ta. Các nước chư hầu trước đi đánh nước khác, thì sau đó các nước khác sẽ đánh chiếm nước của anh. Trong cuốn Thái Giáp ở Kinh Thi có chép : Những tai họa do trời làm ra ta có thể tránh được. Còn tai họa do tự chính mình làm ra thì khó đi đâu mà tránh được. Những lời ta nói chính ở chỗ này vậy.”

Dưới cái nắng ấm áp của mặt trời, Mạnh Tử cảm thấy vô cùng phấn chấn. Ông bèn cao hứng kể lại một câu chuyện ở nước Tề.

“Ngày ấy, một người nước Tề có một vợ cả và một vợ lẽ ở chung một nhà. Mỗi lần đức ông chồng ra khỏi nhà, lúc trở về thế nào cũng ăn uống rượu thịt no say.

Hễ người vợ cả hỏi thăm anh ta ăn uống với ai, anh ta ợ một cái rồi nói : Ồ, tất nhiên là toàn với những người tai to mặt lớn giàu sang phú quý cả. Hỏi đến những người đó là gì, thì anh ta bảo đàn bà con gái biết cái gì mà nói.

Người vợ cả chịu nén lòng, đợi đến tối bà bàn với người vợ lẽ rằng : Mỗi lần chồng của chúng mình ra khỏi nhà, thường ăn uống rượu thịt no say mới trở về nhà. Chi

hồi ăn uống với ai, anh ấy đều nói toàn những người giàu sang có thể lực cả. Do vậy chị định tìm hiểu tới cùng, xem anh ta làm những việc gì ?

Sáng sớm hôm sau, người vợ cả thức dậy len lén theo sát sau chồng. Chồng cứ đi, cứ đi, đi khắp cả kinh thành, chẳng hề dừng lại nói chuyện với ai bao giờ cả. Đến trưa, anh ta đi ra bãi tha ma ở phía đông ngoại ô kinh thành. Anh ta đến gần những người tảo mộ xin lại phần cơm rượu thịt thừa để ăn, nếu chưa no anh ta lại đi đến nơi khác xin tiếp.

Người vợ cả trở về nói lại tất cả sự việc cho người vợ lẽ nghe, bà nói : Chồng — người mà chúng ta trông cậy suốt đời — bây giờ lại như vậy đó...

Nói rồi hai người đều đau khổ, và khóc lóc thảm thiết, vừa chê trách người chồng hèn kém của mình. Đúng lúc đó người chồng loạng choạng bước vào nhà, miệng nói lớn : À, hôm nay ta được mời tham dự yến tiệc sinh nhật của ông vương ở phía đông kinh thành."

Nói đến đây Mạnh Tử kết luận rằng :

"Theo đạo quân tử mà xét, một số kẻ tìm mọi cách để được thăng quan được lợi, thực tế rất ít người không biết vợ con ở nhà cảm thấy nhục nhã tui thẹn."

Ông lại nói :

"Lòng hổ thẹn rất quan trọng đối với con người, nếu kẻ nào chuyên làm điều sai trái nhục nhã mà chẳng biết hổ

thận nữa thì kẻ đó phải sửa chữa theo cái thiện đức, cuối cùng mới có thể tránh được rơi vào chỗ nhục nhã.”

3. Dấu vết của trí tuệ

Lúc này Mạnh Tử tuổi đã cao, ông hy vọng còn mình miễn để chỉnh lý và ghi lại những quan điểm tư tưởng của cả đời ông. Do đó ông gọi Vạn Chương và Công Tôn Sửu lại, căn dặn họ làm công việc chỉnh lý lại tất cả tác phẩm của ông. Đây là vấn đề rất khó khăn phức tạp, vì lúc đó công cụ viết sách và kỹ thuật chưa tiến bộ. Hơn nữa trong suốt cuộc đời, ông nói rất nhiều nhưng các bài nói đó được ghi chép lại cẩn thận thì lại không nhiều lắm, phần lớn phân tán rải rác trong tay các môn đệ của ông. Việc cần làm gấp là phải thu gom tất cả chúng lại và phân ra từng loại. Vạn Chương cùng Công Tôn Sửu hai người chia nhau cùng làm.

Sau một thời gian, vào một buổi chiều, Vạn Chương chăm chú lật từng thanh tre một, trên đó ghi lại những lời lẽ giáo huấn sâu sắc của Mạnh Tử...

Vạn Chương nhớ lại câu chuyện mà Mạnh Tử từng kể :

“Ngày trước có một người đem đến tặng quan đại phu nước Trịnh là Tử Sản một con cá còn sống. Tử Sản gọi viên quan cai quản trì đường lại bảo : Hãy nuôi con cá này vào trong hồ. Nhưng viên quan cai quản trì đường lại đem nấu đi mà ăn. Về sau ông ta thưa lại rằng : “Lúc vừa thả cá xuống hồ, thấy nó lơ dờ, một lúc sau nó vẫy đuôi rồi bỗng

nhiên bơi đi mất dạng.”

Tử Sản nói : “Con cá này thật lạ quá ! Lạ quá !”

Viên quan cai quản tri đường trở về lấy làm đắc ý lắm, ông ta nghĩ thầm : Ai bảo Tử Sản là người thông minh ? Cá đã bị ta ăn thịt từ lâu ấy thế mà ông ta vẫn nói : Lạ quá ! Lạ quá !”

Qua câu chuyện này, Mạnh Tử rút ra kết luận như sau : “Đối với một ông vua có thể lấy một việc hợp lý ra để lừa ông ta, nhưng không thể lấy một việc không hợp lý để lừa ông ta được.”

Mạnh Tử lại nói :

“Người ta ai cũng có tấm lòng thương xót, nếu mình biết đem tấm lòng thương xót ấy phổ cập đến những việc mà mình chẳng thương xót thì gọi là nhân.

Người ta ai cũng có những việc mà mình chẳng nỡ làm, nếu biết mở rộng những việc chẳng nỡ làm thì gọi là nghĩa. Nói cách khác người biết làm giàu thêm tấm lòng chẳng muốn hại người của mình thì lòng nhân đó trở nên bất tận. Người biết làm cho cách nghĩ chẳng cố ý khoét vách đào tường của mình nhiều mái lên thì cách nghĩ ấy trở nên bất tận. Nếu mình biết làm cho lời nói được tôn trọng, chẳng bao giờ làm và nói điều chẳng hay thì đi đến đâu mình vẫn làm điều hợp với nghĩa.

Kẻ sĩ chẳng nên nói những lời phỉn nịnh kẻ khác để cầu cạnh cái lợi cho mình. Lúc nên nói mà không nói đó là

duy trì sự im lặng để cám dỗ người khác nhằm cầu lợi cho mình. Người như vậy đều là bọn khoét vách vượt tường mà thôi.”

Ông lại nói tiếp rằng :

“Lời nói mộc mạc nhưng ý nghĩa sâu xa đó là lời nói hay. Giữ gìn nguyên tắc đơn giản nhưng hành động thực thi lại rộng lớn đó là cái đạo hay. Lời nói của bậc quân tử tuy chỉ là những việc bình thường hàng ngày nhưng lại chứa đựng cái đạo sâu sắc ở trong đó. Người quân tử phải biết tu dưỡng tiết tháo cho mình, từ đó làm cho thiên hạ thái bình. Điều sai lầm của một số người là bỏ đi ruộng của mình mà lại đi làm cỏ ở ruộng người khác, yêu cầu ở người khác thì rất nghiêm khắc, còn bản thân mình chỉ làm những việc cỏn con.”

Vạn Chương nhẹ nhàng đặt từng thẻ tre xuống. Bài nói này của thầy, thầy đã chẳng nói rồi đó sao ? Đó cũng là lời cảnh tỉnh sâu sắc.

Ông lại nói :

“Bậc vua hiền ngày trước vì yêu thích cái đạo mà quên đi thế lực của mình. Bậc hiền sĩ ngày trước cũng làm như vậy. Họ kiên định với những nguyên tắc lý tưởng của mình mà quên đi quyền lực hiện tại. Do vậy chẳng hết lòng kính trọng họ thì chẳng thường được gặp họ. Được gặp họ cũng đã khó, nói chi đến việc làm bè tôi của họ.”

Mạnh Tử lại nói tiếp :

“Thiên hạ trong sáng thì bậc quân tử đặc chí, cái đạo theo đó mà được thực thi. Thiên hạ tăm tối thì người quân tử phải giữ lấy đạo, chẳng tiếc hy sinh thân mình vì đạo. Ta chưa từng nghe ai nói hy sinh cái đạo để giữ lấy mình cả.”

Vạn Chương lẩm nhẩm nhắc lại : “Thiên hạ vô đạo, dĩ thân tuần đạo.” (Thiên hạ không có đạo, sẵn sàng chết cho cái đạo). Đó mới là bản sắc của kẻ sĩ. Nhưng nhìn ra xã hội ngày nay, mấy người đã làm được như vậy ? Vạn Chương thở dài, ông lật tiếp mấy thẻ tre lên...

Mạnh Tử lại nói :

“Tử Lộ rất vui sướng khi người khác chỉ ra những sai sót của ông. Vua Vũ cũng rất vui mừng khi nghe những điều thiện của người khác. Vua Vũ thật vĩ đại, người chẳng hề phân biệt điều thiện của mình hay của kẻ khác. Hơn nữa ngài sẵn lòng vứt bỏ điều chẳng thiện của mình để theo điều thiện. Người vui với điều thiện của người khác. Từ lúc âm thầm cày ruộng trồng lúa, nung gốm, đánh cá để sống cho đến lúc lên làm vua chẳng bao giờ ngài chẳng noi theo điều thiện. Do vậy cái đức cao cả của người quân tử chính là giúp mọi người trở nên tốt đẹp hơn.”

Nghỉ một lát, ông lại nói tiếp :

“Khi nghe tiếng gà giục sáng ta cố gắng làm điều thiện thì ta như vua Vũ rồi. Khi nghe tiếng gà giục sáng, ta ra sức cầu mưu cái lợi thì ta như Tư Chính đấy. Hiểu được vua Vũ và Tư Chính chẳng có gì khác là : Làm điều thiện và mưu cầu cái lợi.”

Ông lại nói :

“Vua Thuấn sinh ra ở Chư Phùng, rồi dời nhà đến ở Phụ Hạ, cuối cùng mất tại Minh Điền, rõ ràng ông là người phía Nam. Vua Văn Vương sinh ra ở Kỳ Châu, mất ở Tất Dĩnh, rõ ràng ông là người phía Tây. Hai nơi cách xa nhau ngàn dặm, thời đại cũng cách nhau cả hơn ngàn năm, nhưng hai ông lại rất hợp nhau ở chỗ lúc đắc chí thì ra sức hành đạo. Từ đó ta có thể thấy : Bậc thánh nhân đời trước và đời sau họ giống nhau khi cùng chung lý tưởng, nguyên tắc.”

Vạn Chương lật đều mấy thanh trúc khác, những thanh này ghi lại những ngày đầu Mạnh Tử vừa đến nước Tề; Tề Tuyên Vương sai người ngầm xem tướng mạo Mạnh Tử xem có điều gì khác người thường không ? Sau biết chuyện này Mạnh Tử nói :

“Ta có gì khác người đời đâu ? Vua Nghiêu Thuấn có gì khác người thường đâu ?”

Điều này chỉ rõ những nét đời thường của người quân tử. Người quân tử chẳng cao siêu như thánh thần trên trời. Bởi vì họ cũng là người bình thường sống trên đời này. Hơn nữa điều quan trọng mà Mạnh Tử khẳng định ở đây là : Mỗi người chúng ta ai cũng có thể trở thành người có nhân cách tốt đẹp như bậc thánh hiền được. Bậc thánh hiền chẳng phải ở mãi nơi xa xôi mới lạ gì, mà nó ở ngay trong lòng mỗi chúng ta.

Vạn Chương thu gọn tất cả những bài phát biểu,

những lời căn dặn giáo huấn của Mạnh Tử lại, sau một thời gian tu chỉnh, chép lại, cuối cùng công việc đã hoàn tất.

Vạn Chương phân ra làm 7 cuốn theo thứ tự 3 chữ và 2 chữ như sau : Lương Huệ Vương, Công Tôn Sửu, Đằng Văn Công, Ly Lâu, Vạn Chương, Cáo Tử, Tận Tâm.

Mạnh Tử mất vào năm nào lịch sử chẳng ghi lại rõ ràng, nhưng ánh sáng tư tưởng của ông mới là quan trọng. Chúng ta có thể nói rằng : Trong lịch sử phát triển văn minh của nhân loại, người như Mạnh Tử giống như một ngôi sao sáng trên bầu trời đêm đen. Nó mãi mãi không bao giờ tắt, mãi mãi tỏa ánh sáng trí tuệ đến muôn đời, mãi mãi là điều tốt đẹp và niềm hy vọng của muôn người !”

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

MẠNH TỬ

LINH HỒN CỦA NHÀ NHO

PHÙNG QUÝ SƠN dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

Chịu trách nhiệm xuất bản :

HOÀNG VĂN BỐN

Biên tập : **HIẾU DŨNG**

Sửa bản in : **ANH VŨ**

Trình bày : **CHÂU NHIÊN KHANH**

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại XN in Thủ Đức
Số đăng ký KHXB 49/VH/ĐN/642. Cục Xuất Bản cấp ngày 17.11.1994
Quyết định xuất bản số 603/QĐXB ngày 28.11.94
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3.1995

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại : (01.61) 22613 — Ban Biên tập : (01.61) 25292

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC AN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc — Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh tú đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí trong các giá trị tinh thần làm giàu thêm kiến thức cho con người. Các nhà nghiên cứu văn học cổ điển TQ đã thông qua hàng trăm tác phẩm tiêu biểu biên soạn thành hệ thống, với 52 tập văn học tinh hoa cổ điển bằng lời văn bạch thoại, văn phong giản dị, ngôn từ dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ, nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi trình độ có thể học hỏi và nghiên cứu.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm dịch và hiệu đính. Gồm : Trần Kiết Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ái, Nguyễn Thiên Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga...

Trần Kiết Hùng — Giảng viên văn học TQ và là Phó chủ nhiệm Khoa Trung Văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

Cửa hàng sách

56A BÀ TRIỆU - HÀ NỘI

ĐT : 267207